

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

Dân Số Ký

Warren W.
Wiersbe

Dân Số Ký

Warren W. Wiersbe

Giải Nghĩa
KINH THÁNH

văn phẩm nguồn sống

Dan So Ky

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

LỜI MỞ ĐẦU

Sách *Dân Số Ký* mở đầu với việc kiểm kê tất cả những người nam trong hạn tuổi chiến đấu. Họ được ghi vào sổ nhưng không phải tất cả đáng tin cậy, bởi lẽ ngoại trừ hai người, còn tất cả đều chết trong khi Y-sơ-ra-ên tiến qua đồng vắng. Rồi thế hệ sau được kiểm kê. Đây mới là những người Chúa “tin cậy.” Họ tin Lời Ngài, bước vào Đất Hứa, và nhận làm sản nghiệp.

Chưa bao giờ Hội Thánh cần những con người mà Chúa tin cậy như ngày nay. Ngày nay chúng ta có quá nhiều “Cơ Đốc nhân trên danh nghĩa”, lang bang Hội Thánh này qua Hội Thánh khác, không thực sự trung thành phục vụ Chúa tại nơi Ngài đặt để mình. Chúng ta đang thua trận ở nhiều nơi là phải lắm.

Nghiên cứu sách *Dân Số Ký* có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn cách Đức Chúa Trời tế trị dân Ngài, tại sao trung thành với Ngài là điều quan trọng, và làm cách nào để chúng ta có thể tăng trưởng thuộc linh giữa mọi khó khăn trong cuộc sống. Chúng ta đừng thất bại như thế hệ đầu tiên; chúng ta phải “nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần” (*Rô-ma* 8:37).

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

1. Trật Tự Trong Trại Quân	5
(Dân Số Ký 1-4; 9:1-14)	
2. Cung Hiến và Ăn Mừng - Phần I	30
(Dân Số Ký 5-7)	
3. Cung Hiến và Ăn Mừng - Phần II	52
(Dân Số Ký 8:1-10:10)	
4. Tiến Vào Mô-áp	66
(Dân Số Ký 10:11-12:16)	
5. Khủng Hoảng Tại Ca-đê	87
(Dân Số Ký 13-14)	
6. Vấn Đề Thẩm Quyền	106
(Dân Số Ký 15-17)	
7. Lại Khủng Hoảng Tại Ca-đê	128
(Dân Số Ký 18-20)	
8. Tiến Bước Trong Chiến Thắng và Thất Bại	148
(Dân Số Ký 21)	
9. Các Chủ Quyền Cùng Thế Lực - Phần I	165
(Dân Số Ký 22:1-23:26)	
10. Các Chủ Quyền Cùng Thế Lực - Phần II	183
(Dân Số Ký 23:27-25:18)	
11. Một Khởi Đầu Mới	198
(Dân Số Ký 26-29; 36)	
12. Chuẩn Bị Chinh Phục	223
(Dân Số Ký 30-35)	
13. Trường Học của Hoang Mạc	250
(Tóm lược và Ôn lại)	

DÀN BÀI

SÁCH DÂN SỐ KÝ

Chủ đề: Thất bại của Con Người và
sự Thành Tín của Đức Chúa Trời

Câu Kinh Thánh Chủ Đề: Dân Số Ký 14:8-9.

I. TẠI SI-NAI: VÂNG PHỤC CHÚA (1:1-9:14)

1. Điểm binh (1:1-54)
2. Tổ chức các chi phái (2:1-34)
3. Giao nhiệm vụ (3-4)
4. Thanh lọc dân chúng (5-6)
5. Cung hiến đền tạm (7-8)
6. Ăn mừng lễ Vượt Qua (9:1-14)

II. TỐI CA-ĐE: THỬ CHÚA (9:15-12:6)

1. Trại quân tiến bước (9:15-10:36)
2. Dân chúng lầm bầm (11:1-35)
3. A-rôn và Mi-ri-am chỉ trích Môi-se (12:1-16)

III. TẠI CA-ĐE: NỔI LOẠN CHỐNG CHÚA (13-14)

1. Thám hiểm Đất Hứa (13:1-33)
2. Không nhận lấy xứ (14:1-9)
3. Bỏ xứ (14:10-45)

IV. TRONG ĐỒNG VẮNG: HỌC TỪ CHÚA (15:1-20:13)

1. Về các cửa lễ (15:1-31)
2. Về thẩm quyền (15:32-17:13)
3. Về trách nhiệm (18:1-32)
4. Về sự thanh khiết (19:1-22)
5. Về sự khiêm nhường (20:1-29)

V. TẠI MÔ-ÁP: KHỞI ĐẦU MỚI TỪ CHÚA
(20:14-36:13)

1. Những chiến thắng mới (20:14-21; 21:1-35)
2. Thầy tế lễ mới (20:22-29)
3. Nguy cơ mới (22-25)
4. Thế hệ mới (26:1-65)
5. Luật lệ mới (27:1-11)
6. Lãnh tụ mới (27:12-23)
7. Cam kết mới với luật pháp (28-30)
8. Cam kết mới với cuộc chiến (31-32)
9. Luật pháp mới cho vùng đất mới (33-36)

TRẬT TỰ TRONG TRẠI QUÂN

Dân Số Ký 1-4; 9:14

Lãnh tụ Môi-se sắp sửa mở một cuộc hành quân lớn dưới sự tế trị thiêng liêng của Đức Giê-hô-va vạn quân. Trên hai triệu người Do Thái đang mong chờ vào Ca-na-an, chinh phục cư dân tại đó, chiếm lấy xứ, và hưởng sản nghiệp đã hứa. Muốn vậy, Môi-se phải tập hợp thành hàng ngũ những con người nô lệ trước đây chỉ mới hưởng được một năm tự do. Công việc không phải là dễ.

Cuộc chuẩn bị để chinh phục gồm bốn giai đoạn: ăn mừng lễ Vượt Qua (9:1-14), kiểm kê quân sĩ (chương 1), tổ chức các chi phái (chương 2), và chỉ định nhiệm vụ thầy tế lễ (chương 3-4).

1. Ăn Mừng Lễ Vượt Qua

Dân Số Ký 9:1-14

¹Tháng giêng năm thứ hai, sau khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se trong đồng vắng Si-na-i rằng: ²Dân Y-sơ-ra-ên phải giữ lễ Vượt Qua theo kỳ nhứt định. ³Các người phải giữ lễ đó theo kỳ nhứt định, tức là ngày mười bốn tháng này, vào buổi chiều tối; các người phải làm theo hết thầy lệ định và luật pháp về lễ đó.

⁴Vậy, Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên để họ giữ lễ Vượt Qua.

⁵Dân Y-sơ-ra-ên giữ lễ Vượt Qua trong tuần tháng giêng, ngày mười bốn, vào buổi chiều tối, tại đồng vắng Si-na-i, làm y mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

⁶Và, có mấy người vì có xác chết mà bị ô uế, không được giữ lễ Vượt Qua trong ngày đó, bèn đến trước mặt Môi-se và A-rôn, ⁷mà thưa cùng Môi-se rằng: Chúng tôi bị lây ô uế vì xác chết của loài người; sao tại trong dân Y-sơ-ra-ên chúng tôi phải bị cắt

6 / Dân Số Ký

phần dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va theo kỳ đã chỉ? ⁸Môi-se đáp rằng: hãy đợi để ta biết điều Đức Giê-hô-va sẽ truyền dạy về các người.

⁹Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: ¹⁰hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Khi một người trong vòng các người hay là trong vòng hậu đại các người bị ô uế vì cơ xác chết, hoặc mắc đi xa, thì cũng buộc phải giữ lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va. ¹¹Mấy người đó phải giữ lễ này ngày mười bốn tháng hai, vào buổi chiều tối, ăn bánh không men cùng rau đắng, ¹²chớ nên để chi còn dư lại đến sáng mai, và cũng chẳng nên bẻ gãy những xương; phải giữ theo mọi luật lệ về lễ Vượt Qua vậy. ¹³Nhưng còn ai tinh sạch và không có đi xa, nếu chẳng giữ lễ Vượt Qua thì sẽ bị truất khỏi dân sự mình: vì người ấy chẳng dâng của lễ cho Đức Giê-hô-va trong kỳ nhứt định; người sẽ mang lấy tội mình. ¹⁴Khi một khách ngoại bang kiều ngụ giữa các người mà muốn giữ lễ Vượt Qua cho Đức Giê-hô-va, thì phải giữ theo lệ định và luật pháp về lễ Vượt Qua. Đồng có một luật lệ cho các người, cho khách ngoại bang, và cho người nào sanh tại trong xứ.

Những sự kiện ghi lại trong *Dân Số Ký* 1-6 diễn ra sau những sự kiện ghi trong 7:1-9:15. Lúc này là vào năm thứ hai trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên (1:1; 9:1). Đền tạm được dựng lên vào ngày đầu của tháng thứ nhất (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:2, 17). Mười hai trưởng tộc bắt đầu mang lễ vật đến trong ngày đó (*Dân Số Ký* 7:1), một thủ tục kéo dài mười hai ngày (c.78). Vào ngày thứ mười ba, người Lê-vi được biệt ra thánh (*Dân Số Ký* 8), và vào ngày thứ mười bốn, người Do Thái ăn mừng lễ Vượt Qua (9:1-14).

Lễ Vượt Qua thứ nhì (*Dân Số Ký* 9:1-5). Người Y-sơ-ra-ên bắt đầu năm thứ hai cuộc đời tự do bằng cách kỷ niệm đêm kinh hoàng họ được Đức Chúa Trời giải thoát khỏi ách nô lệ Ai Cập, "Một đêm người ta phải giữ cho Đức Giê-hô-va" (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:42). Nhìn lại, dân Chúa biết ơn Đức Chúa Trời đã ban các phước lành cho họ, và về sau họ dạy cho con cháu ý nghĩa của ngày lễ trọng đại này (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:26-28; 13:8-16). Nếu cha mẹ không nhắc nhở con cháu những việc Chúa đã làm, thì chẳng bao lâu, thế hệ sau sẽ mờ nhạt đức tin

(*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:1-9; xem *I Ti-mô-thê* 2:2).

Theo *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12, mỗi gia đình phải giết một chiên con, đem quay, rồi ăn với bánh không men cùng rau đắng (xem *Dân Số Ký* 9:11). Bánh không để men vì hai lý do, một thực tế và một biểu tượng. Lý do thực tế là, người Do Thái phải sẵn sàng để rời Ai Cập bất cứ lúc nào, cho nên không thể chờ tới lúc bột dậy lên. Lý do biểu tượng là, đối với người Do Thái, men tiêu biểu cho điều xấu; mà người Do Thái phải là một dân tộc thuần khiết. Mọi chất men đều phải tống khứ ra khỏi nhà trước lễ Vượt Qua và nguyên cả tuần lễ tiếp theo sau đó. (Xem *I Cô-rinh-tô* 5:1-8; *Ma-thi-ơ* 16:6; *Ga-la-ti* 5:9.) Rau đắng nhắc người Do Thái nhớ lại ách nô lệ khổ ải tại Ai Cập.

Đối với Cơ Đốc nhân ngày nay, lễ Vượt Qua chỉ về Chúa Giê-xu Christ, Chiên Con của Đức Chúa Trời đã chết thế tội cho thế gian (*Giăng* 1:29; *I Cô-rinh-tô* 5:7; *Ê-sai* 53:7; *I Phi-e-rơ* 1:19; *Khải Thị* 5:6). Những người tin cậy Ngài được chuộc khỏi tội lỗi (*I Phi-e-rơ* 1:18; *Rô-ma* 8:34; *Ê-phê-sô* 1:7; *Hê-bơ-rơ* 9:12) và có thể nhận được sản nghiệp thuộc linh của mình trong Đấng Christ (*Ê-phê-sô* 1:3). Trong lễ Vượt Qua cuối cùng với môn đệ Ngài, Chúa Giê-xu mở đầu lễ Tiệc Thánh (thông công) để dân Chúa nhớ đến Ngài. Lễ này nhắc rằng Đấng Christ đã hiến thân Ngài và đổ huyết ra cứu chuộc chúng ta (*Ma-thi-ơ* 26:26-30; *Mác* 14:22-25; *Lu-ca* 22:17-20) và rằng một ngày kia Ngài sẽ trở lại tiếp rước chúng ta (*I Cô-rinh-tô* 11:23-34; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18).

Tình huống khẩn cấp (*Dân Số Ký* 9:5-12). Bất cứ ai bị ô uế phải ra khỏi trại quân vì sự ô uế hay lây lan (5:1-2). Người ô uế không được phép tham dự lễ Vượt Qua. Tình huống mới này đòi hỏi sự thay đổi, vì thế Môi-se kêu cầu Chúa (*Gia-cơ* 1:5). Đây là lễ Vượt Qua của Chúa, nên chỉ có Chúa mới thay đổi được luật lệ.

Chúa nhân từ đáp lời: ai bị ô uế hoặc vắng nhà trong lễ Vượt Qua, tháng thứ nhất thì ăn mừng lễ vào ngày mười bốn của tháng thứ hai, nhưng phải cẩn thận theo

đúng những chỉ dẫn trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12. Đức Chúa Trời không thiết lập một lễ Vượt Qua khác; Ngài chỉ cho phép ăn mừng lễ Vượt Qua đúng y như đã quy định nhưng vào một thời điểm khác mà thôi. Thịt dùng trong lễ không được xem như thực phẩm thông thường (“còn dư”), và xương của chiên con không được chặt gãy (xem *Giăng* 19:32-37).

Hai lời cảnh báo (Dân Số Ký 9:13-14). Luật đặc biệt này của Chúa có thể khiến vài người Y-sơ-ra-ên lệch lạc nghi thức lễ Vượt Qua, cho nên Đức Chúa Trời bảo Môi-se cảnh cáo họ rằng luật lệ nguyên thủy vẫn áp dụng cho cả tháng thứ nhất và tháng thứ hai. Bất cứ người Do Thái nào đủ điều kiện dự lễ Vượt Qua tháng thứ nhất mà không dự, hy vọng sẽ dễ dàng hơn trong tháng thứ hai, thì sẽ bị Đức Chúa Trời kỷ luật. Nghĩa của “truất khỏi” không được giải thích ở đây; có thể ngụ ý sự trục xuất khỏi trại quân, hoặc có thể là chết. Giống như lễ Vượt Qua là vấn đề quan trọng đối với người Do Thái, thì Tiệc Thánh cũng phải được Cơ Đốc nhân xem trọng như vậy (*I Cô-rinh-tô* 11:28-30).

Cảnh báo thứ hai có liên quan đến những khách lạ cư trú trong trại quân, những người không được sinh ra theo Giao Ước Áp-ra-ham và không nhận dấu hiệu cắt bì. Có thể họ cho rằng việc giữ lễ Vượt Qua trong tháng thứ hai không phải tuân theo những nghi thức quá nghiêm khắc như trong tháng thứ nhất, nhưng như thế là sai lầm. Dân ngoại nếu muốn cùng giữ lễ Vượt Qua với người Do Thái thì phải là người đã theo đạo Do Thái (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:19, 43).

Bi kịch lớn. Đây là lễ Vượt Qua cuối cùng được người Do Thái cử hành cho tới khi Giô-suê dẫn họ vào Đất Hứa nhiều năm rồi mới tái lập lễ này (*Giô-suê* 5:10). Do lòng vô tín và phản nghịch của họ tại Ca-đe Bạt-nê-a (*Dân Số Ký* 13-14), mà mọi người hai mươi tuổi trở lên đều bị Chúa tử bỏ và đã chết trong cuộc vượt đồng vắng của Y-sơ-ra-ên. Khi Giô-suê đưa thế hệ mới vào Ca-na-an, nam

giới đã nhận dấu hiệu của giao ước và Đức Chúa Trời phục hồi ân huệ cho dân Ngài (*Giô-suê* 5:2-9). Đó là khởi điểm mới đối với Y-sơ-ra-ên trong vùng đất mới.

2. Điểm Bình

Dân Số Ký 1:1-54

¹Ngày mồng một tháng hai, năm thứ hai, sau khi dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se ở trong hội mạc, tại đồng vắng Si-na-i, mà rằng: ²Hãy dựng sổ cả hội dân Y-sơ-ra-ên, theo họ hàng và tông tộc của họ, cứ đếm từng tên của hết thầy nam đinh, ³từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong Y-sơ-ra-ên đi ra trận được; người và A-rôn sẽ kê sổ chúng nó tùy theo đội ngũ của họ. ⁴Trong mỗi chi phái phải có một người giúp đỡ các người, tức là người làm tộc trưởng của chi phái mình.

⁵Đây là tên những người sẽ giúp đỡ các người: Về chi phái Ru-bên, Ê-lít-su, con trai của Sê-đêu; ⁶về chi phái Si-mê-ôn, Sê-lu-mi-ên, con trai của Xu-ri-ha-đai; ⁷về chi phái Giu-đa, Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp; ⁸về chi phái Y-sa-ca, Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a; ⁹về chi phái Sa-bu-lôn, Ê-li-áp, con trai của Hê-lôn; ¹⁰về con cháu Giô-sép, nghĩa là về chi phái Ép-ra-im, Ê-li-sa-ma, con trai của A-mi-hút; về chi phái Ma-na-se, Ga-ma-li-ên, con trai của Phê-đát-su; ¹¹về chi phái Bê-n-gia-min, A-bi-đan, con trai của Ghi-đeo-ni; ¹²về chi phái Đan, A-hi-ê-xe, con trai của A-mi-sa-đai; ¹³về chi phái A-se, Pha-ghi-ên, con trai của Ốc-ran; ¹⁴về chi phái Gát, Ê-li-a-sáp, con trai của Đê-u-ên; ¹⁵về chi phái Nép-ta-li, A-hi-ra, con trai của Ê-nan. ¹⁶Đó là những người được gọi từ trong hội chúng, vốn là quan trưởng của các chi phái tổ phụ mình, và là quan tướng quân đội Y-sơ-ra-ên.

¹⁷Vậy, Môi-se và A-rôn nhận lấy các người ấy mà đã được xưng tên; ¹⁸đến ngày mồng một tháng hai, truyền nhóm cả hội chúng, cứ kể tên từng người từ hai mươi tuổi sắp lên mà nhập sổ theo họ hàng và tông tộc của họ. ¹⁹Vậy, Môi-se kê sổ chúng nó tại đồng vắng Si-na-i, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn.

²⁰Con cháu Ru-bên, là trưởng nam của Y-sơ-ra-ên, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên của hết thầy nam đinh từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Ru-bên đi ra trận được, ²¹số là bốn mươi sáu ngàn năm trăm.

²²Con cháu Si-mê-ôn, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên của hết thảy nam đinh từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Si-mê-ôn đi ra trận được, ²³số là năm mươi chín ngàn ba trăm.

²⁴Con cháu Gát, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Gát đi ra trận được, ²⁵số là bốn mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi.

²⁶Con cháu Giu-đa, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Giu-đa đi ra trận được, ²⁷số là bảy mươi bốn ngàn sáu trăm.

²⁸Con cháu của Y-sa-ca, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Y-sa-ca đi ra trận được, ²⁹số là năm mươi bốn ngàn bốn trăm.

³⁰Con cháu của Sa-bu-lôn, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Sa-bu-lôn đi ra trận được, ³¹số là năm mươi bảy ngàn bốn trăm.

³²Về hậu tự Giô-sép, là con cháu Ép-ra-im, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Ép-ra-im đi ra trận được, ³³số là bốn mươi ngàn năm trăm.

³⁴Con cháu Ma-na-se, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Ma-na-se đi ra trận được, ³⁵số là ba mươi hai ngàn hai trăm.

³⁶Con cháu Bê-n-gia-min, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Bê-n-gia-min đi ra trận được, ³⁷số là ba mươi lăm ngàn bốn trăm.

³⁸Con cháu Đan, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Đan đi ra trận được, ³⁹số là sáu mươi hai ngàn bảy trăm.

⁴⁰Con cháu A-se, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái A-se đi ra trận được, ⁴¹số là bốn mươi mốt ngàn năm trăm.

⁴²Con cháu Nép-ta-li, dòng dõi họ tùy theo họ hàng và tông tộc mình, cứ kể từng tên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong chi phái Nép-ta-li đi ra trận được, ⁴³số là năm mươi ba ngàn bốn trăm.

⁴⁴Đó là những người mà Môi-se, A-rôn, và mười hai quan trưởng Y-sơ-ra-ên kê sổ; mỗi quan trưởng kê sổ cho tông tộc mình. ⁴⁵Thế thì, hết thấy những người trong dân Y-sơ-ra-ên đã được nhập sổ tùy theo tông tộc mình, từ hai mươi tuổi sắp lên, tức là mọi người trong Y-sơ-ra-ên đi ra trận được, ⁴⁶số là sáu trăm ba ngàn năm trăm năm mươi.

⁴⁷Nhưng người Lê-vi, theo chi phái tổ phụ mình, không kê sổ chung với những chi phái khác. ⁴⁸Vì Đức Giê-hô-va có phán cùng Môi-se rằng: ⁴⁹Người chớ kê sổ chi phái Lê-vi, và cũng đừng dựng bộ họ chung với dân Y-sơ-ra-ên; ⁵⁰nhưng hãy cất phần người Lê-vi coi sóc đền tạm chứng cớ, hết thấy đồ đạc và các món thuộc về đền tạm. Ấy là người Lê-vi sẽ chuyên vận đền tạm và hết thấy đồ đạc nó, cùng sẽ làm công việc về đền tạm và đóng trại ở chung quanh đền tạm. ⁵¹Khi nào đền tạm dời chỗ, thì người Lê-vi sẽ tháo dỡ nó; khi nào đền tạm dừng lại, thì họ sẽ dựng nó lên; còn người ngoại đến gần sẽ bị xử tử. ⁵²Dân Y-sơ-ra-ên mỗi người phải đóng ở trong trại quân mình, và mỗi trại quân đội ngũ, phải đóng gần bên ngọn cờ mình. ⁵³Nhưng người Lê-vi sẽ đóng trại chung quanh đền tạm chứng cớ, để đừng có sự giận dữ cùng hội dân Y-sơ-ra-ên; người Lê-vi sẽ coi sóc đền tạm chứng cớ. ⁵⁴Dân Y-sơ-ra-ên làm y như mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se vậy.

Vào tháng thứ hai năm thứ nhì, mười ba tháng sau khi xuất Ai Cập, dân Y-sơ-ra-ên phải bắt đầu chuẩn bị chiến tranh. Nếu *Sáng Thế Ký* là sách của những khởi đầu và *Xuất Ê-díp-tô Ký* là sách về sự cứu chuộc, thì *Dân Số Ký* là sách về chiến tranh. Người Do Thái đang ở trong vùng đất địch, tiến vào xứ mà Đức Chúa Trời sẽ giúp họ chinh phục, và họ phải tổ chức cho cuộc đối đầu và giao tranh. Cụm từ “đi ra trận được” lặp lại mười bốn lần trong chương này. Nếu Đức Chúa Trời cần đếm số tín hữu trong Hội Thánh ngày nay theo khả năng đánh trận thuộc linh, thì chúng ta không biết đội quân đó sẽ được bao nhiêu người.

Lệnh được ban ra (Dân Số Ký 1:1-3). Sách *Dân Số Ký* ghi lại trên 150 lần Đức Chúa Trời phán với Môi-se và chỉ thị cho ông truyền lại cho dân chúng. Thật ra, *Dân Số Ký* mở đầu với việc Đức Chúa Trời phán với đầy tớ Ngài, và kết thúc với lời nhắc nhở rằng Đức Chúa Trời đã phán với Y-sơ-ra-ên qua Môi-se (36:13). Một trong những sách Hê-bơ-rơ có tên là “Rồi Ngài Phán,” trích từ *Dân Số Ký* 1:1.² Nếu không có sự mạc khải về ý muốn Đức Chúa Trời, thì Y-sơ-ra-ên sẽ không biết làm gì và đóng trại tại đâu. “Chúa cây tay Môi-se và A-rôn dẫn dắt dân Ngài như một đàn chiên” (*Thi Thiên* 77:20).

Mạng lệnh của Đức Chúa Trời là Môi-se, A-rôn cùng các trưởng tộc phải kiểm soát những người nam có khả năng phục vụ trong quân đội. Đội quân Y-sơ-ra-ên không tạo nên bởi những người tình nguyện, mà mỗi người nam tráng kiện, hai mươi tuổi hoặc lớn hơn, đều phải lãnh trách nhiệm phục vụ Chúa và dân chúng.³

Một số người khó chịu vì vài chỗ trong Kinh Thánh nói nhiều đến chiến tranh, có một số hệ phái loại bỏ những bài hát chiến đấu khỏi thánh ca, như bài “Tinh Binh Giê-xu Tiến lên” chẳng hạn. Nhưng nỗi lo sợ cùng sự chỉ trích của họ không có cơ sở. “Đức Giê-hô-va là một chiến sĩ” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:3) khi phải hình phạt tội lỗi và loại trừ điều xấu xa. Những dân tộc mà Y-sơ-ra-ên tiêu diệt tại Ca-na-an đều sống trong nhơ bẩn đạo đức ghê tởm và phạm tội chống nghịch nguồn sự sáng, và Chúa đã nhin nhục họ (*Sáng Thế Ký* 15:13-16; *Rô-ma* 1:18 và tiếp theo). Ngày nay có ai chỉ trích nhà phẫu thuật vì đã cắt bỏ một ung bướu đe dọa mạng sống bệnh nhân không? Đức Chúa Trời thanh tẩy xã hội khi Ngài dùng Y-sơ-ra-ên để đoán phạt những dân tộc suy đồi tại Ca-na-an.

Hơn nữa, hình ảnh quân sự được dùng thường xuyên trong Tân Ước, ngay cả chính Chúa Giê-xu (*Ma-thi-ơ* 16:18) và đặc biệt là Phao-lô (*Rô-ma* 8:31; *Ê-phê-sô* 6:10-18; *II Cô-rinh-tô* 10:3-5; *I Cô-rinh-tô* 9:7; *II Ti-mô-thê* 2:1-4). Đời sống Cơ Đốc là một bãi chiến trường, chứ

không phải là sân chơi, và luôn có kẻ thù để chiến đấu cùng lãnh thổ để giành cho Chúa. Đức Chúa Trời đã tuyên chiến với Sa-tan từ lâu (*Sáng Thế Ký* 3:15) và không thể có sự trung lập trong trận chiến thuộc linh này, vì Chúa Giê-xu nói: “Ai không ở với Ta, thì nghịch cùng Ta” (*Ma-thi-ơ* 12:30).

Tộc trưởng được chỉ định (*Dân Số Ký* 1:4-16). Môi-se và A-rôn được tộc trưởng của các chi phái phụ giúp điều tra dân số. Các tộc trưởng này cũng được nêu tên trong các chương 2; 7; và 10. Việc đếm cũng không khó vì dân chúng đã được tổ chức theo nhà, họ hàng (thị tộc), và chi phái (*Giô-suê* 7:14), và có chỉ huy cho từng đơn vị mười, một trăm, và một ngàn người Y-sơ-ra-ên (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 18:21). Cần lưu ý là Na-ha-sôn (*Dân Số Ký* 1:7) thuộc họ hàng nhà Đa-vít (*Ru-tơ* 4:20-22) và do đó là tổ tiên của Đấng Christ (*Ma-thi-ơ* 1:4). Cũng lưu ý rằng mỗi người phải chứng minh dòng dõi mình (*Dân Số Ký* 1:18) để cho không có người ngoài nào thiếu tiêu chuẩn mà lại được bước vào trại quân của Chúa.

Con số được ghi nhận (*Dân Số Ký* 1:17-26). Những con số tính tròn đến hàng trăm, ngoại trừ chi phái Gát, tính tròn tới năm mươi (c.24-25). Tổng số chiến sĩ từ hai mươi tuổi trở lên là 603.550 (c.46). Ngoại trừ Giô-suê và Ca-lép, tất cả đàn ông đều chết trong những năm Y-sơ-ra-ên lang thang trong đồng vắng. Cuộc điều tra thứ nhì có tổng số 601.730 đàn ông (26:51), là đội quân bước vào xứ và nhận sản nghiệp.

Người Lê-vi được miễn (*Dân Số Ký* 1:47-54). Ba con trai của Lê-vi là Ghết-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri (*Sáng Thế Ký* 46:11; Môi-se và A-rôn thuộc dòng Kê-hát (*Dân Số Ký* 3:14-24) và A-rôn là thầy tế lễ thượng phẩm đầu tiên. Chỉ các con trai A-rôn mới được phép phục vụ tại bàn thờ (c.1-4) còn người Lê-vi thì phụ giúp các thầy tế lễ trong chức vụ của họ. Dưới sự giám sát của thầy tế lễ cả, người Lê-vi tháo dỡ đền tạm khi dời trại quân, khiêng những phần rời của đền tạm, các thiết bị, cùng những bình chầu

trong cuộc dời quân, rồi sau đó dựng lại đền tạm ở địa điểm mới.

Người Lê-vi đóng trại chung quanh đền tạm, dựng lên ngay giữa trại quân, Kê-hát phía nam, Mê-ra-ri phía bắc, và Ghệt-sôn phía tây. Môi-se và A-rôn đóng trại bên phía đông, tại cửa đền tạm. Theo cách này, người Lê-vi bảo vệ đền tạm khỏi bị đột nhập, và vì ở kế bên đền tạm nên khi đám mây ra hiệu dời trại thì thấy ngay.

Do nhiệm vụ quan trọng là phụ tá cho các thầy tế lễ nên người Lê-vi được miễn nghĩa vụ quân sự. Đền tạm là cấu trúc quan trọng nhất trong toàn bộ trại quân, và chỉ có thầy tế lễ với người Lê-vi mới được vào đó. Vì vậy, họ không được đếm trong cuộc điều tra quân số. Sự thờ phượng và chiến tranh có thể dường như không liên can gì với nhau, nhưng trong cách quản lý của Đức Chúa Trời, thì chúng đi đôi với nhau. Một trong những chủ đề chính của sách *Khải Thị* là chiến trận của Đức Chúa Trời chống lại điều xấu trên đất cùng việc Ngài tiếp nhận sự thờ phượng trên trời. Nếu dân Đức Chúa Trời không hòa thuận với Chúa trong sự thờ phượng, thì họ không thể nào đối diện được với kẻ thù và thành công trong chiến đấu được. “Sự ngợi khen Đức Chúa Trời ở trong miệng họ, và thanh gươm hai lưỡi bén ở trong tay họ” (*Thi Thiên* 149:6).

3. Tổ Chức Các Chi Phái

Dân Số Ký 2:1-34

¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: ²Dân Y-sơ-ra-ên mỗi người phải đóng trại gần bên ngọn cờ mình, ở dưới bảng hiệu của tông tộc mình, đối ngang nhau vây chung quanh hội mạc.

³Trại quân Giu-đa sẽ đóng tại hướng đông, về phía mặt trời mọc, với ngọn cờ và những đội ngũ của mình. Quan trưởng của người Giu-đa là Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp; ⁴và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng bảy mươi bốn ngàn sáu trăm người.

⁵chi phái Y-sa-ca phải đóng trại bên Giu-đa; quan trưởng của

người Y-sa-ca là Na-tha-na-ên, con trai Xu-a; ⁶và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng năm mươi bốn ngàn bốn trăm người. ⁷Kể đến chi phái Sa-bu-lôn; quan trưởng của người Sa-bu-lôn là Ê-li-áp, con trai của Hê-lôn, ⁸và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng năm mươi bảy ngàn bốn trăm người. ⁹Vậy, các người đã kê sổ theo trại quân Giu-đa, từng đội ngũ, cộng một trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm người. Họ phải đi tiên phong.

¹⁰Ngọn cờ của trại quân Ru-bên và những đội ngũ mình, phải đóng về hướng nam. Quan trưởng của người Ru-bên là Ê-li-su, con trai của Sê-đêu; ¹¹và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng bốn mươi sáu ngàn năm trăm người. ¹²Chi phái Si-mê-ôn phải đóng trại bên Ru-bên; quan trưởng của người Si-mê-ôn là Sê-lu-mi-ên, con trai của Xu-ri-ha-đai; ¹³và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng năm mươi chín ngàn ba trăm người. ¹⁴Kể đến chi phái Gát; quan trưởng của người Gát là Ê-li-a-sáp, con trai của Rê-u-ên; ¹⁵và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng bốn mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi người. ¹⁶Vậy, các người đã kê sổ theo trại quân Ru-bên, từng đội ngũ, cộng một trăm năm mươi một ngàn bốn trăm năm mươi người. Họ phải đi thứ nhì.

¹⁷Sau ấy, hội mạc sẽ đi với trại quân Lê-vi, ở giữa các trại quân khác; trại quân Lê-vi sẽ đi theo thứ tự như đã đóng, mỗi người theo hàng ngũ và theo ngọn cờ mình.

¹⁸Ngọn cờ của trại quân Ép-ra-im và những quân đội người phải đóng về hướng tây; quan trưởng của người Ép-ra-im là Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút; ¹⁹và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng bốn mươi ngàn năm trăm người. ²⁰Chi phái Ma-na-se phải đóng trại bên Ép-ra-im; quan trưởng của người Ma-na-se là Ga-ma-li-ên, con trai của Phê-đát-su; ²¹và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng ba mươi hai ngàn hai trăm người. ²²Kể đến chi phái Bên-gia-min; quan trưởng của người Bên-gia-min là A-bi-đan, con trai của Ghi-đeo-ni; ²³và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng ba mươi lăm ngàn bốn trăm người. ²⁴Vậy, các người đã kê sổ theo trại quân Ép-ra-im, từng đội ngũ, cộng một trăm tám ngàn một trăm người. Họ phải đi thứ ba.

²⁵Ngọn cờ của trại quân Đan và những quân đội họ phải đóng về hướng bắc. Quan trưởng của người Đan là A-hi-ê-xe, con trai của A-mi-sa-đai; ²⁶và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng sáu mươi hai ngàn bảy trăm người. ²⁷Chi phái A-se phải đóng trại bên Đan; quan trưởng của người A-se là Pha-ghi-ên, con trai của Óc-ran; ²⁸và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng bốn mươi một ngàn

năm trăm người. ²⁹Kế đến chi phái Nép-ta-li; quan trưởng của người Nép-ta-li là A-hi-ra, con trai của Ê-nan; ³⁰và quân đội người, cứ theo kê sổ, cộng năm mươi ba ngàn bốn trăm người.

³¹Vậy, các người đã kê sổ theo trại quân Đan, cộng một trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm người. Họ theo ngọn cờ mình phải đi hậu binh.

³²Đó là những người trong dân Y-sơ-ra-ên mà người ta tu bộ tùy theo tông tộc mình, trong các trại quân hết thấy người đã kê sổ từng đội ngũ là sáu trăm ba ngàn năm trăm năm mươi người.

³³Nhưng người Lê vi không nhập sổ chung với dân Y-sơ-ra-ên, tùy theo mạng của Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se. ³⁴Dân Y-sơ-ra-ên y theo mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se, bèn đóng trại tùy theo ngọn cờ mình, và mỗi người ra đi tùy theo họ hàng và tông tộc mình.

Khi các chuyển động của trụ mây trên đền tạm báo hiệu lên đường thì trại quân hạ trại rồi khởi hành. Muốn cho việc lên đường tiến hành trôi chảy thì trại quân phải rất trật tự mới được. “Mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự” (*I Cô-rinh-tô* 14:40) là lời khuyên dân của Đức Chúa Trời trong mọi thời đại, “vì Đức Chúa Trời chẳng phải là Chúa sự loạn lạc” (c.33).

Chúng ta đã thấy Môi-se và A-rôn, cùng với các thầy tế lễ và người Lê-vi, đóng trại ngay chung quanh đền tạm. Mỗi chi phái trong mười hai chi phái được chỉ định đóng trại ở một nơi nhất định, vì Đức Chúa Trời ngự giữa trại quân, và vị trí của mỗi chi phái đều do Chúa quyết định.

Giu-đa, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn, toàn bộ con cháu Lê-a, đóng trại về phía đông, với tổng số 186.400 người. Vì đó là cửa vào đền tạm, nên điều quan trọng là phải có đông đảo binh lính bảo vệ nơi đó. Ru-bên, Si-mê-ôn, và Gát đóng trại phía nam đền tạm với 151.450 người. Ép-ra-im và Ma-na-se, con cháu của Giô-sép, đóng trại phía tây đền tạm, cùng với Bê-n-gia-min, tổng cộng 108.100 người. Như vậy, toàn bộ con cháu Ra-chên đóng trại chung với nhau. Phía bắc đền tạm là Đan, A-se, và Nép-ta-li, với

157.600 người.

Bất cứ khi nào dời trại, hòm giao ước cũng đều đi trước, do các thầy tế lễ khiêng. Tiếp theo là chi phái Giu-đa, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn, theo sau là người Ghệt-sôn và Mê-ra-ri mang vật liệu đền tạm (khung, màn, vải che). Kế nữa là Ru-bên, Si-mê-ôn, và Gát, theo sau là người nhà Kê-hát mang thiết bị đền tạm. Ép-ra-im, Ma-na-se và Bê-ni-min đi tiếp theo; Đan, A-se, và Nép-ta-li đi sau cùng. Số binh lính tiền vệ đông nhất (186.400) dẫn đường, và số hậu vệ đông thứ nhì (157.600).

Mười hai chi phái không được đóng trại quá gần đền tạm, vì khu đó dành cho thầy tế lễ và người Lê-vi (*Dân Số Ký* 2:2). Bạo gan lại gần trại thánh có thể lãnh cái chết (1:51). Mỗi chi phái cũng phải phô trương huy hiệu của mình và mỗi gia đình đều có lá cờ riêng (c.52; 2:2). Kinh Thánh không cho chúng ta biết màu sắc lá cờ của các chi phái hoặc huy hiệu trên những lá cờ đó. Tục truyền Do Thái cho rằng các màu sắc đó gần giống với mười hai viên ngọc trên băng đeo ngực của thầy tế lễ cả (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:15-29), nhưng chúng ta không thể biết chắc các màu sắc đó. Tục truyền Do Thái cũng bảo rằng bốn trong số các huy hiệu chi phái lấy từ Ê-xê-chi-ên 1:10 (xem thêm *Khải Thị* 4:7) và xem sư tử là biểu hiệu cho Giu-đa (*Sáng Thế Ký* 49:9), bò đực cho Ép-ra-im, người cho Ru-bên, và chim ưng cho Đan. Nhưng chẳng có nơi nào trong Kinh Thánh xác nhận điều này.

Với trụ mây lượn lờ bên trên trung tâm trại quân lúc ban ngày và chói lòa ánh lửa ban đêm, cùng với trại của các chi phái sắp xếp theo vị trí đã chỉ định, trại quân Y-sơ-ra-ên hẳn phải là một cảnh tượng đáng sợ. Khi Tiên tri Ba-la-am từ đỉnh núi nhìn xem trại quân, ông nói: "Hỡi Gia-cốp, trại ngươi tốt dường bao! Hỡi Y-sơ-ra-ên, nhà tạm ngươi đẹp biết mấy! Nó tương ra như trũng núi, khác nào cảnh vườn ở nơi mé sông, tợ cây trầm hương mà Đức Giê-hô-va đã trồng, tĩ như cây hương nam ở nơi mé nước" (*Dân Số Ký* 24:5-6).

Trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên và Hội Thánh là hai dân tộc khác nhau (*I Cô-rinh-tô* 10:32), nhưng ta thường xem trại quân Y-sơ-ra-ên như hình ảnh Hội Thánh Đức Chúa Trời phải tiêu biểu trong thế giới ngày nay: một dân tộc đang hành hương theo Chúa, với vinh quang của Ngài là trọng tâm của mọi sự cùng với sự hiện diện của Ngài dẫn dắt đường đi. Y-sơ-ra-ên là một dân tộc, hiệp một trong Chúa và với nhau. Thế nhưng Đức Chúa Trời nhận biết từng tập thể riêng rẽ, qua lá cờ đặc biệt, tại vị trí đặc biệt của tập thể mình, và tiến bước theo lệnh của Chúa.

4. Phân Công

Dân Số Ký 3:1-4:49

¹Này là dòng dõi của A-rôn và Môi-se, về ngày Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se tại trên núi Si-na-i.

²Này là tên các con trai A-rôn: Trưởng nam là Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ³Đó là tên các con trai A-rôn, tức những thầy tế lễ đã chịu phép xúc dầu, và được lập lên để làm chức tế lễ. ⁴Vả, Na-đáp và A-bi-hu đã thác trước mặt Đức Giê-hô-va khi hai người dâng một thứ lửa lạ trước mặt Đức Giê-hô-va tại trong đồng vắng Si-na-i. Hai người này không có con. Còn Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma làm chức tế lễ trước mặt A-rôn, là cha mình.

⁵Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: ⁶Hãy khiến chi phái Lê-vi lại gần, đặt trước thầy tế lễ A-rôn, để người Lê-vi phục sự người. ⁷Người Lê-vi sẽ giữ chức phận của người và chức phận của cả hội chúng về trước hội mạc mà làm những công việc của đền tạm. ⁸Cũng phải coi sóc hết thầy đồ đặc của hội mạc và mọi vật chi dân Y-sơ-ra-ên giao cho đặt dùng làm công việc của đền tạm. ⁹Vậy, ngươi phải giao người Lê-vi cho A-rôn và cho các con trai người; vì đã lấy họ từ trong vòng dân Y-sơ-ra-ên mà ban trọn cho A-rôn rồi. ¹⁰Vậy, ngươi sẽ lập A-rôn và các con trai người, để làm chức tế lễ; người ngoại đến gần sẽ bị xử tử.

¹¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ¹²Này, từ giữa dân Y-sơ-ra-ên ta chọn lấy người Lê-vi thế cho hết thầy con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên; vậy, người Lê-vi sẽ thuộc về ta. ¹³Vì hết thầy con đầu lòng đều thuộc về ta; ngày xưa khi ta hành hại các con

dầu lòng trong xứ Ê-díp-tô, ta đã biệt riêng ra thánh cho ta hết
thầy con dầu lòng trong Y-sơ-ra-ên, bất luận loài người hay thú
vật; chúng nó đều sẽ thuộc về ta. Ta là Đức Giê-hô-va.

¹⁴Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se tại trong đồng vắng Si-na-i mà rằng: ¹⁵Hãy kê sổ con cháu Lê-vi, tùy theo tông tộc và họ
hàng chúng nó, kê hết thầy nam đinh từ một tháng sắp lên. ¹⁶
Môi-se bèn kê sổ người Lê-vi theo mạng của Đức Giê-hô-va, y
như Ngài đã phán dặn người vậy.

¹⁷Đây là các con trai của Lê-vi kể từng tên: Ghệt-sôn, Kê-hát, và
Mê-ra-ri. ¹⁸Đây là tên của các con trai Ghệt-sôn, tùy theo họ
hàng mình: Líp-ni và Si-mê-y. ¹⁹Đây là các con trai của Kê-hát
tùy theo họ hàng mình: Am-ram, Dít-sa, Hép-rôn, và U-xi-ên;
²⁰và các con trai của Mê-ra-ri, tùy theo họ hàng mình, là: Mách-
li và Mu-si. Đó là những họ hàng của người Lê-vi, tùy theo tông
tộc của họ.

²¹Họ hàng Líp-ni và họ hàng Si-mê-y thuộc về Ghệt-sôn. Đó là
hai họ hàng của Ghệt-sôn vậy. ²²Những người trong họ Ghệt-
sôn được tu bộ, kể mọi nam đinh từ một tháng sắp lên, số là bảy
ngàn năm trăm người. ²³Các họ hàng của Ghệt-sôn đóng trại về
phía tây, sau đền tạm. ²⁴Quan trưởng của tông tộc Ghệt-sôn là
Ê-li-a-sáp, con trai của La-ên. ²⁵Chức phận của con cháu Ghệt-
sôn trong hội mạc là coi sóc mọi vật chi can đến đền tạm và
Trại, tức là tấm bong của Trại và bức màn của cửa hội mạc,
²⁶Các bố vi của hành lang, và bức màn của cửa hành lang bao
phủ chung quanh đền tạm và bàn thờ, cùng dây chạc về các việc
của đền tạm.

²⁷Họ hàng Am-ram, họ hàng Dít-sa, họ hàng Hép-rôn và họ hàng
U-xi-ên thuộc về Kê-hát. Đó là những họ hàng của Kê-hát. ²⁸Cứ
kể mọi nam đinh từ một tháng sắp lên, số là tám ngàn sáu trăm
người có chức phận săn sóc nơi thánh. ²⁹Các họ hàng của con
cháu Kê-hát đóng trại bên hông đền tạm về phía nam. ³⁰Quan
trưởng của tông tộc Kê-hát là Ê-li-sa-phan, con trai của U-xi-ên.
³¹Người Kê-hát coi sóc hòm bằng chứng, cái bàn, chân đèn, các
bàn thờ, và những đồ đạc của nơi thánh để dùng về việc thờ
phượng, luôn với bức màn và các vật chi can đến. ³²Tổng trưởng
của người Lê-vi là Ê-lê-a-sa, con trai của thầy tế lễ A-rôn, được
đặt lên quản trị những người coi sóc nơi thánh.

³³Họ hàng Mách-li và họ hàng Mu-si thuộc về Mê-ra-ri. Đó là hai
họ hàng của Mê-ra-ri vậy. ³⁴Những người trong bọn Mê-ra-ri
được tu bộ kể mọi nam đinh từ một tháng sắp lên, số là sáu ngàn

hai trăm người. ³⁵Quan trưởng của tông tộc Mê-ra-ri là Xu-ri-ên, con trai của A-bi-hai. Con cháu Mê-ra-ri đóng trại bên hông đền tạm về phía bắc, ³⁶có phần coi sóc các tấm ván của đền tạm, cây xà ngang, trụ, lỗ trụ, những đồ đạc, và mọi việc thuộc về đó, ³⁷những trụ ở chung quanh hành lang và lỗ trụ, những nọc và dây chạc của trụ.

³⁸Những người đóng trại trước đền tạm về phía đông, tức trước hội mạc về phía mặt trời mọc, là Môi-se, A-rôn và các con trai người, có chức phận săn sóc nơi thánh thể cho dân Y-sơ-ra-ên. Người ngoại đến gần sẽ bị xử tử. ³⁹Hết thầy người Lê-vi mà Môi-se và A-rôn vâng mạng Đức Giê-hô-va tu bộ, tùy theo họ hàng của họ, kể mọi nam đinh từ một tháng sắp lên, số là hai mươi hai ngàn người.

Sự chuộc lại những con đầu lòng

⁴⁰Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy kê sổ hết thầy con trưởng nam của dân Y-sơ-ra-ên, từ một tháng sắp lên, và hãy dựng sổ tên chúng nó. ⁴¹Ta là Đức Giê-hô-va. Người phải chọn lấy cho ta người Lê-vi thế cho các con trưởng nam trong dân Y-sơ-ra-ên; cũng phải bắt súc vật của người Lê-vi thế cho mọi con súc vật đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên. ⁴²Vậy, Môi-se kê sổ các con trưởng nam của dân Y-sơ-ra-ên, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn người. ⁴³Hết thầy những con trưởng nam kể từng tên, từ tuổi một tháng sắp lên, theo sự kê sổ họ, là hai mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi ba người.

⁴⁴Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ⁴⁵Hãy chọn lấy những người Lê-vi thế cho hết thầy con trưởng nam của dân Y-sơ-ra-ên, và súc vật của người Lê-vi thế cho súc vật của dân Y-sơ-ra-ên; vậy, các người Lê-vi sẽ thuộc về ta. Ta là Đức Giê-hô-va.

⁴⁶Còn về sự chuộc lại con trưởng nam của dân Y-sơ-ra-ên, kê sổ hơn số người Lê-vi hai trăm bảy mươi ba, ⁴⁷thì người phải thâu mỗi người năm siếc-lơ, tùy theo siếc-lơ nơi thánh; một siếc-lơ là hai chục ghê-ra. ⁴⁸Người phải giao bạc cho A-rôn và các con trai người; ấy là bạc chuộc lại những con trưởng nam trở hơn. ⁴⁹Vậy, Môi-se thâu bạc chuộc lại những con trưởng nam trở hơn số người Lê-vi đã chuộc lại. ⁵⁰Bạc mà người thâu về những con trưởng nam của dân Y-sơ-ra-ên, cộng được một ngàn ba trăm sáu mươi lăm siếc-lơ, theo siếc-lơ của nơi thánh. ⁵¹Môi-se vâng mạng Đức Giê-hô-va, giao bạc chuộc lại cho A-rôn và các con trai người, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

4

Cất phần việc cho các họ hàng người Lê-vi và kê sổ các họ hàng đó

¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: ²Trong người Lê-vi hãy dựng sổ các con cháu Kê-hát, tùy theo họ hàng và tông tộc của chúng nó, ³từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, tức là hết thấy người nào có thể giúp công vào hội mạc.

⁴Này sẽ là phần việc của con cháu Kê-hát tại trong hội mạc. Họ sẽ coi sóc nơi chỉ thánh. ⁵Khi nào dời trại quân đi, A-rôn và các con trai người sẽ đến gỡ bức màn mà bao lấy hòm bằng chứng; ⁶đoạn đắp lên một tấm phủ bằng da cá nước, trải trên một tấm nỉ toàn bằng màu điều xanh và xỏ đòn khiêng vào. ⁷Cũng trải một tấm nỉ màu điều xanh trên cái bàn về bánh trần thiết; ở trên bàn thì sắp đĩa, chén, tô và chậu về những lễ quán; bánh hằng trần thiết cũng sẽ có ở trên nữa. ⁸Rồi trải trên các vật đó một tấm nỉ màu đỏ sẫm, đắp một tấm phủ bằng da cá nước và xỏ đòn khiêng vào. ⁹Cũng phải lấy một tấm nỉ màu điều xanh mà dầy chân đèn thấp, các thếp đèn, kéo hót tim, đồ đựng tro, và các bình dầu mà người ta dùng về chân đèn. ¹⁰Rồi để chân đèn và hết thấy đồ phụ tùng trong một tấm phủ bằng da cá nước, để lên trên cái sê. ¹¹Họ phải trải trên bàn thờ bằng vàng một tấm nỉ màu điều xanh và đắp một tấm phủ bằng da cá nước, rồi xỏ đòn khiêng vào. ¹²Lại, cũng phải lấy hết thấy đồ đạc dùng về công việc nơi thánh, để trong một tấm nỉ màu điều xanh, rồi đắp một tấm phủ bằng da cá nước và để lên trên cái sê. ¹³Phải hốt tro của bàn thờ, trải ở trên một tấm nỉ màu đỏ điều, ¹⁴để lên trên hết thấy đồ đạc dùng về công việc của bàn thờ, tức là những lư hương, nĩa, vá, chén, cùng những đồ phụ tùng của bàn thờ. Rồi đắp trên bàn thờ một tấm phủ bằng da cá nước và xỏ đòn khiêng vào. ¹⁵Sau khi A-rôn và các con trai người đã dầy diệm nơi thánh và các đồ đạc thánh xong, khi dời trại quân đi, thì các con cháu Kê-hát phải đến đặt khiêng các đồ đạc đó; họ chẳng nên đụng vào những vật thánh, e phải chết chẳng. Trong hội mạc, ấy là đồ mà các con cháu Kê-hát phải khiêng đi.

¹⁶Ê-lê-a-sa, con trai thầy tế lễ A-rôn, sẽ coi về dầu thấp đèn, hương liệu, của lễ chay hằng hiến, dầu xức, cả đèn tạm, và hết thấy vật chi ở trong nơi thánh với đồ phụ tùng của nơi thánh.

¹⁷Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: ¹⁸Hãy làm thể nào cho tông tộc Kê-hát chớ bị truất khỏi chi phái Lê-vi, ¹⁹và hãy làm điều này cho chúng nó, để khi đến gần nơi chỉ

thánh, chúng nó được sống, chẳng phải chết: A-rôn và các con trai người phải đến cất công việc cho mỗi người, và đồ chi họ phải khiêng đi. ²⁰Dẫu một lát, chúng nó chớ nên vào đặng xem những vật thánh e phải chết chẳng.

²¹Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ²²Cũng hãy dựng sổ các con cháu Ghệt-sôn, tùy theo tông tộc và họ hàng họ. ²³Từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, người khá kê sổ hết thấy những người nào có thể làm công việc trong hội mạc.

²⁴Này là chức việc của các họ hàng Ghệt-sôn, hoặc phải làm, hoặc phải khiêng đồ: ²⁵họ sẽ mang những tấm màn của đền tạm và hội mạc, tấm bong của hội mạc, tấm lá phủ bằng da cá nước ở trên, và bức màn của cửa hội mạc; ²⁶các bố vi của hành lang ở chung quanh đền tạm và bàn thờ, bức màn của cửa hành lang, những dây chạc, và hết thấy đồ dùng về các vật đó, cùng làm các công việc về những món ấy. ²⁷Hết thấy công việc của con cháu Ghệt-sôn, món chi họ phải khiêng đi, và việc chi họ phải làm đều sẽ theo lệnh A-rôn và các con trai người chỉ biểu; người phải giao cho họ coi sóc mọi món chi phải khiêng đi. ²⁸Trong hội mạc, ấy là công việc của các họ hàng con cháu Ghệt-sôn. Họ sẽ giữ chức phận mình dưới quyền cai trị của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn.

²⁹Người phải kê sổ con cháu Mê-ra-ri, tùy theo họ hàng và tông tộc của họ, ³⁰từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, tức là hết thấy người nào có thể giúp công vào hội mạc. ³¹Về các công việc của con cháu Mê-ra-ri trong hội mạc, này là vật họ phải coi sóc và khiêng đi: những tấm ván của đền tạm, các xà ngang, trụ, lỗ trụ, ³²các trụ chung quanh hành lang và lỗ trụ, nọc, dây chạc, cùng hết thấy đồ đạc và các vật chi dùng về việc đó; các người sẽ kê sổ từng tên những vật chi họ phải coi sóc và khiêng đi. ³³Đó là hết thấy việc của các họ hàng Mê-ra-ri, về những công việc trong hội mạc mà họ phải làm ở dưới quyền cai trị của Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn.

³⁴Vậy, Môi-se, A-rôn và những hội trưởng kê sổ con cháu Kê-hát, tùy theo họ hàng và tông tộc của họ, ³⁵từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, tức là hết thấy người nào có thể giúp công trong hội mạc; ³⁶và những người mà người ta kê sổ, tùy theo họ hàng mình, cộng được hai ngàn bảy trăm năm mươi. ³⁷Đó là những người của các họ hàng Kê-hát đã bị kê sổ, tức là hết thấy người hầu việc trong hội mạc mà Môi-se và A-rôn kê sổ, y theo mạng của Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-se truyền dạy.

³⁸Còn con cháu của Ghệt-sôn đã bị kê sổ, tùy theo họ hàng và tông tộc của họ, ³⁹từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, tức là hết thầy người có thể giúp công trong hội mạc, ⁴⁰cộng được hai ngàn sáu trăm ba mươi. ⁴¹Đó là những người về các họ hàng con cháu Ghệt-sôn đã bị kê sổ, tức là mọi người hầu việc trong hội mạc mà Môi-se và A-rôn tu bộ y theo mạng của Đức Giê-hô-va.

⁴²Còn những người về họ hàng con cháu Mê-ra-ri đã bị kê sổ, tùy theo họ hàng và tông tộc của họ, ⁴³từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, tức là mọi người có thể giúp công trong hội mạc, ⁴⁴cộng được ba ngàn hai trăm. ⁴⁵Đó là những người về các họ hàng con cháu Mê-ra-ri đã bị kê sổ. Môi-se và A-rôn lấy bộ dân, y theo mạng của Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-se truyền dạy.

⁴⁶Hết thầy những kẻ trong người Lê-vi mà Môi-se, A-rôn, và các quan trưởng Y-sơ-ra-ên tu bộ, tùy theo họ hàng và tông tộc của họ, ⁴⁷từ ba mươi tuổi sắp lên cho đến năm mươi, tức là mọi người đến dâng hầu việc và khiêng đồ trong hội mạc, ⁴⁸cộng được tám ngàn năm trăm tám mươi. ⁴⁹Người ta tu bộ người Lê-vi tùy theo mạng của Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-se truyền dạy, cắt phần cho mỗi người việc mình phải làm, và vật chi mình phải khiêng đi; người ta tu bộ dân tùy theo lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se vậy.

Hai chương này dành riêng cho người Lê-vi, những người phục vụ Chúa bằng cách phụ giúp các thầy tế lễ tại đền tạm. Môi-se ghi lại hai lần kiểm tra số người Lê-vi, một là đếm những người từ một tháng tuổi trở lên và hai là đếm những người từ hai mươi tuổi trở lên, cùng với nhiệm vụ dành cho họ. Người Lê-vi không có sản nghiệp trong Đất Hứa mà sống nhờ phần mười những lễ dâng do dân chúng đem dâng cho Chúa (18:20-24).

Thầy tế lễ (Dân Số Ký 3:1-4). Thầy tế lễ là con cháu A-rôn, thầy tế lễ cả đầu tiên, có bốn con trai: Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma (*Xuất Ê-díp-tô Ký 5:23*). Na-đáp và A-bi-hu dâng lễ bằng lửa lạ nên bị chết (*Lê-vi Ký 10*).⁴ Ê-lê-a-sa làm đầu người Lê-vi (*Dân Số Ký 3:32*) và cuối cùng thay thế cha làm thầy tế lễ cả (20:22-29). Y-tha-ma nhận những của dâng về việc xây cất đền tạm

(*Xuất Ê-díp-tô Ký* 38:21) và có nhiệm vụ chăm sóc người Ghệt-sôn và Mê-ra-ri (*Dân Số Ký* 4:28, 33). Làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời chẳng phải là chuyện tầm thường, vì thầy tế lễ là đầy tớ được xúc dầu của Đức Chúa Trời, đặc biệt cung hiến cho vinh quang của Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28-29).

Lễ dâng của người Lê-vi (*Dân Số Ký* 3:5-1). Đức Chúa Trời xem Y-sơ-ra-ên như con trưởng nam của Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 4:22). Ngài đã tha chết cho con trưởng nam của Y-sơ-ra-ên vào ngày lễ Vượt Qua, nhưng giết các con trưởng nam người Ai Cập (11:1-7; 12:29-30). Vì lý do này, mọi con đầu lòng trong Y-sơ-ra-ên, dù là người hay súc vật, cũng đều thuộc về Chúa và phải được cứu chuộc bằng một của lễ (13:1-2, 11-13; 22:29-30; 34:19-20; *Lu-ca* 2:7, 22-23).

Toàn dân Y-sơ-ra-ên phải là “nước thầy tế lễ” trước mặt Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:5-6); Ngài chỉ định một dòng tế lễ đặc biệt để giúp dân Ngài tuân giữ Luật Pháp và làm chứng về lòng nhân từ của Ngài. Người Lê-vi là quà tặng của Đức Chúa Trời cho các thầy tế lễ, thay thế cho các con trưởng nam được cứu chuộc của Y-sơ-ra-ên đã thuộc về Đức Chúa Trời. Người Lê-vi làm những công tác mà các con trưởng nam phải làm cho Chúa cùng thầy tế lễ, vì người Lê-vi phục vụ thay cho con trưởng nam.

Điều tra dân số và nhiệm vụ của người Lê-vi (*Dân Số Ký* 3:14-4:49). Có hai lần điều tra dân số người Lê-vi. Trước tiên Môi-se đếm từng người nam, từ một tháng tuổi trở lên, để bảo đảm có đủ người Lê-vi thay thế cho mọi con trưởng nam trong Y-sơ-ra-ên. Có 7.500 người Ghệt-sôn (3:22), 8.600 người Kê-hát (c.28), và 6.200 người Mê-ra-ri (c.33-34), tổng số là 22.000 người Lê-vi.⁵ Khi Môi-se đếm các con trưởng nam trong Y-sơ-ra-ên, ông thấy có 22.273 (c.40-43), cho nên số 273 thặng dư không có đủ người Lê-vi để thay thế trong đền thánh. 273 nam đình này được chuộc bằng cách mỗi người đóng

năm siếc-lơ, rồi tiền được giao cho A-rôn dùng phục vụ trong đền tạm.

Lần điều tra dân số thứ nhì bao gồm toàn bộ người Lê-vi, tuổi từ ba mươi tới năm mươi, có thể phục vụ trong hội mạc (4:1-3, 21-23, 29-30); và tổng số là 8.580 (c.46-49). Theo 8:24, người Lê-vi bắt đầu phục vụ ở tuổi hai mươi lăm, cho nên có thể là những người trẻ tuổi phải qua giai đoạn huấn luyện năm năm để chuẩn bị cho công tác. Họ phải học thật kỹ về các của lễ cùng công việc nơi đền tạm, vì nếu lầm lẫn thì thật nguy hiểm. Về sau Đa-vít hạ thấp tuổi còn hai mươi (*I Sử Ký* 23:24-25).

Người Ghết-sôn (3:21-26; 4:21-28, 38-41) tổng cộng là 7.500, trong đó 2.630 người đủ tuổi phục vụ (4:40). Họ đóng trại ở phía tây đền tạm do Ê-li-a-sáp chỉ huy. Trách nhiệm của họ là chuyển những tấm che, màn treo, cùng khung sườn đền tạm, và mọi trang thiết bị của đền tạm; để thực hiện công tác này, họ được giao cho hai xe với bốn bò kéo (7:7). Thầy tế lễ Y-tha-ma giám sát công tác này.

Người Kê-hát (3:27-32; 4:1-20; 34-37) gồm 8.600 người, trong số đó có 2.750 người đủ tuổi phục vụ (4:36). Họ đóng trại phía nam đền tạm do Ê-li-sa-phan chỉ huy, và chịu trách nhiệm mang đồ đạc trong đền thánh. (4:1-20 giải thích thủ tục này.) Khi sắp dời trại quân, A-rôn cùng các con trai vào nơi thánh, lấy màn che xuống, phủ lên hòm giao ước. Họ phủ bên ngoài màn che này một tấm da thú để bảo vệ, rồi ngoài cùng là một lớp vải màu xanh. Sau đó họ luồn những thanh gỗ vào các khoen trên hòm cho bốn người khiêng đi trước.

Khi hòm giao ước đã được che phủ an toàn rồi thì những đồ dùng khác cũng được che theo cách như vậy. Trước tiên, họ phủ bàn để bánh, sau đó là chơn đèn cùng bàn xông hương bằng vàng, và cuối cùng là bàn thờ của lễ thiêu. Những bình chậu cùng vật dụng khác nhau cũng được đóng gói chung. Mỗi món đồ thiêng liêng này đều có đòn khiêng để người Kê-hát khiêng trên vai.⁶ Điều

quan trọng là các vật dụng phải được che kín kẻo có người Lê-vi nào đó tò mò nhìn vào thì phải gánh chịu hình phạt của Đức Chúa Trời (c.16-20). Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn phụ trách công việc của người Kê-hát (3:32), và cũng có nhiệm vụ mang dầu cho chân đèn, hương cho bàn thờ bằng vàng, bột cho của lễ chay hằng ngày, cùng dầu cho vật xúc dầu thánh (4:16).

Người Ghê-t-sôn và Mê-ra-ri có xe để chở hàng, nhưng người Kê-hát thì không có (7:1-9). Vật dụng thánh của đền tạm phải được những đầy tớ đã được thánh hóa của Đức Chúa Trời khiêng trên vai. Khi Đa-vít truyền đưa hòm giao ước vào Giê-ru-sa-lem, ông không tuân giữ qui luật này nên U-xa phải chết (*II Sa-mu-ên* 6). Người Kê-hát phải khiêng vác nặng nề, nhưng gánh nặng của họ thật quý giá, rất quan trọng đối với dân chúng, và do Chúa chỉ định. Họ xem đó là đặc ân, được mang vật dụng thánh của đền thánh trên vai mình đi qua đồng vắng.

Người Mê-ra-ri (Dân Số Ký 3:33-37; 4:29-33, 42-45) gồm 6.200, trong số đó có 3.200 đúng tuổi phục vụ (c.44). Họ đóng trại phía bắc đền tạm và Xu-ri-ên là quan trưởng của họ. Công tác của họ đặc biệt khó khăn vì họ phải mang những tấm ván nặng của đền tạm, cũng như cây xà ngang, trụ và khoen để cắm trụ. Do vậy mà Môi-se đã cấp họ bốn xe và tám con bò để giúp họ trong công tác (7:8). Con trai A-rôn là Y-tha-ma giám sát công việc này.

Công việc trên đây của người Lê-vi nhắc nhở chúng ta rằng, Đức Chúa Trời quan tâm đến từng chi tiết và muốn công việc Ngài được thực hiện bởi dân do Ngài lựa chọn và theo cách Ngài chỉ định. Không một điều gì trong trại quân Y-sơ-ra-ên là phó mặc cho may rủi hoặc cho khả năng của con người. Mỗi người Lê-vi cùng thầy tế lễ đều biết nhiệm vụ mình và phải “phục vụ Đức Chúa Trời với lòng tôn kính” (*Hê-bơ-rơ* 12:28). Chăm lo cho đền tạm là công việc quan trọng, là vấn đề sống còn.

Các chương này cũng nhắc nhở chúng ta rằng mọi

người đều có cùng những gánh nặng để mang. Người Ghê-tôn và Mê-ra-ri có thể đặt gánh nặng của họ lên xe, nhưng người Kê-hát thì phải vác gánh nặng trên vai. Một số gánh nặng chúng ta có thể chia sẻ (*Ga-la-ti* 6:2), nhưng còn những gánh nặng khác thì chỉ có chính mình mới có thể mang được (c.5).⁷

Cuối cùng, chúng ta phải lưu ý rằng Đức Chúa Trời tin vào sự tổ chức, nhưng sự tổ chức là phương tiện để đạt tới cứu cánh, chứ chính nó không phải là cứu cánh. Một trong những cộng tác viên của tôi tại Hội Thánh Moody thường nói: “Hãy nhớ, Hội Thánh là một cơ quan, chứ không phải một tổ chức.” Nhưng tôi muốn nhắc ông ấy rằng nếu một cơ quan không được tổ chức, nó sẽ chết! Vâng, Hội Thánh là một cơ quan thuộc linh sống động, nhưng cũng là một tổ chức. Nếu đội quân nào không được tổ chức, thì không thể thành công đánh lại kẻ thù; nếu gia đình không được tổ chức, thì sẽ chỉ gặt lấy hỗn loạn và bối rối thôi.

Đức Chúa Trời đang chuẩn bị dân Ngài để dẫn thân vào các nước thù địch và đánh bại họ. Điều quan trọng là trại quân phải trật tự và công việc đền tạm phải được tổ chức. Nếu không, sự thờ phượng sẽ không làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và chiến trận sẽ gặp thất bại.

Chúng ta sống trong một thời đại không khác với thời kỳ *Các Quan Xét*, khi “mọi người đều làm theo ý mình tưởng là phải” (*Các Quan Xét* 17:6; 18:1; 19:1; 21:25). Nhưng lời Đức Chúa Trời nói với dân Ngài thì ngược lại: “Hãy cẩn thận, làm mọi việc theo như kiểu mẫu đã chỉ cho ngươi tại trên núi” (*Hê-bơ-rơ* 8:5; xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:40).

Khi công việc Đức Chúa Trời được thực hiện theo cách của Đức Chúa Trời, trong sự tuân phục chân lý của Đức Chúa Trời, thì sẽ không bao giờ thiếu phước hạnh của Đức Chúa Trời.

Chú thích

¹ Samuel Eliot Morison, *The Oxford History of the American People* (New York: Oxford University Press, 1965), 1030.

² Người Do Thái còn gọi *Dân Số Ký* là *bemidbar*, “trong đồng vắng.”

³ Đây là hình thức cưỡng bách tòng quân.

⁴ Theo *Lê-vi Ký* 16:12 hai con trai A-rôn có lẽ đã bị say khi mang “lửa lạ” vào đền thánh. Điều họ làm phát xuất từ lòng tự kiêu vì họ bất tuân những chỉ thị rõ ràng của Đức Chúa Trời. Hình phạt này nêu rõ nghi thức nào Đức Chúa Trời cho phép thì mới được thực hiện.

⁵ Cộng những con số ghi trong 3:22, 28 với 34, ta có tổng số 22.300, nhưng tổng số trong câu 39 là 22.000. Thế còn 300 người Lê-vi kia ở đâu? Một số bản văn Hê-bơ-rơ của câu 28 ghi là 8.300 thay vì 8.600. Ngôn ngữ Hê-bơ-rơ dùng mẫu tự thay cho số, nên người sao chép dễ sai sót.

⁶ Chậu rửa lại không được đề cập trong danh sách các vật dụng. Dụng cụ này cũng phải được mang theo trong hành trình vào đồng vắng chứ! Kích thước và hình dáng của chậu rửa cũng được nói.

⁷ Từ được dịch là “gánh nặng” trong *Ga-la-ti* 6:5 hàm ý “túi đồ của binh lính,” và mỗi chiến sĩ đều phải mang túi đồ của mình. Nếu xe tôi bị hư, lán giềng tôi có thể giúp tôi bằng cách chở các con tôi đến trường, nhưng người lán giềng không thể đảm nhận những trách nhiệm làm cha mẹ trong gia đình để tôi tự do muốn làm gì thì làm. Có một số nhiệm vụ chính mình phải tự vác lấy, không thể giao cho người khác được.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG MỘT

Dân Số Ký 1-4; 9:1-14

1. Tác giả ngụ ý gì khi ông khuyên chúng ta “Hãy Là Người Đáng Tin Cậy”?
2. Nghiên cứu sách *Dân Số Ký* có thể giúp chúng ta hiểu ba điều nào?
3. Có những giai đoạn nào trong việc Môi-se chuẩn bị cuộc chinh phục?
4. Tại sao phải làm bánh không men trong lễ Vượt Qua? Rau đắng có ý nghĩa gì?
5. Sách *Dân Số Ký* ghi lại 150 lần Đức Chúa Trời phán với Môi-se. Ngày nay Đức Chúa Trời phán với bạn bằng cách nào?
6. Y-sơ-ra-ên có kẻ thù và chiến trận thuộc thể để đánh bại. Cơ Đốc nhân ngày nay phải đánh bại những gì? Chúng ta dùng loại chiến tranh nào, và ai là kẻ thù của chúng ta? (*Ê-phê-sô 6:10-12*)
7. Sự thờ phượng và chiến tranh có liên quan với nhau như thế nào?
8. Trại quân Y-sơ-ra-ên có thể là gương mẫu cho Hội Thánh ngày nay trên phương diện nào?
9. Tại sao biết nhiều về chức vụ của người Lê-vi là điều quan trọng đối với chúng ta?
10. Hai phẩm tính nào là thiết yếu cho trại quân và cho sự thành công trong chiến tranh?

CUNG HIẾN VÀ ĂN MỪNG - PHẦN I

Dân Số Ký 5-7

Khi Thánh Gandhi làm lãnh tụ tinh thần của Ấn Độ, một giáo sĩ hỏi, theo ông trở ngại lớn nhất cho việc truyền giáo Cơ Đốc tại Ấn Độ là gì, Gandhi đáp: “Cơ Đốc nhân.”

Có thể chúng ta không thích câu trả lời của ông, nhưng chúng ta phải thừa nhận dân của Đức Chúa Trời thường cản trở công việc của Đức Chúa Trời. Điều này bộc lộ trong sách *Dân Số Ký*. Dân Y-sơ-ra-ên liên tục bất tuân Đức Chúa Trời và vì đó rước lấy tai họa. Đó là lý do tại sao Chúa đặt ra một số qui luật rõ ràng và thực tế cho nếp sống hằng ngày trong trại quân Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, biệt riêng khỏi những dân tộc khác, và Đức Chúa Trời muốn họ khác biệt trong cách sống. Đức Chúa Trời muốn họ là một dân tộc như thế nào?

1. Một Dân Tộc Trong Sạch

Dân Số Ký 5:1-31

¹Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy biếu dân Y-sơ-ra-ên đuổi ra ngoài trại quân hết thầy người phung, người có bệnh bạch trực, và người vì cố đụng đến một xác chết nào đã bị ô uế. ³Bất luận nam hay nữ, các ngươi phải đuổi họ ra ngoài trại quân, hầu cho họ không làm cho trại quân bị ô uế, là nơi ta ngự ở trong. ⁴Dân Y-sơ-ra-ên bèn làm như vậy, đuổi họ ra khỏi trại quân, y như Đức Giê-hô-va đã truyền lệnh cho Môi-se vậy.

⁵Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: “Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên như vậy: Khi một người nam hay nữ phạm một trong những tội người ta thường phạm, cho đến can phạm cùng Đức

Giê-hô-va, và vì cố đó phải mắc tội, ⁷ thì người ấy phải xưng tội mình đã phạm ra, và trả tang vật lại đủ, và thêm một phần năm giá vật mà giao cho người mình đã mắc tội cùng. ⁸ Nếu người này không còn, và không bà con nào để lãnh tang vật đó lại, thì vật ấy sẽ về Đức Giê-hô-va, tức là về thầy tế lễ, ngoại trừ con chiên đực về lễ chuộc tội mà thầy tế lễ sẽ dùng dâng chuộc tội cho người mắc tội đó. ⁹ Phàm lễ vật chi biệt riêng ra thánh mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho thầy tế lễ, đều sẽ thuộc về người. ¹⁰ Những vật biệt riêng ra thánh mà mỗi người dâng sẽ thuộc về người; vật chi mỗi người ban cho thầy tế lễ, chắc sẽ thuộc về người vậy.

¹¹ Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se rằng: ¹² Hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên rằng: Nếu một người đàn bà lỗi đạo và phạm tội bất chánh cùng chồng, ¹³ nếu có một người nam gian dâm cùng nàng mà việc nhem khuất mắt chồng; nếu nàng bị ô uế kín nhiệm, không có chứng cứ đối cùng nàng, và nàng không bị bắt tại trận; ¹⁴ nếu tánh ghen phát nơi người chồng ghen vợ mình, hoặc đã thật bị ô uế, hoặc không có bị ô uế, ¹⁵ thì người này phải dẫn vợ mình đến trước mặt thầy tế lễ, và vì nàng đem theo một phần mười ê-pha bột mạch nha dùng làm của tế lễ. Người chớ nên chế dầu vào, và cũng chẳng nên bỏ nhũ hương lên trên, vì là một của lễ chay về sự ghen tương, một của lễ chay kỷ niệm dâng nhắc tội gian ác. ¹⁶ Thầy tế lễ sẽ biểu người nữ đến gần, đứng trước mặt Đức Giê-hô-va. ¹⁷ Kế đó thầy tế lễ lấy nước thánh đổ vào chậu đất, hốt bụi ở trên đất của đền tạm mà bỏ trong nước. ¹⁸ Đoạn, thầy tế lễ phải biểu người nữ đứng trước mặt Đức Giê-hô-va, lột trần đầu nàng, để của lễ kỷ niệm trên lòng bàn tay nàng, nghĩa là của lễ chay về sự ghen tương; và thầy tế lễ phải có nước đắng giáng rửa sả trong tay mình.

¹⁹ Thầy tế lễ phải bắt người nữ thể, và nói cùng nàng rằng: Nếu chẳng một người nam nào nằm cùng ngươi, và nếu đương dưới quyền chồng ngươi không có lỗi đạo và không bị ô uế, thì chẳng phải mắc một điều hại nào của nước đắng giáng rửa sả này.

²⁰ Còn nếu đương dưới quyền chồng, mà ngươi lỗi đạo; nếu ngươi bị ô uế, và nếu một người nào khác hơn chồng đã nằm cùng ngươi - ²¹... Bấy giờ thầy tế lễ phải bắt người nữ lấy một lời thề trù ẻo mà thề, và nói cùng nàng rằng: Cầu Đức Giê-hô-va khiến cho ngươi trở nên một mầm rửa sả và trù ẻo giữa vòng dân sự ngươi, làm cho ngươi ốm lòi hông và phình bụng lên; ²² Nước đắng giáng rửa sả này khá chui vào ruột gan làm cho bụng ngươi

phình lên và ồm lòì hông. Người nữ sẽ nói rằng: A-men, a-men!

²³Kế đó, thầy tế lễ phải viết các lời trù ẻo này trong một cuốn sách, rồi lấy nước đắng bôi đi. ²⁴Thầy tế lễ sẽ biểu người nữ uống nước đắng giáng rửa sả, nước đắng giáng rửa sả sẽ vào trong mình nàng đắng làm cay đắng cho nàng. ²⁵Đoạn, thầy tế lễ sẽ lấy khô tay người nữ của lễ chạy về sự ghen tương, đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va và dâng lên trên bàn thờ. ²⁶Rồi lấy một nắm của lễ chạy kỷ niệm và xông trên bàn thờ; kế biểu người nữ uống nước đắng. ²⁷Vả, khi nào thầy tế lễ biểu người uống nước đắng rồi, nếu quả người có bị ô uế và phạm tội bất chánh cùng chồng mình, thì nước đắng giáng rửa sả sẽ vào mình làm cay đắng cho nàng, bụng nàng sẽ phình lên, hông nàng ồm lòì, và người nữ này sẽ làm một mầm rửa sả giữa vòng dân mình.

²⁸Còn nếu người nữ không bị ô uế, vẫn thanh sạch, thì nàng sẽ chẳng bị một điều hại nào, và sẽ sinh con.

²⁹Đó là luật lệ về sự ghen tương khi một người đàn bà, ở dưới quyền chồng mình, lỗi đạo và bị ô uế; ³⁰hoặc khi nào tính ghen phát sinh nơi người chồng mà ghen vợ mình: người phải đem vợ đến trước mặt Đức Giê-hô-va, và thầy tế lễ sẽ làm cho nàng hết thấy điều chi luật lệ này truyền dạy. ³¹Người chồng sẽ vô tội, còn người đàn bà đó sẽ mang lấy tội mình.

Sự hiện diện vinh quang của Đức Chúa Trời ngự trong trại quân Y-sơ-ra-ên (5:3; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 29:45) và vì thế trại quân phải tinh sạch và thánh khiết trước mặt Ngài. “Ta sẽ đi giữa các ngươi, làm Đức Chúa Trời các ngươi, và các ngươi sẽ làm dân Ta,” (*Lê-vi Ký* 26:12), kèm theo lời hứa nhân từ này là một trách nhiệm quan trọng: “Ta là thánh nên các ngươi phải nên thánh” (*Lê-vi Ký* 11:44-45).¹

Khái niệm về “sạch” và “không sạch” thật quan trọng trong nếp sống hằng ngày của Y-sơ-ra-ên. Tinh sạch không chỉ là vệ sinh cá nhân; mà còn phải đẹp ý Đức Chúa Trời trong việc ăn, mặc, cùng cách cư xử trong gia đình lẫn nơi công cộng. Người Y-sơ-ra-ên đang trong giai đoạn đức tin còn non trẻ, nên Đức Chúa Trời dùng những hình ảnh quen thuộc để dạy họ chân lý thuộc linh. Ngài so sánh tội lỗi với bệnh tật, sự ô uế và thánh khiết với

sức khỏe cùng sự trong sạch (*Lê-vi Ký* 11-15). Những người không sạch bị loại ra ngoài trại quân cho tới khi đáp ứng được những tiêu chuẩn nghi thức mới được vào lại.

Từ “bị ô uế” được dùng chín lần trong *Dân Số Ký* 5. Có ba loại ô uế.

Ô uế thể xác (*Dân Số Ký* 5:1-4). Các học giả không đồng ý với nhau về ý nghĩa của bệnh phong thời xưa. Một số dịch giả hiện đại thích dùng cụm từ “bệnh lây nhiễm ngoài da” hơn. Dù sao thì phong cũng là chứng bệnh kinh khiếp khiến cho nạn nhân bị ô uế theo nghi thức. Họ phải sống bên ngoài trại quân, và nếu có ai lại gần, họ phải la lên: “Ô uế, ô uế!” (xem *Lê-vi Ký* 13). Nếu được lành bệnh, họ phải qua một tiến trình thanh tẩy lâu dài trước khi được nhận lại vào trại quân (*Lê-vi Ký* 14).

Nhóm ô uế thứ hai là những người mắc bệnh bạch trược do chất bẩn độc trong người chảy ra (xem *Lê-vi Ký* 15). Sự chảy nước này có thể là tự nhiên (c.16-18, 25-30) hoặc không tự nhiên (c.1-15, 19-24), nhưng vẫn khiến cho đương sự ô uế. Có trường hợp chảy nước là do bệnh hoa liễu hoặc những bệnh lây nhiễm khác, việc cô lập họ sẽ giúp duy trì sức khỏe cho trại quân.

Nhóm thứ ba gồm những người đụng vào xác chết của người hay vật. Luật về ô uế do xác chết được giải thích trong *Dân Số Ký* 19:11-22 và *Lê-vi Ký* 21:1-4. Thây rửa thối của con vật có thể bị ô nhiễm và do đó có thể lây lan bệnh tật, nhưng ngay cả xác người cũng bị cho là ô uế. Những kẻ liệm xác người để mai táng bị ô uế theo nghi thức suốt một tuần và phải qua nghi lễ tẩy sạch rồi mới được nhận lại vào trại quân.

Mặc dù những luật này có mục đích bảo vệ sức khỏe dân chúng nhưng cơ bản là để dạy cho người Do Thái ý nghĩa của sự phân rẽ và thánh khiết. Y-sơ-ra-ên phải là một dân tộc tinh sạch bằng cách tuân phục Lời Đức Chúa Trời trong mọi lãnh vực của cuộc sống. Dân Đức Chúa Trời ngày nay cần suy nghĩ kỹ điều này: “Hãy làm cho

mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và tâm linh, lại lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh của chúng ta" (II Cô-rinh-tô 7:1).

Khi Chúa chúng ta phục vụ trên đất, Ngài bỏ qua những luật lệ về sự tinh sạch, Ngài chạm vào người phung (*Lu-ca* 5:12-15), người bị mất huyết rờ đến Ngài (8:43-48), và Ngài còn đụng vào người chết (7:11-17; 8:49-56). Sự tiếp xúc với Danh Y Đại Tài mang lại sự chữa lành cho nạn nhân nhưng không làm ô uế Con Đức Chúa Trời. Chỉ khi chết trên thập tự giá, Ngài mới mang lấy sự ô uế của chúng ta cùng "tật bịnh" khủng khiếp của tội lỗi chúng ta (*I Phi-e-rơ* 2:24; *Ê-sai* 53:4-6).

Ô uế đối với nhau (*Dân Số Ký* 5:5-10). Kẻ phạm lỗi với người khác phải thú tội và bồi thường. (Xem *Lê-vi Ký* 6:1-7; 7:1-10). Thú tội và mang của lễ chuộc lỗi đến cho thầy tế lễ vẫn chưa đủ. Kẻ phạm lỗi phải trả cho bên bị hại (hoặc một người bà con, hoặc thầy tế lễ) một khoản tiền tương đương với sự thiệt hại đã gây ra và cộng thêm 20 phần trăm. Theo cách này, Chúa dạy dân Ngài rằng giá của tội lỗi thật đắt và gây thương tổn cho con người, và sự ăn năn thật phải đền bồi xứng đáng.

Y-sơ-ra-ên sắp sửa đối đầu với kẻ thù, và không thể nào có sự đoàn kết trong quân đội nếu dân chúng xung khắc nhau do những lỗi lầm chưa được giải quyết. Binh lính sẽ xa lánh nhau và xa lánh Chúa. Kết quả chỉ là thất bại. Sự đoàn kết thật khởi đầu với việc mọi người hòa thuận với Đức Chúa Trời và với nhau.

Ô uế trong hôn nhân (*Dân Số Ký* 5:11-31). Chung thủy trong hôn nhân là nền tảng cho mọi đoàn thể, vì gia đình thế nào thì quốc gia thế ấy. Trong Y-sơ-ra-ên, tà dâm không chỉ gây ô uế những kẻ liên lụy mà luôn cả xứ nữa, và đó là tội lỗi gớm ghiếc đối với Đức Chúa Trời (*Lê-vi Ký* 18:20, 24-29). Tà dâm là tội tử hình. Nếu có bằng chứng có tội, cả gian phu lẫn dâm phụ đều bị ném đá đến chết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:22-24).

Giả sử chồng nghi vợ bất trung với mình nhưng không

có chứng cứ thì sao? Phải làm gì? Nếu ông ta nghi ngờ sai, thì tình cảm âm ỉ càng lâu, càng gây hại cho chính bản thân ông ta, cho vợ, cùng cả gia đình. Nếu nghi ngờ đúng, thì liệu tội lỗi của vợ có tạo ra vấn đề - hoặc thậm chí bệnh tật - cho gia đình không? Để giúp giải quyết tình huống khó xử này, Chúa đặt ra thử nghiệm như sau.

Trước hết chúng ta hãy xem thử tục rồi sau đó xét những vấn đề trong thử nghiệm này.²

Trước tiên, người chồng dẫn vợ tới cho thấy tế lễ tại cửa đền tạm cùng với của tế lễ được qui định (*Dân Số Ký* 5:15-16). Thử nghiệm này là một sự kiện công khai để mọi người khác có thể nhìn xem và nghe được. Tại đây, thầy tế lễ trình diện nàng cho Chúa, vì chỉ Đức Chúa Trời mới là Quan Án trong trường hợp này (c.15-16; *Lê-vi Ký* 5:1-13). Cụm từ "trước mặt Đức Giê-hô-va," xuất hiện bốn lần trong phân đoạn này (*Dân Số Ký* 5:16, 18, 25, 30), và danh Đức Giê-hô-va được đề cập hai lần trong lời thề (c.21). Tế lễ là của dâng đơn sơ, loại tế lễ của người nghèo đem dâng, và không có dầu cùng nhũ hương. Hai vợ chồng đứng trước mặt Chúa như là kẻ nghèo nhất trong đám người nghèo.

Thứ hai, thầy tế lễ lấy nước từ thùng rửa cùng với bụi đất từ sàn đền tạm trộn chung trong chậu bằng đất sét (c.17). Có lẽ bụi đất là để nhắc nhở nguồn gốc thấp hèn của con người (*Sáng Thế Ký* 2:7) cũng như số phận cuối cùng của người - cái chết (*Thi Thiên* 22:15). Thứ ba, thầy tế lễ lột trần đầu người phụ nữ, để cho những bím tóc xổ ra như thể đang để tang (*Dân Số Ký* 5:18). Tóc của người phụ nữ là vinh quang cùng sự che đậy của nàng, và trong động tác đó, nàng dâng vinh quang của mình cho Chúa và chẳng giấu gì đối với Ngài (*I Cô-rinh-tô* 11:15). Đồng thời, thầy tế lễ trao của lễ vào tay nàng.

Thứ tư, thầy tế lễ buộc người vợ thề trước mặt Đức Chúa Trời (*Dân Số Ký* 5:19) rồi sau đó công bố những rửa sả kèm theo lời thề (c.20-22). Nàng phải chịu án phạt công bình của Đức Chúa Trời bằng cách nói: "A-men, a-

men,” ngụ ý: “Mong được như vậy.”

Thứ năm, thầy tế lễ sau đó viết những lời rửa sả lên cuộn giấy rồi đem rửa trong nước đắng (c. 23).

Thứ sáu, người phụ nữ uống nước đó (c.24). Từ “đắng,” được dùng năm lần trong phân đoạn (c.18-19; 23-24), không chỉ về mùi vị của nước mà là hiệu quả của nước trong cơ thể nàng. Nếu nàng có tội, Đức Chúa Trời sẽ khiến nàng đau khổ đắng cay.

Thứ bảy, khi người phụ nữ uống nước, thầy tế lễ lấy của lễ từ tay nàng và đem dâng cho Chúa. Nếu nàng thực sự phạm tội, kết quả sẽ chứng minh điều đó. Nếu nàng mang thai, bào thai sẽ hư; hoặc nàng sẽ bị son sè suốt đời. Nàng sẽ cảm nhận những hậu quả kinh khiếp của tội lỗi mình trong cơ thể và sống mãi với những hậu quả đó cho tới chết. Dĩ nhiên, đối với phụ nữ Do Thái đã kết hôn, không con là một bi kịch, bởi lẽ nhiệm vụ quan trọng nhất trong đời nàng là sinh con kế nghiệp chồng và duy trì dòng dõi chồng mình trong Y-sơ-ra-ên (*Sáng Thế Ký* 30:1-2; *Ru-tơ* 4:14).³

Bây giờ chúng ta hãy xem xét vài vấn đề liên quan đến nghi thức này. Kinh Thánh không ghi lại là có người chồng nào đã từng dùng nghi thức đó hoặc có người vợ nào bị tố cáo, đã yêu cầu áp dụng nó. Có lẽ chính sự hiện hữu của luật lệ này cho thấy đã ngăn cản tội tà dâm và cảnh cáo là tội đó sẽ bị lộ tẩy. Rõ ràng luật này khiến cho người chồng phải dè dặt trước khi đi tìm thầy tế lễ yêu cầu xử vợ mình.

Trước hết, đây là chuyện công khai, thực hiện ngay tại cửa đền tạm, và toàn thể trại quân đều có thể nghe biết. Liệu người chồng có muốn phơi bày chuyện hôn nhân mình công khai như vậy không, nhất là khi mình chưa biết được kết quả xét xử ra sao?⁴

Hơn nữa, sự việc diễn ra tại đó cũng nói lên tình trạng giữa vợ chồng. Nếu chồng yêu vợ và bị tổn thương quá nhiều vì sự bất trung có thể có nơi vợ, thì tại sao lại muốn phơi bày công khai chuyện đó ra? Còn nếu ông ta

không yêu vợ và chỉ muốn gây tổn thương cho nàng, thì có thể là ông ta sẽ bị lúng túng khi mình bị chứng minh là đã sai lầm. Người đàn ông khôn ngoan sẽ suy nghĩ kỹ trước khi đưa vợ mình ra xét xử theo cách này.

Người chồng sẽ phải sống với hậu quả. Nếu nghi ngờ của mình sai, thì phải xin lỗi vợ và phải hành động để tái lập mối liên hệ. (Tại sao ông ta lại không bị hình phạt bằng cách nào đó vì đã cáo buộc sai?) Nếu người vợ bị chứng minh là có tội, ông ta cũng phải sống với vợ, thắc mắc không biết người yêu của nàng là ai, và đau khổ vì những hậu quả thể xác của lời rửa sả cùng tai tiếng của vợ. Người vợ không bao giờ sinh con được nữa, nhưng chồng vẫn phải nuôi vợ cùng với bất cứ đứa con nào nàng sinh ra trước khi phạm tội.

Có nhiều vấn đề khó xử liên quan với nghi thức này, nhưng chúng ta không nên bỏ lỡ sứ điệp quan trọng: Đức Chúa Trời muốn sự tinh khiết trong hôn nhân, và vợ chồng không thể tránh khỏi hậu quả đắng cay của sự bất trung trong hôn nhân. Đức Chúa Trời có thể tha thứ tội tà dâm (*Giăng* 8:1-11) và vợ chồng có thể làm lại từ đầu trong Chúa. Tuy nhiên, tà dâm gây tổn thương cho mọi người, và đôi khi cũng khó sống với những hậu quả của tội lỗi đã được tha thứ.

2. Một Dân Tộc Được Biệt riêng

Dân Số Ký 6:1-21

¹Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên rằng: bất luận người nam hay nữ, khi hứa nguyện Na-xi-rê³ đặt biệt mình riêng ra cho Đức Giê-hô-va, ⁴thì phải kiêng cữ rượu và vật uống say; chẳng nên uống hoặc giấm rượu, hoặc giấm của vật uống say; lại cũng chẳng nên uống một thứ nước nào bằng trái nho, hay là ăn nho tươi, hoặc nho khô. ⁵Trọn trong lúc người biệt mình riêng ra, chớ ăn món chi của nho sinh sản hết, từ hạt đến da. ⁶Trọn trong lúc hứa nguyện Na-xi-rê mình, chớ nên dùng dao cạo đầu; người sẽ nên thánh, và phải để tóc mọc cho đến chừng nào kỳ biệt mình riêng ra cho Đức

Giê-hô-va đã được mãn. ⁶Trọn trong lúc người biệt mình riêng ra cho Đức Giê-hô-va chớ đến gần người chết. ⁷Người chớ vì cha hoặc vì mẹ, vì anh hoặc vì chị đã chết, mà làm cho mình bị ô uế, vì dấu chỉ sự biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời vẫn ở trên đầu người. ⁸Trọn trong lúc hứa nguyện Na-xi-rê, người được biệt ra thánh cho Đức Giê-hô-va. ⁹Nếu ai chết thành linh gần bên người, làm cho ô uế đầu mình đã biệt riêng ra thánh, thì phải cạo đầu mình trong ngày được sạch, tức là ngày thứ bảy; ¹⁰qua ngày thứ tám, người phải đem hai chim cu hay là hai bồ câu con đến cho thầy tế lễ tại cửa hội mạc. ¹¹Thầy tế lễ sẽ dâng con này làm của lễ chuộc tội, con kia làm của lễ thiêu, và chuộc tội cho người đã phạm, vì cơ xác chết. Vậy, trong ngày đó người sẽ biệt đầu mình riêng ra thánh. ¹²Thế thì, người phải biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va những ngày về nguyện Na-xi-rê mình lại, và dâng một con chiên con đực giáp năm làm của lễ chuộc sự mắc lỗi, và những ngày trước không kể nữa, vì sự Na-xi-rê mình đã bị ô uế. ¹³Này là luật lệ về người Na-xi-rê: Khi nào những ngày Na-xi-rê mình đã mãn, người ta phải đem người đến tại cửa hội mạc; ¹⁴người phải dâng của lễ mình cho Đức Giê-hô-va, tức là một con chiên con giáp năm không tì vết, làm của lễ thiêu, một con chiên cái giáp năm không tì vết, làm của lễ chuộc tội, và một con chiên đực không tì vết, làm của lễ thù ân; ¹⁵một giỏ bánh không men bằng bột lọc, bánh nhỏ tười dầu, bánh trắng không men thoa dầu, luôn với của lễ chay và lễ quán cặp theo các lễ kia. ¹⁶Thầy tế lễ sẽ đem những của lễ này đến trước mặt Đức Giê-hô-va, và dâng của lễ chuộc tội cùng của lễ thiêu của người; ¹⁷rồi ngoại trừ giỏ bánh không men, dâng luôn con chiên đực làm của lễ thù ân, cùng dâng của lễ chay và lễ quán của người. ¹⁸Tại cửa hội mạc, người Na-xi-rê phải cạo đầu mình đã biệt riêng ra, lấy tóc bỏ vào lửa dưới của lễ thù ân. ¹⁹Sau khi người Na-xi-rê cạo đầu rồi, thầy tế lễ sẽ lấy cái vai chín của chiên đực, một cái bánh nhỏ không men trong giỏ, một bánh trắng không men và để trong lòng hai bàn tay người, ²⁰rồi đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va: ấy là một vật thánh về thầy tế lễ với cái o đưa qua đưa lại và cái giò dâng giờ lên. Kế đó, người Na-xi-rê được phép uống rượu. ²¹Đó là luật lệ về người Na-xi-rê đã hứa nguyện, và đây là của lễ người phải dâng cho Đức Giê-hô-va về nguyện Na-xi-rê mình, ngoại trừ của lễ nào người có thể dâng thêm. Người phải theo luật lệ về sự Na-xi-rê mình mà làm theo lời hứa nguyện của mình vậy.

Chớ lầm lẫn “người Na-xi-rê” với “người Na-xa-rét.” Chúa Giê-xu là “người Na-xa-rét” vì Ngài xuất thân từ Na-xa-rét, một thành bị người xứ Giu-đê khinh khi (Giăng 1:43-46).⁵ Từ “Na-xi-rê” trong Hê-bơ-rơ có nghĩa là “biệt riêng, dâng hiến.” Chúa Giê-xu không phải là người Na-xi-rê vì Ngài rời đến những xác chết và uống nước nho, là hai điều cấm kỵ đối với người Na-xi-rê.

Biệt riêng (Dân Số Ký 6:1-8). Người Na-xi-rê là những người nam hoặc nữ Do Thái hoàn toàn dâng mình cho Chúa để hoàn nguyện lời thề biệt riêng làm người Na-xi-rê. Lời hứa nguyện Na-xi-rê bao gồm khía cạnh tích cực lẫn tiêu cực: tích cực, ngụ ý tận trung với Đức Chúa Trời; tiêu cực, ngụ ý kiêng cử những điều Đức Chúa Trời không cho phép. Mỗi người Na-xi-rê có một mục tiêu khác nhau trong trí mình, nhưng tất cả đều muốn làm vinh danh Chúa và tuân phục Lời Ngài. Họ không tự cô lập mình với xã hội mà ngược lại, là những chứng nhân cho người khác thấy tầm quan trọng của việc hoàn toàn tận trung với Chúa. Họ chỉ hứa nguyện trong một khoảng thời gian cụ thể (*Công Vụ Các Sứ Đồ 21:23-27*) và với mục đích cụ thể.

Lời thề Na-xi-rê bao gồm ba trách nhiệm. Trước hết, không được uống rượu, nước nho, dấm, hoặc thức uống lên men, cũng không được ăn nho tươi, nho khô, hoặc ngay cả vỏ và hạt nho! Thứ hai, phải để tóc dài, làm dấu hiệu cho sự dâng mình đặc biệt cho Đức Chúa Trời. Vì cơ người Na-xi-rê nữ vốn đã có tóc dài sẵn rồi, nên có lẽ họ sẽ buông xả và hơi luộm thuộm một chút để bày tỏ lòng tận hiến. Thứ ba, không bao giờ được đụng vào xác chết, ngay cả xác của bà con gần.

Đã biệt riêng nhưng lại bị ô uế (Dân Số Ký 6:9-12). Ngoại trừ Đức Chúa Trời, chẳng ai có thể tránh được rủi ro. Người Na-xi-rê có thể bị ô uế vì vô ý. Trường hợp này người ấy phải chờ một tuần, đến ngày thứ bảy thì cạo đầu. Vì thời gian dâng hiến bị mãn hạn bất ngờ và tóc là dấu hiệu của sự dâng hiến đó, cho nên tóc ô uế phải bị

cắt bỏ. Tuy nhiên, tóc đã cắt bỏ không phải là của lễ như trường hợp người Na-xi-rê đã hoàn tất lời hứa nguyện của mình (c.18).

Vào ngày thứ tám, người Na-xi-rê nêu trên, gặp thầy tế lễ tại bàn thờ bằng đồng và dâng những của lễ theo qui định: một con chim làm của lễ chuộc tội, một con chim thứ nhì làm của lễ thiêu, và một con chiên làm của lễ về lỗi đã phạm. Như vậy sẽ giúp cho người tái dâng hiến mình cho Chúa và làm lại từ đầu. Đây là cơ hội mới để làm trọn lời thề với Chúa. Tín hữu ngày nay cần biết rằng chẳng có một thất bại nào là vĩnh viễn. Mục sư Alexander Whyte (1837-1921) của hội Trưởng Lão nói: “Đời sống Cơ Đốc đắc thắng là một loạt những khởi đầu mới.”

Sự biệt riêng được hoàn tất (Dân Số Ký 6:13-21). Khi người Na-xi-rê đã hoàn tất thành công thời gian dâng hiến thì mang của lễ đến nhờ thầy tế lễ dâng cho Chúa.⁶ Trước hết, thầy tế lễ dâng con chiên cái giáp năm làm của lễ chuộc tội, vì thời gian dâng hiến của người Na-xi-rê không giúp họ thành vô nhiễm tội. Sau đó thầy tế lễ dâng một chiên đực giáp năm làm của lễ thiêu, tượng trưng cho sự tận hiến toàn vẹn cho Chúa. Cùng với giỏ bánh không men, thầy tế lễ dâng con chiên đực làm của lễ thù ân (của lễ thông công), cộng với của lễ chay và của lễ quán. Bánh và của lễ thù ân về sau thành một phần trong bữa ăn thông công tại đền tạm để kẻ thờ phượng có thể chia sẻ với người khác. Theo luật về người Lê-vi, thầy tế lễ nhận phần chia cho mình trong các của lễ.

Một trong những phần quan trọng nhất của nghi thức chính là việc cạo đầu người Na-xi-rê rồi để tóc trên lửa bàn thờ bên dưới của lễ thù ân. Đây là của lễ đặc biệt dâng cho Chúa vì tóc dài tượng trưng cho lời nguyện mà người Na-xi-tê đã hứa với Chúa và đã hoàn tất mỹ mãn. Khi đã tuân giữ mọi huấn thị rồi, người Na-xi-rê được phép uống rượu.⁷

Không có ai được cứu nhờ thề nguyện hoặc nhờ giữ lời

thê. Sự cứu rỗi là quà tặng của Đức Chúa Trời cho kẻ tin, chứ không phải phần thưởng cho người cư xử đúng mức. Tuy nhiên, có những người được Chúa hướng dẫn thê nguyên đặc biệt với Đức Chúa Trời, không phải để nhận được điều gì từ Ngài mà để dâng hiến cho Ngài, và chừng nào mà những lời thê hứa này không đi ngược lại Kinh Thánh, thì họ được phước hạnh từ Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 22:25; 50:14; 61:5,8; 76:11; 116:14). Con người thường thê hứa với Đức Chúa Trời chỉ để Ngài cứu họ khỏi rắc rối (*Thi Thiên* 66:14; *Giô-na* 2:9), và vài người trong họ sẽ quên ngay lời hứa khi họ nhận được điều đã cầu xin. Nhưng hứa với Đức Chúa Trời mà không giữ lời là điều nguy hiểm (*Truyền Đạo* 5:1-7).

3. Một Dân Tộc Có Phước

Dân Số Ký 6:22-27

²²Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: ²³Hãy nói cùng A-rôn và các con trai người mà rằng: Các ngươi phải chúc phước cho dân Y-sơ-ra-ên như vậy:

²⁴Cầu xin Đức Giê-hô-va ban phước cho ngươi và phù hộ ngươi!

²⁵Cầu xin Đức Giê-hô-va chiếu sáng mặt Ngài trên ngươi, và làm ơn cho ngươi! ²⁶Cầu xin Đức Giê-hô-va đoái xem ngươi và ban bình an cho ngươi! ²⁷Họ phải đặt danh ta trên dân Y-sơ-ra-ên như vậy, thì ta đây sẽ ban phước cho dân đó.

Thầy tế lễ có đặc quyền phục vụ tại bàn thờ và trong đền thánh, nhưng cũng được phép nhân danh Chúa chúc phước cho dân Ngài. Ngày nay chúng ta dùng sự chúc phước này, vì nó thuộc về chúng ta cũng như thuộc về Y-sơ-ra-ên. Hội Thánh được hưởng “đủ mọi phước hạnh thuộc linh” qua Chúa Giê-xu Christ (*Ê-phê-sô* 1:3) và chúng ta hưởng được lời chúc phước này qua Ngài.

Nếu có dân tộc nào từng được phước hạnh, thì đó là dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ trong ân sủng Ngài, cứu họ khỏi ách nô lệ, ban cho họ Lời thánh của Ngài, cho họ Đất Hứa, và ở với họ trong đền thánh;

Ngài không ban những phước lành này cho dân tộc nào khác. Dĩ nhiên, phước hạnh lớn nhất vẫn là việc sai Con Ngài giáng thế qua dân Y-sơ-ra-ên, bởi lẽ “sự cứu rỗi thuộc về người Do Thái” (*Giăng* 4:22; xem *Rô-ma* 9:1-5).

Đức Chúa Trời chúng ta gồm ba thân vị: Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh. Cha là Chúa (*Thi Thiên* 110:1), Con cũng như vậy (*Rô-ma* 10:9), và Thánh Linh cũng thế (*II Cô-rinh-tô* 3:17). Bạn thấy Ba Ngôi trong *Ma-thi-ơ* 3:16-17; 28:19-20; *Giăng* 3:34-35; và *II Cô-rinh-tô* 13:14, cũng như nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh. *Ê-phê-sô* 1:3-14 thực sự là bài thánh ca dâng lên Ba Ngôi: Cha (c.3-6), Con (c.7-12), và Thánh Linh (c.13-14).

Các đại từ trong lời chúc phước này đều ở dạng số ít, ngụ ý rằng những phước hạnh của Đức Chúa Trời đến với chúng ta theo cách cá nhân; nhưng có một đại từ số nhiều trong *Dân Số Ký* 6:27: “Ta sẽ ban phước cho họ.” Đức Chúa Trời ban phước cho dân tộc bằng cách ban phước cho từng cá nhân, và bằng cách ban phước cho dân tộc, Ngài ban phước cho toàn thể giới. Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham: “Ta sẽ ban phước cho người... và người sẽ trở thành nguồn phước” (*Sáng Thế Ký* 12:2). Chúng ta đem phước hạnh cho thế giới bằng cách chia sẻ chân lý của Đức Chúa Trời, thường là qua từng người một.

Chúng ta cần những phước hạnh Đức Chúa Trời kể ra ở đây: được Chúa theo dõi chăm sóc chúng ta; được nụ cười trên mặt Ngài chiếu xuống chúng ta cùng sự giàu sang của ân sủng Ngài tuôn đổ trên chúng ta; được Ngài chú ý khi chúng ta kêu cầu; và kết quả của những điều này là được hưởng sự bình an của Ngài trong lòng chúng ta. Sự bình an (*shalom*) là một trong những từ lớn thuộc từ vựng Hê-bơ-rơ, và nó không chỉ có nghĩa là không có bão tố cùng rắc rối chung quanh chúng ta. Nó bao gồm sự yên tĩnh trong lòng chúng ta, sự khỏe mạnh thuộc linh cùng sự thịnh vượng thuộc linh, sự đầy đủ cho mọi nhu cầu của cuộc sống, và là loại sức khỏe thuộc linh vượt trên mọi hoàn cảnh. George Morrison định nghĩa “bình

an” là “sự sở hữu đầy đủ các ân sủng” như Phao-lô đã viết trong *Phi-líp* 4:6-20.

4. Một Dân Tộc Rộng Lượng

Dân Số Ký 7:1-89

¹Khi Môi-se đã dựng xong đền tạm, và đã xúc dầu cùng biệt riêng ra thánh hết thấy đồ đạc của đền tạm, xúc dầu và biệt riêng ra thánh bàn thờ và hết thấy đồ đạc của bàn thờ rồi, ²thì các trưởng tộc của Y-sơ-ra-ên, tức là các quan trưởng về những chi phái mà đã cai trị cuộc tu bộ dân, đều đem dâng lễ vật của mình. ³Vậy, các quan trưởng dâng lễ vật mình đến trước mặt Đức Giê-hô-va: Sáu xe cộ, hình như cái kiệu, và mười hai con bò đực, nghĩa là mỗi hai quan trưởng đồng dâng một xe cộ, và mỗi một người dâng một con bò đực; họ dâng lễ vật đó trước đền tạm.

⁴Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy thu nhận các lễ vật của những người này, để dùng vào công việc hội mạc; và hãy giao cho người Lê-vi, ⁵tức là cho mọi người tùy theo chức phận mình. ⁶Vậy, Môi-se bèn nhận lấy các xe cộ và những bò đực, giao cho người Lê-vi. ⁷Người giao cho con cháu Ghê-t-sôn hai xe cộ và bốn con bò đực, tùy theo chức phận của họ. ⁸Người giao cho con cháu Mê-ra-ri bốn xe cộ và tám con bò đực, tùy theo chức phận của họ, có Y-tha-ma, con trai thầy tế lễ A-rôn, làm quản lý. ⁹Nhưng người không có giao chi cho con cháu Kê-hát, vì họ mắc phần công việc về những vật thánh, và gánh vác những vật đó trên vai mình.

¹⁰Trong ngày bàn thờ được xúc dầu, các quan trưởng dâng lễ vật mình trước bàn thờ về cuộc khánh thành nó. ¹¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Các quan trưởng phải đem lễ vật mình về cuộc khánh thành bàn thờ, người này thì ngày nay, người kia thì ngày kia.

¹²Người dâng lễ vật mình ngày đầu, là Na-ha-sôn, con trai của A-mi-na-đáp, thuộc về chi phái Giu-đa. ¹³Lễ vật người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siếc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siếc-lơ, theo siếc-lơ của nơi thánh; cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ¹⁴một cái chén vàng nặng mười siếc-lơ, đầy thuốc thơm; ¹⁵một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ¹⁶một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ¹⁷và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên

con giáp năm. Đó là lễ vật của Na-ha-sôn, con trai A-mi-na-đáp.

¹⁸Ngày thứ hai, Na-tha-na-ên, con trai của Xu-a, quan trưởng Y-sa-ca, dâng lễ vật mình. ¹⁹Người dâng một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh; cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ²⁰một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ²¹một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ²²một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ²³và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Na-tha-na-ên, con trai Xu-a.

²⁴Ngày thứ ba, đến quan trưởng của con cháu Sa-bu-lôn, là Ê-li-áp, con trai của Hê-lôn. ²⁵Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh; cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ²⁶một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ²⁷một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ²⁸một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ²⁹và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Ê-li-áp, con trai Hê-lôn.

³⁰Ngày thứ tư, đến quan trưởng của con cháu Ru-bên, là Ê-lít-su, con trai Sê-đêu. ³¹Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh; cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ³²một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ³³một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ³⁴một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ³⁵và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Ê-lít-su, con trai Sê-đêu.

³⁶Ngày thứ năm, đến quan trưởng của con cháu Si-mê-ôn, là Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đai. ³⁷Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh; cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ³⁸một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ³⁹Một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁴⁰một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁴¹và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con

chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đai.

⁴²Ngày thứ sáu, đến quan trưởng của con cháu Gát, là Ê-li-a-sáp, con trai Ê-u-ên. ⁴³Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁴⁴một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ⁴⁵một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁴⁶một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁴⁷và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Ê-li-a-sáp, con trai Ê-u-ên.

⁴⁸Ngày thứ bảy, đến quan trưởng của con cháu Ép-ra-im, là Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút. ⁴⁹Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁵⁰một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ⁵¹một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁵²một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁵³và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút.

⁵⁴Ngày thứ tám, đến quan trưởng của con cháu Ma-na-se, là Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su. ⁵⁵Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁵⁶một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ⁵⁷một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁵⁸một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁵⁹và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su.

⁶⁰Ngày thứ chín, đến quan trưởng của con cháu Bê-n-gia-min, là A-bi-đan, con trai Ghi-đeo-ni. ⁶¹Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁶²một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ⁶³một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁶⁴một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁶⁵và về của lễ thù ân, hai

con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của A-bi-đan, con trai Ghi-đeo-ni.

⁶⁶Ngày thứ mười, đến quan trưởng của con cháu Đan, là A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai. ⁶⁷Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁶⁸một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ⁶⁹một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁷⁰một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁷¹và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai.

⁷²Ngày thứ mười một, đến quan trưởng của con cháu A-se, là Pha-ghi-ên, con trai của Óc-ran. ⁷³Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁷⁴một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ đầy thuốc thơm; ⁷⁵một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁷⁶một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁷⁷và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của Pha-ghi-ên, con trai Óc-ran.

⁷⁸Ngày thứ mười hai, đến quan trưởng của con cháu Nép-ta-li, là A-hi-ra, con trai Ê-nan. ⁷⁹Lễ vật của người là một cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, một cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh, cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, dùng về của lễ chay; ⁸⁰một cái chén vàng nặng mười siéc-lơ, đầy thuốc thơm; ⁸¹một con bò đực tơ, một con chiên đực, một con chiên con giáp năm, dùng về của lễ thiêu; ⁸²một con dê đực dùng về của lễ chuộc tội; ⁸³và về của lễ thù ân, hai con bò đực, năm con chiên đực, năm con dê đực, và năm con chiên con giáp năm. Đó là lễ vật của A-hi-ra, con trai Ê-nan.

⁸⁴Ấy là những lễ vật của các quan trưởng dân Y-sơ-ra-ên dâng về cuộc khánh thành bàn thờ, khi bàn thờ được xúc dầu: Mười hai đĩa bạc, mười hai chậu bạc, mười hai chén vàng; ⁸⁵mỗi cái đĩa bạc nặng một trăm ba mươi siéc-lơ, và mỗi cái chậu bạc nặng bảy chục siéc-lơ. Tổng cộng số bạc của các đĩa và chậu là hai ngàn bốn trăm siéc-lơ, theo siéc-lơ của nơi thánh. ⁸⁶Mười hai cái chén vàng đầy thuốc thơm, mỗi cái mười siéc-lơ, theo siéc-lơ của

nơi thánh; tổng cộng số vàng của chén nặng được một trăm hai mươi siếc-lơ. ⁸⁷Tổng cộng số bò đực về của lễ thiêu là mười hai con, với mười hai con chiên đực, mười hai con chiên con giáp năm, cùng những của lễ chay cặp theo, và mười hai con dê đực dùng về của lễ chuộc tội. ⁸⁸Tổng cộng số bò đực về của lễ thù ân là hai mươi bốn con với sáu mươi con chiên đực, sáu mươi con dê đực, sáu mươi con chiên con giáp năm. Ấy là lễ vật dâng về cuộc khánh thành bàn thờ, sau khi bàn thờ được xúc dầu rồi.

⁸⁹Khi Môi-se vào hội mạc dâng hầu chuyện cùng Đức Giê-hô-va, thì người nghe tiếng nói cùng mình từ trên nắp thi ân để trên hòm bảng chứng ở giữa hai chê-ru-bim; người hầu chuyện cùng Đức Giê-hô-va vậy.

Vào ngày đầu tháng thứ nhất trong năm thứ hai sau khi Y-sơ-ra-ên được giải phóng khỏi Ai Cập, đền tạm được dựng lên và cung hiến cho Chúa (*Xuất Ê-díp-tô* ký 40). Hôm đó, mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên mang của lễ đặc biệt đến dâng cho Chúa để thầy tế lễ cùng người Lê-vi dùng trong việc điều hành đền tạm. Dân chúng đã dâng hiến rộng rãi cho việc xây cất đền tạm (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 25:1-8; 35:4-36:7), và bây giờ họ đóng góp cho chức vụ cùng sự duy trì đền tạm.

Đọc lướt qua chương dài này (dài nhất trong Ngũ Kinh) độc giả có ấn tượng đây là một đoạn văn lặp đi lặp lại một ý thôi, vì suốt mười hai ngày liên tiếp, mỗi quan trưởng mang đến những của dâng giống nhau. Nhưng chúng ta chớ bỏ qua điểm quan trọng là Đức Chúa Trời lưu ý đến từng của dâng, từng quan trưởng, từng chi phái trong từng ngày một nối tiếp nhau. Mỗi quan trưởng được nhắc đến hai lần, lúc khởi đầu và kết thúc. Chúng ta gặp những quan trưởng này trong *Dân Số* Ký 1:5-16 và 2:3-32. Thứ tự giống như đã được định cho Y-sơ-ra-ên khi họ di chuyển tới một địa điểm mới.

Dù không thể nào đánh giá đúng các của dâng này, nhưng ta biết chắc đây là của lễ rất đắt giá. Chắc là mười hai quan trưởng phải họp lại để quyết định dâng lễ vật gì. Các của dâng đều đắt giá và hữu dụng. Những đĩa

cùng chén bạc, và đĩa bằng vàng cần thiết cho công việc của thầy tế lễ trong đền tạm, cũng như bột cùng hương đựng trong đó. Dĩ nhiên hai mươi một con vật dùng làm của lễ mà mỗi quan trưởng đem đến là một tổn kém đáng kể. Tổng cộng lên tới 252 con thú!

Chính sự kiện Đức Chúa Trời lưu ý và ghi lại từng danh tính cùng từng món dâng cho thấy tình yêu cùng mối quan tâm của Ngài đối với từng cá nhân tín hữu. Ngài biết tên chúng ta (*Giăng* 10:3) và đã ghi tên từng người vào sổ trên trời của Ngài (*Lu-ca* 10:20; *Phi-líp* 4:3). Khi chúng ta đứng trước mặt Chúa, Ngài sẽ nhìn chúng ta từng người một, “và rồi mỗi người sẽ ca ngợi Đức Chúa Trời” (*I Cô-rinh-tô* 4:5) và “mỗi người sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình làm” (3:8). Sẽ chẳng có ai bị sót tên và bị bỏ quên.

Đa-vít nhớ đến “những người mạnh bạo” của mình (*II Sa-mu-ên* 23:8-39), Phao-lô gửi lời chào thăm và cảm tạ đến các bạn tại La Mã (*Rô-ma* 16), hai mươi sáu người trong số này được nêu đích danh, còn hai người khác chỉ đề cập. Đa-vít là một chiến sĩ tài ba, nhưng nếu không có những người mạnh bạo giúp đỡ thì ông chẳng làm được việc gì. Phao-lô là một sứ đồ và nhà truyền giảng Phúc Âm nổi danh, nhưng ông cần nhiều người phụ giúp mới thi hành được sứ mạng.

Giống như dân Chúa ngày xưa, Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài ngày nay cũng trong sạch và biệt riêng, “tránh khỏi sự ô uế của thế gian” (*Gia-cơ* 1:27). Campell Morgan nói, khi Hội Thánh càng ít giống thế gian, thì Hội Thánh làm được nhiều nhất cho thế gian. Chúng ta là một dân tộc được phước của Chúa, và khi hưởng những phước hạnh này, ta phải có trách nhiệm đối với người khác. Đức Chúa Trời muốn chúng ta là một dân tộc rộng lượng, hỗ trợ Hội Thánh địa phương và giúp công việc Chúa khắp thế giới theo sự hướng dẫn của Ngài.

Chú thích

¹ Lời dạy này được lặp lại trong *Lê-vi Ký* 19:2; 20:7, 26; 21:8; và *I Phi-e-rơ* 1:15-16.

² Khi đối chiếu các câu 16, 18-19, 21, 24 và 26, ta có ấn tượng là một số hành động được lặp lại hai lần, nhưng không phải như vậy. Câu 24 chỉ bảo là thầy tế lễ sẽ đưa nước cho nàng, trong khi câu 26 nói là người phụ nữ uống nước đó. Câu 16 nói ý định của người chồng “đứng trước mặt Đức Giê-hô-va,” trong khi câu 18 mô tả hành động chính thức của thầy tế lễ. Trong câu 19, thầy tế lễ buộc nàng phải thề, trong khi ở câu 21, thì ông công bố rửa sả kèm theo lời thề.

³ Theo bản NIV, hình phạt cho tội của nàng là bị ốm lòi hông và bụng phình lên (c.21, 27). Ngoài lễ có ghi “tử cung bị hư thai và son sề.” Những hình phạt này ngụ ý rằng, sau khi bị xét xử, người vợ có tội cùng người chồng nghi ngờ vẫn tiếp tục những liên hệ hôn nhân bình thường; nếu không làm sao nàng thụ thai để rồi hư thai hoặc để chứng minh là dạ con nàng bị son sề?

⁴ Tôi không bỏ qua sự kiện là động cơ của người chồng có thể là rất cao thượng, tức là muốn loại trừ tội lỗi khỏi trại quân Y-sơ-ra-ên. Nhưng người phụ nữ không bị ném đá và tội nhân không bị loại ra khỏi trại quân. Nàng vẫn tiếp tục sống trong trại quân, tuy phải mang nỗi đau của tội lỗi.

⁵ *Ma-thi-ơ* 2:23 nói rằng danh hiệu “người Na-xa-rét” được gán cho Chúa để ứng nghiệm điều các tiên tri đã viết, nhưng chúng ta không thấy có lời tiên tri nào như thế trong Cựu Ước. Tuy nhiên, các tiên tri có thông báo rằng Đấng Mết-si-a sẽ nghèo khó và bị khước từ cũng như bị sỉ nhục, và Na-xa-rét là thành bị nhiều người khinh khi xem thường. Khi Chúa Giê-xu được liên kết với Na-xa-rét, và thậm chí mang lấy tên của thành này lên thập tự giá đầy sỉ nhục (*Giăng* 19:19), Ngài mang lấy sỉ nhục của tội nhân và tự đồng hóa mình với nhân loại bị

khinh khi và khước từ.

⁶ Về ý nghĩa những của lễ Do Thái đối với tín hữu ngày nay, xin xem sách của tôi về *Lê-vi Ký*, *Be Holy*, do Chariot Victor xuất bản.

⁷ Không có chỗ nào trong Kinh Thánh lên án rượu. Người Do Thái xem rượu là quà tặng và phước hạnh từ Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 104:13-15; *Các Quan Xét* 9:13). Tuy nhiên, rõ ràng có lên án việc say rượu (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:20-21; *Châm Ngôn* 20:1; 23:20-21, 29-35; *Ê-sai* 5:11, 22; *Ha-ba-cúc* 2:15-16; *Lu-ca* 21:34; *Rô-ma* 13:13-14; *I Cô-rinh-tô* 5:11; *Ê-phê-sô* 5:18; *I Phi-e-rơ* 4:3-5).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG HAI

Dân Số Ký 5-7

1. Bằng cách nào đôi khi Cơ Đốc nhân chính là chương ngại lớn nhất của việc truyền giáo?
2. Đức Chúa Trời nhấn mạnh vấn đề sạch và không sạch nhằm mục đích cơ bản nào?
3. Các luật về thú tội và bồi thường có tầm quan trọng ra sao?
4. Dùng phương cách nào để thử nghiệm tội ngoại tình?
5. Tại sao nam giới và nữ giới hứa nguyện làm người Na-xi-rê?
6. Khi nào thì cần hứa nguyện với Chúa ngày nay? Khi nào không thích hợp?
7. Bạn bày tỏ lòng tận hiến hoàn toàn cho Chúa theo những cách nào?
8. Khi bạn đọc hoặc nghe phước hạnh của A-rôn, những chi tiết nào đặc biệt cảm động bạn?
9. Chúng ta có thể được khích lệ và thách thức gì từ chuyện dài về các cửa lễ của các trưởng chi phái?
10. Bạn có thể dâng cho Chúa cửa lễ đặc biệt nào?

CUNG HIẾN VÀ ĂN MỪNG - PHẦN II

*Dân Số Ký 8; 9:15-10:10**

Chúng ta tiếp tục theo dõi những sự kiện diễn ra trong trại quân Y-sơ-ra-ên tại núi Si-nai vào ngày đền tạm được dựng lên và cung hiến cho Đức Chúa Trời (7:1; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 40:2, 17). Đó là ngày đầu tháng thứ nhất trong năm thứ hai sau khi Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập.

Mọi điều được thực hiện trong trại quân đều do lệnh của Chúa. Trong nơi thánh của đền tạm, trước màn che, Môi-se nói chuyện với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời phán với Môi-se từ nắp thi ân (*Dân Số Ký* 7:89). Sau đó Môi-se chuyển lệnh truyền của Đức Chúa Trời đến dân Y-sơ-ra-ên. “Đức Giê-hô-va đối diện phán cùng Môi-se, như một người nói chuyện cùng bạn hữu mình” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 33:11).

Hai điều cần để ý: mặc khải thiên thượng và quyền lãnh đạo được chỉ định từ trời. Toàn bộ dân của Đức Chúa Trời đều là thầy tế lễ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:6; *I Phi-e-rơ* 2:5, 9)¹, nhưng Chúa đã cho dân Ngài những người lãnh đạo thuộc linh (*Ê-phê-sô* 4:11-16) và dân Chúa phải tôn trọng và tuân phục người lãnh đạo (*Dân Số Ký* 12:6-8; *Hê-bơ-rơ* 13:7-9, 17). Trong Hội Thánh ngày nay, Đức Chúa Trời không nói thẳng với dân Ngài như Ngài nói với Môi-se; nhưng khi con dân Đức Chúa Trời cùng thờ phượng chung, cầu nguyện, và học Lời Chúa, thì Ngài bày tỏ ý muốn Ngài. “Hãy xem xét mọi việc; điều chi lành thì giữ lấy” (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:21). Đức Chúa Trời nói với Môi-se ba điều quan trọng: chăm sóc đền (*Dân Số Ký* 8:1-4), cung hiến người Lê-vi (c.5-26), và tuân phục sự hướng dẫn của Ngài khi cả nước tiến vào Ca-na-an (9:15-

10:10).

1. Chăm Sóc Đèn

Dân Số Ký 8:1-4

¹Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy nói cùng A-rôn: Khi nào người đặt các đèn, thì bảy ngọn đèn phải chiếu trên phía trước chân đèn. ³A-rôn bèn làm như vậy; đặt bảy ngọn đèn trên phía trước chân đèn, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ⁴Vả, chân đèn đã làm theo cách này: làm bằng vàng đánh dát, cho đến cái chân và những cái hoa đều đánh dát. Ấy vậy, người ta làm chân đèn theo như kiểu mà Đức Giê-hô-va đã chỉ cho Môi-se xem.

Đèn tạm được chia thành hai phần: nơi chí thánh có vinh quang của Đức Chúa Trời ngự trên nắp thi ân trên hòm giao ước, và nơi thánh được ngăn cách với nơi chí thánh bởi bức màn che. Có ba vật dụng trong nơi thánh: bàn để mười hai ổ bánh, bàn thờ xông hương bằng vàng trước bức màn, và chơn đèn vàng có bảy ngọn đèn.²

Khi đèn tạm được cung hiến cho Chúa, vinh quang Đức Chúa Trời ngự vào đó (*Xuất Ê-díp-tô Ký 40:34-35*) và lửa của Đức Chúa Trời thiêu hết những của lễ trên bàn thờ (*Lê-vi Ký 9:23-24*). Nhưng Đức Chúa Trời không thấp sáng bảy ngọn đèn trên chân đèn vàng trong nơi thánh. Đây là nhiệm vụ của A-rôn, thầy tế lễ cả, vì ông cùng với các con trai lẫn cháu chắt mình có trách nhiệm quan trọng là phải chăm sóc chân đèn, tia tim đèn, châm thêm dầu thánh, và bảo đảm đèn luôn chiếu sáng. (Xem *Xuất Ê-díp-tô Ký 25:31-40; 27:20-21; 37:17-24; Lê-vi Ký 24:1-3*.)

Vì nơi thánh không có cửa sổ, nên nguồn sáng duy nhất chính là chân đèn vàng bên trái bàn thờ xông hương trước màn che. Chúng ta không biết được kích thước của chân đèn, chỉ biết hình dạng thôi. Chân đèn được đúc bằng vàng ròng nặng khoảng ba chục ký, có sáu nhánh và một thân chính giữa. Các nhánh được trang trí

bằng những “bầu và hoa” thật đẹp (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:33). Ở đầu mỗi nhánh cùng thân chính giữa có gắn một ngọn đèn đốt bằng dầu ô-liu do dân Y-sơ-ra-ên cung cấp (27:20-21).³

Chắc chắn A-rôn đã lấy lửa từ bàn thờ để thắp bảy ngọn đèn. A-rôn cùng các con trai có nhiệm vụ tía tim đèn và châm thêm dầu mỗi sáng và tối khi họ dâng hương nơi bàn thờ (30:7-8). Thiếu ánh sáng này, các thầy tế lễ không thể nhìn thấy để phục vụ trong nơi thánh. A-rôn phải xoay các ngọn đèn chiếu “phía trước chân đèn” (*Dân Số Ký* 8:3) để cho ánh sáng chiếu lên bàn bánh trần thiết và lan khắp nơi thánh.

Chân đèn này mang ý nghĩa gì? Vì đèn tạm, các trang thiết bị, cùng dịch vụ của đèn tạm đều nói về thân vị và công việc của Chúa Giê-xu Christ (*Hê-bơ-rơ* 9), cho nên chân đèn chắc chắn cũng là biểu tượng về Chúa Giê-xu Christ là Ánh Sáng của thế gian (*Giăng* 8:12). “Đức Chúa Trời là sự sáng” (*I Giăng* 1:5), và chỉ qua sự mạc khải của Ngài chúng ta mới thấy và hiểu được chân lý thuộc linh.

Chân đèn nhắc nhở cho thầy tế lễ rằng Y-sơ-ra-ên được kêu gọi làm ánh sáng cho thế giới dân ngoại (*Ê-sai* 42:6; 49:6). Nếu dân Chúa không vâng phục Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài đúng như Ngài truyền dạy thì ánh sáng chứng nhân của Y-sơ-ra-ên sẽ trở thành lu mờ và cuối cùng lịm tắt. Đó chính là điều đã diễn ra, và lỗi một phần là do các thầy tế lễ (*Ca Thương* 4:13). Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể nhìn thấy các thầy tế lễ khi họ phục vụ trong nơi thánh. Các thầy tế lễ phải nhớ điều này mà hết lòng tuân phục và tôn kính Ngài.

Nhưng trước khi lên án Y-sơ-ra-ên, chúng ta xét xem ánh sáng chứng nhân của các Hội Thánh ngày nay chiếu rọi và lan rộng tới mức nào? “Phàm làm việc gì chớ nên làm bầm và lương lự, hầu cho anh em ở giữa dòng dõi hung ác ngang nghịch được nên con cái của Đức Chúa Trời, không vít, không tì, không chỗ trách được, lại giữa dòng dõi đó, giữ lấy đạo sự sống, chiếu sáng như đuốc

trong thế gian" (*Phi-líp* 2:14-16; xem *Ma-thi-ơ* 5:14-16). Y-sơ-ra-ên được tiêu biểu bằng một chân đèn, nhưng Hội Thánh địa phương được tiêu biểu như những chân đèn riêng rẽ với Chúa Giê-xu ở giữa, xem xét, và khuyên lơn cảnh cáo dân Ngài (*Khải Thị* 1:12-20). Nếu ngọn đèn của một Hội Thánh nào không chiếu sáng đúng mức, thì Chúa có thể cất lấy chân đèn (2:5). Thà Ngài không có Hội Thánh trong một thành phố còn hơn có Hội Thánh không yêu mến Ngài, do đó làm chứng xấu cho Ngài.

Dầu đốt đèn là biểu tượng của Thánh Linh Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất có thể ban năng quyền để chúng ta làm chứng hữu hiệu cho Đấng Christ (*Xa-cha-ri* 4:1-4; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:8). Một Hội Thánh đầy dẫy Thánh Linh có thể gặp sự chống đối và tiếp tục can đảm làm chứng cho Chúa Giê-xu Christ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 4:23-33).

2. Cung Hiến Người Lê-vi

Dân Số Ký 8:5-16

⁶Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ⁶"Hãy chọn lấy người Lê-vi ở trong vòng dân Y-sơ-ra-ên và dọn cho họ được sạch. ⁷Này là điều người phải làm cho họ được sạch: Người phải rảy nước rửa tội trên mình họ; họ phải cạo hết thủy cùng mình, giặt quần áo, và dọn cho mình được sạch. ⁸Đoạn, họ phải bắt một con bò đực với của lễ chay bằng bột lọc nhồi dầu cặp theo; còn người bắt một con bò đực tơ thứ nhì dùng về của lễ chuộc tội; ⁹rồi biểu người Lê-vi đến gần trước hội mạc và nhóm cả hội chúng Y-sơ-ra-ên. ¹⁰Vậy, người phải biểu người Lê-vi đến gần trước mặt Đức Giê-hô-va, rồi dân Y-sơ-ra-ên sẽ đặt tay trên mình người Lê-vi. ¹¹A-rôn sẽ dâng người Lê-vi làm của lễ do phần dân Y-sơ-ra-ên mà đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va, và họ sẽ được phần làm công việc của Đức Giê-hô-va. ¹²Đoạn, người Lê-vi sẽ đặt tay trên đầu hai con bò đực, và người phải dâng con này làm của lễ chuộc tội và con kia làm của lễ thiêu cho Đức Giê-hô-va, để làm lễ chuộc tội cho người Lê-vi. ¹³Kế đó, người phải biểu người Lê-vi đứng trước mặt A-rôn và các con trai người, rồi dâng họ như một của lễ đưa qua đưa lại cho Đức Giê-

hồ-và. ¹⁴Như vậy người sẽ biệt riêng ra người Lê-vi với dân Y-sơ-ra-ên, và người Lê-vi sẽ thuộc về ta.

¹⁵Sau việc ấy, người Lê-vi sẽ đến dâng làm công việc của hội mạc. Ấy, người sẽ làm cho họ được sạch và dâng như của lễ đưa qua đưa lại vậy. ¹⁶Bởi vì, giữa dân Y-sơ-ra-ên người Lê-vi ban trọn cho ta; ta đã chọn lấy họ về ta thế cho hết thầy con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên

Nếu A-rôn cùng các con trai là “tư tế chính thức” trong trại quân, phục vụ tại bàn thờ và trong đền tạm, thì người Lê-vi là tín hữu bình thường làm trợ tá các thầy tế lễ. Người Lê-vi được chọn “từ con cái Y-sơ-ra-ên” (c.6, 14, 16, 19) thay thế các con trưởng nam thuộc về Chúa (c.16-18; xem 3:40-51 và *Xuất Ê-díp-tô Ký* 13). Người Lê-vi thuộc về Chúa (*Dân Số Ký* 8:14) và Ngài giao họ cho các thầy tế lễ (c.19). Người Lê-vi coi sóc đền tạm, hạ đền tạm xuống mỗi lần di chuyển, khiêng đền tạm trong cuộc di dời, rồi dựng lại tại địa điểm mới.

Vì phục vụ Đức Chúa Trời trong đền tạm, nên người Lê-vi phải được biệt riêng cho Chúa. Trước hết, họ được thanh tẩy bằng nước (c.5-7), nhưng không giống thầy tế lễ, họ chỉ được rảy nước chứ không tắm gội toàn thân (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 29:4). Có thể là A-rôn đã rảy nước trên cả tập thể 22.000 người Lê-vi (*Dân Số Ký* 3:39) chứ không phải chỉ là một nhóm. Để tiếp tục thanh tẩy, người Lê-vi phải cạo khắp người (xem *Lê-vi Ký* 14:8-9) và giặt quần áo. (Khi dâng mình cho Đức Chúa Trời, thầy tế lễ được phát cho y phục đặc biệt để mặc vào và không phải cạo người. Xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:5-9.)⁴

Người Lê-vi được trình diện cho Đức Chúa Trời như “những của lễ sống” (*Dân Số Ký* 8:8-14; xem *Rô-ma* 12:1). Các quan trưởng chi phái, đại diện cho cả nước, đặt tay lên người Lê-vi để cung hiến, với ý nghĩa: “Các anh là những người thay mặt, phục vụ Đức Chúa Trời thế cho chúng tôi.” Đến phiên mình, người Lê-vi lại đặt tay lên hai bò con đực, một là của lễ chuộc tội và một là của lễ

thieu. Thanh tẩy bằng nước vẫn chưa đủ, cũng cần phải thanh tẩy bằng huyết nữa. Của lễ thieu nói lên sự cung hiến toàn vẹn cho Chúa.

Khi đã hoàn tất những thủ tục qui định, người Lê-vi được phép bắt đầu phục vụ Chúa và phụ giúp thầy tế lễ trong các công việc khác nhau tại đền tạm (*Dân Số Ký* 8:15-26). *Dân Số Ký* 4:3 bảo rằng công việc của họ bắt đầu khi họ được ba mươi tuổi, nhưng 8:24 thì nói hai mươi lăm tuổi. Có thể là người Lê-vi có năm năm thực tập trước khi bước vào chức vụ chính thức tại đền tạm, chắc chắn có nhiều điều phải học. Khi người Lê-vi được năm mươi tuổi, họ được miễn bớt những nhiệm vụ vất vả nhưng vẫn được phép phụ giúp thầy tế lễ khi cần thiết.⁵

Một số nguyên tắc thực tế liên quan đến nghi lễ Cơ Đốc phát xuất từ việc cung hiến người Lê-vi. Trước hết, chính Đức Chúa Trời lựa chọn, trang bị, và cung hiến dân Ngài cho công tác thuộc linh mà chúng ta phải tuân thủ. Thầy tế lễ lo công việc tại đền tạm có người Lê-vi giúp đỡ. Mỗi thầy tế lễ đều do từ nhà A-rôn, và không có người Lê-vi nào được thay chỗ cho thầy tế lễ. Người Lê-vi không được phép phục vụ tại bàn thờ, mặc y phục thầy tế lễ, hoặc bước vào nơi thánh (3:10, 38; 4:15-20; 18:1-7; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:1; 29:9.)

Những phân biệt này không hề khinh rẻ người Lê-vi hoặc giảm thiểu tầm quan trọng của công việc họ. Về sau, khi một số người Lê-vi tìm cách xâm nhập hàng ngũ tế lễ, Đức Chúa Trời đã hình phạt họ nặng nề (*Dân Số Ký* 16-17). Chẳng có lý do gì để kiêu hãnh khi được làm thầy tế lễ và chẳng có lý do để hổ thẹn khi làm người Lê-vi, vì mọi điều là do lòng nhân từ của Đức Chúa Trời (*Giăng* 3:27; *I Cô-rinh-tô* 4:7). Không hề có ganh đua trong công việc Đức Chúa Trời, vì "mỗi người sẽ lãnh phần thưởng tùy theo việc mình làm" (3:5-8).

Nguyên tắc thứ nhì là những kẻ phục vụ trước tiên phải phục vụ Chúa rồi sau đó phục vụ dân Ngài. Đây tớ của Đức Chúa Trời phải là những của lễ sống, "một của

lễ cho Đức Giê-hô-va” (*Dân Số Ký* 8:13; *Rô-ma* 12:1). Chúng ta phục vụ Chúa bằng cách phục vụ dân Ngài, nhưng mệnh lệnh phải đến từ Đức Chúa Trời. “Vì có Chúa Giê-xu mà chúng tôi xưng mình là tội tớ của anh em” (*II Cô-rinh-tô* 4:5). Dù Chúa có giao công tác nào cho chúng ta, công tác đó vẫn quan trọng đối với công việc Ngài, và chúng ta phải làm cách vui vẻ và cẩn thận.

Cuối cùng, cả người Lê-vi lẫn thầy tế lễ đều buộc phải bảo vệ đền thánh Đức Chúa Trời khỏi bị người lạ đột nhập (*Dân Số Ký* 8:19, và xem 1:53). Thầy tế lễ và người Lê-vi đóng trại chung quanh khuôn viên đền tạm chống lại những kẻ muốn xâm nhập khu vực thánh và do đó rước lấy hình phạt của Đức Chúa Trời. Cho nên ngày nay, cấp lãnh đạo trong Hội Thánh địa phương phải siêng năng bảo vệ bầy chiên khỏi những kẻ muốn tiêu diệt chiên. “Anh em hãy giữ lấy mình và luôn cả bầy,” Phao-lô khuyên cấp lãnh đạo tại Hội Thánh Ê-phê-sô như thế (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:28), và ông cảnh cáo họ rằng kẻ thù nguy hiểm sẽ nổi dậy từ bên ngoài Hội Thánh lẫn bên trong hội chúng (c.29-31). Đầy tớ của Đức Chúa Trời phải luôn luôn cảnh giác và can đảm đối đầu kẻ thù nghịch chân lý của Đức Chúa Trời.

3. Đi Theo Sự Hướng Dẫn của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 9:15-10:10

¹⁵Vả, ngày người ta dựng đền tạm, thì trụ mây bao phủ đền tạm và Trại chúng có; ban chiều có một vầng lửa ở trên đền tạm cho đến sáng mai. ¹⁶Hằng có như vậy; ban ngày trụ mây bao phủ đền tạm, và ban đêm giống như có lửa. ¹⁷Mỗi khi trụ mây cất lên khỏi Trại, thì dân Y-sơ-ra-ên ra đi; trong nơi nào trụ mây dừng lại, thì dân Y-sơ-ra-ên hạ trại ở đó. ¹⁸Dân Y-sơ-ra-ên ra đi theo mạng Đức Giê-hô-va, và hạ trại theo mạng Đức Giê-hô-va. Trọn trong lúc trụ mây ngự trên đền tạm, thì dân Y-sơ-ra-ên cứ đóng trại. ¹⁹Khi nào trụ mây ngự lâu trên đền tạm, thì dân Y-sơ-ra-ên vâng theo mạng Đức Giê-hô-va, chẳng hề ra đi. ²⁰Nhưng khi nào trụ mây ít ngày trên đền tạm, thì dân

Y-sơ-ra-ên cứ vâng theo mạng Đức Giê-hô-va mà hạ trại và ra đi. ²¹Khi trụ mây ngự tại đó từ buổi chiều đến sáng mai, và khi đến sáng mai trụ mây cất lên, thì ra đi; không cứ ngày hay đêm trụ mây cất lên, thì họ ra đi. ²²Trụ mây ngự trên đền tạm hoặc hai ngày, hoặc một tháng, hoặc lâu hơn nữa, thì dân Y-sơ-ra-ên cứ đóng trại, không hề ra đi; nhưng khi trụ mây cất lên, thì họ ra đi. ²³Dân Y-sơ-ra-ên hạ trại và ra đi tùy theo mạng Đức Giê-hô-va; họ theo chương trình của Đức Giê-hô-va, tùy mạng Ngài đã dạy Môi-se mà truyền cho.

10

Hai ống loa bằng bạc

¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy làm hai ống loa bằng bạc, đánh dát, dùng cho người để nhóm hiệp hội chúng và truyền cho các trại quân ra đi. ³Khi nào người ta thổi loa, toàn hội chúng sẽ nhóm lại gần bên người, tại cửa hội mạc. ⁴Nếu người ta thổi chỉ một ống loa, thì các quan trưởng, tức là các quan tướng đội quân Y-sơ-ra-ên phải nhóm lại gần bên người; ⁵khi các người thổi tiếng vang, thì những trại quân ở về hướng đông phải ra đi. ⁶Khi các người thổi tiếng vang lần thứ nhì, thì những trại quân ở về hướng nam phải ra đi; người ta sẽ thổi tiếng vang khi nào các trại quân phải ra đi vậy. ⁷Khi nhóm hội chúng, các người phải thổi, nhưng đừng thổi tiếng vang. ⁸Các con trai A-rôn, là những thầy tế lễ, sẽ thổi những ống loa. Từ đời này sang đời kia, ấy sẽ là một lệ định đời đời cho các người. ⁹Khi nào trong xứ các người phải ra chiến trận cùng kẻ thù nghịch xông đánh mình, thì phải thổi loa tiếng vang; Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người sẽ nhớ lại các người, và các người sẽ được giải thoát khỏi kẻ thù nghịch. ¹⁰Trong những ngày vui mừng, trong các lễ trọng thể và đầu tháng của các người, thì phải thổi loa khi dâng những của lễ thiêu và của lễ thù ân mình; loa sẽ dùng làm kỷ niệm trước mặt Đức Chúa Trời của các người. Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người.

Người Y-sơ-ra-ên là một dân lữ khách, đi qua đồng vắng như một đạo binh, và họ thường xuyên cần sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Mục tiêu của họ là Đất Hứa, và Đức Chúa Trời, Đấng giải cứu họ khỏi Ai Cập, hứa đưa họ vào nhận sản nghiệp nếu họ tin cậy và vâng phục ý muốn Ngài.

Biết ý muốn Đức Chúa Trời và làm theo là điều tối quan trọng đối với nếp sống Cơ Đốc. Giê-rê-mi thật đúng khi ông nói: “Lạy Đức Giê-hô-va, tôi biết đường của loài người chẳng do nơi họ, người ta đi, chẳng có quyền dẫn đưa bước của mình” (*Giê-rê-mi* 10:23). Con cái Đức Chúa Trời mà không biết nói: “Nếu Chúa muốn” thì thất vọng và thất bại (*Gia-cơ* 4:13-17).

Để giúp chúng ta ngày nay quyết định và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, chúng ta có Thánh Linh trong lòng mình (*Rô-ma* 6:26-27; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 16:6-7), Lời Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng ta (*Thi Thiên* 119:105), và Chúa Cứu Thế ở trên chúng ta cầu thay và gìn giữ chúng ta (*Rô-ma* 8:28-34). Để dẫn dắt Y-sơ-ra-ên trong hành trình của họ, Đức Chúa Trời cho họ trụ mây ban ngày và trụ lửa ban đêm (*Dân Số Ký* 9:15-23); và để thông báo ý muốn Đức Chúa Trời cho dân Chúa, Ngài truyền lệnh cho các thầy tế lễ thổi hai cây kèn bạc (10:1-10).

Trụ mây và lửa (*Dân Số Ký* 9:15-23). Trụ kỳ diệu này xuất hiện đầu tiên trong lần Xuất Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 13:21-22) và cùng đi với dân Y-sơ-ra-ên suốt hành trình của họ (*Nê-hê-mi* 9:19).⁶ Khi người Y-sơ-ra-ên dựng trại, trụ này lượn lờ trên đền tạm ngay giữa trại quân, ngày đêm nhắc nhở dân Chúa rằng có Đức Chúa Trời ở với (*Dân Số Ký* 9:17).

Bạn thấy cụm từ “theo mạng Đức Giê-hô-va” (c.18, 20, 23) xuất hiện bảy lần trong phân đoạn này. Chính Chúa ra lệnh cho trụ này di chuyển. Ngài không hỏi ý kiến các quan trưởng của dân chúng (*Ê-sai* 40:13-14). Dân Đức Chúa Trời cũng chẳng đoán trước được Đức Chúa Trời sẽ làm gì kế tiếp. Trụ có thể dừng lại suốt đêm rồi di chuyển vào sáng mai, hoặc có thể lưu lại hai ngày, một tháng, thậm chí một năm. Nhưng bất cứ khi nào trụ di chuyển, dù ngày hoặc đêm, thì người Do Thái cũng phải sẵn sàng thu dọn để đi theo.

Điều thú vị cần lưu ý là trụ kỳ diệu này mang ánh sáng

cho dân Y-sơ-ra-ên nhưng lại là bóng tối cho kẻ thù họ (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 14:19-20). Trên phương diện này, trụ tượng trưng cho Lời Đức Chúa Trời, vì những người không biết Đấng Christ bằng đức tin, không hiểu được Lời Ngài nói gì (*I Cô-rinh-tô* 3:12-16). Để hiểu Đức Chúa Trời, chúng ta phải thuận phục ý muốn Đức Chúa Trời, và bước đầu tiên là đặt niềm tin cứu rỗi trong Chúa Giê-xu Christ (*Ê-phê-sô* 2:8-9). Sau đó, bước ra khỏi bóng tối, vào vùng sáng kỳ diệu của Đức Chúa Trời (*Giăng* 3:18-21; *I Phi-e-rơ* 2:9; *II Cô-rinh-tô* 4:6; *Cô-lô-se* 1:13).

Thầy tế lễ và người Lê-vi sống gần đền tạm, có lẽ đã cất người canh chừng ngày đêm để biết lúc nào trụ di chuyển. Nếu chúng ta thật lòng muốn biết ý chỉ Đức Chúa Trời, mắt chúng ta phải luôn mở và cảnh giác mọi lúc. Tân Ước mô tả thái độ cảnh giác và mong đợi này bằng từ "tỉnh thức" (*Ma-thi-ơ* 24:42; 25:13; *I Cô-rinh-tô* 16:13; *I Tê-sa-lô-ni-ca* 5:6; *I Phi-e-rơ* 4:7).

Chúa Giê-xu gọi chính Ngài là "Sự Sáng của thế gian" (*Giăng* 8:12), và Ngài hứa cho những kẻ theo (tin cậy) Ngài rằng họ sẽ không bao giờ đi trong tối tăm. Thật là đặc ân lớn được "bước đi trong ánh sáng" và tận hưởng mối thông công với Đức Chúa Trời cùng dân Ngài (*I Giăng* 1:4-10). Bước đi trong tối tăm có nghĩa là đi ra ngoài ý muốn Đức Chúa Trời, ra khỏi phước hạnh của Đức Chúa Trời, và có nguy cơ bị Đức Chúa Trời kỷ luật. Tại sao lại sống trong bóng tối khi bạn có thể được chiếu sáng bởi gương mặt tươi cười rạng rỡ của Đức Chúa Trời? (*Dân Số* Ký 6:24-26).

Kèn bằng bạc (10:1-10).⁷ Hai dụng cụ này do thầy tế lễ, chứ không phải người Lê-vi thổi, mặc dù người Lê-vi đã trở thành những nhạc sĩ chính thức của cả nước (*I Sử Ký* 23:30; 25:1-3). Hai cây kèn này được sử dụng, không để đệm cho việc thờ phượng, mà để truyền lệnh cách nhanh chóng cho trại quân Y-sơ-ra-ên.⁸ Các quan trưởng và dân chúng không chỉ mở mắt theo dõi trụ trên đền tạm mà còn phải lắng tai nghe tiếng kèn nữa.

Nếu Môi-se muốn triệu tập dân chúng hoặc quan trưởng, thì thích hợp nhất là dùng tiếng kèn. Hai tiếng kèn kêu gọi dân chúng, còn một tiếng thì kêu gọi quan trưởng. Khi tới lúc dời trại thì tiếng kèn ra hiệu cho từng ba chi phái một di chuyển, bắt đầu với Giu-đa, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn ở đầu phía đông của đền tạm. Kèn cũng thổi báo lệnh truyền cho binh lính chuẩn bị ra trận (*Dân Số Ký* 31:1-6; *II Sử Ký* 13:13-15). *Dân Số Ký* 10:9 mô tả tiếng kèn này như lời cầu nguyện trước mặt Đức Chúa Trời để Ngài ban đắc thắng cho dân chúng trong chiến trận.

Ngay cả sau khi cả nước ổn định trong Đất Hứa rồi, thì tiếng kèn thổi cũng quan trọng để nhắc nhở họ những kỳ lễ đặc biệt vốn là một phần trong lịch tôn giáo của họ (c.10). Lễ Thổi Kèn đánh dấu những sự kiện tôn giáo đặc biệt của tháng thứ bảy: Ngày Chuộc Tội và Lễ Lều Tạm (29:1 và tiếp theo; *Lê-vi Ký* 23:23-43; *Thi Thiên* 81:3). Việc thổi kèn báo hiệu những kỳ ăn mừng đặc biệt của dân Do Thái, kể cả sự khởi đầu Năm Hân Hi (*Lê-vi Ký* 25:8-12).

Giống như dân của Đức Chúa Trời thời Cựu Ước, con cái Đức Chúa Trời ngày nay đang chờ đợi “tiếng kèn” báo hiệu cuộc hội ngộ giữa chúng ta với Chúa Giê-xu cùng việc Đức Chúa Trời tuyên chiến với thế gian độc ác sẵn dành cho án phạt (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18; *I Cô-rinh-tô* 15:51-57). Cho tới giờ đó, chúng ta vẫn là một dân tộc lữ hành trên trần thế hoang vắng này, đi theo chỉ thị của Ngài và trung thành phục vụ Ngài.

Chú thích

* Chúng ta đã đề cập 9:1-14 trong chương 1.

¹ Đừng nghĩ rằng tế lễ là một chức vụ được ban cho một người nào đó, mà phải ý thức rằng nhiệm vụ tế lễ là nhiệm vụ chung của tất cả tín hữu.

² Chi tiết của đền tạm, xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 25-31, về

giải thích ý nghĩa của những thiết bị này, xin xem sách giải nghĩa *Xuất Ê-díp-tô Ký, Be Delivered*, do Chariot Victor xuất bản.

³ Dân Chúa cung ứng vật liệu để xây cất đền tạm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 25:1-8; 35:4-36:7) cùng dầu để đốt đèn. Rất có thể là họ cũng cung cấp bột dùng làm mười hai ổ bánh (*Lê-vi Ký* 24:1-9).

⁴ Có thể là việc cạo người và giặt quần áo diễn ra sau khi hoàn tất nghi thức còn lại. Nếu không, thì Môi-se và A-rôn hẳn đã phải hoãn lại nghi thức rất lâu trong khi chờ đợi 22.000 người cạo mình, giặt quần áo và chờ cho khô.

⁵ Khi Đa-vít tổ chức thầy tế lễ cùng người Lê-vi để chuẩn bị họ cho chức vụ mở rộng trong đền thờ, ông đã hạ số tuổi phục vụ còn hai mươi (*I Sử Ký* 23:24, 27), dường như theo chỉ thị của Chúa (28:11-19).

⁶ *Nê-hê-mi* 9:20 nói thêm rằng Thần của Đức Chúa Trời chỉ giáo dân Chúa qua Lời Ngài đã phán qua Môi-se, và Luật Pháp bao gồm phần lớn những vấn đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày. Chẳng có người Do Thái nào phải tìm biết ý muốn Đức Chúa Trời trong việc nên ăn món gì, vì Luật Pháp đã cho biết loại thức ăn nào sạch và không sạch. Đối với hầu hết những quyết định cần phải thực hiện của dân Đức Chúa Trời ngày nay, chúng ta có thể quay sang Lời Đức Chúa Trời để tìm ra những giáo huấn, nguyên tắc, cùng lời hứa để hướng dẫn mình. Trong những vấn đề chúng ta bị lúng túng, Đức Chúa Trời sẽ chỉ dẫn nếu chúng ta thành thật muốn biết ý chỉ Ngài (*Giăng* 7:17) và hết lòng tìm kiếm ý muốn Ngài.

⁷ Không nên lầm những kèn này với kèn bằng sừng chiên đực (shophar) được dùng tại Giê-ri-cô (*Giô-suê* 6:20) và trong trận chiến Ghê-đê-ôn chống người Ma-đi-an (*Các Quan Xét* 7:16-22), và được dùng ngày nay trong các buổi họp thánh tại nhà hội Do Thái.

⁸ Trong thời Đa-vít, số người thổi kèn lên tới bảy

người, và họ thổi kèn trước hòm giao ước của Đức Chúa Trời (*I Sử Ký 15:24*). Khi Sa-lô-môn đem hòm giao ước vào đền thờ, 120 thầy tế lễ thổi kèn để thờ phượng (*II Sử Ký 5:12*).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG BA

Dân Số Ký 8:1-10:10

1. Đức Chúa Trời phán với Môi-se mặt đối mặt. Khi nào chúng ta sẽ thấy Chúa mặt đối mặt? (*I Cô-rinh-tô 13:12*)
2. Chân đèn được để ở đâu? Ý nghĩa thật của nó là gì? Chân đèn nhắc nhở thầy tế lễ điều gì? Dầu dùng cho đèn tượng điều gì?
3. Tín hữu ngày nay “chiếu sáng đèn của mình” bằng cách nào?
4. Người Lê-vi có những trách nhiệm nào? Họ được biệt riêng bằng cách nào? Con người được chọn và chuẩn bị để phục vụ thuộc linh bằng cách nào?
5. Khi cảm thấy muốn ganh đua, kiêu căng, hoặc hổ thẹn trong công tác thuộc linh, chúng ta cần nhớ điều gì?
6. Phục vụ Chúa liên quan với phục vụ dân Ngài như thế nào?
7. Tác giả nói điều gì là “thiết yếu quan trọng cho nếp sống Cơ Đốc trọn vẹn và kết quả”?
8. Các trụ mây và trụ lửa tiêu biểu cho Lời Đức Chúa Trời như thế nào?
9. “Bước đi trong tối tăm” và “bước đi trong ánh sáng” có nghĩa gì?
10. Kèn trong đời sống dân Đức Chúa Trời trong quá khứ nhằm những mục đích nào? Tiếng kèn trong tương lai sẽ nhằm mục đích gì?

TIẾN VÀO MÔ-ÁP

Dân Số Ký 10:11-12:16

Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại tại núi Si-nai khoảng mười một tháng. Họ đến đó vào tháng thứ ba sau khi được giải phóng khỏi Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký 19:1*), và bây giờ là tháng thứ nhì của năm thứ nhì. Trong thời gian đó, Luật Pháp của Đức Chúa Trời đã được công bố và đền tạm đã được xây dựng và cung hiến. Môi-se đã dâng các thầy tế lễ cùng người Lê-vi, đếm số quân, và tổ chức các chi phái. Y-sơ-ra-ên bây giờ là một nước sẵn sàng để hành động.

Tuy nhiên, lịch sử của Y-sơ-ra-ên suốt ba mươi tám năm kế tiếp (*Dân Số Ký 10:11-22:1*) phần lớn chỉ là thành tích của sự vô tín và thất bại. Đó là những năm dân chúng chống đối Môi-se và phản nghịch ý muốn Đức Chúa Trời. Do sự bất tuân của họ tại Ca-đe Bạt-nê-a, Y-sơ-ra-ên phải lang thang trong đồng vắng suốt ba mươi tám năm, bỏ lại sau lưng hàng loạt năm mồ của thế hệ già ngã chết. Chỉ có Giô-suê và Ca-lép còn sống để vào Ca-na-an.

Ngược lại, mười chương đầu của *Dân Số Ký* ghi lại sinh hoạt của một dân tộc tuân phục Chúa. “Dân Y-sơ-ra-ên làm như mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se vậy” (1:54). Chủ đề này thường được lặp lại trong những chương sau đây (2:34; 3:16, 51; 4:49; 5:4; 8:3, 20, 22; 9:5, 23). Khi tuân phục Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên được tất cả và chẳng mất mát gì; thế nhưng họ không chịu tin cậy Ngài cùng làm theo mạng lệnh Ngài. Mãi cho tới *Dân Số Ký 26*, tình trạng mới thay đổi. Đó là lúc Môi-se điều tra dân số của thế hệ mới và chuẩn bị họ vào xứ, chinh phục kẻ thù, và nhận lấy sản nghiệp.

Chúng ta hãy suy nghĩ ba cảnh tượng trong cuộc đời Y-sơ-ra-ên khi cả nước bắt đầu cuộc hành trình, và học tập ý nghĩa của việc biết ý muốn Đức Chúa Trời và làm theo là như thế nào.

1. Tiến Bước Theo Lệnh của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 10:11-36

¹¹Xây trong ngày hai mươi tháng hai, năm thứ hai, thì trụ mây cất lên khỏi đền tạm chứng cớ. ¹²Dân Y-sơ-ra-ên, theo chương trình đã định, ra từ đồng vắng Si-na-i, và trụ mây dừng lại tại đồng vắng Pha-ran. ¹³Vậy, dân Y-sơ-ra-ên vâng mạng của Đức Giê-hô-va cậy Môi-se truyền cho, mà ra đi lần thứ nhứt.

¹⁴Ngọn cờ của trại quân Giu-đa, tùy theo các đội ngũ mình, đi trước. Na-ha-sôn, con trai A-mi-na-đáp, thống lãnh quân đội Giu-đa. ¹⁵Na-tha-na-ên, con trai Xu-a, thống lãnh quân đội của chi phái Y-sa-ca. ¹⁶Ê-li-áp, con trai Hê-lôn, thống lãnh quân đội của chi phái Sa-bu-lôn.

¹⁷Bấy giờ, đền tạm đã tháo dỡ, rồi con cháu Ghê-t-sôn và con cháu Mê-ra-ri khiêng đền tạm, bèn ra đi.

¹⁸Kế đó, ngọn cờ của trại quân Ru-bên ra đi, tùy theo các đội ngũ mình. Ê-lít-su, con trai Sê-đêu, thống lãnh quân đội Ru-bên.

¹⁹Sê-lu-mi-ên, con trai Xu-ri-ha-đai, thống lãnh quân đội của chi phái Si-mê-ôn. ²⁰Ê-li-sáp, con trai Đê-u-ên, thống lãnh quân đội của chi phái Gát.

²¹Bấy giờ, các người Kê-hát khiêng những vật thánh ra đi; người ta dựng đền tạm lên đương lúc đợi họ đến.

²²Đoạn, ngọn cờ của trại quân con cháu Ếp-ra-im ra đi, tùy theo đội ngũ mình. Ê-li-sa-ma, con trai A-mi-hút, thống lãnh quân đội Ếp-ra-im. ²³Ga-ma-li-ên, con trai Phê-đát-su, thống lãnh quân đội của chi phái Ma-na-se. ²⁴A-bi-đan, con trai Ghi-đeo-ni, thống lãnh quân đội của chi phái Bê-n-gia-min. ²⁵Rốt lại, ngọn cờ của trại quân Đan ra đi, tùy theo các đội ngũ mình; nó làm hậu binh của các trại quân khác. A-hi-ê-xe, con trai A-mi-sa-đai, thống lãnh quân đội Đan. ²⁶Pha-ghi-ên, con trai Ốc-ran, thống lãnh quân đội của chi phái A-se. ²⁷A-hi-ra, con trai Ê-nan, thống lãnh quân đội của chi phái Nép-ta-li.

²⁸Đó là thứ tự về sự cất binh đi của dân Y-sơ-ra-ên, tùy theo các đội ngũ mình; ấy, họ ra đi là như vậy.

²⁹Vả, Môi-se nói cùng Hô-báp, con trai Rê-u-ên, người Ma-di-an, tức là anh vợ mình, mà rằng: Chúng tôi đi đến xứ mà Đức Giê-hô-va có phán rằng: Ta sẽ ban xứ đó cho các ngươi. Xin anh hãy đi cùng chúng tôi, chúng tôi sẽ đãi anh tử tế; vì Đức Giê-hô-va có hứa ban ơn cho dân Y-sơ-ra-ên. ³⁰Hô-báp đáp rằng: Tôi không đi đâu, nhưng tôi sẽ đi về xứ sở tôi, là nơi bà con tôi. ³¹Môi-se lại nói rằng: Tôi xin anh chớ bỏ chúng tôi, vì anh biết nơi nào trong đồng vắng chúng tôi có thể hạ trại được; anh sẽ dường như con mắt cho chúng tôi vậy. ³²Nếu anh đi cùng chúng tôi, thì chúng tôi sẽ làm cho anh hưởng ơn lành mà Đức Giê-hô-va sẽ làm cho chúng tôi.

³³Vậy, dân Y-sơ-ra-ên ra đi từ núi Đức Giê-hô-va, đi trong ba ngày đường; hòm giao ước của Đức Giê-hô-va đi trước trong lúc ba ngày đường này, để tìm cho dân một nơi an nghỉ. ³⁴Trong lúc ban ngày, khi dân Y-sơ-ra-ên dời trại quân đi, thì trụ mây của Đức Giê-hô-va ở trên họ.

³⁵Khi hòm giao ước đi, thì Môi-se nói rằng: Kính lạy Đức Giê-hô-va, xin chỗi dậy, để kẻ thù nghịch Ngài bị tản lạc, và kẻ nào ghét Ngài chạy trốn trước mặt Ngài! ³⁶Khi người ta để hòm giao ước xuống, thì Môi-se nói rằng: Kính lạy Đức Giê-hô-va, xin trở lại cùng muôn vãn của Y-sơ-ra-ên!

Mây trên đền tạm chuyển động, các thầy tế lễ thổi kèn, thầy tế lễ và người Lê-vi tháo dỡ đền tạm, và dân Chúa chuẩn bị ra đi. Họ được thoải mái khi ở Si-nai, sống cùng một nơi suốt gần một năm và không phải chịu khổ vì phải di chuyển hằng ngày. Chiến thắng vĩ đại của Đức Chúa Trời trên Ai Cập vẫn còn đậm nét trong tâm trí họ, và mỗi sáng khi lượm ma-na, họ được nhắc nhở sự cung ứng nhân từ của Đức Chúa Trời cho mọi nhu cầu của mình.

Sản nghiệp của họ không phải là núi Si-nai nhưng là Đất Hứa, “xứ dư thừa sữa và mật” mà Đức Chúa Trời đã hứa cho dân Ngài. Đã tới lúc họ phải di chuyển. Càng sống an nhàn, chúng ta càng ít muốn thay đổi; thế nhưng sẽ không có tăng trưởng nếu không có thách thức và chẳng có thách thức nào mà không đem lại thay đổi. Tiện nghi thường dẫn tới tự mãn, và tự mãn là kẻ thù

của tăng trưởng cá tính và thuộc linh. Trong từng kinh nghiệm sống mới mẻ, một trong hai điều thường xảy ra: hoặc chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời và Ngài bày tỏ điều tốt nhất trong chúng ta, hoặc chúng ta bất tuân Đức Chúa Trời rồi Sa-tan làm nảy sinh cái xấu trong chúng ta.

Tiến bước trong trật tự (Dân Số Ký 10:11-28). Các chi phái đã có chỉ huy riêng (*Dân Số Ký 1*) và biết thứ tự hành quân của mình (*Dân Số Ký 2*), cho nên các thầy tế lễ chỉ cần thổi kèn ra hiệu cho từng chi phái di chuyển. Hòm giao ước dẫn đường, do người Lê-vi khiêng theo sau trụ mây (10:33-36; *Nê-hê-mi 9:12; Thi Thiên 78:14*). Hòm giao ước là ngai của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên 80:1; 99:1*) và Chúa tể trị trên dân của Ngài. Ngài dẫn đường. “Chúa cây tay Môi-se và A-rôn mà dẫn dắt dân Ngài như một đoàn chiên” (77:20).

Giu-đa, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn đi đầu đoàn quân, theo sau là người Ghê-t-sôn và Mê-ra-ri khiêng đèn tạm. Kế tiếp là Ru-bên, Si-mê-ôn, và Gát, sau nữa là người Kê-hát mang vật dụng đèn tạm ngay giữa đoàn quân. Đó là vị trí an toàn nhất cho những thiết bị quý giá như vậy. Các chi phái Êp-ra-im, Ma-na-se, và Bê-ni-min đi tiếp theo, sau nữa là Đan, A-se, và Nép-ta-li. Đám “dân tạp” không thuộc chi phái nào đi sau cùng (*Dân Số Ký 11:4; Xuất Ê-díp-tô Ký 12:38*).

Vị trí mỗi chi phái trong đoàn diễu hành không được tự chọn, nhất nhất phải theo thứ tự do Đức Chúa Trời Toàn Năng chỉ định. Dân Y-sơ-ra-ên không phải đi du ngoạn, ngắm cảnh. Họ là một đạo binh đi chiếm lĩnh lãnh thổ quân thù do lệnh của Đức Giê-hô-va vạn quân. Mỗi chi phái là một sư đoàn trong quân đội của Chúa (*Dân Số Ký 28*), và mỗi sư đoàn phải giữ đúng vị trí của mình.

Mời người khác gia nhập (Dân Số Ký 10:29-32). Hô-báp là em vợ Môi-se, con trai của Ra-gu-ên, còn gọi là Rê-u-ên và Giê-trô (*Xuất Ê-díp-tô Ký 2:15-3:1*).¹ Có thể là lúc

ấy Giê-trô đã qua đời và Hô-báp là chủ gia đình. Môi-se muốn các em vợ mình cùng đi chung với Y-sơ-ra-ên và hưởng được phước hạnh mà Đức Chúa Trời đã hứa cho dân Ngài, nhưng Hô-báp từ chối lời mời. Ông thích ở lại trong xứ mình cùng với dân mình hơn. Ông không muốn phiêu lưu để đổi lấy một tương lai mịt mờ.

Nhưng Môi-se biết Đức Giê-hô-va ở cùng Y-sơ-ra-ên và tương lai thuộc về những kẻ tin cậy và tuân phục luật lệ Ngài. Có lẽ đó là lý do khiến Môi-se vừa mời mọc, vừa giục giã Hô-báp. Hô-báp rất rành địa thế vùng này nên có ông thì rất lợi cho Môi-se. Hẳn là Hô-báp đã đồng ý với đề nghị đó, bởi lẽ nhiều năm sau, chúng ta thấy con cháu ông sống chung với người Y-sơ-ra-ên (*Các Quan Xét* 1:16; 4:11). Chắc chắn được làm một phần tử trong dân Đức Chúa Trời vẫn sung sướng hơn nhiều.

Những người nghiên cứu Kinh Thánh không đồng ý với nhau về việc Môi-se đúng hoặc sai khi mời Hô-báp làm “con mắt” của Y-sơ-ra-ên khi họ đi trong đồng vắng. Cả nước há chẳng được trụ mây cùng hòem giao ước của Chúa dẫn dắt sao? Và Đức Chúa Trời há chẳng trực tiếp phán bảo Môi-se cùng bày tỏ ý chỉ Ngài cho ông hay sao? Vậy thì tại sao lại còn phải kiếm thêm một hướng dẫn viên loài người khi đã có quá nhiều trợ giúp từ thiên thượng như thế?

Nhưng sự quan phòng thiên thượng không phải là loại trừ mọi khả năng hoặc trách nhiệm của con người. Y-sơ-ra-ên không cần Hô-báp nói cho biết phải đi tới đâu hoặc đóng trại nơi nào; Đức Chúa Trời sẽ làm chuyện đó. Nhưng hiểu biết của Hô-báp về vùng đất có thể giúp họ trong những quyết định khác khi họ đi từ nơi này tới nơi kia. Charles Spurgeon nói: “Tôi nghĩ chúng ta phải học từ sự kiện chúng ta luôn tìm kiếm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời qua sự quan phòng, nhưng có thể là chúng ta vẫn thường xuyên tìm ra phương hướng cùng sự dẫn dắt qua việc sử dụng lý trí thông thường, tức sự suy xét cân nhắc do Chúa ban cho mình.”² Chúng ta không “nương

cậy" vào sự thông sáng riêng của mình (*Châm Ngôn* 3:5-6), nhưng chúng ta cũng không thể không cần đến nó. Đức Chúa Trời muốn chúng ta hành động khôn ngoan cũng như tin cậy, và Cơ Đốc nhân có tâm trí thuộc linh thì biết cách dùng cả lòng lẫn trí để phân biệt ý muốn Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 12:2).

Nhưng chúng ta chớ nên bỏ qua điểm chính của việc Môi-se làm ở đây: ông mời người khác cùng đến với Y-sơ-ra-ên để hưởng những phước lành Đức Chúa Trời dành cho. Hội Thánh ngày nay là một dân lũ hành trong thế gian (*I Phi-e-rơ* 1:1; 2:11), đang đi về thiên quốc, và chúng ta có đặc ân mời người khác cùng đi với mình. Hành trình không dễ dàng, nhưng Đức Chúa Trời đang chúc phước cho dân Ngài và cũng sẽ ban phước cho họ mãi mãi. Chúng ta đã mời được bao nhiêu người rồi?

Tôn vinh Chúa (Dân Số Ký 10:33-36). Môi-se và A-rôn đi trước các chi phái, ngay sau hòm giao ước. Mỗi lần trụ mây ra dấu di chuyển và các chi phái tập hợp, thì Môi-se cầu nguyện xin Đức Chúa Trời hướng dẫn và ban chiến thắng, còn khi dừng lại để đóng trại, thì ông cầu xin sự hiện diện của Đức Chúa Trời bao phủ trên dân Ngài tại đền tạm. Hòm giao ước sẽ được đặt trong nơi chí thánh và trụ lửa sẽ dừng bên trên trại quân.³

Cho dù dân Y-sơ-ra-ên có khởi hành và dừng chân bao nhiêu lần trong hành trình, thì Môi-se cũng vẫn lặp lại những lời cầu xin đó.⁴ Ông muốn dân chúng biết rằng Đức Chúa Trời, chứ không phải Môi-se, chăm lo cho cả nước, và Y-sơ-ra-ên là một đạo quân lệ thuộc vào Chúa để chiến thắng. Giống như lời cầu xin và chúc phước trong buổi thờ phượng ở Hội Thánh, lời cầu nguyện này trở thành quen thuộc đối với người Do Thái, *nhưng những lời cầu nguyện ngắn ngủi này thật thiết yếu cho phúc lợi của cả nước Y-sơ-ra-ên.* Môi-se đặt Đức Chúa Trời trước tiên trong cuộc sống của dân Ngài, và nếu người Y-sơ-ra-ên chú ý đến điều này, thì hẳn họ đã tránh được những tội lỗi vốn đã mang lại nhiều đau thương cho

họ về sau.

2. Lầm Bầm với Đầy Tở của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 11:1-35

¹Vả, dân chúng bèn lầm bầm, và điều đó chẳng đẹp tai Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va nghe, cơn thịnh nộ Ngài nổi lên, lửa của Đức Giê-hô-va cháy phừng phừng giữa dân chúng và thiêu hóa đầu cùng trại quân. ²Dân chúng bèn kêu la cùng Môi-se; Môi-se cầu xin Đức Giê-hô-va, thì lửa ngừng lại. ³Người ta đặt tên chỗ này là Tha-bê-ra, vì lửa của Đức Giê-hô-va đã cháy giữa dân chúng.

⁴Bọn dân tạp ở trong dân Y-sơ-ra-ên sinh lòng tham muốn, đến nỗi dân Y-sơ-ra-ên lại khóc nữa mà rằng: Ai sẽ cho chúng tôi ăn thịt? ⁵Chúng tôi nhớ những cá chúng tôi ăn nhưng không tại xứ Ê-díp-tô, những dưa chuột, dưa gang, củ kiệu, hành, và tỏi. ⁶Bây giờ, linh hồn chúng tôi bị khô héo, không có chi hết! Mắt chỉ thấy ma-na mà thôi.

⁷Vả, Ma-na hình như hột ngò, sắc như trân châu. ⁸Dân chúng đi tản ra và hót lấy, rồi nghiền bằng cối xay, hay là giã bằng cối giã, nấu trong một cái nồi và làm bánh; nếm giống như bánh nhỏ có pha dầu. ⁹Khi ban tối mù sương xuống trên trại quân, thì Ma-na cũng xuống nữa. ¹⁰Vậy, Môi-se nghe dân chúng khóc, mỗi người ở trong nhà mình tại nơi cửa trại mình; cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên phừng phừng, ¹¹và Môi-se lấy làm buồn bực về điều đó. Môi-se bèn thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Sao Ngài làm cho tôi trở Ngài buồn? Sao tôi chẳng được ơn trước mặt Ngài, và sao Ngài lại chất gánh nặng của hết thảy dân này trên mình tôi? ¹²Tôi há có thọ thai dân này sao? há có sinh đẻ nó sao? mà Ngài lại phán biểu tôi rằng: Hãy ấp dân này trong lòng ngươi, như người cha nuôi bồng đứa trẻ bú, cho đến xứ mà Ngài có thể hứa ban cho tổ phụ của chúng nó. ¹³Tôi sẽ có thịt ở đâu dâng phát cho cả dân này? bởi vì họ khóc về tôi mà rằng: Hãy cho chúng tôi thịt ăn. ¹⁴Tôi không thể một mình gánh hết dân này, vì thật là rất nặng nề cho tôi quá! ¹⁵Nếu Chúa đãi tôi như vậy và nếu tôi được ơn trước mặt Chúa, xin tha giết tôi đi, để tôi không thấy sự khốn nạn tôi!

¹⁶Đức Giê-hô-va bèn phán cùng Môi-se rằng: Hãy nhóm hiệp cho ta bảy mươi người trong bậc trưởng lão Y-sơ-ra-ên, tức là những kẻ người biết là trưởng lão và cai quản dân chúng; hãy dẫn các

người ấy đến hội mạc, đứng tại đó với người. ¹⁷Đoạn, ta sẽ ngự xuống, nói chuyện tại đó với người; ta sẽ lấy Thần cảm người mà ban cho những người đó, để họ chịu gánh nặng về dân chúng với người, và người không phải gánh một mình. ¹⁸Người phải truyền cho dân chúng rằng: Ngày mai phải dọn mình ra thánh, thì các người sẽ ăn thịt. Vì chúng lỗi tai Đức Giê-hô-va có nghe các người khóc mà rằng: Ai sẽ cho chúng tôi ăn thịt, vì chúng tôi lấy làm sung sướng tại xứ Ê-díp-tô, – bởi cớ đó, Đức Giê-hô-va sẽ ban thịt cho các người, thì các người sẽ ăn. ¹⁹Chẳng phải các người sẽ ăn thịt một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày hay là hai mươi ngày đâu; ²⁰nhưng cho đến một tháng trọn, cho đến chừng nào thịt tràn ra lỗ mũi, và các người ngán đi, vì các người đã bỏ Đức Giê-hô-va ở giữa mình, và khóc trước mặt Ngài, mà rằng: Vì sao chúng tôi đã ra khỏi xứ Ê-díp-tô?

²¹Môi-se thưa rằng: Trong dân chúng tôi đương ở đây, có sáu trăm ngàn người đàn ông, mà Ngài có phán rằng: Ta sẽ phát thịt cho dân này ăn trong một tháng trọn. ²²Người ta há sẽ giết chiên và bò đến đổi được đủ cho họ sao? hay là người ta há sẽ gom hết thủy cá dưới biển đến đổi được đủ cho họ sao? ²³Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Tay của Đức Giê-hô-va đã vắn lại sao? Người sẽ xem thử điều ta đã phán cùng người có xảy đến hay chẳng.

²⁴Môi-se bèn đi ra, thuật lại các lời Đức Giê-hô-va cho dân chúng, rồi nhóm hiệp bảy mươi người trong bậc trưởng lão của dân chúng, đặt để chung quanh Trại. ²⁵Đức Giê-hô-va bèn ngự xuống trong mây, phán cùng Môi-se; Ngài lấy Thần cảm người và ban cho bảy mươi người trưởng lão. Vừa khi Thần ở trên bảy mươi người trưởng lão, bèn được cảm động nói tiên tri, nhưng không cứ nói mãi.

²⁶Có hai người ở lại trong trại quân; một người tên là Ên-đát, một người tên là Mê-đát, được Thần cảm động, nói tiên tri tại trại quân. Hai người này thuộc về bọn được biên tên, nhưng không có đến hội mạc. ²⁷Một đứa trai trẻ chạy thuật lại cùng Môi-se rằng: Ên-đát và Mê-đát nói tiên tri trong trại quân.

²⁸Giô-suê, con trai của Nun, là người hầu việc Môi-se, đáp lại mà rằng: Hỡi Môi-se, chúa tôi, hãy cấm chúng nó! ²⁹Môi-se đáp rằng: Người ganh cho ta chăng? Ôi! Chớ chi cả dân chúng của Đức Giê-hô-va đều là người tiên tri, và chớ chi Đức Giê-hô-va ban Thần của Ngài cho họ! ³⁰Môi-se và mấy người trưởng lão đều lui vào trại quân.

Những chim cút

³¹Đức Giê-hô-va bèn khiến một trận gió nổi từ biển, dẫn những chim cút đến rải trên trại quân và chung quanh, bên này trải ra dài chừng một ngày đường đi, và bên kia trải ra dài chừng một ngày đường đi, khỏi mặt đất chừng hai thước bề cao. ³²Dân chúng đứng dậy lượm những cút trong ngày đó, đêm đó và trọn ngày sau; ai lượm ít hơn hết có mười ô-me; người ta căng nó ra khắp chung quanh trại quân. ³³Thịt vẫn còn nơi răng, chưa nhai, thì cơn giận của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng dân chúng, hành dân chúng một tai vạ rất nặng. ³⁴Người ta đặt tên chỗ đó là Kíp-rốt-Ha-tha-va; vì tại đó người ta chôn dân chúng sinh lòng tham muốn.

³⁵Từ Kíp-rốt-Ha-tha-va dân chúng đi đến Hát-sê-rốt, rồi ngừng lại tại đó.

Lòng người tội lỗi đến nỗi dễ quên phước hạnh của Đức Chúa Trời, không biết đến lời hứa và sự quan phòng của Ngài. “Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự nhân từ Ngài, và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho con loài người” (*Thi Thiên* 107:8, 15, 21, 31)

Người Do Thái lầm bầm (Dân Số Ký 11:1-3). Lịch sử tự lặp lại. Ba ngày sau buổi đại lễ ngợi khen bên Biển Đỏ, người Do Thái lầm bầm Môi-se và Đức Chúa Trời vì họ không có nước uống (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15:22-27). Bây giờ, ba ngày sau khi rời Si-nai (*Dân Số Ký* 10:33), người Do Thái lại cũng lầm bầm. Phải có đức tin mới có thể chấp nhận sự dẫn dắt quan phòng của Đức Chúa Trời (*Rô-ma* 8:28), mà đức tin của Y-sơ-ra-ên thì không mạnh lắm.

Vì dân Chúa đã đóng trại tại một địa điểm suốt gần một năm, bây giờ lại phải ra đi nữa, lại phải khó khăn mà cảnh trí mới lại khô cằn nên họ chán ngán. *Dân Số Ký* 11:1: “Dân chúng bèn lầm bầm về những gian khổ của họ.” Dù là nguyên nhân nào, Đức Chúa Trời đã nghe những lời tội lỗi đó, và nổi giận, giết chết dân tộc vô ơn.⁵ “Lửa của Đức Giê-hô-va” có thể chỉ về sấm chớp (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 9:23-24), và sự kiện án phạt giáng trên dân

chúng đang ở vòng ngoài trại quân cho thấy có lẽ đám “dân tạp” là nguyên nhân của sự lầm bầm (*Dân Số Ký* 11:4).

Biết bao lần trong chức vụ mục sư, tôi đã thấy câu 2 được chứng minh. Những kẻ lầm bầm nhiều nhất về Đức Chúa Trời cùng cấp lãnh đạo thuộc linh, cuối cùng lại chạy tới cầu cứu những người lãnh đạo đó! Môi-se thật nhân ái biết bao đã cầu thay cho họ, và cũng thật giống Chúa Giê-xu Christ của chúng ta biết bao! “Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết mình đang làm gì” (*Lu-ca* 23:34). Đã nhiều lần, mỗi khi Y-sơ-ra-ên phạm tội thì chính lời cầu thay của Môi-se đã cầm giữ bàn tay đoán phạt của Đức Chúa Trời. Có một trường hợp, Môi-se còn xin được chết để Y-sơ-ra-ên khỏi phải chết (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:30-35).

Đám dân tạp lầm bầm (*Dân Số Ký* 14:4-9). Đây là chỗ duy nhất trong Cựu Ước dùng từ ‘asapsup’ của Hê-bơ-rơ để mô tả đám “dân đen,” đám “tiện dân” thấp tầng người Y-sơ-ra-ên khi họ rời Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:38).⁶ Lý do họ rời Ai Cập không được giải thích. Một số có thể là sợ sẽ có thêm trừng phạt trong tương lai nên cách an toàn nhất là đi theo người Do Thái (9:20). Một số đầy tớ và nô lệ có thể thấy sự ra đi của Y-sơ-ra-ên là cơ hội để ra khỏi Ai Cập giữa lúc mọi người đang bận rộn chôn xác chết. Những người khác có thể là có ý hướng tốt, nhưng vì không có đức tin nơi Chúa, nên lòng họ không hề được thay đổi (*Hê-bơ-rơ* 4:1-2).

Dù thuộc gốc nào thì đám “dân tạp” đã gây nhiều rắc rối cho Môi-se cùng dân Y-sơ-ra-ên. Ngày nay cũng có những nhóm người tạp nhạp như thế tạo nan đề cho đầy tớ cùng dân Đức Chúa Trời. Trong ẩn dụ về Cỗ Lùng (*Ma-thi-ơ* 13:24-30, 36-43), Chúa Giê-xu dạy rằng bất cứ nơi nào Chúa “trồng” con cái thật của Ngài thì ma quỷ cũng đến để trồng thứ giả. Sa-tan là kẻ bắt chước và chuyên thâm nhập như thế (*Giu-đe* 4; *II Phi-e-rơ* 2:1-2). Vậy nên Phao-lô cảnh báo Hội Thánh về “anh em giả”

(*Ga-la-ti* 2:4; *II Cô-rinh-tô* 11:26), kẻ phục vụ giả (c.13 và tiếp theo), và Phúc Âm giả (*Ga-la-ti* 1:6-9).

Tôi kinh nghiệm rằng không phải kẻ thù bên ngoài Hội Thánh địa phương gây thiệt hại mà chính những kẻ giả mạo len lỏi vào bên trong Hội Thánh mới thực sự nguy hiểm (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:28-30; *III Giăng* 9-11). Những kẻ này có thể cùng đồng hành với Hội Thánh, hành động như là dân của Đức Chúa Trời, nhưng phần thuộc linh trống rỗng (*I Giăng* 2:18-19).

Người Do Thái kinh nghiệm phép lạ sau buổi sáng mỗi tuần khi “bánh từ trời” (*Thi Thiên* 78:24; 105:40) rơi xuống trại quân. Có lẽ bị ảnh hưởng bởi đám dân tạp, nên nhiều người Do Thái chán loại thực phẩm này và tìm cách thay đổi món ăn (*Dân Số Ký* 11:8). Họ thêm những món đã ăn tại Ai Cập. Họ quên ách nô lệ cũ và chỉ nhớ những điều ưa thích của xác thịt!

Thật bi thảm biết bao khi những người mang danh tín hữu trong Hội Thánh thêm thuồng những món thế gian thay vì khao khát ma-na thiên thượng là Lời Đức Chúa Trời (*Giăng* 6:66-69; *Mác* 4:4). Trong cố gắng thu hút và làm hài lòng đám “dân tạp,” Hội Thánh đã biến đền thánh thành rạp hát, sự thờ phượng thành môn giải trí. Phao-lô đã phải khó khăn vì đám dân này trong thời của ông (*Phi-líp* 3:17-21). Người thời nay chẳng khác gì thời trước.

Tuy nhiên, vấn đề nghiêm trọng là lầm bầm Chúa, gây gổ với đấng tể Ngài, và đòi hỏi Hội Thánh chịu theo thị hiếu thế tục của chúng ta. Những kẻ lầm bầm trong Y-sơ-ra-ên cuối cùng đã bị Đức Chúa Trời đoán phạt. Phao-lô nêu tội này để cảnh cáo Hội Thánh (*I Cô-rinh-tô* 10:10). “Phàm làm việc gì chớ nên lầm bầm và lương lự” (*Phi-líp* 2:14). Lòng vô ơn khiến người ta dễ phạm đủ thứ tội lỗi (*Rô-ma* 1:21 và tiếp theo).

Môi-se than thở về sự kêu gọi mình (*Dân Số Ký* 11:10-15). Môi-se đã từng ca tụng khả hoàn về Chúa (10:35-36), nhưng bây giờ thì ông than thở đắng cay về công

việc Đức Chúa Trời kêu gọi ông làm. Ít có điều gì khiến cho đầy tớ Đức Chúa Trời nản chí cho bằng bị người chỉ trích cách bất công và lăm bằm về những phước hạnh Chúa đã ban.⁷ Đây là lần đầu mà thái độ của dân Chúa khiến cho Môi-se phạm tội (xem 20:1-13).

Thật đáng buồn thấy vĩ nhân của Đức Chúa Trời xin được chết vì cảm thấy sự kêu gọi thiêng liêng của mình là một gánh nặng bị Chúa gán đặt lên mình và khiến mình khốn khổ. Môi-se đã đánh mất viễn tượng và không còn nhìn Chúa mà nhìn chính mình. Ông thoái thác viện cớ không đủ sức (11:14). Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời kêu gọi Môi-se và hứa chắc giúp đỡ ông (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 3:11-12). Nhưng ít ra Môi-se đã thổ lộ với Chúa và chấp nhận lời khuyên của Ngài (*I Phi-e-rơ* 5:7).

Môi-se được Đức Chúa Trời vua giúp (*Dân Số* Ký 11:16-35). Chúa giúp Môi-se giải quyết hai vấn đề khó: chăm lo và cung ứng đủ thịt ăn cho mọi người. Những khó khăn này bắt nguồn từ lý do họ cư ngụ tại Ai Cập quá lâu. Họ đã tập quen với món ăn địa phương. Và vì chịu cảnh nô lệ lâu đời, họ đâm ra quên mình là nô lệ.

Về vấn đề thứ nhất (c.16-17, 24-30), Đức Chúa Trời bảo Môi-se chọn bảy mươi trưởng lão tin kính để giúp ông lo về thuộc linh trong trại quân. Môi-se đã có những quan trưởng giúp dân Chúa giải quyết những tranh chấp cá nhân (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 18), nhưng những quan trưởng mới này sẽ lo về thuộc linh nhiều hơn cho dân Ngài. Dù sao, trọng tâm của mọi vấn đề vẫn là lòng người, và nếu lòng người không được Chúa thay đổi, thì tâm tính cùng cư xử của họ cũng sẽ không bao giờ thay đổi.

Sáu mươi tám trong số bảy mươi người họp tại đền tạm, được Đức Chúa Trời ban cho quyền năng của Thánh Linh để phụ giúp Môi-se trong công việc.⁸ Việc họ thờ phượng Đức Chúa Trời chứng tỏ họ thực sự nhận được Thánh Linh (xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:11; 10:44-46; 19:1-7; *Ê-phê-sô* 5:18-20). Tại sao Ên-đát và Mê-đát vắng mặt trong buổi họp không có lời giải thích, nhưng vì có

họ không bị Đức Chúa Trời kỷ luật, cho nên chúng ta cho là sự vắng mặt của họ không phải là vấn đề nghiêm trọng. Ít ra thì họ cũng không hụt mất bất cứ phước hạnh nào. Giô-suê bực tức về việc họ nhận được Thần nhưng Môi-se thì cảm tạ. Ông lấy lại được sự điềm tĩnh và thái độ rộng lượng bình thường khi ông nói: “Chớ chi cả dân của Đức Giê-hô-va đều là tiên tri, và chớ chi Đức Giê-hô-va ban Thần của Ngài cho họ!”

Môi-se không phải là đầy tớ duy nhất của Đức Chúa Trời phải đối diện vấn đề “độc quyền thuộc linh.” Giảng Báp-tít đã gặp (*Giăng* 3:26-30), Chúa Giê-xu cũng vậy (*Lu-ca* 9:46-50) và Phao-lô cũng thế (*Phi-líp* 1:15-18). Tuy nhiên, Giô-suê cảm thấy rằng Môi-se và Đức Chúa Trời bị mất mát khi cho hai người này nhận Thần của Ngài. Lần đầu tiên chúng ta gặp Giô-suê trong Kinh Thánh là lúc ông dẫn đạo binh Y-sơ-ra-ên chiến thắng dân A-ma-léc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16). Sau đó chúng ta thấy ông trên núi Si-nai với Môi-se (24:13; 32:17), và bây giờ chúng ta biết được ông là đầy tớ của Môi-se (*Dân Số Ký* 11:28). Sau này ông trở thành người kế vị Môi-se.

Vấn đề thứ hai là tìm đủ thịt cung ứng cho dân Chúa (c.18-23, 31-35; xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:1-13). Chắc chắn người Do Thái sẽ không giết bầy chiên cùng đàn gia súc của họ vì nếu vậy thì họ sẽ bị khánh tận. Chỉ bằng một trận gió, Đức Chúa Trời gửi chim cút tới ngay trại quân, tạo một lớp dày cả thước trên mặt đất; người Do Thái phải mất hai ngày một đêm để bắt và giết chim.⁹ Mười ô-me tức là sáu mươi giạ (*Dân Số Ký* 11:32) thịt. Đức Chúa Trời hứa cho đủ thịt để ăn trong một tháng (c.19-20).

Khi Đức Chúa Trời muốn đoán phạt con người, Ngài để cho họ làm theo ý riêng (*Rô-ma* 1:24, 26, 28). “Ngài ban cho chúng nó điều chúng nó cầu xin, nhưng sai bịnh dịch kèm theo” (*Thi Thiên* 106:15). Người Do Thái bắt đầu ngấu nghiến thịt, sung sướng vì được thỏa mãn thêm khát; nhưng sau đó án phạt Đức Chúa Trời giáng xuống

nhiều người chết (*Dân Số Ký* 11:33; *Thi Thiên* 78:23-31; *I Cô-rinh-tô* 10:10). Môi-se gọi nơi đó là “mồ của sự ham muốn,” và những ngôi mộ đó là đài kỷ niệm cho mối nguy của lời cầu xin “Không phải ý Chúa mà là ý người được nên.”

Chúa đã cảnh cáo Y-sơ-ra-ên rằng thái độ đối với ma-na sẽ phản ánh mức độ của họ đối với Lời Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:4; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:3). Từ khước ma-na là từ khước Chúa (*Dân Số Ký* 11:20), và chính thái độ phản nghịch này đã chuốc lấy án phạt của Đức Chúa Trời. Điều này nhắc nhở rằng cách chúng ta đối xử với Lời Đức Chúa Trời là cách chúng ta đối với chính Chúa. Bỏ qua Lời Chúa, cầu thả với Lời Chúa, hoặc cố tình bất tuân thì sẽ chịu kỷ luật của Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 12:5-11). Đừng ham mê thế gian để đi vào cõi chết, hãy thèm khát Lời Đức Chúa Trời (*Gióp* 23:12; *Thi Thiên* 1:1; *Giê-rê-mi* 15:16; *Ma-thi-ơ* 4:4; *Lu-ca* 10:38-42; *I Phi-e-rơ* 2:1-3).

3. Tri Hoãn Do Kỷ Luật của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 12:1-16

¹Mi-ri-am và A-rôn nói hành Môi-se về việc người nữ Ê-thi-ô-bi mà người đã lấy; vì người có lấy một người nữ Ê-thi-ô-bi làm vợ. ²Hai người nói rằng: Đức Giê-hô-va há chỉ dùng một mình Môi-se mà phán sao? Ngài há không dùng chúng ta mà phán nữa sao? Đức Giê-hô-va nghe điều đó. ³Vả, Môi-se là người rất khiêm hòa hơn mọi người trên thế gian. ⁴Thình lình Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se, A-rôn và Mi-ri-am rằng: Cả ba hãy ra đến hội mạc. Cả ba đều đi. ⁵Đức Giê-hô-va ngự xuống trong trụ mây đứng tại cửa hội mạc, rồi gọi A-rôn và Mi-ri-am; hai người đều đến. ⁶Ngài phán cùng hai người rằng: Hãy nghe rõ lời ta. Nếu trong các ngươi có một tiên tri nào, ta là Đức Giê-hô-va sẽ hiện ra cùng người trong sự hiện thấy, và nói với người trong cơn chiêm bao. ⁷Tôi tớ Môi-se ta không có như vậy, người thật trung tín trong cả nhà ta. ⁸Ta nói chuyện cùng người miệng đối miệng, một cách rõ ràng, không lời dối, và người thấy hình Đức Giê-hô-va. Vả các ngươi không sợ mà nói hành kẻ tôi tớ ta, là Môi-se

sao? ⁹Như vậy, cơn thanh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phùng phùng cùng hai người; Ngài ngự đi. ¹⁰Khi trụ mây rút khỏi trên đền tạm, thì kìa, Mi-ri-am đã bị phung trắng như tuyết. A-rôn xây lại phía Mi-ri-am, thấy người đã có bệnh phung.

¹¹A-rôn bèn nói cùng Môi-se rằng: Ôi, lạy chúa tôi, xin chớ để trên chúng tôi tội mà chúng tôi đã đại phạm và đã mắc lấy.

¹²Xin chớ để nàng như một đứa con sảo thịt đã hư hết phần nửa khi lọt ra khỏi lòng mẹ. ¹³Môi-se bèn kêu van cùng Đức Giê-hô-va rằng: Ôi, Đức Chúa Trời! Tôi cầu khẩn Ngài chữa cho nàng.

¹⁴Đức Giê-hô-va đáp cùng Môi-se rằng: Nếu cha nàng nhổ trên mặt nàng, nàng há không mang hổ trong bảy ngày sao? Nàng phải cầm riêng ngoài trại quân trong bảy ngày, rồi sau sẽ được nhận vào lại. ¹⁵Ấy vậy, Mi-ri-am bị cầm riêng ngoài trại quân trong bảy ngày, dân sự không ra đi cho đến chừng nào Mi-ri-am được nhận vào lại. ¹⁶Sau việc đó, dân chúng ra đi từ Hát-sê-rốt, và hạ trại trong đồng vắng Pha-ran.

Họa vô đơn chí! Tai họa thường đến dồn dập vì Sa-tan luôn gây khó khăn cho những người thiện tâm (*I Phi-e-rơ* 5:8-9). Mặt khác bản chất tội lỗi của con người là hay chống lại ý muốn thánh khiết của Đức Chúa Trời (*Ga-la-ti* 5:16-17). Ngay khi Chúa giúp bạn giải quyết xong một khủng hoảng là khủng hoảng khác xuất hiện liền.

Cáo buộc đối (Dân Số Ký 12:1-3). Môi-se, A-rôn, và Mi-ri-am được Đức Chúa Trời sai đi để giúp hướng dẫn cả nước Y-sơ-ra-ên (*Mi-chê* 6:4). Đức Chúa Trời đã dùng Mi-ri-am để cứu tính mạng em trai bà (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 2:1-10), và chính bà cũng là nữ tiên tri hướng dẫn phụ nữ Do Thái ca ngợi Đức Chúa Trời (15:20-21).¹⁰ A-rôn là anh lớn trong gia đình (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:7), được Đức Chúa Trời chỉ định không chỉ để phụ giúp Môi-se đối đầu với Pha-ra-ôn (4:10-17) mà còn để phục vụ như là thầy tế lễ cả. Mọi người trong Y-sơ-ra-ên đều nhận Môi-se, A-rôn, và Mi-ri-am là những đầy tớ được Đức Chúa Trời tuyển chọn; Môi-se đóng vai lãnh tụ.

Có ba chứng cứ đưa tới kết luận là Mi-ri-am dẫn đầu trong vụ phản loạn ở gia đình này: bà được đề cập trước tiên trong *Dân Số Ký* 12:1; động từ “nói” ở dạng giống

cái, và chỉ có Mi-ri-am bị Chúa kỷ luật. Bà không bắt đầu tấn công bằng cách cáo giác Môi-se cướp quyền mà bằng cách bất đồng ý kiến với ông về vợ của ông. (Đa số những người buộc tội đây tở Đức Chúa Trời, ít khi đưa ra những lý do thực sự của việc bất đồng ý kiến.) Có thể là Sê-phô-ra đã chết và Môi-se có vợ mới, và có lẽ Mi-ri-am cảm thấy bị nàng đe dọa. Lại nữa, khi Chúa đổ Thần Ngài trên bảy mươi trưởng lão, có thể Mi-ri-am cảm thấy thẩm quyền của mình bị suy giảm.

Chừng nào Môi-se không kết hôn với phụ nữ thuộc các nước Ca-na-an, thì hôn nhân của ông được Chúa chấp nhận (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 34:12-16). Trong Kinh Thánh, "Cu-sô" là dân tộc sống gần Ai Cập, nhưng bản KJV dịch lầm là "Ê-thi-ô-bi". Vì lý do đó, một số người nghĩ rằng người vợ mới này thuộc một giống dân khác và do đó, không được chấp nhận. Theo William S. LaSor, "Không có chứng cứ, hoặc trong Thánh Kinh hoặc trong tài liệu ngoài Thánh Kinh, hỗ trợ cho quan điểm bảo rằng Cham hay bất cứ dòng dõi nào của ông ta đều là da đen."¹¹

Cuối cùng Mi-ri-am cũng cho thấy rõ lý do lầm bầm taht sự của mình: Môi-se há là phát ngôn nhân duy nhất của Đức Chúa Trời sao? Mi-ri-am và A-rôn há chẳng có quyền tuyên bố Lời Đức Chúa Trời sao? Hoài nghi thẩm quyền của Môi-se cùng ý muốn Đức Chúa Trời, Mi-ri-am và A-rôn hành động y hệt dân Y-sơ-ra-ên! Tuy nhiên, Môi-se không trả lời họ hoặc tìm cách biện minh cho mình; ông để Chúa bình vực mình. Đây là chứng cứ đức khiêm tốn của ông; khiêm tốn không phải là yếu đuối mà là sức mạnh được kèm chế.¹²

Ấn phạt trước mắt (Dân Số Ký 12:4-10). Đức Chúa Trời nghe lời nói của họ, nhìn thấy động cơ xấu xa trong lòng họ, Ngài hành động mau lẹ kéo tội của họ lan tràn trong dân chúng, bởi lẽ khi cấp lãnh đạo phạm tội, thì hậu quả rất tai hại. Cần lưu ý là trong câu 4, thứ tự của ba danh tính ngược với thứ tự trong câu 1. Đức Chúa Trời đặt Môi-se trước tiên! Ngài gọi cả ba tới đền tạm, nói với

hai người (Mi-ri-am và A-rôn), và tuyên án một người - Mi-ri-am.

Đức Chúa Trời làm sáng tỏ vấn đề Môi-se không chỉ là tiên tri, vì Đức Chúa Trời truyền thông trực tiếp với ông và còn bày tỏ vinh hiển Ngài cho ông (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:16-19; 24:17-18; 34:5-11). Mi-ri-am và A-rôn, mỗi người đều được giao phó chức vụ riêng, nhưng Môi-se là lãnh tụ được Đức Chúa Trời tuyển chọn cho Y-sơ-ra-ên và không ai có thể dành chỗ của ông được. Chính Đức Chúa Trời là Đấng ban cho Môi-se địa vị cùng uy quyền, và Mi-ri-am đã gian ác thách thức em mình. Trong bản án, Đức Chúa Trời giáng bệnh phung trên Mi-ri-am.

Lời cầu xin tha thiết (Dân Số Ký 12:11-13). A-rôn biết ý nghĩa của bệnh phung và ông yêu cầu Môi-se cầu thay cho Mi-ri-am cùng chính mình, vì đại từ ở đây dùng theo số nhiều: “Chúng tôi có tội.” A-rôn là thầy tế lễ cả cầu thay cho Y-sơ-ra-ên, thế nhưng ông lại cần một người cầu thay! Thêm một bằng chứng nữa về sự nhu mì của mình, Môi-se đã cầu thay cho chị ông, và Chúa đã cất bỏ nỗi đau đớn.

Sự trì hoãn (Dân Số Ký 12:14-16). Tuy Mi-ri-am được chữa lành, nhưng bà phải ở ngoài trại quân bảy ngày (xem *Lê-vi Ký* 13:1-6; 14:1-8; 15:8) vì đã bị ô uế. Điều này khiến Mi-ri-am bị hổ thẹn, vì cả trại quân đều biết việc đã xảy ra. Cuộc hành trình bị trì hoãn vì trại quân phải chờ cho bà được hồi phục rồi mới di chuyển. Tội nhân phản loạn luôn luôn là nguyên nhân trì hoãn bước tiến của dân Đức Chúa Trời.

Làm lãnh tụ thuộc linh là vấn đề quan trọng, vì danh vọng càng cao thì trách nhiệm càng lớn. Tìm cách chiếm đoạt uy quyền Đức Chúa Trời đã ban cho người khác cũng là vấn đề nghiêm trọng. “Kẻ có lỗi, hãy quả trách họ trước mặt mọi người, để làm cho kẻ khác sợ” (*I Ti-mô-thê* 5:20). Chúa Giê-xu cảnh cáo rằng kẻ thù chúng ta có thể phát xuất từ người nhà chúng ta (*Ma-thi-ơ* 10:34-36; *Mi-chê* 7:6).

“Hãy vâng lời kẻ dắt dẫn anh em, và chịu phục các người ấy; bởi họ canh chừng linh hồn anh em, vì chính họ phải khai trình, hầu cho họ làm điều đó cách vui vẻ, mà không buồn phiền; vì như vậy chẳng ích lợi gì cho anh em” (*Hê-bơ-rơ* 13:17).

“Hãy nhớ lại điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời người làm cho Mi-ri-am dọc đường, khi các người ra khỏi Ai Cập” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 24:9).

Chú thích

¹ Một người có nhiều tên vào thời trước là chuyện bình thường. Một số người cho rằng Rê-u-ên là tên thường gọi, còn Giê-trô là biệt danh chính thức của chức tế lễ. Giê-trô có nghĩa là “xuất sắc.”

² Charles Spurgeon, *The Metropolitan Tabernacle*, tập 7, 161.

³ Một số người nghiên cứu Kinh Thánh cho rằng mây không chỉ hướng dẫn Y-sơ-ra-ên mà còn che phủ dân Chúa mỗi ngày, che họ khỏi nắng nóng khi đi đường. Xem *Thi Thiên* 105:39 và *I Sử Ký* 10:1.

⁴ Chắc hẳn Đa-vít có suy gẫm những lời này của Môi-se vì ông đã dùng chúng trong câu mở đầu *Thi Thiên* 68. *Thi Thiên* này ca tụng Đức Chúa Trời về việc giải cứu và dắt dẫn dân Ngài cách diệu kỳ, và bởi đức tin, Đa-vít tuyên bố Đức Chúa Trời giúp ông chiến thắng kẻ thù mình.

⁵ Thường vào lúc khởi đầu thời đại mới trong lịch sử cứu rỗi, Đức Chúa Trời xử phạt tội lỗi cách mạnh mẽ để cảnh cáo dân Ngài. Những thí dụ khác là Na-đáp và A-bi-hu (*Lê-vi Ký* 10), A-can (*Giô-suê* 7), U-xa (*II Sa-mu-ên* 6:1-7), và A-na-nia và Sa-phi-ra (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 5).

⁶ Tuy từ Hê-bơ-rơ được dùng trong *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:38 khác với từ dùng trong *Dân Số Ký* 11:4, nhưng cùng một ý: nhiều giống dân khác nhau không thuộc gốc Do Thái cho nên không phải là con của giao ước.

⁷ Một số lãnh tụ nổi tiếng của Đức Chúa Trời đã có những lúc ngã lòng, như Giô-suê (*Giô-suê* 7), Ê-li (*II Các Vua* 19), Đa-vít (*Thi Thiên* 42), Giê-rê-mi (*Giê-rê-mi* 12:1-4; 15:15-18), và Phao-lô (*II Cô-rinh-tô* 1:8-11).

⁸ Câu 25 không ngụ ý rằng Môi-se có “ít Thánh Linh hơn” sau sự việc này. Thánh Linh là một thân vị và là thần, cho nên không thể phân chia được. Đức Chúa Trời không “chia” Thánh Linh ra cho bảy mươi một người. Ngài ban cho các trưởng lão cùng một Thánh Linh như Ngài đã ban cho Môi-se.

⁹ Mỗi sáng chỉ cần một thời gian ngắn là lượng đủ ma-na cho suốt ngày, nhưng người Do Thái muốn bỏ suốt hai ngày một đêm để có đủ thịt làm thỏa mãn sự thèm khát bản tính xác thịt của mình. Những người không thuộc linh trong Hội Thánh bỏ thì giờ, tiền bạc, cùng sức lực vào những điều làm thỏa mãn ham muốn riêng của mình, nhưng lại không bao giờ chịu hy sinh như vậy để làm vui lòng Đức Chúa Trời và làm theo ý muốn Ngài.

¹⁰ Mi-ri-am là một trong mười phụ nữ được gọi là nữ tiên tri trong Thánh Kinh: Ê-đê-ra (*Các Quan Xét* 4:4), Hun-đa (*II Các Vua* 22:14), Nô-a-đia (*Nê-hê-mi* 6:14), vợ Ê-sai (*Ê-sai* 8:3), An-ne (*Lu-ca* 2:36), và bốn con gái của Phi-líp, nhà truyền giảng Phúc Âm (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 21:9).

¹¹ “Cush” trong *The International Standard Bible Encyclopedia*, tập 1, 839 (Grand Rapids: W.B. Eerdmans, 1979). Do sự kiện này, hôn nhân của Môi-se chẳng có liên quan gì đến vấn đề hôn nhân tạp chủng.

¹² Nếu Môi-se là người nhu mì, tại sao ông lại nói ra? Há chẳng phải đó là dấu hiệu của sự kiêu căng sao? Gốc Hê-bơ-rơ của từ được dịch là “nhu mì” chỉ có nghĩa là “bị cúi xuống.” Vài người dịch là “bị gánh nặng,” ám chỉ mọi phiền toái Môi-se phải gánh chịu (11:14). Người khác thì cho rằng một nhà “chép kinh” sau này thêm câu này vào, nhưng chúng ta không có bằng cứ để chứng minh. Trong những văn phẩm của mình, Môi-se đã khiêm tốn đủ để

ghi lại những tội lỗi cùng thất bại, và chúng ta chấp nhận những gì ông đã viết. Phao-lô cũng viết theo cách tương tự như vậy trong *II Cô-rinh-tô* 10:1, 11:5, và 12:11-12.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG BỐN

Dân Số Ký 10:11-12:16

1. Y-sơ-ra-ên đang sống an nhàn tại Si-nai thì Đức Chúa Trời lại bảo họ di chuyển ngay. Trong lãnh vực nào của cuộc sống, bạn cảm thấy thoải mái nhưng lại cảm nhận rằng Đức Chúa Trời đang bảo bạn di chuyển?

2. Tại sao tự mãn là kẻ thù của tăng trưởng thuộc linh?

3. Bạn nghĩ gì về quyết định của Môi-se yêu cầu Hô-báp làm con "mất" của Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc? Điều này có phải là dấu hiệu của thiếu tin cậy Chúa không? Tại sao có và tại sao không?

4. Môi-se mời người khác cùng đi với Y-sơ-ra-ên và hưởng phước hạnh của Đức Chúa Trời. Bạn có thể mời ai cùng chia sẻ phước hạnh của Đức Chúa Trời? Bạn sẽ làm điều này bằng cách nào?

5. Mỗi lần dân Y-sơ-ra-ên dừng hoặc khởi hành trong chuyến đi thì Môi-se đều cầu nguyện. Nhằm mục đích gì khi Môi-se cầu nguyện như thế?

6. "Đám đông hỗn tạp" là ai? Họ tạo ảnh hưởng tiêu cực nào trên cộng đồng Y-sơ-ra-ên?

7. Tại sao những xấu xa bên trong Hội Thánh gây thiệt hại nhiều hơn là kẻ thù ngoại lai?

8. Tại sao Môi-se nản lòng? Trong thất vọng và chán nản, ông xin Đức Chúa Trời làm gì? Đức Chúa Trời đáp ứng thế nào trước lời than phiền "Tôi không làm được" của Môi-se?

9. Mi-ri-am và A-rôn sai lầm chỗ nào?

10. Chứng cứ nào về sự nhu mì của Môi-se được ghi lại?

KHỦNG HOẢNG TẠI CA-ĐE

Dân Số Ký 13-14

Tại Ca-de Bạt-nê-a, biên giới Ca-na-an, dân Y-sơ-ra-ên đã đại dột khước từ cơ hội vào Đất Hứa để nhận lấy sản nghiệp. Thất bại bi thảm này khiến cho tên “Ca-de” đồng nghĩa với bại trận và mất cơ hội. Suy vi của Y-sơ-ra-ên tại Ca-de nhắc chúng ta ngày nay rằng xem thường ý muốn Đức Chúa Trời rất nguy hiểm.

Ca-na-an không phải là hình ảnh của thiên đàng. Chắc chắn sẽ không còn chiến trận nào trên thiên đàng như vài bài thánh ca! Ca-na-an là hình ảnh của sản nghiệp Đức Chúa Trời dành sẵn cho mỗi con dân Chúa ngày nay, là công việc Ngài muốn chúng ta làm, và là những nơi Ngài muốn chúng ta chiếm lấy. Phao-lô gọi đó là “những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo (*Ê-phê-sô* 2:10). Chúa có một kế hoạch toàn vẹn cho từng con cái Ngài, chúng ta chỉ có thể hưởng những phước lành đó nhờ đức tin và vâng phục mà thôi.

Giống như dân Y-sơ-ra-ên những thế kỷ trước, nhiều tín hữu ngày nay bước đi bằng mắt thấy chứ không phải bằng đức tin, vì vậy, không hưởng được những điều tốt đẹp Đức Chúa Trời dành cho. Họ không thể đồng thanh với Đa-vít: “Tôi may được phần cơ nghiệp ở trong nơi tốt lành; phải, tôi có được cơ nghiệp đẹp đẽ” (*Thi Thiên* 16:6). Dân Y-sơ-ra-ên đã làm gì tại Ca-de để phải bại trận nhục nhã? Họ trắng trợn phạm ít nhất năm tội, và con cái Đức Chúa Trời ngày nay cũng có thể phạm cùng những tội đó và cũng sẽ chịu bại trận nhục nhã như vậy.

1. Nghi Ngờ Lời Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 13:1-25

¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ²hãy sai những người đi do thám xứ Ca-na-an, là xứ ta ban cho dân Y-sơ-ra-ên. Về mỗi một chi phái, các người phải sai một người đi; mỗi người làm quan trưởng của chi phái mình. ³Tùy theo mạng Đức Giê-hô-va, Môi-se từ đồng vắng Pha-ran sai các người này đi; hết thấy là quan trưởng của dân Y-sơ-ra-ên.

⁴Đây là tên của các người ấy: Về chi phái Ru-bên, Sam-mua, con trai Xa-cu; ⁵về chi phái Si-mê-ôn, Sa-phát, con trai của Hô-ri; ⁶về chi phái Giu-đa, Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê; ⁷về chi phái Y-sa-ca, Di-ganh, con trai của Giô-sép; ⁸về chi phái Ép-ra-im, Hô-sê, con trai của Nun; ⁹về chi phái Bên-gia-min, Phan-thi, con trai của Ra-phu; ¹⁰về chi phái Sa-bu-lôn, Gát-đi-ên, con trai của Sô-đi; ¹¹về chi phái Giô-sép, nghĩa là về chi phái Ma-na-se, Ga-đi, con trai của Su-si; ¹²về chi phái Đan, A-mi-ên, con trai của Ghê-ma-li; ¹³về chi phái A-se, Sê-thu, con trai của Mi-ca-ên; ¹⁴về chi phái Nép-ta-li, Nách-bi, con trai của Vấp-si; ¹⁵về chi phái Gát, Gu-ên, con trai của Ma-ki.

¹⁶Đó là tên những người mà Môi-se sai đi do thám xứ. Vả, Môi-se đặt tên cho Hô-sê, con trai Nun, là Giô-suê.

¹⁷Vậy, Môi-se sai đi do thám xứ Ca-na-an, và dặn rằng: Từ đây hãy lên Nam phương, và vào miền núi; ¹⁸rồi sẽ thấy xứ ra sao, dân chúng ở đó nếu mạnh yếu thế nào, nếu số ít hay nhiều; ¹⁹xứ dân đó ở thế nào, nếu tốt hay xấu; các thành dân đó ở làm sao, hoặc chỉ những nơi đóng trại hay là đồn lũy; ²⁰đất ra làm sao, nếu màu mỡ hay là xấu, có cây cối hay là không. Hãy can đảm và hái lấy trái cây xứ đó. Bấy giờ nhằm mùa nho sớm.

²¹Vậy các người đó đi lên do thám xứ, từ đồng vắng Xin cho đến Rê-hóp, đi về Ha-mát. ²²Họ bắt từ hướng Nam đi lên, đến thành Hếp-rôn, là nơi có A-hi-man, Sê-sai và Thanh-mai, con cái của A-nác. Vả, thành Hếp-rôn đã xây từ bảy năm trước Xô-an, là thành của xứ Ê-díp-tô. ²³Các người đến khe Éch-côn, cắt tại đó một nhánh nho có một chùm nho; và hai người khiêng lấy bằng cây sào, luôn những trái lựu và trái vả. ²⁴Người ta gọi chỗ này là khe Éch-côn, vì có chùm nho mà dân Y-sơ-ra-ên đã cắt tại đó.

²⁵Các người đi do thám xứ trong bốn mươi ngày trở về.

Đức Chúa Trời giải phóng dân Ngài khỏi Ai Cập để vào

Đất Hứa và hưởng những phước hạnh dành sẵn cho. Bốn mươi năm sau, Môi-se nhắc nhở thế hệ mới: “Ngài đã đem chúng ta ra khỏi xứ ấy [Ai Cập], để dẫn vào xứ Ngài đã thề cùng tổ phụ chúng ta, để ban cho chúng ta” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:23; xem *Ê-xê-chi-ên* 20:6). Chúa đã hứa ban xứ cho con cháu Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cóp (*Sáng Thế Ký* 12:7; 13:15; 17:8; 28:13; 35:12) và đã tái xác nhận lời hứa đó qua Môi-se (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:8, 17; 6:4,8; 13:5; 33:3).

Hơn thế nữa, Chúa nhắc dân Ngài về lời hứa này khi họ nhỏ trại tại Si-nai (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:6-8) và khi họ tới Ca-de (c.20-21). Lời hứa của Đức Chúa Trời là chứng thư của Y-sơ-ra-ên để vào xứ cũng như là bảo đảm của Ngài rằng họ sẽ đánh bại quân thù. Lời hứa Đức Chúa Trời đủ để Y-sơ-ra-ên tiến bước, nhưng cả nước nghi ngờ Lời Đức Chúa Trời bước đi bằng mắt thấy thay vì bằng đức tin.

Chưa bước đi mà đã nghi ngờ nên họ yêu cầu Môi-se để cho họ thăm dò xứ trước khi cả nước dấn thân vào cuộc chiến với quân thù (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:22; *Gia-cơ* 1:5-8). Môi-se chấp thuận yêu cầu của họ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:23) và được Chúa cho phép (*Dân Số Ký* 13:1-3). Tuy nhiên, dường như Đức Chúa Trời để cho người Do Thái tự làm theo ý riêng, chẳng phải vì ý họ đúng, nhưng vì Ngài muốn dạy họ một bài học. Họ cần học tin cậy Lời Đức Chúa Trời và thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời theo cách của Ngài chứ không phải theo cách của họ (*Châm Ngôn* 3:5-6).

Mười hai thám tử được chọn là những người khác nhau từ các trưởng chi phái nêu tên trong *Dân Số Ký* 1-2; 7; và 10. Những thám tử này phải là những người trẻ có thể chịu đựng những khắc nghiệt và hiểm nguy trong việc trình sát xứ. Chúng ta gặp Ca-lép lần đầu tiên trong 13:6, ông sẽ được đề cập thêm ba mươi một lần nữa trong Cựu Ước. Ông và Giô-suê là những thành viên duy nhất của thế hệ già nua vào Đất Hứa. Những người khác đều

chết trong hoang mạc.

Chúng ta gặp Giô-suê đầu tiên trong Kinh Thánh như là tướng lãnh của Y-sơ-ra-ên (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16), đánh bại dân A-ma-léc, và sau đó là đầy tớ của Môi-se (24:13; *Dân Số Ký* 11:28). Cuối cùng ông trở thành người kế tục Môi-se (27:15-20) và lãnh đạo Y-sơ-ra-ên trong cuộc chinh phục Đất Hứa. Tên ban đầu của ông là Hô-sê, nghĩa là "sự cứu rỗi", nhưng Môi-se đã đổi tên đó thành "Giô-suê" nghĩa là "Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi". Đó là cái tên khích lệ đức tin của một người lính và nhắc ông rằng Đức Chúa Trời đang đánh trận cho ông.

Mười hai thám tử đã vượt khoảng 500 dặm trong suốt bốn mươi ngày để do thám xứ Ca-na-an. Họ thấy xứ giống y như Chúa đã nói với họ! Họ biết tên của các dân tộc ngoại bang sống trong xứ (*Sáng Thế Ký* 15:18-21), đó là một vùng đất tươi tốt (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3:8) và là một xứ giàu có đượm sữa và mật (c.8, 17). Họ thấy những trái cây ngon ngọt ở trong xứ và đã mang về một chùm nho khổng lồ cho mọi người xem. Họ còn đi thăm Hép-rôn, nơi chôn cất các tộc trưởng Y-sơ-ra-ên cùng với vợ (*Dân Số Ký* 13:22; *Sáng Thế Ký* 23:2, 19; 49:29-31; 50:13). Di tích đức tin của Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và Giô-sép có khích lệ họ đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời không? Đối với mười thám tử, câu trả lời là không.

Việc do thám xứ có lẽ là một ý tưởng hay theo quan điểm quân sự thông thường chứ không theo cái nhìn thuộc linh. Đức Chúa Trời đã ban xứ cho họ và ra lệnh cho họ đi và chiếm lấy. Ngài đã hứa ban chiến thắng cho họ, vì vậy họ phải "tin cậy và vâng lời." Đức Giê-hô-va đi trước và đuổi kẻ thù Ngài chạy tán loạn (*Dân Số Ký* 10:33-36), dân của Ngài phải theo sau bằng đức tin. Nhưng họ không làm được. Họ nghi ngờ không biết Chúa có giữ lời Ngài đã hứa và ban xứ cho họ không.

2. Làm Nản Lòng Dân Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 13:26-33

²⁶Tới rồi, bèn đến cùng Môi-se, A-rôn và cả hội dân Y-sơ-ra-ên, trong đồng vắng Pha-ran, tại Ca-de, mà thuật lại mọi sự cho hai người và cả hội chúng nghe, cùng đưa cho xem hoa quả của xứ.

²⁷Vậy, các người ấy thuật cho Môi-se rằng: Chúng tôi đi đến xứ mà người đã sai chúng tôi đi; ấy quả thật một xứ dưm sữa và mật, này hoa quả xứ đó đây. ²⁸Mà, dân ở trong xứ này vốn mạnh dạn, thành tri thật vững vàng và rất lớn; chúng tôi cũng có thấy con cái của A-nác ở đó. ²⁹Dân A-ma-léc ở miền Nam, dân Hê-tít, dân Giê-bu-sít, và dân A-mô-rít ở trong núi; dân Ca-na-an ở gần biển và dọc dài theo mé Giô-đanh.

³⁰Ca-lép bèn làm cho dân chúng, đương lăm bằm cùng Môi-se nín lặng đi, mà nói rằng: Chúng ta hãy đi lên và chiếm xứ đi, vì chúng ta thắng hơn được. ³¹Nhưng những người đi cùng Ca-lép nói rằng: Chúng ta không đi lên cự dân này được, vì chúng nó mạnh hơn chúng ta. ³²Trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, các người đó phao phản xứ mình đã do thám mà rằng: Xứ mà chúng tôi đã đi khắp đặng do thám, là một xứ nuốt dân mình; hết thấy những người chúng tôi đã thấy tại đó, đều là kẻ hình vóc cao lớn. ³³Chúng tôi có thấy kẻ cao lớn, tức là con cháu của A-nác, thuộc về giống giềnh-giăng; chúng tôi thấy mình khác nào con cào cào, và họ thấy chúng tôi cũng như vậy.

Phục Truyền Luật Lệ Ký 1:26-28

²⁶Nhưng các người không muốn lên đó, và đã bội nghịch mạng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người, ²⁷lăm bằm trong trại mình mà rằng: Ấy bởi Đức Giê-hô-va ghét chúng ta, nên khiến chúng ta ra xứ Ê-díp-tô, đặng phó chúng ta vào tay dân A-mô-rít, để tiêu diệt đi. ²⁸Chúng ta sẽ đi lên đâu? Anh em chúng ta làm cho chúng ta tiêu gan vì nói rằng: Ấy là một dân đông hơn và cao lớn hơn chúng ta; ấy là những thành lớn và kiên cố đến tận trời; vả lại, tại đó, chúng tôi có thấy những con cháu của dân A-na-kim.

Vì thiếu đức tin, tất cả các thám tử trừ Ca-lép và Giô-suê nản chí không muốn tiến vào xứ và chiến đấu với kẻ thù. Sự nản lòng của họ nhanh chóng lây lan trong khắp trại quân. Nghi ngờ chuyển thành vô tín, và vô tín là nỗi

loạn cùng Đức Chúa Trời (*Dân Số Ký* 14:9; *Hê-bơ-rơ* 3:16-19).

Cần biết là mười thám tử đều nhận Ca-na-an là "xứ mà người đã sai chúng tôi đi" (*Dân Số Ký* 13:27) và "xứ mà chúng tôi đã đi khắp" (c.32), chứ không phải là "xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi ban cho chúng tôi." Vì mười người này bước đi bằng mắt trần tục nên họ không thật sự tin lời hứa của Đức Chúa Trời. Họ nhìn dân trong xứ thì thấy người khổng lồ; họ nhìn vào thành của người Ca-na-an thì thấy những tường thành cao ngất với cổng khoá chặt; và họ nhìn lại chính mình, thì thấy mình nhỏ như châu chấu. Nếu họ nhìn lên Đức Chúa Trời bằng đức tin thì họ đã thấy Đấng chinh phục mọi kẻ thù và xem các dân tộc trên thế gian như châu chấu (*Ê-sai* 40:22). Vì nhìn mọi vật bằng con mắt trần tục nên họ tự nhủ "chúng ta không làm được..." (*Dân Số Ký* 13:31). Nhưng nếu họ dùng cặp mắt đức tin thì mọi sự sẽ dễ dàng (xem *Đa-ni-ên* 3:17, *Phi-líp* 4:13).

Điều John Garden nói về vũ đài chính trị có thể được áp dụng vào vũ đài thuộc linh và con đường đức tin của Cơ Đốc nhân: "Chúng tôi phải liên tục đối mặt với hàng loạt những cơ hội lớn được ngụy trang cách tài tình thành những vấn đề không phương giải quyết." Đức tin không được thử nghiệm là đức tin không thể tin cậy được, nên Đức Chúa Trời thử nghiệm đức tin để giúp chúng ta chắc chắn đó là đức tin thật (*I Phi-e-rơ* 1:1-9) và làm cho nó lớn lên. A.W.Tozer đã nói: "Trước hết, đức tin đến với đôi tai biết lắng nghe, không phải với tâm trí biết nhận thức." "Vì đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe là khi lời của Đức Chúa Trời được rao giảng" (*Rô-ma* 10:17).

Đối với thế gian vô tín, người ta thấy thật là vô lý khi tin cậy một Đức Chúa Trời mình không hề thấy và nghe, nhưng chúng ta có tất cả bằng chứng cần để tin chắc rằng Đức Chúa Trời đáng tin cậy và có quyền năng để làm thành điều Ngài nói. Điều Ngài hứa, Ngài sẽ thực

hiện (*Rô-ma* 4:21). Y-sơ-ra-ên đã thấy điều Đức Giê-hô-va làm đối với người Ai Cập và dân A-ma-léc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16), và họ hoàn toàn tin chắc rằng Ngài sẽ không bao giờ làm cho dân Ngài thất vọng.

Vô tín là điều nghiêm trọng vì nó thách thức bản tính của Đức Chúa Trời và nổi loạn chống lại ý muốn Đức Chúa Trời. "Nhưng không có đức tin thì chẳng có thể nào ở cho đẹp ý [Đức Chúa Trời]" (*Hê-bơ-rơ* 11:6). "Phàm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi" (*Rô-ma* 14:23). Môi-se đã nhắc dân chúng về những gì Đức Chúa Trời đã làm cho họ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:29-33), nhưng họ vẫn cứ kêu ca. Họ quả quyết rằng điều tốt nhất nên làm là quay lại Ai Cập và trở về với ách nô lệ.

3. Xem Thường Ý Muốn Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 14:1-10

¹Cả hội chúng bèn cất tiếng la lên, và dân chúng khóc lóc trong đêm đó. ²Hết thấy dân Y-sơ-ra-ên lăm bầm cùng Môi-se và A-rôn; cả hội chúng nói cùng hai người rằng: Chớ chi chúng tôi đã chết trong xứ Ê-díp-tô, hay là đã chết trong đồng vắng này! ³Vì cơ nào Đức Giê-hô-va dẫn chúng tôi vào xứ này đặng bị gươm mà ngã? Vợ và con nhỏ chúng tôi sẽ bị làm một miếng mồi. Về phần chúng tôi, há chẳng khá trở về xứ Ê-díp-tô hơn sao? ⁴Rồi dân chúng nói với nhau rằng: Chúng ta hãy lập lên một quan trưởng, và trở về xứ Ê-díp-tô đi.

⁵Môi-se và A-rôn bèn sấp mình xuống trước mặt cả hội dân Y-sơ-ra-ên. ⁶Giô-suê, con trai của Nun, và Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê, là hai người trong bọn đi do thám xứ, bèn xé quần áo mình. ⁷Hai người nói cùng cả hội dân Y-sơ-ra-ên rằng: Xứ mà chúng tôi đã đi khắp đặng do thám thật là một xứ rất tốt; ⁸nếu Đức Giê-hô-va đẹp lòng cùng chúng ta, ắt sẽ đem chúng ta vào xứ này mà ban cho; ấy là một xứ dưm sữa và mật. ⁹Chỉ các người chớ dấy loạn cùng Đức Giê-hô-va, và đừng sợ dân của xứ, vì dân đó sẽ là đồ nuôi chúng ta, bóng che chở họ đã rút đi khỏi họ rồi, và Đức Giê-hô-va ở cùng ta. Chớ sợ chi.

¹⁰Bấy giờ cả hội chúng nói ném đá hai người này, nhưng sự vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra trên hội mạc, trước mặt dân Y-

sơ-ra-ên.

Trong trại quân Y-sơ-ra-ên, sự vô tín và nản lòng đã nhanh chóng lây lan từ người này sang người kia, và chẳng bao lâu thì "cả hội chúng cất tiếng la lên khóc lóc trong đêm đó" (c.1 và chú ý c.2 và c.10). Hôm sau, cả hội chúng chỉ trích Môi-se, A-rôn và than rằng ước gì được chết ở Ai Cập hoặc trong đồng vắng thì hơn. Khi mất bạn chỉ nhìn thấy chính mình cùng hoàn cảnh của mình, thì bạn đánh mất tầm nhìn, rồi nói và làm những chuyện không đâu.

Tuy nhiên, dân Do Thái đã có thành tích lâu đời về việc oán trách Đức Chúa Trời cùng cấp lãnh đạo của họ, và đã bị trừng phạt vì điều đó. Sự lầm bầm bắt đầu vào đêm xuất Ai Cập, khi họ quả quyết rằng quân đội Pha-ra-ôn sẽ tiêu diệt họ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:10-14). Khi dân Y-sơ-ra-ên tiến vào đồng vắng Su-rơ, họ kêu ca bởi vì không có nước uống (15:22-27), và sau đó họ lầm bầm vì nhớ những bữa ăn ngon tại Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16). "Thà rằng chúng tôi chết tại Ai Cập!" Họ thường than như thế. Tại Rê-phi-dim, dân chúng suýt ném đá Môi-se vì không có nước (17:1-7), và tại Tha-bê-ra, vài người lầm bầm đã bị lửa thiêu chết (*Dân Số Ký* 11:1-3). Ngay sau đó, đám đông hỗn tạp đã xúi giục người Do Thái hỏi xin thịt, khiến Môi-se nản lòng đến nỗi ông muốn chết (c.4 trở đi).

Hầu hết các Hội Thánh, có hai hoặc ba người luôn than phiền, gây khó khăn cho lãnh đạo thuộc linh và đôi khi phải bị kỷ luật; nhưng đây là cả dân tộc khóc vì cảnh khốn khó do chính họ gây ra bởi lòng vô tín của mình! Họ không thừa nhận sự thất bại của chính mình mà lại đổ lỗi cho Đức Chúa Trời và quyết định chọn một lãnh tụ khác rồi quay về Ai Cập (14:3-4). Đây là sự chống nghịch ý muốn Đức Chúa Trời.

Khi con cái Đức Chúa Trời làm theo ý muốn Ngài thì không có chỗ cho lầm bầm, dù trong hoàn cảnh khó

khăn. Nếu lời cầu nguyện hằng ngày của chúng ta là "Ý Cha được nên", và nếu chúng ta bước đi trong sự thuận phục ý muốn Ngài thì sẽ chẳng có điều gì khiến ta phải than thở. Thái độ lầm bầm là bằng chứng của lòng vô ơn và ý chí không thuận phục. "Phàm làm việc gì chớ nên làm bầm hoặc lương lự" (*Phi-líp* 2:14 và xem *I Cô-rinh-tô* 10:10).

Có bốn người của đức tin trong trại quân: Môi-se, A-rôn, Ca-lép, Giô-suê và họ đã tìm cách thay đổi tình hình. Môi-se và A-rôn thường sắp mặt xuống đất và cầu xin với Đức Chúa Trời (xem *Dân Số Ký* 16:4, 22, 45; 20:6; 22:31). Còn Ca-lép và Giô-suê thì nói với dân chúng và bảo đảm với họ rằng quân đội Do Thái dễ dàng chiếm lấy xứ vì Đức Chúa Trời ở cùng họ. Hai người này nhìn biết tội lỗi của cả nước đúng như thực chất của nó: nổi loạn cùng Đức Chúa Trời.

Mười thám tử vô tín cho rằng dân xứ Ca-na-an sẽ "nuốt trứng" dân Do Thái (13:32), nhưng Giô-suê và Ca-lép nhìn người Ca-na-an chỉ là "môi ngon" cho quân Do Thái (14:9). Người Do Thái bác bỏ ý kiến Giô-suê và Ca-lép, đòi ném đá họ chung với Môi-se và A-rôn (c.10). Khi bước đi bằng mắt trần tục thay vì bằng đức tin, chúng ta không đủ sáng suốt để biết được ai là bạn thật rồi chúng ta chống lại những người có thể giúp mình nhiều nhất.

Ý muốn Đức Chúa Trời là bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài vì kế hoạch của Ngài phát xuất từ lòng Ngài (*Thi Thiên* 33:11). Ý muốn Đức Chúa Trời không phải sự trừng phạt mà là thức ăn (*Giăng* 4:31-34); không phải xiềng xích đau đớn trói buộc chúng ta (*Thi Thiên* 2:3), mà là dây yêu thương buộc chặt chúng ta vào lòng Ngài để Ngài dẫn dắt chúng ta đi đúng đường (*Ô-sê* 11:4). Những người nổi loạn cùng Đức Chúa Trời chối bỏ sự khôn ngoan của Ngài, nghi ngờ tình yêu của Ngài, và xui khiến Ngài kỷ luật họ. Đôi khi Chúa phải đặt "hàm thiếc và dây cương" trên những kẻ nổi loạn để điều khiển họ (*Thi Thiên* 32:8-9), và điều đó thật không

dễ chịu chút nào.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta biết ý muốn Ngài (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 22:14), hiểu đường lối Ngài (*Ê-phê-sô* 5:17), vui mừng làm theo ý muốn Ngài (*Thi Thiên* 40:8) và vâng theo ý Ngài từ trong lòng (*Ê-phê-sô* 6:6). Khi đầu phục Chúa, tin cậy Ngài, và vâng phục Ngài, chúng ta "chứng thực bằng kinh nghiệm" ý muốn Đức Chúa Trời là như thế nào (*Rô-ma* 12:1-2). Thánh Linh Đức Chúa Trời phô bày lời Ngài cho chúng ta và giúp chúng ta hiểu điều Ngài muốn chúng ta làm. Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải sẵn sàng vâng theo, nếu không Ngài sẽ không dạy điều chúng ta cần phải biết (*Giăng* 7:17). Mục sư Anh Quốc Giáo người Anh là F.W. Robertson (1816-1853) bảo rằng vâng lời là sản phẩm của tri thức tâm linh. Nếu chúng ta không sẵn sàng vâng phục thì Đức Chúa Trời chẳng bày tỏ ý muốn Ngài cho chúng ta đâu.

4. Đáng Lãnh Án Phạt của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 14:11-38

¹¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Dân này khinh ta và không tin ta cho đến chừng nào, mặc dầu các phép lạ ta làm giữa chúng nó? ¹²Ta sẽ giáng cho dân này dịch lệ và tiêu diệt phần cơ nghiệp của nó đi; nhưng ta sẽ làm cho người thành một dân lớn hơn và mạnh hơn nó.

¹³Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Dân Ê-díp-tô có hay rằng Chúa cậy quyền năng Chúa đem dân này ra khỏi họ; ¹⁴và có thuật điều đó cho dân xứ này. Ôi Đức Giê-hô-va! Người ta biết rằng Chúa ngự giữa dân này, Chúa hiện ra cho mắt chúng thấy, trụ mây Chúa ở trên dân này, và Chúa đi trước, ban ngày trong một trụ mây, ban đêm trong một trụ lửa. ¹⁵Nếu Chúa giết hết dân này như thể giết một người, thì các nước đã nghe nói về Chúa sẽ nói rằng: ¹⁶Đức Giê-hô-va không thể dẫn dân này vào xứ mà Ngài đã thề ban cho; bởi cớ đó, Ngài giết chết chúng nó trong đồng vắng. ¹⁷Vả, bây giờ, tôi xin quyền năng của Chúa hiện ra cách oai nghiêm như Chúa đã nói rằng: ¹⁸Đức Giê-hô-va vốn chậm nóng giận và đầy ơn; hay xá điều gian ác và tội lỗi; nhưng không kể kẻ có tội là vô tội, và nhân tội tổ phụ phạt con cháu

trải ba bốn đời. ¹⁹Tôi xin Chúa tha tội gian ác của dân này tùy theo ơn lớn của Chúa, như Chúa đã tha từ xứ Ê-díp-tô đến đây.

²⁰Đức Giê-hô-va đáp rằng: Ta đã tha như lời người xin. ²¹Nhưng ta chỉ sự hằng sống ta mà quả quyết rằng, sự vinh quang của Đức Giê-hô-va sẽ đầy đầy khắp trái đất! ²²Trong mọi người đã thấy sự vinh quang ta, phép lạ ta đã làm tại xứ Ê-díp-tô và nơi đồng vắng, là các người đã thử ta mười lần và đã không nghe lời ta, ²³thì chẳng một ai sẽ thấy xứ mà ta thề hứa cho tổ phụ chúng nó. Chẳng ai mà đã khinh ta sẽ thấy xứ đó đâu! ²⁴Nhưng vì kẻ tôi tớ Ca-lép ta không đồng lòng cùng chúng nó, theo ta một cách trung tín, thì ta sẽ đem người vào xứ mà người đã có đi, và dòng dõi người sẽ được xứ làm sản nghiệp. ²⁵Dân A-ma-léc và dân Ca-na-an ở trong trũng; ngày mai các người hãy trở lui lại sau, đi đến đồng vắng về hướng Biển Đỏ.

²⁶Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se và A-rôn, mà rằng: ²⁷Ta sẽ chịu hội chúng hung dữ này hay làm bầm cùng ta cho đến chừng nào? Ta đã nghe lời làm bầm của dân Y-sơ-ra-ên oán trách ta. ²⁸Hãy nói với dân chúng: Đức Giê-hô-va nói rằng: Ta chỉ sự hằng sống ta mà thề, ta sẽ đải các người tùy theo lời ta đã nghe các người nói; ²⁹những thầy các người sẽ ngã nằm trong đồng vắng này. Các người mà người ta đã tu bộ, hết thầy bao nhiêu cũng vậy, từ hai mươi tuổi sắp lên, là những kẻ đã làm bầm cùng ta, ³⁰thì chẳng hề được vào xứ mà ta đã thề cho các người ở, ngoại trừ Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê, và Giô-suê, con trai của Nun. ³¹Nhưng ta sẽ đem vào xứ những con trẻ của các người mà các người có nói rằng: Chúng nó sẽ bị làm một miếng mồi; rồi chúng nó sẽ biết xứ các người đã chê bai. ³²Còn những thầy các người sẽ ngã nằm trong đồng vắng này. ³³Con cái các người sẽ chăn chiên nơi đồng vắng trong bốn mươi năm, và sẽ mang hình phạt vì tội thông dâm của các người, cho đến chừng nào thầy của các người đã ngã rạp hết trong đồng vắng. ³⁴Các người đi do thám xứ bao nhiêu ngày, nghĩa là bốn mươi ngày, thì các người cũng sẽ mang hình phạt vì tội gian ác mình bấy nhiêu năm, nghĩa là bốn mươi năm, một năm đền cho một ngày; bấy giờ các người sẽ biết ta đã xây khối các người. ³⁵Ta, Đức Giê-hô-va, đã phán: Ta sẽ làm điều này cho cả hội chúng hung dữ này đã hiệp lại nghịch cùng ta; chúng nó sẽ bị hao mòn và chết tại trong đồng vắng này.

³⁶Những người mà Môi-se đã sai đi do thám xứ, khi trở về có xui cho cả hội chúng làm bầm cùng Môi-se, ³⁷và có phao phản xứ,

những người này đều bị một tai vạ hành chết trước mặt Đức Giê-hô-va. ³⁸Nhưng trong bốn người đi do thám xứ, chỉ có Giê-suê, con trai của Nun, và Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê, còn sống được,

Rất nhiều lần dân Y-sơ-ra-ên bởi lòng kiêu ngạo đã phản lại Đức Chúa Trời trong đồng vắng. Ngài đáp lại bằng sự trừng phạt (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:16; *Thi Thiên* 78:17-18, 41, 56; 95:8-11; 106). Như một đứa con búng bình, người Do Thái dường như chẳng bao giờ học được bài học kinh nghiệm. Thay vì làm vui lòng Đức Giê-hô-va, Đấng quan phòng của họ thì họ lại từ bỏ Ngài.

Cầu thay (*Dân Số Ký* 14:11-19). Môi-se đã cầu thay cho dân Chúa tránh được cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời như ông đã làm khi dân Y-sơ-ra-ên đúc bò vàng. Lần thứ hai, Chúa muốn lập một dân mới từ Môi-se và tiêu diệt hoàn toàn dân Do Thái (*Dân Số Ký* 14:11), nhưng Môi-se khẩn khoản xin tha. Đây là đức độ của một nhà lãnh đạo cao cả vì chỉ nghĩ đến lợi ích của dân chúng chứ không phải lợi lộc cá nhân. Môi-se sẵn sàng chết cho dân thay vì để Đức Chúa Trời tiêu diệt họ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:32; xem *Rô-ma* 9:1-3).

Môi-se lý luận với Đức Chúa Trời và trước hết cho rằng sự vinh hiển của Ngài sẽ bị phai mờ nếu Y-sơ-ra-ên bị tiêu diệt. Các dân tộc đã nghe những gì Ngài làm trên xứ Ai Cập, nhưng họ sẽ không còn kính sợ Ngài nếu Y-sơ-ra-ên bị hủy diệt. Các nước sẽ nói: "Ngài đã đem Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập nhưng lại không thể đem họ vào trong xứ. Điều này có nghĩa là các thần của xứ Ca-na-an mạnh hơn Giê-hô-va!" Môi-se chỉ lo sao cho Đức Chúa Trời được vinh hiển trước mặt các nước.

Lý lẽ thứ hai Môi-se nêu ra là giao ước do Đức Chúa Trời lập với các tộc trưởng nhiều năm trước (*Dân Số Ký* 14:16). Đức Giê-hô-va đã hứa với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp rằng Ngài sẽ ban xứ cho họ và Ngài không thể không giữ lời (*Sáng Thế Ký* 13:17; 15:7-21; 28:13; 35:12).

Về lý lẽ thứ ba, Môi-se nêu rõ bản tính của Đức Chúa Trời và trích dẫn điều Ngài đã tuyên bố với ông trên núi Si-nai (*Dân Số Ký* 14:17-18; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 34:6-7). Vì là Đức Chúa Trời thánh khiết, nên Ngài phải trừng phạt tội lỗi, nhưng vì là Đức Chúa Trời nhân từ và thương xót nên Ngài tha thứ tội lỗi. Làm thế nào Chúa giải quyết vấn đề nan giải này? Bởi sự ban chính Con Ngài trên cây thập tự để trả giá cho tội của thế gian. Bởi cây thập tự, Đức Chúa Trời vừa công bình vừa là Đấng xứng công bình cho những ai tin cậy Đấng Christ (*Rô-ma* 3:21-31). Ngài duy trì luật thánh khiết của Ngài và trung thực với bản tính của Ngài, đồng thời cũng sẵn sàng tha thứ cho tội nhân biết ăn năn và tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

Bởi ân sủng và lòng thương xót Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi nhưng trong sự cai trị thiên thượng của mình, Ngài cho phép tội lỗi gây ảnh hưởng đau buồn trong cuộc sống của tội nhân. Ngài không buộc con cái chịu trách nhiệm về tội của cha mẹ, nhưng con cái phải khổ sở vì tội của cha mẹ. Vì nhiều thế hệ Do Thái sống chung trong một nhà, nên đại gia đình sẽ phải đau khổ vì tội của cha ông mình.

Lý lẽ cuối cùng của Môi-se về sự tha thứ cho Y-sơ-ra-ên là việc Đức Giê-hô-va đã tha thứ dân Ngài nhiều lần trước đó (*Dân Số Ký* 14:19). "Ngài không đối xử chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi, cũng không hình phạt chúng tôi theo sự gian ác của chúng tôi" (*Thi Thiên* 103:10; xem *E-xơ-ra* 9:13). Việc Chúa tha thứ chúng ta không phải là sự khích lệ để chúng ta tiếp tục phạm tội vì Đức Giê-hô-va sửa phạt những kẻ chống nghịch cùng Ngài. Ngài tha thứ chúng ta để chúng ta kính sợ Ngài (*Thi Thiên* 130:4) và không còn ham muốn phạm tội nữa (*Giăng* 8:10-11).

Tha thứ (*Dân Số Ký* 14:20-22). Đức Chúa Trời bảo đảm với Môi-se rằng Ngài đã tha thứ tội của họ (c.20), nhưng Ngài sẽ không ngăn chặn những hậu quả kinh khiếp do tội họ gây ra. Dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn không quan tâm đến sự vinh hiển của Đức Giê-hô-va, dù rằng sự vinh

hiển của Ngài đã dẫn dắt họ ngày này qua ngày khác và hằng đêm che phủ đền tạm. Đức Chúa Trời muốn dùng dân Y-sơ-ra-ên để bày tỏ sự vinh hiển Ngài cho khắp đất (c.21; *Thi Thiên* 72:19; *Ê-sai* 6:3; *Ha-ba-cúc* 2:14), nhưng họ đã thất bại thê thảm.

Kỷ luật (Dân Số Ký 14:23-38). Hình phạt của Đức Chúa Trời gồm ba mặt: (1) Dân Chúa đi lang thang trong ba mươi tám năm, và như vậy tổng cộng là họ ở trong đồng vắng bốn mươi năm, một năm tương ứng với một ngày mà các thám tử do thám xứ; (2) Trong thời gian đó, thế hệ già nua, từ hai mươi năm trở về trước sẽ chết và không vào được xứ, trừ Ca-lép và Giô-suê; (3) Mười thám tử hoài nghi cũng chết do báo cáo xấu xa của họ (c.36-38).

Người Do Thái than vãn rằng họ muốn chết trong đồng vắng (c.2), và họ đã kêu ca là con cái họ sẽ chết trong xứ Ca-na-an (c.3); nhưng Đức Chúa Trời tuyên bố rằng con cái họ sẽ sống trong xứ Ca-na-an còn người lớn sẽ chết trong đồng vắng! Qua chính môi miệng của họ mà Đức Chúa Trời đã tuyên án.¹ Hãy cẩn thận về điều bạn trình với Đức Chúa Trời khi than phiền vì bạn có thể nhận sự báo trả y như thế! Hình phạt lớn nhất của Đức Chúa Trời là để mặc cho dân chúng đi theo đường lối riêng của họ.

Môi-se dẫn đầu đám tang lớn nhất cổ kim, còn Ca-lép với Giô-suê thì chứng kiến thế hệ của họ qua đi.² Nhưng Ca-lép và Giô-suê được khích lệ bởi lời hứa của Đức Chúa Trời rằng cả hai sẽ vào được xứ và hưởng di sản của họ. Chỉ riêng lời bảo đảm này cũng nâng đỡ họ suốt những ngày thử thách của cuộc hành trình cả nước, một sự kỷ luật không phải do lỗi của Ca-lép hoặc của Giô-suê. Vì vậy hy vọng về sự trở lại của Đấng Christ khích lệ dân Đức Chúa Trời ngày nay dù phải chịu nhiều thử thách trong cuộc hành hương của mình.

5. Bất Tuân Mạng Lệnh Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 14:39-45

³⁹Môi-se thuật lại những lời này cho cả dân Y-sơ-ra-ên; rồi có một sự thâm sầu rất lớn trong dân chúng. ⁴⁰Đoạn, dân chúng dậy sớm đi lên chót núi mà nói rằng: Chúng tôi đây sẽ đi lên tới chỗ Đức Giê-hô-va đã phán hứa, vì chúng tôi có phạm tội. ⁴¹Song Môi-se nói rằng: Sao các ngươi trái mạng Đức Giê-hô-va? Sự đó sẽ chẳng may mắn đâu. ⁴²Chớ đi lên đó, e các ngươi bị quân nghịch đánh bại chẳng; vì Đức Giê-hô-va không còn ở giữa các ngươi nữa. ⁴³Kìa, dân A-ma-léc và dân Ca-na-an ở đằng trước các ngươi, các ngươi sẽ bị gươm ngã rạp, bởi vì đã bội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, Đức Giê-hô-va sẽ không ở cùng các ngươi. ⁴⁴Nhưng dân cố ý đi lên chót núi; còn hòm giao ước của Đức Giê-hô-va và Môi-se không đi ra khỏi trại quân. ⁴⁵Dân A-ma-léc và dân Ca-na-an ở trong núi này đổ xuống, đánh bại và phân thây dân Y-sơ-ra-ên cho đến Họt-ma.

Phục Truyền Luật Lệ Ký 1:41-46

⁴¹Lúc đó, các ngươi bèn đáp cùng ta mà rằng: Chúng tôi đã phạm tội cùng Đức Giê-hô-va; chúng tôi sẽ đi lên chiến trận và làm mọi điều Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng tôi đã phán dặn. Mỗi người trong các ngươi nịt binh khí và toan đại dột đi lên núi.

⁴²Đức Giê-hô-va bèn phán cùng ta rằng: Hãy nói cùng dân chúng: Chớ đi lên và chớ chiến trận, vì ta không ngự giữa các ngươi; e các ngươi bị quân thù nghịch đánh bại.

⁴³Ta có thuật lại những lời này, nhưng các ngươi không nghe ta, nghịch mạng của Đức Giê-hô-va, đầy sự kiêu ngạo, kéo đi lên núi. ⁴⁴Bấy giờ, người A-mô-rít ở trong núi này, đi ra đón và đuổi các ngươi như thể đoàn ong, đánh bại các ngươi tại Sê-i-rơ cho đến Họt-ma. ⁴⁵Khi trở về, các ngươi có khóc lóc trước mặt Đức Giê-hô-va, nhưng Đức Giê-hô-va không lắng tai và chẳng khứng nghe tiếng của các ngươi. ⁴⁶Ấy vì thế nên các ngươi ở tại Ca-de lâu ngày, nhiều ngày biết dường bao!

Sau ngày thất bại lớn, người Do Thái phải tiếp tục cuộc hành trình dài của mình qua đồng vắng (*Dân Số Ký 14:25*), nhưng dân Chúa không chịu tuân theo. Vô tín, lười biếng, và nổi loạn là nguyên nhân của những rắc rối bất tận trong đời sống của người Do Thái. "Sự kiêu ngạo

đi trước sự bại hoại, và thái độ tự cao đi trước sự sa ngã" (*Châm Ngôn* 16:18).

Dân Y-sơ-ra-ên có thể đã sâu thăm cực độ (*Dân Số Ký* 14:39) mà thú nhận đã phạm tội" (c.40),³ nhưng sự "sâu thăm" này không phải là sự ăn năn thật. Người Do Thái hối hận vì hậu quả của tội lỗi chứ không phải vì chính tội lỗi. Y-sơ-ra-ên đã nổi loạn cùng Đức Chúa Trời và cướp mất sự vinh hiển của Ngài, nhưng lại không bày tỏ lòng tan vỡ hay đau buồn vì tội lỗi. Không giống như Môi-se và A-rôn, họ không sấp mặt xuống đất và tìm kiếm sự giúp đỡ của Đức Giê-hô-va. Họ đã đi từ sự nổi loạn đến sự kiêu ngạo và chiến đấu chống kẻ thù bằng sức riêng.

Thừa nhận tội không có nghĩa là xưng tội và quay sang Đức Giê-hô-va để tìm kiếm ơn thương xót của Ngài. Người Do Thái nghĩ rằng họ có thể có một khởi đầu mới vì Đức Chúa Trời đã tha thứ cho họ, nhưng họ đã sai lầm. Đức Chúa Trời tha tội cho họ, nhưng Ngài cũng đã lập một kế hoạch mới làm tri hoãn cuộc chinh phục của Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa gần bốn mươi năm. Một dân tộc vô tín với thái độ ngạo mạn không bao giờ có thể đánh bại những dân ngoại giáo trong xứ Ca-na-an được. Nếu Y-sơ-ra-ên không trung tín với Đức Chúa Trời, thì họ không bao giờ có được sự giúp đỡ của Ngài khi tìm cách chinh phục xứ.⁴

Cả Môi-se lẫn hòm giao ước không rời khỏi trại quân (xem 10:33-36), trụ mây không di chuyển khỏi đền tạm, và các kèn bạc không thổi tiếng. Tuy nhiên họ vẫn xông ra chiến trận! Từ được dịch là "cố ý" trong 14:44 xuất phát từ Hê-bơ-rơ với ý nghĩa "được nâng lên" có nghĩa là "kiêu căng, ngạo mạn." Lời khoe khoang của các chiến sĩ "Chúng ta sẽ đi lên và chiến đấu" đã được Đức Chúa Trời đáp trả bằng lời cảnh cáo "Ta sẽ không ở cùng các ngươi" (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:41-42). Nỗ lực của con người mà không có sự ban phước của Đức Chúa Trời thì gây hại nhiều hơn lợi vì Chúa Giê-xu đã nói "Ngoài Ta các ngươi

chẳng làm chi được" (*Giăng* 15:15).

Lời báo trước của Chúa đã thành sự thật và đội quân Y-sơ-ra-ên đã bại trận cách nhục nhã. Dân A-ma-léc và Ca-na-an không chỉ đánh tan các lực lượng Do Thái khi họ tấn công, mà còn đuổi theo họ hơn 100 dặm về phía bắc, đến tận Họt-ma. Đó là một ngày buồn thảm cho con cháu Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

Bài học Ca-đe Bạt-nê-a dạy chúng ta rằng không có đức tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời cùng sự tuân phục mệnh lệnh Ngài thì sẽ gặp thất bại. Đức tin là vâng lời và làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời chứ đừng làm theo cảm nghĩ riêng hoặc chiếu theo tình hình và hoàn cảnh bên ngoài. Khi dân Đức Chúa Trời tin cậy và vâng lời, Ngài vui lòng làm những điều lạ lùng cho họ vì họ làm vinh hiển danh Ngài.

Chủ biên tờ báo Mỹ theo thuyết bất khả tri, Henry L. Mencken đã định nghĩa đức tin là "niềm tin phi lý vào sự xuất hiện của những điều không thể có được". Mark Twain thì viết rằng đức tin là "tin điều mà bạn biết không phải như vậy". Cả hai người đều sai.

Nhà truyền giảng Phúc Âm D.L. Moody nói rằng "đức tin thật là sự yếu đuối của con người nương dựa vào sức mạnh của Đức Chúa Trời." Đó là tin Lời Đức Chúa Trời và chứng thực bằng cách tuân phục điều Ngài bảo chúng ta làm.

Đó là điều dân Y-sơ-ra-ên đã không làm.

Chúng ta chớ bắt chước họ!

Chú thích

¹ Các giáo sư Do Thái đã ghi lại mười lần cả nước hoặc cá nhân thử Đức Giê-hô-va: tại Biển Đỏ (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 14:10-12); tại Ma-ra (15:22-24); khi Chúa ban ma-na (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16); khi một số người Do Thái cất giữ ma-na (c.19-20); khi vài người trong số họ tìm kiếm ma-na vào ngày Sa-bát (c.27-30); khi dân chúng kêu xin nước

(17:1-7); khi họ thờ con bò vàng tại Si-nai (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 32); khi họ lằm bằm (*Dân Số Ký* 11:1-3); khi họ kêu xin thịt để ăn (c.4 trở đi); và lúc họ nổi loạn tại Ca-đe Bạt-nê-a. Tuy nhiên, cụm từ “mười lần” trong 14:22 có thể chỉ đơn giản có nghĩa là “nhiều lần.”

² Bản KJV dùng từ “thây” để mô tả xác chết của người Y-sơ-ra-ên (c.29, 32-33, 35), như thể họ chỉ là những súc vật được chôn trong đồng vắng. Nhưng từ Hê-bơ-rơ thì chỉ có nghĩa “xác chết.” Khi bản KJV phiên dịch, từ “thây” có nghĩa xác chết của người hoặc vật, nhưng kể từ giữa thế kỷ mười tám, từ này chủ yếu được dùng cho súc vật.

³ Một số người nói: “Tôi phạm tội”, với tấm lòng ăn năn thật như A-can (*Giô-suê* 7:20), Đa-vít (*II Sa-mu-ên* 12:13; *Thi Thiên* 51:4; *I Sử Ký* 24:8, 17), và người con trai hoang đàng (*Lu-ca* 15:18,21); một số khác xưng tội giả hiệu như Pha-ra-ôn (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 9:27), Ba-la-am (*Dân Số Ký* 22:34), vua Sau-lơ (*I Sa-mu-ên* 15:24, 30; 26:21), Si-mê-i (*II Sa-mu-ên* 19:20), và Giu-đa (*Ma-thi-ơ* 27:4). Miệng nói lời ăn năn và lòng cũng phải ăn năn nữa.

⁴ Đọc *Giô-suê* 1-5 giúp ta thấy được cách Đức Chúa Trời chuẩn bị thế hệ mới tiến vào xứ và đương đầu với kẻ thù ra sao. Những người nam được cắt bì khi giao ước được phục hồi và cả dân Chúa kỷ niệm Lễ Vượt Qua, tưởng nhớ chiến thắng vĩ đại của Đức Chúa Trời trên Ai Cập. Hòm giao ước đi trước dân chúng và Đức Chúa Trời được vinh hiển khi họ vượt sông Giô-đanh tiến vào xứ. Từ đầu tới cuối, Đức Chúa Trời điều hướng toàn bộ công tác và dân chúng tuân theo triết để.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG NĂM

Dân Số Ký 13-14

1. Ca-na-an tiêu biểu điều gì của chúng ta?
2. Y-sơ-ra-ên phạm năm tội nào tại Ca-de?
3. Người Y-sơ-ra-ên tỏ ra nghi ngờ Lời Đức Chúa Trời bằng cách nào? Khi nào bạn cảm thấy bị cám dỗ nghi ngờ Lời Đức Chúa Trời nhiều nhất?
4. Khi nào thì bạn thấy lòng vô tín khiến bạn ngã lòng? Tại sao vô tín lại nghiêm trọng đến như vậy?
5. Tật lằm bằm là chứng cứ của điều gì?
6. Tác giả nói "ý muốn Đức Chúa Trời là sự bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài." Bạn thấy điều này được chứng minh là đúng trong cuộc sống riêng của mình ra sao?
7. Môi-se xin Đức Chúa Trời tha mạng cho người Y-sơ-ra-ên vì bốn lý do nào?
8. Con cháu chịu khổ vì tội của cha mẹ hoặc của ông bà trên những phương diện nào?
9. Hối tiếc với ăn năn khác nhau ra sao? Nhận tội với xưng tội khác nhau ra sao?
10. Sau khi nghiên cứu cảnh diễn ra tại Ca-de Bạt-nê-a, bạn sẽ định nghĩa "đức tin" như thế nào, trong bối cảnh đó?

VẤN ĐỀ THẨM QUYỀN

Dân Số Ký 15-17

Các sự kiện mô tả trong những chương này có lẽ đã xảy ra không lâu sau thất bại bi thảm của Y-sơ-ra-ên tại Ca-đe Bạt-nê-a, và cho thấy rõ ràng là dân chúng vẫn không tin cậy và vâng lời. Chẳng trách tại sao Chúa đã từ bỏ thế hệ già nua và thực hiện một khởi đầu mới với thế hệ trẻ!

Đức Chúa Trời đặc biệt khích lệ thế hệ trẻ: "Sau khi các ngươi vào xứ mà Ta ban cho các ngươi ở" (15:1). Thế hệ trẻ ba mươi tám năm lang thang, nhưng Chúa bảo đảm rằng sẽ có một ngày họ vào được xứ và nhận lấy làm sản nghiệp. Con cháu chịu khổ vì tội lỗi của ông cha.

Thế hệ trước của Y-sơ-ra-ên đã nhiều lần không chịu thuận phục uy quyền của Lời Đức Chúa Trời cũng như uy quyền của những người lãnh đạo được Đức Chúa Trời chỉ định. Tín hữu ngày nay cũng phạm những tội y như vậy, và hậu quả quá rõ ràng: Hội Thánh bị chia rẽ, gia đình xáo trộn và những cá nhân bất tuân lang thang từ Hội Thánh này đến Hội Thánh khác mà chẳng làm được gì nhiều cho Đức Giê-hô-va. Nếu chúng ta không thuận phục Lời Đức Chúa Trời và những người lãnh đạo được Ngài lựa chọn (*Hê-bơ-rơ* 13:7-9, 17), chúng ta không thể nào nhận được sản nghiệp của mình trong Đấng Christ (*Ê-phê-sô* 2:10) và không thể thực hiện điều Chúa muốn chúng ta làm.

1. Thẩm Quyền của Lời Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 15:1-41

¹Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Khi các người vào xứ mà ta ban cho các người ở, ³và các người dâng cho Đức Giê-hô-va một của lễ dùng lửa đốt; hoặc một của lễ thiêu hoặc một của lễ trả sự hứa nguyện hoặc một của lễ lạc ý, hay là trong những lễ trọng thể, các người muốn dâng cho Đức Giê-hô-va một của lễ có mùi thơm bằng bò hay chiên, ⁴thì ai dâng lễ vật mình phải dâng cho Đức Giê-hô-va một của lễ chay bằng một phần mười ê-pha bột lọc nhồi với một phần tư hin dầu. ⁵Về mỗi con chiên con, người phải dâng một lễ quán bằng một phần tư hin rượu với của lễ thiêu hay là với của lễ khác. ⁶Nhược bằng về một con chiên đực, thì người phải dùng một của lễ chay bằng hai phần mười ê-pha bột lọc nhồi với một phần ba hin dầu, ⁷và một phần ba hin rượu làm lễ quán, mà dâng có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ⁸Nhược bằng người dâng một con bò tơ, hoặc làm của lễ thiêu, hoặc làm của lễ trả sự hứa nguyện hay là làm của lễ thù ân cho Đức Giê-hô-va, ⁹thì phải dâng chung với con bò tơ một của lễ chay bằng ba phần mười ê-pha bột lọc nhồi với nửa hin dầu, ¹⁰và dâng nửa hin rượu làm lễ quán: ấy là một của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ¹¹Người ta cũng phải làm như vậy về mỗi con bò đực, mỗi con chiên đực, mỗi con chiên con, hay là mỗi con dê con. ¹²Tùy theo số con sinh mà các người sẽ dâng, thì phải làm như vậy cho mỗi con. ¹³Phàm người sinh ra trong xứ phải làm như vậy, khi nào dâng một của lễ dùng lửa đốt, có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va.

¹⁴Nếu một khách ngoại bang kiều ngụ trong các người hay là một người nào ở giữa các người từ đời này sang đời kia, dùng lửa dâng một của lễ có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va, thì phải làm y như các người làm vậy. ¹⁵Trong hội chúng chỉ đồng có một luật lệ cho các người và cho khách ngoại bang kiều ngụ giữa các người. Ấy sẽ là một lệ định đời đời cho dòng dõi các người trước mặt Đức Giê-hô-va; khách ngoại bang cũng đồng như các người vậy. ¹⁶Sẽ có một luật và một lệ như nhau cho các người và cho khách ngoại bang kiều ngụ giữa các người.

¹⁷Đức Giê-hô-va cũng phán cùng Môi-se rằng: ¹⁸Hãy nói cho dân Y-sơ-ra-ên rằng: Khi nào các người đã vào xứ mà ta sẽ dẫn các người vào, ¹⁹và ăn bánh của xứ đó, thì các người phải lấy một lễ

vật dâng đưa lên cho Đức Giê-hô-va.²⁰ Các người phải lấy ra một cái bánh nhỏ làm lễ vật, tức là bánh đầu tiên về bột nhồi của các người; các người phải dâng y một cách như dâng gior lên lễ vật về sân đập lúa vậy.²¹ Từ đời này sang đời kia, các người phải dâng đưa lên cho Đức Giê-hô-va một lễ vật về bột nhồi đầu tiên của các người.

Của lễ về tội lầm lỡ

²²Khi các người lầm lỡ phạm tội, không giữ hết thảy các điều răn này mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se, – ²³nghĩa là mọi điều chi Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-se truyền cho các người, từ ngày Đức Giê-hô-va truyền những điều răn này cho và về ngày sau, trong những dòng dõi sẽ đến của các người, – ²⁴nếu là tội phạm vì lầm lỡ mà hội chúng không hay biết, thì cả hội chúng tùy theo mạng lệnh phải dùng một con bò đực tơ dâng làm của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va, luôn với của lễ chay cùng lễ quán cấp theo; và một con dê đực làm của lễ chuộc tội.

²⁵Thấy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho cả hội dân Y-sơ-ra-ên, thì tội hội chúng sẽ được tha, vì là một tội phạm lầm lỡ và vì hội chúng đã đem đến trước mặt Đức Giê-hô-va lễ vật mình, tức là một của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, luôn với của lễ chuộc tội dâng chữa sự lầm lỡ mình.²⁶ Cả hội dân Y-sơ-ra-ên và khách ngoại bang kiều ngụ trong dân đó sẽ được tha tội, vì là bởi lầm lỡ mà cả dân chúng đã phạm tội.

²⁷Nhược bằng chỉ một người lầm lỡ phạm tội thì người đó phải dâng một con dê cái giáp năm làm của lễ chuộc tội; ²⁸thấy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người đã lầm lỡ mà phạm tội như vậy trước mặt Đức Giê-hô-va, và khi đã làm lễ chuộc tội cho người, thì người sẽ được tha.²⁹ Khi lầm lỡ mà phạm tội, thì sẽ có đồng một luật lệ cho các người, hoặc là người sanh giữa dân Y-sơ-ra-ên hay là khách kiều ngụ trong dân đó.³⁰ Nhưng ai cố ý phạm tội, hoặc người sanh trong xứ, hay là khách ngoại bang, thì ai đó khinh bỉ Đức Giê-hô-va; người sẽ bị truất khỏi dân mình, ³¹vì người đã khinh bỉ lời Đức Giê-hô-va và trái mạng của Ngài: người hấn sẽ bị truất diệt, tội gian ác người đổ lại trên mình người.

Người phạm ngày sa-bát bị phạt xử tử

³²Vả, dân Y-sơ-ra-ên đương ở tại đồng vắng, gặp một người lượm củi trong ngày sa-bát; ³³những kẻ gặp người đương lượm củi dẫn người đến Môi-se, A-rôn, và cả hội chúng.³⁴ Họ bắt người giam tù, vì điều phải làm cho người chưa nhứt định.³⁵ Đức Giê-hô-va

bền phán cùng Môi-se rằng: Người này phải phạt xử tử, cả hội chúng hãy ném đá người ngoài trại quân. ³⁶Vậy, cả hội chúng đem người ra ngoài trại quân mà ném đá, và người chết, y như Đức Giê-hô-va phán dặn Môi-se.

Luật về tua áo

³⁷Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ³⁸Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và biểu họ từ đời này sang đời kia hãy làm một cái tua nơi các chéo áo mình, và trên mỗi tua kết một sợi dây màu điều. ³⁹Các người phải mang cái tua này; khi thấy nó các người sẽ nhớ lại hết thấy điều răn của Đức Giê-hô-va mà làm theo, không theo tư dục của lòng và mắt mình, là điều làm cho các người sa vào sự thông dâm. ⁴⁰Như vậy, các người sẽ nhớ lại mà làm theo những điều răn của ta, và làm thánh cho Đức Chúa Trời của các người. ⁴¹Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người, Đấng đã đem các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô để làm Đức Chúa Trời của các người. Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các người.

Đức Giê-hô-va muốn cho thế hệ mới vào Đất Hứa và hưởng xứ lâu dài, nhưng sự hưởng thụ đó phụ thuộc vào việc họ tuân phục Lời Ngài.¹ Môi-se đã cho họ bốn chỉ thị đặc biệt mà tín hữu ngày nay cần lưu ý.

Làm đẹp lòng Chúa (Dân Số Ký 15:1-21). Cụm từ "dâng của lễ có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va" được nói đến năm lần trong phân đoạn này (c.3, 7, 10, 13-14) có nghĩa là "mùi hương làm đẹp lòng Đức Giê-hô-va". Năm của lễ cơ bản trong luật Môi-se là của lễ thiêu, của lễ chay, của lễ thù ân, của lễ chuộc tội và của lễ chuộc sự mắc lỗi (*Lê-vi Ký* 1-7). Ba của lễ đầu là những của lễ "có mùi thơm", được dâng để làm đẹp lòng Đức Giê-hô-va, còn của lễ chuộc tội và của lễ chuộc sự mắc lỗi thì không "có mùi thơm" vì chúng có liên quan đến lỗi lầm và tội lỗi, tội lỗi thì không đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Của lễ thiêu tiêu biểu cho lòng tận hiến toàn vẹn của người thờ phượng đối với Đức Chúa Trời, vì con sinh được hoàn toàn thiêu rụi trên bàn thờ. Của lễ chay nói đến sự tận hiến công sức của người thờ phượng dâng lên cho Đức Giê-hô-va, còn của lễ chuộc sự mắc lỗi thì tiêu biểu cho

mối thông công vui vẻ cùng sự tạ ơn Đức Chúa Trời về những phước lành của Ngài.²

Các của lễ nói đến trong những câu này là những biểu lộ tự nhiên của tình yêu và lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời. Cùng với những của lễ này, kẻ thờ phượng được hướng dẫn dâng một phần mười ê pha bột lọc³ nhồi với một lít dầu, một phần được dâng trên bàn thờ và phần còn lại thì trao cho thầy tế lễ. Người thờ phượng cũng đem theo một lít rượu để thầy tế lễ rưới tại chân bàn thờ nơi mà huyết của con sinh đổ ra. Khi những con thú lớn được dâng thì lượng bột, dầu và rượu cũng tăng theo tỉ lệ.

Mãi đến khi người Do Thái đã định cư trong xứ thì họ mới trở thành dân chuyên về nông nghiệp, và từ đó họ trồng nho, ô-liu cùng ngũ cốc. Khi thêm bột, dầu và rượu vào của lễ, kẻ thờ phượng đem đến cho Đức Giê-hô-va thành quả của công sức lao động mình cũng như bằng chứng về sự nhân từ của Đức Chúa Trời. Ngày nay, chúng ta dùng tiền như một của lễ cho Đức Giê-hô-va, nhưng chúng ta sẽ không có số tiền đó nếu Ngài không cho chúng ta có việc làm và có khả năng để làm việc (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:18).

Cơ Đốc nhân ngày nay nhìn thấy qua bột lọc, hình ảnh của Chúa Giê-xu Christ, Bánh Hằng Sống (*Giăng* 6), Đấng đã dâng chính Ngài cho Đức Chúa Trời vì chúng ta "như một thức hương có mùi thơm" (*Ê-phê-sô* 5:2). Bột cũng thừa nhận Đức Chúa Trời là nguồn cung ứng dồi dào mọi thực phẩm cho chúng ta. Dù là biểu tượng về Thánh Linh (*Xa-cha-ri* 4), và rượu nhắc chúng ta về sự vui vẻ của Đức Giê-hô-va (*Thi Thiên* 104:15).⁴ Đức Chúa Trời đẹp lòng khi dân Ngài tự ý cảm ơn Ngài về những ơn phước vật chất và thuộc linh mà Ngài đã ban phát dồi dào.

Của lễ quán, rưới ở chân bàn thờ, tượng trưng cho mạng sống đổ ra cho Đức Chúa Trời. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu "đã đổ linh hồn mình ra cho đến chết" (*Ê-sai* 53:12) để những ai tin cậy Ngài được hưởng sự sống

đời đời. Khi phục vụ Chúa trong tinh thần hy sinh, chúng ta giống như "của lễ quán", đổ ra để phục vụ người khác và dâng vinh quang cho Đức Chúa Trời (*Phi-líp* 2:17; *II Ti-mô-thê* 4:6; và xem *II Sa-mu-ên* 23:14-17).

Cư dân ngoại quốc sống chung với người Do Thái được cho phép dâng của lễ có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va (*Dân Số Ký* 15:14-16), nhưng ở đây không nói gì về chuyện họ phải chịu cắt bì (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12:48). Ngay cả các bé trai Do Thái cũng không có dấu hiệu của giao ước trong suốt những năm Y-sơ-ra-ên lang thang trong đồng vắng vì cả nước đã chống nghịch Đức Chúa Trời và vi phạm giao ước Ngài. Nam giới của thế hệ mới, có được dấu hiệu của giao ước khi họ vào Đất Hứa (*Giô-suê* 5:1-8).

Cuối cùng phụ nữ được ban lệnh phải dâng một phần bột nhồi cho Chúa, là của lễ về trái đầu mùa để thừa nhận Ngài là Chúa của cuộc đời họ (*Dân Số Ký* 15:17-21). "Hãy lấy tài vật con và huê lợi đầu mùa của con mà tôn vinh Đức Giê-hô-va" (*Châm Ngôn* 3:9).

Tìm kiếm Đức Giê-hô-va (*Dân Số Ký* 15:22-29). Những của lễ mô tả trong *Lê-vi Ký* 1-7 giải quyết những tội can phạm, còn những chỉ dẫn ở đây thì liên quan đến tội chèn lấn mảnh không cố ý, những điều mà lẽ ra dân chúng phải làm nhưng đã không làm. Tội có thể là của tập thể liên quan đến toàn dân (*Dân Số Ký* 15:24-26) hay có thể vi phạm của một cá nhân (c.27-29). Mặc dù người phạm tội không nhận biết sai trái của họ, nhưng điều họ đã không làm vẫn là tội và phải được giải quyết. Trước ngai Đức Chúa Trời không thể biện minh rằng mình không biết luật lệ.

Tội nhân phải thực hiện theo cách Đức Chúa Trời đã chỉ định để được tha thứ và phục hồi trong mối thông công và phước hạnh. Nếu cả nước phạm tội, họ phải mang đến một con bò đực tơ làm của lễ thiêu (cung hiến), cộng với của lễ quán theo chỉ định và của lễ chay, và một con dê đực làm của lễ chuộc tội (sự chuộc tội). Cá nhân

phạm tội thì phải đem một con dê cái giấp năm làm của lễ chuộc tội. Đức Chúa Trời đã hứa tha thứ cho những ai thật sự lấy đức tin tìm kiếm Ngài (c.25-26, 28). Dĩ nhiên sự tha thứ không phải bởi vì huyết của con sinh nhưng vì Đấng Christ đã đổ huyết cho tội nhân, làm trọn điều mà những con sinh này tiêu biểu (*Hê-bơ-rơ* 10:1-18).

Đôi khi chúng ta phạm tội với Chúa do điều mình đã làm, nhưng đôi khi cũng là do điều chúng ta không làm (*Lu-ca* 7:36-50). Tội thiếu hiểu biết không tự động được tha chỉ vì chúng ta không cố tình quên mạng lệnh Đức Chúa Trời; những tội này phải được xưng ra với Chúa giống như khi chúng ta xưng những tội can phạm vậy (*I Giăng* 1:9).⁵ Việc Chúa tha thứ tội do lơ đãng không có nghĩa là Ngài "dễ dãi với tội lỗi," bởi lẽ huyết vẫn phải đổ ra thì tội nhân mới được tha thứ.

Kính sợ Đức Giê-hô-va (*Dân Số Ký* 15:30-36). Cố ý phạm tội là cố tình hay ngạo mạn bất tuân luật pháp Đức Chúa Trời, hoàn toàn biết chắc hậu quả. Những tội do cố ý là do những người "chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt họ" (*Rô-ma* 3:18) gây ra.

Đức Chúa Trời truyền lệnh rằng những người phạm tội như vậy phải bị truất khỏi dân tộc, nghĩa là họ phải bị ném đá cho đến chết. Không chỉ bất tuân Luật Pháp Đức Chúa Trời mà họ còn xem thường ý muốn Đức Chúa Trời và khinh bĩ Lời Ngài. Không có của lễ nào dành cho những tội cố ý như vậy, cho nên cũng không có sự tha thứ được ban cho nơi bàn thờ.⁶

Môi-se ghi lại ví dụ về tội cố ý trong câu chuyện của một người cố ý lượm củi vào ngày Sa-bát (*Dân Số Ký* 15:32-36). Chắc chắn người này biết các điều răn của Đức Chúa Trời (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:8-11; 31:12-17), nhưng ông ta đã cố ý không vâng theo. Có lẽ ông ta đang gom củi để đốt lửa, nhưng đốt lửa vào ngày Sa-bát là vi phạm Luật Pháp (35:1-3). Đây là một sự việc mới đối với người Do Thái, vì vậy Môi-se đã cầu hỏi ý Đức Giê-hô-va và Ngài bảo ông kêu dân chúng ném đá kẻ phạm tội hỗn

xuộc cho đến chết.

Thật là điều nguy hiểm khi Cơ Đốc nhân nghĩ rằng mình cứ phạm tội đi, rồi tạ lỗi với Chúa sau, Ngài tha tội mà. Họ xem lời hứa của Đức Chúa Trời trong *I Giăng* 1:9 như một "bùa hộ mạng" để giúp họ thoát khỏi rắc rối sau khi cố tình không vâng lời Chúa. Những người tự xưng là Cơ Đốc nhân nhiều lần cố ý phạm tội thì chẳng phải là Cơ Đốc nhân gì cả (*Rô-ma* 6; *I Giăng* 3:7-10; 5:1-5, 18); còn những tín hữu chân thật, lại có thái độ thiếu suy nghĩ đó thì sẽ bị Cha sửa phạt cho đến khi họ đầu phục ý muốn Ngài (*Hê-bơ-rơ* 12:3-5). Thi sĩ Heine, người Đức, trên giường hấp hối nói rằng: "Tất nhiên Chúa sẽ tha thứ cho tôi, đó là nhiệm vụ của Ngài", ông đã không hiểu sự đáng sợ của tội lỗi cũng như giá cao của ân sủng Đức Chúa Trời.

Nhớ đến Đức Giê-hô-va (Dân Số Ký 15:37-41). Chúa chỉ cho dân Ngài một cách đơn giản để họ nhớ đến bốn phận phải vâng theo Luật Pháp Ngài. Ngài ra lệnh cho họ gắn tua vào các góc phần trên của áo ngoài, mỗi tua được kết bằng chỉ màu xanh dương. Những tua áo này nhắc dân Do Thái nhớ rằng họ là dân tộc giao ước của Đức Chúa Trời và họ khác với những dân tộc khác. (Xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 22:12; *Xa-cha-ri* 8:23; *Ma-thi-ơ* 23:5) Những người Do Thái chính thống hiện đại kết tua trên khăn choàng cầu nguyện của họ.

Mỗi buổi sáng khi thay y phục, người Do Thái thấy những tua áo và nhớ rằng họ là dân của Đức Chúa Trời, có nghĩa vụ phải vâng theo ý muốn Ngài. Có lẽ những sợi chỉ xanh nhắc nhở họ rằng Đức Chúa Trời của họ ở trên trời, nhìn thấy mọi điều họ làm. Khi đi giữa ban ngày họ thấy tua áo và nhớ đến các điều răn của Đức Chúa Trời, và khi họ chuẩn bị đi ngủ ban đêm cũng như vậy. Cho dù họ có thể nhìn thấy bao nhiêu thần tượng vào ban ngày đi nữa, các dây tua cũng nhắc họ rằng chính Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, đã giải cứu họ khỏi Ai Cập; và họ phải thờ phượng cùng phục vụ chỉ một mình

Ngài mà thôi. “Hỡi linh hồn ta, hãy ngợi khen Đức Giê-hô-va; chớ quên các ân huệ của Ngài” (*Thi Thiên* 103:2).

2. Thẩm Quyền của Đây Tổ Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 16:1-17:13

¹Vả, Cô-rê, con trai của Dít-sê-ha, cháu của Kê-hát, chít của Lê-vi, giục theo mình Đa-than và A-bi-ram, con trai của Ê-li-áp, cùng với Ôn, con trai của Phê-lết, cháu Ru-bên. ²Các người này với hai trăm năm mươi người trong dân Y-sơ-ra-ên, vốn là quan tướng của hội nghị viên của hội đồng, có danh giá, đều hiệp nhau dấy nghịch cùng Môi-se và A-rôn, ³mà rằng: Thôi đủ rồi! Vì cả hội chúng đều là thánh, và Đức Giê-hô-va ngự ở trong; vậy sao các người tự cao trên hội chúng của Đức Giê-hô-va?

⁴Môi-se nghe điều đó, bèn sắp mặt xuống đất, ⁵nói cùng Cô-rê và hết thầy kẻ hiệp với người mà rằng: Sáng mai, Đức Giê-hô-va sẽ tỏ cho biết ai thuộc về Ngài và ai là thánh; Ngài sẽ khiến người đó lại gần Ngài, tức khiến người nào mà Ngài đã chọn lấy đến gần Ngài. ⁶Hỡi Cô-rê, hãy làm điều này: Người và hết thầy kẻ hiệp với người hãy cầm lư hương; ⁷sáng mai hãy để lửa ở trong và bỏ hương ở trên trước mặt Đức Giê-hô-va. Người nào mà Đức Giê-hô-va sẽ chọn ấy là người thánh. Hỡi con cháu Lê-vi, thôi đủ rồi!

⁸Môi-se nói cùng Cô-rê rằng: Hỡi con cháu Lê-vi, bây giờ hãy nghe. ⁹Về phần các người, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã biệt các người riêng ra với hội chúng Y-sơ-ra-ên, và khiến các người đến gần Ngài đặt làm công việc trong đền tạm của Đức Giê-hô-va, đặt chức hầu việc trước mặt hội chúng, việc ấy há là nhỏ mọn sao? ¹⁰Ngài biểu người, hết thầy anh em người với con cháu Lê-vi đến gần Ngài, các người lại còn kiếm chức tế lễ nữa sao? ¹¹Vì vậy, người và toàn bề đẳng của người đều hiệp lại nghịch cùng Đức Giê-hô-va! Vì A-rôn là ai mà các người làm bầm cùng người?

¹²Môi-se sai đòi Đa-than và A-bi-ram, con trai Ê-li-áp; nhưng hai người đáp rằng: chúng tôi không đi lên đâu. ¹³Há là điều nhỏ mọn mà người đã đem chúng ta ra khỏi xứ đặm sữa và mật, đặt làm cho chúng ta chết trong đồng vắng, mà người lại còn muốn lấn lướt trên chúng ta nữa sao? ¹⁴Quả thật, người không có dẫn chúng ta đến trong một xứ đặm sữa và mật đâu, người không cho chúng ta đồng ruộng hay là vườn nho làm sản nghiệp

đâu! Người toan khoét mắt của dân này ư? Chúng ta không đi lên đâu.

¹⁵Môi-se nổi giận lắm, thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: Xin đừng kể đến của lễ chay chúng nó nữa; tôi không có bất nơi chúng nó một con lừa nào, và tôi cũng không có làm hại một ai trong bọn chúng nó. ¹⁶Đoạn, Môi-se nói cùng Cô-rê rằng: Ngày mai người và toàn bè đảng người với A-rôn hãy ra mắt Đức Giê-hô-va. ¹⁷Mỗi người hãy lấy lư hương mình bỏ hương ở trong, rồi mỗi người dâng lư hương mình trước mặt Đức Giê-hô-va, tức là hai trăm năm mươi cái lư hương. Người và A-rôn, mỗi người cũng phải có lư hương mình. ¹⁸Vậy, mỗi người lấy lư hương mình để lửa vào, bỏ hương trên, rồi đứng tại cửa hội mạc luôn với Môi-se và A-rôn. ¹⁹Cô-rê hiệp cả hội chúng nghịch lại Môi-se và A-rôn tại cửa hội mạc; sự vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra cùng cả hội chúng. ²⁰Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: ²¹Hãy tách khỏi giữa hội chúng này, thì ta sẽ tiêu diệt nó trong một lát. ²²Hai người bèn sắp mặt xuống mà rằng: Ôi Đức Chúa Trời, là Chúa của thần linh mọi xác thịt! Chỉ có một người phạm tội mà Chúa lại nổi giận cùng cả hội chúng sao? ²³Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ²⁴Hãy nói cùng hội chúng mà rằng: Hãy dang ra khỏi chung quanh chỗ ở của Cô-rê, Đa-than, và A-bi-ram.

²⁵Môi-se đứng dậy, đi lại phía Đa-than và A-bi-ram; các trưởng lão Y-sơ-ra-ên đi theo người. ²⁶Người nói cùng hội chúng rằng: Bây giờ, hãy dang ra khỏi trại của các người hung ác này, và chớ đụng đến vật chi thuộc về họ, e các người sẽ chết vì những tội của họ chẳng. ²⁷Vậy, dân chúng dang ra khỏi tứ phía chỗ ở của Cô-rê, Đa-than, và A-bi-ram. Đa-than và A-bi-ram ra đứng tại cửa trại với vợ, con trai và con nít mình.

²⁸Môi-se bèn nói rằng: Nhờ điều này các người sẽ biết rằng Đức Giê-hô-va có sai ta đặt làm các điều này, và ta chẳng làm sự chi tự ta. ²⁹Nếu các kẻ đó chết như mọi người khác chết, nếu họ đồng chịu số phận chung như mọi người, thì Đức Giê-hô-va không có sai ta. ³⁰Nhưng nếu Đức Giê-hô-va làm một sự thật mới, nếu đất hả miệng ra nuốt họ và mọi món chi thuộc về họ, nếu họ còn đương sống mà xuống âm phủ, thì các người sẽ biết rằng những người này có khinh bỉ Đức Giê-hô-va. ³¹Vừa khi Môi-se nói dứt các lời này, đất ngay dưới chân họ bèn nứt ra; ³²hả miệng nuốt họ, gia quyến và hết thầy phe Cô-rê cùng tài sản của chúng nó. ³³Các người đó còn đương sống và mọi vật chi thuộc

về họ đều xuống âm phủ; đất lấp lại và chúng nó bị diệt khỏi hội chúng. ³⁴Cả Y-sơ-ra-ên ở chung quanh nghe tiếng họ la, đều chạy trốn, vì nói rằng: Chúng ta hãy coi chừng, kéo đất nuốt chúng ta chăng!

³⁵Rồi một ngọn lửa từ Đức Giê-hô-va lòe ra thiêu hóa hai trăm năm mươi người đã dâng hương.

³⁶Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: ³⁷Hãy nói với Ê-lê-a-sa, con trai thầy tế lễ A-rôn, biểu lượm các lư hương ra khỏi chỗ lửa cháy, và đổ lửa của các lư hương nơi xa, vì lư hương đã nên thánh. ³⁸Còn những lư hương của các người đã phạm tội cùng sinh mạng mình, người ta phải lấy làm thành những tấm dát mỏng để bọc bàn thờ. Bởi các lư hương đã dâng trước mặt Đức Giê-hô-va đã thành thánh; những tấm dát đó sẽ dùng làm một dấu cho dân Y-sơ-ra-ên. ³⁹Vậy, Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, lấy những lư hương bằng đồng của các người bị thiêu đã dâng lên, và người ta làm thành những tấm dát mỏng để bọc bàn thờ. ⁴⁰Ấy là một kỷ niệm cho dân Y-sơ-ra-ên, để người nào ngoại dòng A-rôn chớ đến gần dâng xông hương trước mặt Đức Giê-hô-va, kéo e đồng số phận cùng Cô-rê và bè đảng người, theo lời Đức Giê-hô-va đã cậy Mô-i-se truyền dạy.

⁴¹Ngày mai, cả hội dân Y-sơ-ra-ên lăm bằm cùng Mô-i-se và A-rôn mà rằng: Hai người đã làm chết dân của Đức Giê-hô-va.

⁴²Khi hội chúng đương hiệp nhau nghịch cùng Mô-i-se và A-rôn, thì ngó về hướng hội mạc, xảy thấy trụ mây bao phủ hội mạc, và sự vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra. ⁴³Mô-i-se và A-rôn đến đứng trước hội mạc, ⁴⁴Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: ⁴⁵Hãy dang ra khỏi giữa hội chúng này, thì ta sẽ tiêu diệt nó trong một lát. Nhưng hai người sắp mặt xuống đất, ⁴⁶rồi Mô-i-se nói cùng A-rôn rằng: Hãy cầm lấy lư hương để lửa từ trên bàn thờ vào, bỏ hương lên trên, mau mau đi đến hội chúng và làm lễ chuộc tội cho họ; vì sự thanh nộ của Đức Giê-hô-va đã nổi lên, và tai vạ đã phát khởi. ⁴⁷A-rôn bèn cầm lấy lư hương y như Mô-i-se đã biểu, chạy đến giữa hội chúng; kia, tai vạ đã phát khởi giữa dân chúng. A-rôn bèn bỏ hương vào, và làm lễ chuộc tội cho dân chúng. ⁴⁸Người đứng giữa kẻ chết và kẻ sống, thì tai vạ bèn ngừng lại. ⁴⁹Có mười bốn ngàn bảy trăm người chết vì tai vạ này, trừ ra những kẻ đã bị chết vì cơ Cô-rê. ⁵⁰Đoạn, A-rôn trở về cùng Mô-i-se tại cửa hội mạc, rồi tai vạ ngừng lại.

17

Cây gậy của A-rôn. – Chúng cố quyết về chức tế lễ của người.

¹Kể đó, Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: ²Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và biểu rằng: Mỗi chi phái của họ phải đem nộp cho người một cây gậy; nghĩa là mười hai cây gậy bởi các quan trưởng của mỗi chi phái. ³Người phải đề tên mỗi người trên cây gậy của mình, và đề tên A-rôn trên cây gậy của Lê-vi; vì phải có một cây gậy cho mỗi trưởng tộc. ⁴Người phải để các gậy đó trong hội mạc, trước hòm báng chứng, là nơi ta gặp người. ⁵Hễ người nào ta chọn lấy, thì cây gậy người đó sẽ trở hoa; vậy ta sẽ làm cho nín đi trước mặt ta những lời lầm bầm của dân Y-sơ-ra-ên đã phát ra đối nghịch cùng các người.

⁶Mô-i-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên, thì hết thầy trưởng tộc, tùy theo chi phái mình, đem nộp cho người một cây gậy, tức là mười hai cây. Gậy của A-rôn ở giữa các cây gậy khác. ⁷Mô-i-se để những gậy đó trong Trại báng chứng trước mặt Đức Giê-hô-va.

⁸Ngày mai, khi Mô-i-se vào Trại báng chứng xảy thấy cây gậy A-rôn về nhà Lê-vi đã trở hoa: nó có nút mọc, sinh hoa và trái hạnh nhân chín. ⁹Mô-i-se bèn rút các cây gậy khỏi trước mặt Đức Giê-hô-va, đem đưa cho cả dân Y-sơ-ra-ên; các người đều thấy và mỗi người lấy gậy mình lại.

¹⁰Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se rằng: Hãy đem cây gậy của A-rôn để lại trước hòm báng chứng, đặt giữ làm một dấu cho con cái phản nghịch; người phải làm cho nín đi những lời lầm bầm đối nghịch cùng ta, hầu cho dân chúng chẳng chết. ¹¹Mô-i-se làm như vậy, tức làm y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn mình.

¹²Dân Y-sơ-ra-ên nói cùng Mô-i-se rằng: Nay chúng tôi bị diệt, chúng tôi bị chết, chúng tôi chết mất hết thầy! ¹³Phàm ai đến gần đền tạm của Đức Giê-hô-va đều chết. Có lẽ chúng tôi phải chết hết sao?

Ôn lại lịch sử Y-sơ-ra-ên, từ Ai Cập đến Ca-na-an, ta khám phá rằng dân Chúa gặp rắc rối mỗi khi họ kháng cự lại quyền lãnh đạo của Mô-i-se và A-rôn. Bất cứ khi nào Đức Chúa Trời gây dựng đức tin của dân Y-sơ-ra-ên bằng cách đưa họ vào hoàn cảnh khó khăn, tức thì họ nổi loạn cùng Mô-i-se và A-rôn, đổ lỗi cho họ về cảnh khốn khó và đòi trở lại Ai Cập.

Những chương này ghi lại hai thách thức đối với quyền lãnh đạo của Môi-se và A-rôn, một từ nhóm người Lê-vi (16:1-35), và một từ dân chúng (c.41-50). Trong mỗi cuộc đương đầu đều xuất hiện sự nhắc nhở rõ ràng cho dân Do Thái về sự nổi loạn của họ: nắp bằng đồng trên bàn thờ (c.36-40) và cây gậy trổ hoa của A-rôn (17:1-13).

Đối đầu thứ nhất (Dân Số Ký 16:1-35). Dù Đức Chúa Trời có làm và dạy họ bao nhiêu, dân Y-sơ-ra-ên vẫn không phải là một dân tộc có suy nghĩ thuộc linh (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 31:16-30). Ai Cập vẫn ở trong lòng họ, và ham muốn thần tượng vẫn còn trong họ ngay cả lúc họ đi trong hoang mạc (*A-mốt* 5:25-26; *Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:42-43). Môi-se là một lãnh tụ tin kính, và Y-sơ-ra-ên có thể là một dân tộc tin kính nếu họ biết vâng giữ điều ông đã dạy họ.

1. *Cô-rê, bậc lãnh đạo đáng chú ý (Dân Số Ký 16:1-3).* Vốn là người Lê-vi trong gia tộc Kê-hát, Cô-rê hẳn phải là một lãnh tụ lỗi lạc mới được sự hỗ trợ của 250 “người có danh giá” từ các chi phái khác. Chính sự kiện bản văn kể gia phả ông ta cũng là một ngụ ý khác về tầm quan trọng của ông. *Dân Số Ký* 27:3 cho rằng những người từ các chi phái khác có dính líu trong cuộc nổi loạn, cho nên đó là một âm mưu khắp nước. Người Kê-hát khiêng vật dụng đền tạm khi Y-sơ-ra-ên dời sang một địa điểm mới, và họ đóng trại về phía nam đền tạm, đối ngang Gát, Si-mê-ôn, và Ru-bên. Có lẽ điều này giải thích nhờ đâu Cô-rê có thể kéo Đa-than, A-bi-ram, và Ôn, ba người Ru-bên cùng tham gia với mình trong chiến dịch này.

Hễ khi nào bạn thấy có lầm bầm và phản nghịch giữa vòng dân Đức Chúa Trời, thì thường có một “lý do rõ ràng” và một “lý do kín giấu.” Lời phản nài *công khai* của Cô-rê là Môi-se và A-rôn “cầm quyền trên mọi sự” và không để cho dân chúng góp ý. Người muốn có thêm dân chủ trong trại quân. Dù sao, Đức Giê-hô-va vẫn ngự khắp trại quân và toàn thể dân Ngài là “một nước thầy tế lễ” (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:3-6), vậy thì Môi-se và A-rôn là ai

mà tự đưa mình lên cao hơn mọi người khác chứ? Lý do kín giấu là Cô-rê muốn người Lê-vi có cùng những đặc quyền như A-rôn cùng các con trai ông (*Dân Số Ký* 16:10). Cô-rê không thỏa lòng với chức vụ phụ tá các thầy tế lễ; người muốn làm thầy tế lễ.

Cho dù trại quân xưa của Y-sơ-ra-ên hay là một thành phố hiện đại, thì chẳng một xã hội nào lại có thể hoạt động mà không có vai trò phụ tá.⁷ Phải có một ai đó chịu trách nhiệm. Cha mẹ có quyền trong gia đình, thầy giáo trong lớp học, giám đốc trong xí nghiệp hoặc văn phòng, còn công chức thì chịu trách nhiệm trong thành phố hoặc trong quốc gia (*Rô-ma* 13; *I Phi-e-rơ* 2:11 và tiếp theo). Khi trật tự này gãy đổ, thì xã hội rắc rối nghiêm trọng. Đức Chúa Trời đã chọn Môi-se làm lãnh tụ cho cả nước, còn A-rôn thì làm thầy tế lễ cả. Chống đối sự sắp xếp này là chống nghịch ý muốn của Đức Chúa Trời và tạo chia rẽ trầm trọng cho trại quân.

Ham muốn ích kỷ, thích sự cao trọng và uy quyền là chuyện thường có trong Kinh Thánh, Cô-rê chống nghịch Môi-se và A-rôn, Áp-sa-lôm xem thường cha mình (*II Sa-mu-ên* 15), A-đô-ni-gia giành ngôi vua (*I Các Vua* 1), môn đệ cãi nhau ai là lớn nhất (*Lu-ca* 22:44), Đê-ô-trép thích ưu thế trong Hội Thánh địa phương (*III Giăng* 9-10). Nhưng vị trí quan trọng nhất của Cơ Đốc nhân là chỗ do Đức Chúa Trời lựa chọn, chỗ mà Ngài đã sẵn sẵn cho chúng ta và chuẩn bị chúng ta để đảm nhận. Điều quan trọng không phải là địa vị mà là lòng trung thành, làm công việc Đức Chúa Trời muốn chúng ta làm. Mỗi thuộc viên trong Hội Thánh, tức thân Đấng Christ, có một ân tứ thuộc linh phải sử dụng để phục vụ người khác, và vì vậy, mỗi thuộc viên đều quan trọng đối với Đức Chúa Trời và đối với Hội Thánh (*I Cô-rinh-tô* 12:14-15).

2. *Môi-se, nhà lãnh đạo khiêm tốn* (*Dân Số Ký* 16:4-11). Như đã làm trước đây, Môi-se sắp mình xuống trước mặt Chúa (14:5, 22; 16:22, 45; 20:6; 2:31). Ông không tranh cãi với Cô-rê cùng những người của ông ta, vì ông

biết mục tiêu của họ là muốn nắm chức thầy tế lễ, một điều mà Chúa sẽ không bao giờ cho phép. Chúa sẽ tỏ cho Cô-rê cùng những người theo ông biết sự sai lầm của họ, và chính sự kiêu ngạo cuối cùng sẽ dẫn họ tới diệt vong (*Châm Ngôn 16:18*).

Thử nghiệm Môi-se đưa ra thật đơn giản. Nếu Cô-rê cùng thuộc hạ của ông thật sự là những thầy tế lễ được Đức Chúa Trời chấp nhận, thì hãy để họ mang lư hương của họ vào đền tạm rồi xem thử Đức Chúa Trời có chấp nhận họ không. Chắc chắn những kẻ nổi loạn còn nhớ điều đã xảy ra cho Na-đáp và A-bi-hu khi họ hấp tấp mang “lửa lạ” đến trước mặt Chúa (*Lê-vi Ký 10*), nhưng cảnh cáo này cũng không ngăn cản được họ.

3. *Môi-se nổi giận (Dân Số Ký 16:12-17)*. Môi-se gọi Đa-than và A-bi-ram đến họp, nhưng họ từ chối. Không thấy nói gì về Ôn, có lẽ ông này đã khôn ngoan rút khỏi vụ nổi loạn. Thật đau lòng nhìn thấy sự ngạo mạn của hai người này, bởi lẽ họ không chỉ từ chối tuân phục Môi-se, mà còn đổ lỗi cho ông về tội lỗi của Y-sơ-ra-ên ở Ca-đe Bạt-nê-a nữa! Hơn thế, họ còn gọi Ai Cập là “xứ đơm sữa và mật” và cáo buộc Môi-se tự coi mình là vua và ngồi trên đầu dân chúng. Chắc chắn, những con người dốt nát thuộc linh này đầy lòng ganh tị và muốn dành quyền lãnh đạo.

Một lần nữa, Môi-se không cãi cọ với đám phản loạn; ông cầu nguyện với Chúa và xin Ngài minh oan cho đầy tớ Ngài. Con giận của Môi-se không phải là giận dữ ích kỷ; đó là sự tức giận công chính của con người liêm chính chỉ tìm kiếm sự vinh hiển của Chúa mà thôi. Có sự giận dữ công chính mà dân của Đức Chúa Trời phải cảm nhận khi tội nhân xem thường ý muốn Đức Chúa Trời và căm dỗ người khác phạm tội (*Xuất Ê-díp-tô Ký 32:19; II Cô-rinh-tô 11:29; Mác 3:5; Ê-phê-sô 4:26*).

4. *Đức Giê-hô-va, Quan Án công bình (Dân Số Ký 16:18-35)*. Sáng hôm sau, Cô-rê cùng những người theo ông cùng đến với lư hương của mình và đứng chung với

Môi-se và A-rôn tại cửa đền tạm, trong khi Đa-phan và A-bi-ram cùng đứng với gia đình tại cửa lều mình về phía nam của đền tạm. Chúng ta có thể tưởng tượng ra sự im lặng đáng sợ lúc ấy, rồi vinh quang của Chúa chiếu ra (14:10; 20:6; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:10-12) và có tiếng Đức Giê-hô-va phán. Giờ phán xét của Đức Chúa Trời đã điểm!

Môi-se cùng A-rôn, vốn là cấp lãnh đạo chân chính, lập tức sắp mình xuống trước mặt Đức Giê-hô-va và cầu thay cho cả nước. Tại sao toàn dân lại phải chết vì tội của những người này chứ? Môi-se vẫn thường xuyên phải cầu thay cho dân chúng, có lẽ họ không quý trọng điều ông đã làm cho họ. Đã hai lần, Đức Chúa Trời chuẩn bị tiêu diệt cả nước, nhưng lời cầu thay của Môi-se đã cứu họ (*Dân Số Ký* 14:10-12; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 32:7-14).

Đức Chúa Trời cảnh cáo người Do Thái phải tránh xa lều của Cô-rê, Đa-phan, và A-bi-ram; sau đó đất nứt ra và nuốt chửng những kẻ xấu xa cùng với gia đình họ, lửa từ Đức Chúa Trời thiêu hủy 250 thầy tế lễ tương lai (*Dân Số Ký* 11:1-3; *Lê-vi Ký* 10:1-7).⁸ Đức Chúa Trời muốn người Do Thái phải chấp nhận cấp lãnh đạo được chỉ định cho họ và tôn trọng thẩm quyền của những người này. Điều nguy hiểm cho dân Chúa là thách thức trật tự của Đức Chúa Trời và tự xưng mình lên làm lãnh đạo. Họ không chỉ chống nghịch Chúa (*Dân Số Ký* 16:11) mà còn chống lại chính sinh mạng mình (c.38). Tiến sĩ A. W. Tozer thường nói: “Đừng bao giờ theo một lãnh tụ cho tới khi bạn nhìn thấy dầu xúc lên đầu người ấy.”

5. *Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ trung thành* (*Dân Số Ký* 16:36-40). Vì 250 lư hương đã dâng cho Chúa, nên được thánh hóa, cho dù những người cầm chúng có gian ác. Do đó, lư hương không thể xem như kim loại bình thường được. Đức Chúa Trời truyền lệnh cho con trai A-rôn là Ê-lê-a-sa thu gom chúng lại rồi đập dẹp chúng thành đĩa, đặt lên bàn thờ của lễ thiêu. Những đĩa này sẽ mãi mãi nhắc nhở dân Chúa rằng “rơi vào tay Đức Chúa Trời hằng

sống là điều đáng kinh khiếp” (*Hê-bơ-rơ* 10:31). Chúng ta không biết rõ những đĩa này dùng để thay thế bộ đĩa bằng đồng ngày trước đựng của lễ thiêu hay là được thêm vào cho đầy đủ hơn.

Khi Giu-đe viết để cảnh cáo Hội Thánh đầu tiên về giáo sư giả, ông đã dùng Cô-rê làm thí dụ, so sánh Cô-rê với Ca-in và Ba-la-am (*Giu-đe* 11).⁹ Trong thông điệp giả từ gửi cho các trưởng lão Ê-phê-sô (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 20:28-31), Phao-lô cảnh cáo những người kiêu ngạo tìm cách nắm quyền trong Hội Thánh địa phương và tự đề bạt bản thân. Hội Thánh bị chia rẽ do cấp lãnh đạo kiêu căng nhiều hơn là do giáo lý sai lạc.

Đối đầu thứ hai (*Dân Số Ký* 16:41-17:13). Cái chết của hơn 250 người lễ ra phải tạo niềm kính sợ trong lòng người Y-sơ-ra-ên, nhưng “chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời trước mắt họ” (*Rô-ma* 3:18). Vài trăm kẻ phiến loạn dẫn đến sự nổi dậy của cả dân chúng! Thay vì quì gối kêu xin Đức Chúa Trời tha thứ và xót thương, thì người Do Thái chống nghịch Môi-se cùng A-rôn giống như Cô-rê đã làm! Con người mang đầu óc trần tục thì làm sao thấy được ý nghĩa thuộc linh của việc Đức Chúa Trời làm (*I Cô-rinh-tô* 2). Cả nước chứng kiến hành động của Đức Chúa Trời, nhưng Môi-se hiểu đường lối của Đức Chúa Trời (*Thi Thiên* 103:7).

Một lần nữa, vinh quang Chúa chiếu ra và sự phán xét của Chúa thiêu nuốt người Y-sơ-ra-ên; lần thứ nhì trong hai ngày, Môi-se và A-rôn sắp mặt xuống cầu thay cho dân Chúa. A-rôn cầm một lư hương chạy vào giữa hàng ngũ dân chúng đã bị đánh ngã, và người “đứng giữa kẻ chết với người sống, thì tai vạ ngừng lại” (*Dân Số Ký* 16:48). Khi đếm xác chết, họ thấy 14.700 người chết do đại đột chống nghịch Chúa. “Tiền công của tội lỗi là sự chết” (*Rô-ma* 6:23).

Điều gì trong lòng người khiến họ dễ chạy theo đám đông và bất tuân Chúa như vậy? “Nhưng điều mà kinh nghiệm cùng lịch sử dạy chúng ta là thế này, các dân tộc

và chính phủ chưa hề học được điều gì từ lịch sử, hoặc hành động theo những nguyên tắc rút ra từ đó cả.” Triết gia Hegel người Đức viết như thế trong phần mở đầu tác phẩm *Philosophy of History* của ông, và ông nói đúng. Chúng ta học được từ lịch sử một điều, ấy là chúng ta chẳng học được gì cả, kể cả lịch sử giáo hội.

1. *Điều nhắc nhở thứ hai* (17:1-13). Đức Chúa Trời bảo trước rằng Ngài đã chọn A-rôn cùng các con trai ông để phục vụ như thầy tế lễ, và bất cứ toan tính nào từ bất kỳ chi phái nào khác, nhằm nắm giữ chức thầy tế lễ cũng sẽ chuốc lấy cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời.

Thử nghiệm thật đơn giản. Quan trưởng từng chi phái giao cho Môi-se cây gậy mang tên chi phái mình, và tất cả mười hai cây gậy cộng với cây gậy của A-rôn đều được để trước mặt Đức Giê-hô-va trong nơi chí thánh. Chính sự kiện mọi chi phái đều tham dự thử nghiệm cho thấy tất cả họ đều có tham gia bạo loạn. Cây gậy trở hoa sẽ thuộc về người được Đức Chúa Trời tuyển chọn làm thầy tế lễ cho cả nước. Khi Môi-se mang gậy ra vào ngày hôm sau, mọi người đều có thể thấy chỉ có gậy của A-rôn sản sinh sức sống. Gậy của A-rôn “không chỉ nảy mầm mà còn đâm chồi, nở hoa và cho trái hạnh nhân” (c.8). Người Y-sơ-ra-ên còn muốn chứng cứ nào hơn thế chứ?

Nếu Môi-se để gậy của A-rôn trở lại nơi chí thánh, thì làm sao nó nhắc nhở cho cả nước rằng chi phái Lê-vi là chi phái thầy tế lễ được? Một điều là, quan trưởng mỗi chi phái cùng nhiều người trong dân Y-sơ-ra-ên đã nhìn thấy các cây gậy và có thể làm chứng rằng duy chỉ có gậy của A-rôn là sản sinh sức sống. Mỗi ngày, khi các trưởng chi phái cầm gậy mình lên, họ được nhắc nhở rằng Đức Chúa Trời đã chọn các con trai A-rôn để phục vụ tại bàn thờ. Hơn nữa, thầy tế lễ cả có thể luôn luôn mang gậy của Lê-vi ra như là chứng cứ bất di dịch rằng chỉ có gia đình A-rôn được chọn giữ chức thầy tế lễ.

Như thường lệ, người Y-sơ-ra-ên đã thổi phồng khi nghe tin và kết luận rằng bất cứ ai lại gần đền tạm sẽ

bị diệt vong (c.12-13; xem 14:40-45). Ít ra, họ cũng sợ án phạt, nhưng lại không thật sự sợ Đức Chúa Trời trong lòng mình. Dù sao sự hiện diện của đền tạm trong trại quân lữ ra phải là nguồn tin tưởng cho người Do Thái, bởi lẽ nó ngụ ý rằng Giê-hô-va có ở với họ. Ngài sẽ dẫn họ qua hoang mạc, đánh bại kẻ thù họ, tiếp nhận của lễ họ, và ban cho họ sự tha thứ. Để trấn an những lo sợ của họ, Môi-se trong hai chương kể, đã giải thích chức vụ của thầy tế lễ cùng tầm quan trọng của đền tạm trong trại quân.

Đức Giê-hô-va ban cho Y-sơ-ra-ên ba điều nhắc nhở để khích lệ họ tuân giữ Luật Pháp Ngài và thuận phục ý muốn Ngài: tua áo của họ, những đĩa bằng đồng trên bàn thờ, cùng gậy của A-rôn trong nơi chí thánh. Để khích lệ tín hữu ngày nay làm những đứa con tuân phục, Chúa đã cho chúng ta có Lời Ngài (*Giăng* 17:17), có Thánh Linh ngự trị (*I Cô-rinh-tô* 6:19-20), có Tiệc Thánh nhắc nhở chúng ta về sự chết của Đấng Christ cùng lời hứa tái lâm của Ngài (11:23-34; *I Giăng* 3:1-3), và Cứu Chúa đang cầu thay trên thiên đàng (*Hê-bơ-rơ* 4:14-16; *Rô-ma* 8:34). Trước khi chúng ta đoán xét dân Đức Chúa Trời ngày xưa, chúng ta nên xét lòng mình trước, xem chúng ta có thuận phục thẩm quyền của Lời Ngài cùng cấp lãnh đạo do Ngài chỉ định hay không.

Chú thích

¹ Ba mươi tám năm sau, Môi-se nhắc lại Luật Pháp cho thế hệ mới trong sách *Phục Truyền Luật Lệ Ký*; ông nhấn mạnh rằng vâng phục mang lại sự sống và phước hạnh cho dân tộc, còn bất tuân thì chuốc lấy chết chóc và rửa sả. Giô-suê nhắc lại thông điệp này sau khi vào xứ Ca-na-an và bắt đầu công cuộc chinh phục (*Giô-suê* 8:30-35). Những nguyên tắc này cũng áp dụng cho dân Đức Chúa Trời ngày hôm nay.

² Dĩ nhiên, các của lễ chỉ về Chúa Giê-xu Christ (*Hê-*

bơ-rơ 10:1-18). Ngài đã phó chính mình cách toàn vẹn trên thập tự giá (của lễ thiêu) và trả nợ tội của cả thế gian (của lễ chuộc tội, của lễ chuộc sự mắc lỗi). Ngài là sự bình an của chúng ta và đã đem lại hòa bình trên thập tự giá (của lễ thù ân), Ngài cũng là bánh của sự sống đem lại sự thoả mãn (của lễ chay). Xem *Be Holy* (Chariot Victor) để biết thêm về các của tế lễ theo *Lê-vi Ký*.

³ Bột lọc là món tốt nhất họ phải dâng. Người Do Thái thường ăn bánh thô làm từ loại bột thường.

⁴ Rượu cũng có liên hệ với Thánh Linh trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 2:13 và *Ê-phê-sô* 5:18, nhưng theo cách tương phản. Người say rượu mất tự chế, mà tự chế là một trong những trái của Thánh Linh (*Ga-la-ti* 5:22-23). Nỗi vui thú của kẻ say là rồ dại và xấu hổ, nhưng niềm vui của Đức Giê-hô-va, thì làm vinh danh Đức Chúa Trời và tạo cơ hội để làm chứng.

⁵ Lời cầu nguyện của Đấng Christ trên thập tự giá: "Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết mình làm điều gì" (*Lu-ca* 23:34), không tự động mang lại sự tha thứ thiên thượng cho dân Do Thái hay cho những người chịu trách nhiệm về cái chết của Ngài. Nhưng lời cầu nguyện đó trì hoãn án phạt mà cả nước đáng phải lãnh và cuối cùng đã gánh chịu vào năm 70 S.C. Xem *Công Vụ Các Sứ Đồ* 3:17, và chú ý lời làm chứng của Phao-lô trong *I Ti-mô-thê* 1:13.

⁶ Khi Đa-vít phạm tội ngoại tình với Bát-sê-ba, đó là tội cố ý coi thường ý muốn Đức Chúa Trời, và đặc biệt là một tội ghê gớm vì ông là vua, không chỉ biết Luật Pháp Chúa mà còn có trách nhiệm phải thực thi Luật Pháp. Ông không thể dâng của lễ (*Thi Thiên* 51:15), vì vậy ông hoàn toàn phó mình cho ơn thương xót của Đức Chúa Trời. Đức Giê-hô-va đã tha thứ cho Đa-vít nhưng ông phải chịu những hậu quả đau đớn do tội lỗi của mình (*II Sa-mu-ên* 12:13-14).

⁷ Vai trò phụ tá không phải là thấp kém. Anh lính binh nhì có thể còn có cá tính và khôn ngoan hơn một

tướng lãnh, nhưng anh ta vẫn là một binh nhì, phải tuân lệnh cấp trên.

⁸ Dường như các con trai Cô-rê không dự phần trong vụ nổi loạn của cha họ, vì họ trở thành những nhạc sĩ nổi danh trong Y-sơ-ra-ên. Họ là những nhạc sĩ quan trọng trong sự thờ phượng ở đền tạm và đền thờ.

⁹ Ca-in thuộc về ma quỷ (*I Giăng* 3:12), Ba-la-am dụ dỗ Y-sơ-ra-ên đắm mình trong tội lỗi của xác thịt (*Dân Số Ký* 25), và Cô-rê hành động giống như thế gian trong việc tự đưa mình lên và xem thường ý muốn Đức Chúa Trời. Tín hữu phải liên tục cảnh giác những cám dỗ từ thế gian, từ xác thịt, và từ ma quỷ (*Ê-phê-sô* 2:1-3).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG SÁU

Dân Số Ký 15-17

1. Môi-se đưa ra bốn chỉ thị đặc biệt nào cho thế hệ mới? Việc hưởng xứ của họ tùy thuộc điều gì?
2. Bội lộc dâng trong các cửa lễ tiêu biểu điều gì?
3. Lễ quán có thể tượng trưng cho sự sống tuôn đổ ra cho Đức Chúa Trời. Nói cách thực tế, bạn có thể tuôn đổ sự sống mình cho Đức Chúa Trời bằng cách nào?
4. Các cửa lễ che đầy những loại tội nào? Cửa lễ không thể che đầy một loại tội nào?
5. Đeo tua áo nhằm mục đích gì? Có sáng kiến nào nhắc nhở bạn nhớ tuân phục luật pháp Đức Chúa Trời?
6. Điều gì ẩn khuất sau sự lằm bằm và phản loạn?
7. Môi-se đáp ứng thế nào trước sự phản loạn của Cô-rê? Gương này giúp ích bạn trong những trường hợp nào?
8. Tại sao con người ít khi học hỏi kinh nghiệm từ lịch sử?
9. Thái độ đúng mức của chúng ta đối với cấp lãnh đạo Hội Thánh ngày nay phải như thế nào? Nếu có, thì lúc nào là thích hợp để loại trừ một bậc lãnh đạo Hội Thánh khỏi địa vị trách nhiệm của họ?
10. Chúa có khích lệ nào cho tín hữu?

LẠI KHỦNG HOẢNG TẠI CA-ĐE

Dân Số Ký 18-20

Có thể những huấn thị trong các chương 18 và 19 do Chúa ban ra trong khi Y-sơ-ra-ên vẫn còn tại Ca-đe Bạt-nê-a. Tuy nhiên đến chương 20, thì cả nước đã hoàn tất ba mươi tám năm lang thang trong hoang mạc và về lại Ca-đe (20:1, 16).

Rất ít chi tiết về những năm lang thang của Y-sơ-ra-ên được ghi lại trong *Dân Số Ký*, dù có bảng liệt kê những nơi đóng trại của họ trong *Dân Số Ký* 33. Mi-ri-am qua đời trong tháng đầu của năm thứ bốn mươi (20:1), khi cả nước quay về Ca-đe; còn A-rôn qua đời vào tháng thứ năm cùng năm ấy (33:38). Khi Mô-i-se qua đời cuối năm thứ bốn mươi (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:3), thì toàn bộ thế hệ già đã qua đi, ngoại trừ Giô-suê và Ca-lép được phép vào Ca-na-an.

Dân Đức Chúa Trời ương ngạnh và phản loạn, và bị Chúa sửa phạt, nhưng dù họ bất tuân, Chúa vẫn thành tín chăm sóc họ. “Dù vậy, Ngài cứu họ vì cơ danh Ngài, hầu cho bày ra quyền năng của Ngài” (*Thi Thiên* 106:8). Hãy suy nghĩ vài mối quan tâm của Chúa vì cơ dân Ngài được biểu lộ qua các huấn thị cùng sự kiện trong các chương này.

1. Canh Giữ Đền Thánh

Dân Số Ký 18:1-7

¹Đức Giê-hô-va bèn phán cùng A-rôn rằng: Người, các con trai người, và tông tộc người phải mang lấy những tội lỗi phạm trong nơi thánh; còn người và các con trai người phải mang lấy những

tội lỗi phạm trong chức tế lễ.² Cũng hãy biểu đến gần người các anh em mình, là chi phái Lê-vi, tức tông tộc người, đặt các người đó hiệp với người và hầu việc người; nhưng người và các con trai người phải ở trước Trại bằng chứng.³ Các người đó sẽ gìn giữ điều chi người truyền dạy, và điều nào thuộc về cả Trại; chỉ không nên lại gần những vật thánh, cũng đừng lại gần bàn thờ, e khi chúng nó phải chết, và các người cũng chết luôn chẳng.⁴ Vậy các người đó sẽ hiệp với người coi sóc điều chi thuộc về hội mạc, và giữ công việc của Trại; một người ngoại nào chẳng nên đến gần các người.⁵ Các người phải coi sóc điều chi thuộc về nơi thánh và bàn thờ, để đừng có sự thanh nộ cùng dân Y-sơ-ra-ên nữa.⁶ Còn ta đây, trong dân Y-sơ-ra-ên ta đã chọn lấy anh em các người, là những người Lê-vi, mà ban cho các người, vì đã dâng cho Đức Giê-hô-va rồi, đặt làm công việc của hội mạc.⁷ Nhưng người và các con trai người phải kỹ lưỡng lo cho xong chức tế lễ, quản trị các điều chi thuộc về bàn thờ, và vật chi ở phía trong màn; các người phải làm việc mình tại đó. Chức tế lễ của các người là một việc ta phong cho như một của ban: người ngoại nào đến gần sẽ bị xử tử.

Do án phạt của Chúa trên những kẻ phản loạn tại đền tạm (16:31-35) và việc Ngài bênh vực cách kỳ diệu chức vụ thầy tế lễ cả của A-rôn (17:10-13), dân Y-sơ-ra-ên lấy làm kinh khiếp trước sự hiện diện của đền tạm trong trại quân họ. Họ la lên: “Tất cả chúng tôi phải chết hết sao?” (17:13). Thật ra, sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong trại quân là dấu hiệu đặc biệt của dân Y-sơ-ra-ên (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 33:1-16), vì Y-sơ-ra-ên là xứ duy nhất có vinh quang của Đức Chúa Trời hằng sống hiện diện với họ và đi trước họ (*Rô-ma* 9:4).

Đức Chúa Trời phán rõ ràng với A-rôn (*Dân Số* Ký 18:1, 8, 20) và do đó, chức vụ thầy tế lễ càng được nâng cao càng thêm. Chúa nói rõ rằng thầy tế lễ có trách nhiệm phục vụ trong đền tạm và bảo vệ đền tạm khỏi bị ô uế, còn người Lê-vi thì có trách nhiệm phụ giúp thầy tế lễ trong chức vụ đền tạm.¹ Chừng nào thầy tế lễ và người Lê-vi còn tuân thủ qui luật này thì sẽ không có án phạt trên dân Chúa (c.5).

Chức vụ tế lễ là vấn đề nghiêm trọng, vì nếu thầy tế lễ không tuân theo chỉ thị của Đức Chúa Trời, thì có thể phải chết. Nếu họ cho một người không có phép đến gần đền tạm hoặc phục vụ tại đó, thì Đức Chúa Trời có thể giết chết họ. Bất tuân thật nguy hiểm, ngay cả trong vấn đề ăn mặc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 28:35, 42-43) và tắm gội (30:17-21). Đức Chúa Trời buộc A-rôn cùng các con trai ông chịu trách nhiệm về những vi phạm đối với đền thánh và chức thầy tế lễ.

Chức thầy tế lễ là quà tặng của Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên, vì nếu không có thầy tế lễ, thì dân chúng không thể đến gần Đức Chúa Trời được. Người Lê-vi là quà tặng của Đức Chúa Trời cho thầy tế lễ, giảm bớt cho họ những công việc linh tinh để họ có thể dâng mình trọn vẹn phục vụ Đức Chúa Trời và dân Chúa. Bảy người được chỉ định trong *Công Vụ Các Sứ Đồ* 6, thường gọi là chấp sự, cũng có nghĩa vụ tương tự như sứ đồ. Hầu bàn tiệc chẳng có gì là hèn hạ, nhưng các sứ đồ có công việc khác quan trọng hơn.

Lãnh đạo có những lúc thăng trầm. A-rôn là lãnh tụ của gia đình thầy tế lễ. Ông chịu trách nhiệm với Đức Chúa Trời về mọi điều xảy ra trong đền thánh. Đức Chúa Trời không ngự trong đền thờ do tay người làm ra (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:48), nhưng Ngài có ngự trong thân thể chúng ta qua Thánh Linh Ngài (*I Cô-rinh-tô* 6:19-20) và giữa vòng dân Ngài trong hội chúng địa phương (3:16 và tiếp theo). Chúng ta phải thận trọng trong cách đối xử với thân thể mình và với điều chúng ta làm cho Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ. “Nếu ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy người đó; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính anh em là đền thờ” (c.17).

2. Chăm Sóc Đầy Tớ Ngài

Dân Số Ký 18:8-32

⁸Đức Giê-hô-va lại phán cùng A-rôn rằng: Đây ta cử người coi sóc các lễ vật của ta thâu lấy về mọi vật mà dân Y-sơ-ra-ên đã biệt riêng ra thánh; cứ một lệ định đời đời ta ban những lễ vật này cho người và cho các con trai người như một phần riêng mà phép xức dầu truyền cho. ⁹Trong các vật rất thánh không có thiêu hóa mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho ta, này là phần sẽ thuộc về người: Hết thấy lễ vật của họ, nào của lễ chay, nào của lễ chuộc tội, nào của lễ chuộc sự mắc lỗi; những vật rất thánh này đều sẽ thuộc về người và các con trai người. ¹⁰Người phải ăn nó trong nơi rất thánh; mọi người nam, phải ăn lấy, ấy sẽ làm một vật thánh cho người.

¹¹Vật này cũng sẽ thuộc về người: Phàm lễ vật nào mà dân Y-sơ-ra-ên dâng đưa lên và đưa qua đưa lại, thì ta cứ một lệ định đời đời mà ban cho người và các con trai con gái người. Ai trong nhà người tinh sạch sẽ được ăn các món đó. ¹²Ta cũng đã ban cho người những vật đầu mùa mà dân Y-sơ-ra-ên sẽ dâng cho Đức Giê-hô-va, hết thấy phần dầu, rượu ngọt và lúa miến nhứt hạng. ¹³Mọi hoa quả đầu mùa của đất sanh sản mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Đức Giê-hô-va, đều sẽ thuộc về người; ai trong nhà người tinh sạch sẽ được ăn lấy. ¹⁴Phàm vật chi mà dân Y-sơ-ra-ên phú dâng sẽ thuộc về người. ¹⁵Mọi con đầu lòng của các xác thịt, hoặc người, hoặc vật mà dân Y-sơ-ra-ên dâng cho Đức Giê-hô-va, đều sẽ thuộc về người; nhưng người phải chuộc lại con đầu lòng của loài người, và cũng phải chuộc lại con đầu lòng của thú vật ô uế. ¹⁶Về sự chuộc lại, người phải chuộc lại những con từ một tháng trở đi, theo giá định của người, là năm siếc-lơ bạc, theo siếc-lơ của nơi thánh; một siếc-lơ của nơi thánh là hai mươi ghê-ra. ¹⁷Nhưng người chớ chuộc lại con đầu lòng của bò cái, hoặc con đầu lòng của chiên cái hay là con đầu lòng của dê cái; ấy là những vật thánh. Người phải rưới huyết nó trên bàn thờ, và xông mỡ nó làm của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ¹⁸Thịt nó sẽ thuộc về người như cái o dâng đưa qua đưa lại và cái giò hữu. ¹⁹Ta cứ lệ định đời đời ban cho người, các con trai và các con gái người, hết thấy lễ vật thánh mà dân Y-sơ-ra-ên dâng gởi lên cho Đức Giê-hô-va; ấy là một giao ước bằng muối đời đời, không bỏ được, trước mặt Đức Giê-hô-va cho người và cho dòng dõi người.

²⁰Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng A-rôn rằng: Người sẽ không có cơ nghiệp trong xứ dân Y-sơ-ra-ên; và chẳng sẽ có phần cho người giữa dân đó; ta là phần của người, và là cơ nghiệp của người ở giữa dân Y-sơ-ra-ên. ²¹Còn về con cháu Lê-vi, này ta đã ban cho làm cơ nghiệp, mọi thuế một phần mười của Y-sơ-ra-ên làm lương về công việc mình làm trong hội mạc. ²²Dân Y-sơ-ra-ên chớ lại gần hội mạc nữa, e phải mắc tội và chết chẳng. ²³Nhưng ấy là người Lê-vi sẽ làm công việc của hội mạc; bằng có phạm tội, thì tự mang lấy; chúng nó sẽ không có phần cơ nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên; ấy sẽ là một lệ định đời đời trải qua các thế đại. ²⁴Vì ta đã ban cho người Lê-vi làm cơ nghiệp, những thuế một phần mười của dân Y-sơ-ra-ên dâng gior lên cho Đức Giê-hô-va. Bởi cớ đó, ta đã phán về họ rằng: Họ sẽ không có cơ nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên.

²⁵Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ²⁶Người cũng phải truyền cho người Lê-vi rằng: Khi nào các người đã lãnh của dân Y-sơ-ra-ên thuế một phần mười mà ta đã ban về phần dân đó dâng làm cơ nghiệp của các người, thì hãy lấy một phần mười của vật thuế một phần mười, mà làm của lễ dâng gior lên cho Đức Giê-hô-va. ²⁷Lễ vật dâng đưa lên của các người sẽ kể như lúa mì lấy nơi sân đập lúa, và như sự đầy dẫy của hầm rượu. ²⁸Thế thì, trong những thuế một phần mười mà các người lãnh nơi dân Y-sơ-ra-ên, thì cũng phải lấy ra một phần mười làm lễ vật dâng đưa lên cho Đức Giê-hô-va, và giao lễ vật của Đức Giê-hô-va đó cho A-rôn, thầy tế lễ. ²⁹Trong những lễ vật lãnh được, các người phải lấy ra phần tốt nhất, biệt riêng ra thánh mà dâng đưa lên cho Đức Giê-hô-va. ³⁰Người phải nói cùng người Lê-vi rằng: Khi nào các người đã dâng đưa lên phần tốt nhất của thuế một phần mười, thì sẽ kể cho người Lê-vi như huê lợi của sân đập lúa, và như huê lợi của hầm rượu vậy. ³¹Các người và gia quyến các người phải ăn nó trong nơi nào cũng được, vì là công giá mình về việc các người làm trong hội mạc. ³²Bởi cớ ấy, khi các người đã dâng gior lên phần tốt nhất, các người sẽ không mắc tội, sẽ không làm ô uế những vật thánh của dân Y-sơ-ra-ên, và các người không chết đâu.

Là đầy tớ Đức Chúa Trời, thầy tế lễ và người Lê-vi xứng đáng được dân Đức Chúa Trời chăm sóc. Không giống những chi phái khác, Lê-vi sẽ không được sản nghiệp nào trong Đất Hứa, vì chính Chúa là sản nghiệp của họ

(c. 20; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 10:8-9; *Giô-suê* 13:14, 33; 14:13; 18:7), người Lê-vi được giao cho bốn mươi tám tỉnh thành để ở (*Dân Số Ký* 35:1-8; *Giô-suê* 21).² Cả thầy tế lễ lẫn người Lê-vi đều được chu cấp nhờ những của lễ, dâng hiến, cùng phần mười từ dân chúng.

Thầy tế lễ (*Dân Số Ký* 18:8-20). Đức Chúa Trời chỉ định cho thầy tế lễ những phần của lễ chay, của lễ chuộc tội, của lễ chuộc sự mắc lỗi, và của lễ thù ân (*Lê-vi Ký* 6:14-7:38), cũng như hoa quả đầu mùa (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 26:1-11) và thú vật đầu lòng dân chúng mang đến cho Chúa. Vài loại thức ăn này chỉ thầy tế lễ mới được ăn, nhưng phần lớn có thể chia cho gia đình họ. Tuy nhiên, hễ ai trong gia đình thầy tế lễ ăn những của lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời thì phải là người tinh sạch theo nghi thức, và phải tôn trọng thức ăn, vì đã được thánh hóa nhờ dâng cho Đức Chúa Trời.

Người Lê-vi (*Dân Số Ký* 18:21-32). Họ được giao cho các phần mười dân chúng mang vào đền thánh của Đức Chúa Trời, vì 10 phần trăm sản vật thuộc về Chúa. Người Do Thái buộc phải dâng ba loại phần mười khác nhau: một phần mười cho người Lê-vi (c.21-24), một phần mười “ăn trước mặt Đức Giê-hô-va” (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 14:22-27), và một phần mười mỗi ba năm để phát cho người nghèo (*Lê-vi Ký* 27:28-29). Đến phiên người Lê-vi, phải trích phần mười số họ nhận được, dâng cho Chúa, rồi giao cho thầy tế lễ cả.

Nguyên tắc ở đây rõ ràng và được nhấn mạnh thường xuyên trong Kinh Thánh: Những ai phục vụ Chúa cùng dân Ngài thì phải được hỗ trợ bằng những phước hạnh vật chất mà Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài. “Người lao động xứng đáng nhận tiền công mình” (*Lu-ca* 10:7; *Ma-thi-ơ* 10:10), Chúa Giê-xu phán như vậy; còn Phao-lô thì viết: “Ngay chính Chúa cũng truyền lệnh rằng những ai rao giảng Phúc Âm, phải sống nhờ Phúc Âm” (*I Cô-rinh-tô* 3:14). Phao-lô giải thích thêm nguyên tắc này trong *Ga-la-ti* 6:6-10; *Phi-líp* 4:10-19; và *I Ti-mô-thê* 5:17-18.

Không phải lúc nào người Do Thái cũng tuân giữ luật lệ này mà mang phần mười dâng cho Chúa, và hậu quả là chức vụ trong đền tạm và đền thờ bị thiệt hại. (Xem *Nê-hê-mi* 10:35-39; 12:44-47; 13:10-14; *Ma-la-chi* 1:6-2:9.) Nếu thầy tế lễ và người Lê-vi không có thực phẩm cho gia đình mình, thì họ phải rời đền thánh để đi làm ngoài ruộng (*Nê-hê-mi* 13:10). Thật bi thảm khi dân Đức Chúa Trời không yêu Chúa và nhà Chúa đủ để hỗ trợ cách trung tín.

Đức Chúa Trời mong đợi người Lê-vi dâng phần mười và chia sẻ với thầy tế lễ cả (*Dân Số Ký* 18:25-32). Có lúc tôi gặp những người phục vụ Cơ Đốc không dâng hiến cho công việc Chúa vì họ cho rằng mình được miễn trừ. Họ lý luận: “Chúng tôi đang phục vụ Chúa và tất cả mọi điều chúng tôi có là của Ngài,” nhưng lý lẽ của họ không đứng vững được. Người Lê-vi phục vụ Đức Chúa Trời toàn thời gian, thế nhưng vẫn dâng phần mười những gì họ nhận được.

Dâng phần mười không nhất thiết là một hành động theo luật pháp, vì Áp-ra-ham và Gia-cốp đã dâng phần mười nhiều thế kỷ trước khi ban hành Luật Pháp (*Sáng Thế Ký* 14:20; 28:22). Nếu người Do Thái dưới Giao Ước Cũ có thể dâng 10 phần trăm thu nhập (sản vật) cho Chúa, thì Cơ Đốc nhân dưới Giao Ước Mới lại dâng ít hơn sao? Đối với chúng ta, dâng phần mười chỉ là khởi đầu! Nếu thấu triệt được ý nghĩa của *II Cô-rinh-tô* 8-9, chúng ta sẽ dâng hiến cách vui lòng và còn đi xa hơn phần mười nữa.³

3. Tẩy Sạch Kẻ Ô Uế

Dân Số Ký 19:1-22

¹Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se và A-rôn rằng: ²Này là lệ định của luật pháp mà Đức Giê-hô-va có truyền rằng: Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và biểu dẫn đến người một con bò cái tơ sắc hoe, không tật không vít, và chưa mang ách. ³Đoạn phải giao

nó cho Ê-lê-a-sa, thấy tế lễ, dẫn ra ngoài trại quân, rồi người ta giết nó trước mặt người. ⁴Ê-lê-a-sa, thấy tế lễ, sẽ dùng ngón tay nhúng huyết nó rảy bảy lần trên phía trước của hội mạc. ⁵Người ta sẽ thiêu con bò cái tơ đỏ trước mắt người, là thiêu da, thịt, và huyết với phần nó.

⁶Kể đó, thầy tế lễ sẽ lấy cây hương nam, chum kinh giới và màu đỏ sẫm, liệng vào giữa đám lửa thiêu con bò cái tơ. ⁷Đoạn, thầy tế lễ phải giặt áo xống và tắm mình trong nước, sau rồi vào trại quân, bị ô uế đến chiều tối. ⁸Kẻ nào thiêu con bò cái tơ phải giặt áo xống và tắm mình trong nước, bị ô uế đến chiều tối. ⁹Một người tinh sạch sẽ hốt tro con bò cái tơ đỏ ngoài trại quân, trong một nơi tinh sạch; người ta phải giữ tro đó cho hội dân Y-sơ-ra-ên để dùng làm nước tẩy uế: ấy là một của lễ chuộc tội. ¹⁰Kẻ nào hốt tro con bò cái tơ phải giặt áo xống mình và bị ô uế đến chiều tối. Điều này sẽ làm một lệ định đời đời cho dân Y-sơ-ra-ên và cho khách ngoại bang kiều ngụ giữa dân đó.

¹¹Ai đụng đến một xác chết của người nào sẽ bị ô uế trong bảy ngày. ¹²Ngày thứ ba và ngày thứ bảy, người ấy phải dùng nước này làm cho mình được sạch, thì sẽ được sạch; còn nếu ngày thứ ba và ngày thứ bảy không làm cho mình được sạch, thì người vẫn không tinh sạch. ¹³Phàm người nào đụng đến xác chết của người nào và không làm cho mình được sạch, thì sẽ gây cho đền tạm của Đức Giê-hô-va bị ô uế. Người đó sẽ bị truất khỏi Y-sơ-ra-ên; vì nước tẩy uế không có rảy trên mình người, nên người vẫn ô uế; sự ô uế của người vẫn ở trên mình người vậy.

Luật về lễ làm sạch cho người và cho đồ đạc bị ô uế

¹⁴Này là luật pháp khi có một người nào chết trong trại: bất kỳ ai vào trại và mọi vật chi ở trong đều sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

¹⁵Phàm bình đựng nào để trống, không có nắp đậy buộc theo, sẽ bị ô uế. ¹⁶Ngoài đồng, ai đụng đến hoặc một người bị gươm giết, hoặc một xác chết, hoặc hài cốt loài người hay là một cái mả, thì sẽ bị ô uế trong bảy ngày. ¹⁷Về kẻ bị ô uế, người ta phải lấy tro của con sinh đã bị thiêu đặng chuộc tội, để trong một cái bình và đổ nước chảy lên trên. ¹⁸Đoạn, một người tinh sạch sẽ lấy chum kinh giới nhúng vào nước, rồi rảy trên trại, trên các bình, trên những người có tại đó, và trên người đã đụng, hoặc những hài cốt, hoặc một người bị giết, hoặc một xác chết hay là một cái mả. ¹⁹Ngày thứ ba và ngày thứ bảy, người tinh sạch phải rảy nước đó trên người bị ô uế, và ngày thứ bảy người tinh sạch sẽ làm cho người được sạch. Người đương được sạch phải giặt áo

xống mình, tắm mình trong nước, và đến chiều tối mới được tinh sạch.²⁰ Còn người nào sẽ bị ô uế mà không làm cho mình được sạch, một người như vậy sẽ bị truất khỏi hội chúng; vì người đã làm cho nơi thánh của Đức Giê-hô-va bị ô uế. Nước tẩy uế không có rưới trên mình người: người vẫn ô uế.²¹ Ấy sẽ là một lệ định đời đời cho dân sự. Người nào rảy nước tẩy uế sẽ giặt áo xống mình; kẻ nào đụng đến nước tẩy uế sẽ bị ô uế đến chiều tối.²² Phàm vật chi mà người ô uế đụng đến, đều sẽ bị lây ô uế; còn ai đụng đến người đó sẽ bị lây ô uế đến chiều tối.

Trong đời sống hằng ngày, người Do Thái phải phân biệt rõ điều nào là “sạch” và điều nào là “không sạch.” Sự phân biệt rõ ràng này quyết định mối liên hệ giữa họ với Chúa và với người khác trong trại quân. Quy luật của Đức Chúa Trời là: “Các ngươi phải thánh, vì ta là thánh.” Ta gặp ý niệm này tám lần trong Kinh Thánh (*Lê-vi Ký* 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; 21:8; *I Phi-e-rơ* 1:15-16). Những qui định về “sạch và không sạch” được giải thích rõ từng chi tiết trong *Lê-vi Ký* 11-15, cho người Y-sơ-ra-ên biết họ có thể ăn gì, họ phải xử lý sự lây nhiễm và chất bài tiết, cũng như với xác chết cách nào. Chắc chắn là có mục đích vệ sinh trong những luật lệ này, nhưng cũng có mục đích thuộc linh: dạy cho người Do Thái sự khác biệt giữa trong sạch với tội lỗi và khích lệ họ bước đi trong sự thánh khiết.

Sự chuẩn bị (*Dân Số Ký* 19:1-10). Có vài nét đặc biệt trong nghi thức này. Con vật được chọn không thuộc giống đực; được giết ngoài trại quân, cách xa đền tạm và bàn thờ; do người thường giết, thay vì thầy tế lễ; huyết không được hứng và đổ ra trước mặt Đức Chúa Trời mà phải thiêu cùng với xác chết; còn tro thì được gom lại hòa với nước và dùng trong nghi thức thanh tẩy.

Trước hết, con thú được chọn phải không tì vết, có màu đỏ, và chưa hề mang ách. Màu đỏ có thể chỉ về huyết đổ ra, nhưng có lẽ màu này cũng nói về đất màu đỏ dùng tạo nên con người đầu tiên (*Sáng Thế Ký* 2:7). Tên “A-đam” do từ *adamah* trong Hê-bơ-rơ ngụ ý “đất đỏ.”

Ê-lê-a-sa, con trai của A-rôn và là người kế vị, dắt con bò cái tơ ra ngoài trại quân, một người thường giết nó trước mặt thầy tế lễ. Từ dùng mô tả việc giết con thú không phải là từ được dùng cho việc dâng con thú, và không có dính líu với bàn thờ. Ê-lê-a-sa hứng một ít huyết, rải về hướng đền tạm bảy lần.

Xác chết cùng với huyết được thiêu, và từ dùng ở đây không phải là từ bình thường dùng cho việc “thiêu của lễ.” Trong khi xác được thiêu, Ê-lê-a-sa thả ba món quan trọng vào lửa: gỗ hương nam, nhành kinh giới (loại cây xộp hút chất lỏng), len đỏ sẫm, là những món được dùng trong nghi thức tẩy sạch người phung lành bệnh (*Lê-vi Ký* 14:4, 6, 49, 51-52; và xem *Thi Thiên* 51:7).

Do tiếp xúc với xác chết, nên Ê-lê-a-sa cùng người phụ tá bị xem ô uế về mặt nghi thức và phải tắm gội, giặt áo xống trước khi quay về trại quân vào chiều tối. Một người tinh sạch về nghi thức gom tro vào lọ rồi đặt ở một nơi sạch sẽ ngoài trại quân, nơi dân chúng dễ lui tới. Chính người này cũng phải tắm gội trước khi quay về trại quân.

Áp dụng (Dân Số Ký 19:11-22). Tro này được dùng như thế nào? Những người bị ô uế về nghi thức do đụng vào xác chết (c.11-13), do ở trong lều có người chết (c.14-15), hoặc do đụng bất cứ vật gì đã bị ô uế (c.16), có thể lại được tinh sạch nhờ dùng tro. Họ sẽ phải chờ ba ngày sau khi bị ô uế, sau đó, ra ngoài trại quân cùng với một người tinh sạch theo nghi thức, tới nơi cất giữ tro. Người này hòa một ít tro với nước đang chảy, trong một bình, nhúng kinh giới vào nước rồi rắc lên người bị ô uế. Việc này phải được lặp lại bốn ngày sau, vào ngày thứ bảy. Sau đó thì tắm, giặt áo xống và chờ đến tối mới trở về trại quân.

Nếu người bị ô uế không thanh tẩy thì sẽ vi phạm rất nghiêm trọng, vì kẻ ô nhiễm thì làm ô uế trại quân. Đức Chúa Trời ngự trị trong đền tạm (c.13, 20), Ngài đi lại giữa dân Ngài (*Lê-vi Ký* 26:11-12; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 23:12-14); vì vậy, trại quân phải được giữ thánh khiết. Những kẻ ô uế không chịu sự tẩy sạch thì bị loại trừ (*Dân*

Số Ký 19:20) và bị ném đá đến chết.

Hội Thánh ngày nay không quan tâm đến sự ô uế về nghi thức bên ngoài, nhưng chúng ta phải suy nghĩ về bài học của chương này. Đức Chúa Trời muốn chúng ta là một dân tộc thánh. Chúng ta phải “làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh của chúng ta” (II Cô-rinh-tô 7:1). Đức Chúa Trời hứa tha thứ và thanh tẩy con cái Ngài nếu họ từ bỏ tội lỗi và xưng ra với Chúa (I Giăng 1:9). Một con thú vô tội đã phải chết để cung ứng sự thanh tẩy về nghi thức cho người Do Thái, nhưng Chiên Con vô tội của Đức Chúa Trời phải chết để cung ứng sự thanh tẩy cho chúng ta (Giăng 1:29; I Phi-e-rơ 1:18-23).

4. Sửa Phạt Cấp Lãnh Đạo của Ngài

Dân Số Ký 20:1-13

¹Tháng giêng, cả hội dân Y-sơ-ra-ên tới đồng vắng Xin; và dừng lại tại Ca-đe. Mi-ri-am qua đời và được chôn tại đó.

Sự lầm bầm của dân chúng. – Môi-se làm cho hòn đá phun nước ra.

² Vả, không có nước cho hội chúng uống; chúng bèn dấy loạn cùng Môi-se và A-rôn. ³Dân chúng cãi lộn cùng Môi-se mà rằng: Anh em chúng tôi đã chết trước mặt Đức Giê-hô-va, chớ chi chúng tôi cũng đồng chết luôn thể! ⁴Sao người đem hội chúng của Đức Giê-hô-va vào đồng vắng này, làm cho chúng tôi và súc vật của chúng tôi phải chết? ⁵Sao người khiến chúng tôi đi lên khỏi xứ Ê-díp-tô đặng dẫn đến chỗ độc này, là nơi người ta không gieo mạ được, và chẳng có cây vả, cây nho, cây lựu, và cũng không có nước uống?

⁶Môi-se và A-rôn bèn lui khỏi mặt hội chúng, đến tại cửa hội mạc, sấp mặt xuống đất; và sự vinh quang của Đức Giê-hô-va hiện ra cùng hai người. ⁷Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ⁸Hãy cầm lấy cây gậy ngươi, rồi với A-rôn anh ngươi, hãy truyền nhóm hội chúng và hai người phải nói cùng hòn đá trước mặt hội chúng, thì hòn đá sẽ chảy nước ra; ngươi sẽ khiến nước từ hòn đá chảy ra cho hội chúng và súc vật của họ uống.

⁹Vậy, Môi-se cầm lấy cây gậy ở trước mặt Đức Giê-hô-va, như Ngài đã phán dặn. ¹⁰Môi-se và A-rôn truyền nhóm hội chúng đến trước hòn đá mà nói rằng: Hỡi dân phản nghịch! Hãy nghe, chúng ta há để khiến nước chảy từ hòn đá này ra cho các người được sao? ¹¹Môi-se đưa tay lên, đập hòn đá hai lần bằng cây gậy mình. Nước bèn chảy tràn ra nhiều, hội chúng uống, và súc vật họ uống nữa.

¹²Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn rằng: Bởi vì hai người không có tin đến ta, đặt tôn ta nên thánh trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, vì cớ đó, hai người sẽ không đem hội chúng này vào xứ mà ta đã cho nó đâu.

¹³Ấy đó là nước của Mê-ri-ba, tức là nơi dân Y-sơ-ra-ên cãi trả cùng Đức Giê-hô-va; Ngài tự nên thánh trước mặt dân đó.

Cái chết của Mi-ri-am hẳn phải ảnh hưởng Môi-se và A-rôn thật sâu xa. Chính Mi-ri-am đã được Chúa dùng cứu mạng Môi-se khi ông còn là hài nhi. Bà còn sắp xếp cho mẹ mình nuôi Môi-se mà lại được trả công nữa (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 2). Bà đã hướng dẫn phụ nữ ngời ca Chúa tại Biển Đỏ (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 15) và đã chịu đựng những thử thách trong hoang mạc cùng với các em mình. Vi phạm duy nhất trong đời bà là chỉ trích Môi-se (*Dân Số* Ký 12), nhưng liệu có đầy tớ nào của Đức Chúa Trời mà lại có đời sống không chỗ chê trách chăng?

Cố tật (*Dân Số* Ký 20:1-5). Hễ gặp khó khăn thì dân Y-sơ-ra-ên lầm bầm với Môi-se và A-rôn rồi tiếc nuối những ngày ở tại Ai Cập. Nghịch cảnh cho ta biết người nào tốt, người nào xấu. Nghịch cảnh hoặc giúp chúng ta trưởng thành hoặc biến chúng ta thành trẻ con (*Gia-cơ* 1:2-8). Lời nói cùng thái độ của người Y-sơ-ra-ên phơi bày rõ ràng là lòng họ vẫn còn ở Ai Cập. Thật đúng là bức tranh của Cơ Đốc nhân hữu danh vô thực vẫn còn yêu thế gian (*I Giăng* 2:15-17).

Giải pháp thiên thượng (*Dân Số* Ký 20:6-9). Dân Chúa phải sắp mặt xuống, xưng tội và kêu cầu sự tha thứ của Đức Chúa Trời, nhưng một lần nữa, chỉ có Môi-se và A-rôn sắp mình trước mặt Chúa, tìm kiếm sự khôn ngoan

và cứu giúp của Ngài (14:5; 16:4, 22, 45; 22:31). Bạc lãnh đạo thuộc linh vẫn trả giá cao khi phục vụ dân Đức Chúa Trời, nhưng dân Chúa chẳng biết công ơn. Dân Y-sơ-ra-ên phạm lại những tội lỗi đó, không chịu tin cậy và tuân phục Ngài.

Cây gậy ở đây chính là cây gậy Môi-se đã dùng làm phép lạ tại Ai Cập, đặc biệt là rẽ Biển Đỏ. Từ Hê-bơ-rơ “đá” chỉ ghềnh đá cao, chứ không phải là một tảng đá lớn. Đức Chúa Trời có thể giải quyết nan đề của chúng ta cho dù hoàn cảnh có ra sao, miễn là chúng ta tin cậy và làm theo ý muốn Ngài.

Tội nóng nảy (Dân Số Ký 20:10-11). Nổi nóng, Môi-se đập tảng đá hai lần. Ông cũng giận dữ mắng dân chúng là “phản loạn.” Hành động của ông khiến người ta hiểu rằng chính ông với A-rôn đã hóa ra nước!⁴

Môi-se là con người, giống như chúng ta, và chắc chắn đã mòn mỏi khi hành trình trong hoang mạc gần đến đích. Suốt thời gian đó ông chẳng thấy gì ngoài sự vô tín và chẳng nghe gì ngoài tiếng lầm bầm. *Thi Thiên* 106:32-33 nói rằng chính dân chúng đã chọc giận Môi-se. Có lẽ tình cảm ông bị cạn kiệt vì cái chết của chị mình. Có thể ông tức giận khi dân Chúa lầm bầm, Chúa đã không bày tỏ vinh quang cùng hình phạt như Ngài đã làm trước đây.

Nhưng cho dù có biện hộ cho Môi-se bao nhiêu, thì sự thật vẫn là ông không tôn cao Chúa hoặc không tuân lệnh Ngài. Đập tảng đá, ông đã làm hỏng hình bóng về Đấng Mết-si-a ban nước sống cho dân Ngài (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:1-7; *Giăng* 7:37-39). Chúa chúng ta phó mình vì chúng ta trên thập tự giá chỉ một lần và không cần phải chịu đóng đinh (bị đập) một lần nữa (*Hê-bơ-rơ* 9:26-28). Bây giờ, mọi điều tín hữu cần làm chỉ là cầu xin, thì Đức Chúa Trời sẽ ban Thánh Linh cho.

Điều đáng chú ý là Đức Chúa Trời ban nước uống, cho dù thái độ lẫn hành động của Môi-se đều sai lầm!⁵ “Ngài không đả chúng tôi tùy theo tội lỗi chúng tôi, cũng

không hình phạt chúng tôi tùy sự gian ác chúng tôi" (*Thi Thiên* 103:10). "Lạy Đức Giê-hô-va, nếu Ngài cố chấp sự gian ác, thì, Chúa ôi, ai có thể đứng nổi?" (*Thi Thiên* 130:3) Trong ân sủng Ngài, Đức Chúa Trời đáp ứng nhu cầu của dân Ngài vì Ngài là Đức Chúa Trời thương xót và nhân từ vô hạn, nhưng Ngài không bỏ qua tội của Môi-se.

Kỷ luật đau đớn (*Dân Số Ký* 20:12-13). Dân chúng được cứu giúp nhưng Môi-se thì bị kỷ luật, kỷ luật rất nặng nề: Ông không được phép vào Đất Hứa (*Lu-ca* 12:48). Ông đã làm cho chính mình vinh hiển thay vì làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Một lần nữa, có một hình bóng Cựu Ước quan trọng ở đây, vì Luật Pháp (Môi-se) không thể cho chúng ta sản nghiệp (*Ga-la-ti* 3:18). Giô-suê là một hình bóng về Chúa Giê-xu Christ, Đấng chiến thắng, và chỉ ông mới có thể đưa dân chúng vào sản nghiệp được hứa ban (*Hê-bơ-rơ* 4:1-11). Nếu được cùng vào xứ với dân chúng thì Môi-se đã làm hỏng sứ điệp của thư *Hê-bơ-rơ* rồi!⁶

Chỗ đầu tiên Đức Chúa Trời cung cấp nước cho Y-sơ-ra-ên được Môi-se gọi là "Ma-sa và Mê-ri-ba" nghĩa là "thử nghiệm và cãi cộ." Môi-se cũng gọi chỗ thứ hai cung cấp nước này là "Mê-ri-ba" ("cãi cộ"), nhưng chính ông là người chịu thử nghiệm và thất bại. Tại điểm này Môi-se xin Đức Chúa Trời cho mình qua bên kia Giô-đanh, nhưng Chúa từ chối yêu cầu của ông (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 3:23-29). Môi-se tỏ ra nhu mì bằng cách thuận phục kỷ luật của Đức Chúa Trời và tiếp tục hướng dẫn dân Ngài.

5. Dẫn Dắt Dân Chúa

Dân Số Ký 20:14-22

¹⁴Đoạn, từ Ca-de, Môi-se sai sứ giả đi đến vua Ê-dôm dạng nói rằng: Y-sơ-ra-ên, là em vua, có nói như vậy: Vua biết các sự tai nạn đã xảy đến cho chúng tôi, ¹⁵và tổ phụ chúng tôi đi xuống xứ

Ê-díp-tô là làm sao? Chúng tôi đã ở lâu tại xứ Ê-díp-tô, nhưng dân xứ đó bạc đãi chúng tôi và tổ phụ chúng tôi. ¹⁶Chúng tôi có kêu la cùng Đức Giê-hô-va; Ngài có nghe thấu tiếng kêu, bèn sai một thiên sứ dẫn chúng tôi ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Nay, chúng tôi hiện ở tại Ca-đe, là thành ở nơi đầu bờ cõi của vua. ¹⁷Xin cho phép chúng tôi đi ngang qua xứ của vua; chúng tôi sẽ chẳng đi ngang qua đồng ruộng, sẽ chẳng đi ngang vườn nho, và chúng tôi cũng sẽ chẳng uống nước các giếng; chúng tôi sẽ đi theo đường cái của vua, không xây qua bên hữu, cũng không xây qua bên tả cho đến chừng nào đã đi ngang khỏi bờ cõi của vua. ¹⁸Nhưng Ê-đôm đáp rằng: Người chớ khá đi ngang ranh ta; bằng cượng, ta sẽ cầm gươm ra đón người. ¹⁹Dân Y-sơ-ra-ên tâu rằng: Chúng tôi đi theo đường cái; nếu chúng tôi và bầy súc vật chúng tôi uống nước của vua, thì chúng tôi sẽ trả tiền. Xin chỉ để đi bộ ngang qua, không chi khác nữa. ²⁰Nhưng Ê-đôm đáp rằng: người chẳng được qua đâu! Ê-đôm bèn đem quân chúng rất đông, tay cầm binh khí, ra đón Y-sơ-ra-ên. ²¹Ấy vậy, Ê-đôm không cho phép Y-sơ-ra-ên đi ngang bờ cõi mình; Y-sơ-ra-ên trở đi khỏi người.

²²Cả hội dân Y-sơ-ra-ên đi từ Ca-đe đến núi Hô-rơ.

Bây giờ Y-sơ-ra-ên đang bắc tiến về Đồng bằng Mô-áp (33:48) nơi Môi-se chuẩn bị cho thế hệ mới bước vào xứ. Lộ trình dễ nhất là xuyên qua Ê-đôm trên trục giao thương chính vào thời đó. Người Ê-đôm là con cháu Ê-sau (*Sáng Thế Ký* 36) vì vậy, có liên hệ với Y-sơ-ra-ên, vì Gia-cốp là em của Ê-sau.

Biết lịch sử xung đột giữa Ê-sau với Gia-cốp, Môi-se dùng các chiến thuật ngoại giao khéo léo trong khi xin phép băng qua xứ. Y-sơ-ra-ên đã chinh phục nhiều vua cùng quốc gia trong hành trình của họ. Người Ê-đôm biết vậy, cho nên Môi-se phải nói rõ đây là hành trình hòa bình. Chúng ta có cảm tưởng rằng *Dân Số Ký* 20:14-17 lúc đầu là một tư liệu thành văn do các đại sứ từ Y-sơ-ra-ên mang tới cho vua Ê-đôm. Trong khi làm hoàng tử tại Ai Cập, Môi-se hẳn phải học được mọi vấn đề ngoại giao này.

Trước hết, Môi-se nhấn mạnh sự kiện là người Do Thái

với người Ê-đôm là anh em (c.14), và hai lần, ông dùng cụm từ “tổ phụ chúng ta” (c.15). Gia tài chung này lẽ ra phải khiến cấp lãnh đạo Ê-đôm thông cảm với anh em mình. Tiếp theo, Môi-se nhắc người Ê-đôm nhớ nỗi khổ cùng cảnh nô lệ của Y-sơ-ra-ên tại Ai Cập cùng sự giải cứu diệu kỳ Chúa ban cho họ. Vì Đức Chúa Trời giải cứu và hướng dẫn họ, nên chắc chắn người Ê-đôm muốn cộng tác với Đức Giê-hô-va mà để cho bà con Do Thái của họ băng qua xứ.

Nhưng để cho khoảng từ 2 tới 3 triệu người cùng gia súc của họ băng ngang xứ thì xứ sở của dân Ê-đôm chắc sẽ bị tàn phá nặng. Được Chúa chỉ đạo (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:1-8), Môi-se cố gắng lần thứ hai để thuyết phục người Ê-đôm, nhưng lời nói của ông chỉ gây thêm chống đối.

Gia-cốp và Ê-sau đã gặp nhau và dàn xếp mâu thuẫn nhiều năm trước đó rồi (*Sáng Thế Ký* 32-33), nhưng con cháu Ê-sau vẫn kéo dài mối cừu hận xưa của gia tộc. Nhiều năm sau, khi Giê-ru-sa-lem bị tấn công, người Ê-đôm đã phụ giúp kẻ thù, thậm chí còn chặn đường người Do Thái lánh nạn chạy trốn (sách *Áp-điã; Thi Thiên* 137:7). Thật bi thảm khi mối cừu thù gia tộc cứ từ thế hệ này sang thế hệ khác, nung nấu một cuộc huynh đệ tương tàn.

Khi quân đội Ê-đôm tới nơi chặn ngang đường, thì rõ ràng hành động khôn ngoan nhất của Y-sơ-ra-ên là chọn một lộ trình mới. Chắc chắn Đức Chúa Trời đã có thể giúp Y-sơ-ra-ên hủy diệt toàn bộ đạo binh Ê-đôm, nhưng đó không phải là kế hoạch của Ngài. “Nếu có thể được, do chính anh em quyết định, thì hãy sống hòa thuận với mọi người” (*Rô-ma* 12:18). Đức Chúa Trời sẽ lo chuyện Ê-đôm khi tới thời điểm (xem *Áp-điã*); trong khi chờ đợi, Y-sơ-ra-ên chọn con đường khác và tới núi Hu-rơ. Chúng ta không biết vị trí núi Hu-rơ, chỉ biết là nơi A-rôn qua đời và được chôn cất.

6. Duy Trì Chức Thầy Tế Lễ

Dân Số Ký 20:23-29

²³Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và A-rôn trên núi Hô-rơ, tại bờ cõi xứ Ê-đôm, mà rằng: ²⁴A-rôn sẽ về nơi tổ phụ mình vì người không được vào xứ mà ta đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên đâu; bởi vì tại nước Mê-ri-ba, các người đã bội nghịch điều răn ta.

²⁵Hãy bắt A-rôn và Ê-lê-a-sa, con trai người, biểu đi lên núi Hô-rơ; ²⁶đoạn hãy lột áo xống A-rôn mặc cho Ê-lê-a-sa, con trai người. Ấy tại đó A-rôn sẽ được tiếp về và qua đời. ²⁷Vậy, Môi-se làm y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn; ba người đi lên núi Hô-rơ, cả hội chúng đều thấy. ²⁸Môi-se lột áo xống A-rôn, mặc cho Ê-lê-a-sa, con trai người. A-rôn chết tại đó, trên chót núi; rồi Môi-se và Ê-lê-a-sa đi xuống. ²⁹Cả hội chúng thấy A-rôn đã tắt hơi rồi, bèn khóc người trong ba mươi ngày.

Cả Môi-se lẫn A-rôn đều đã chống nghịch Đức Chúa Trời khi Môi-se đập vào tảng đá, cho nên chẳng ai trong hai người được vào Đất Hứa. Ngày đầu tiên tháng thứ năm của năm thứ bốn mươi (33:38), Môi-se, A-rôn, và Ê-lê-a-sa tới một nơi trên núi Hu-rơ, vì bây giờ đã tới lúc A-rôn qua đời. Môi-se sẽ nói lời từ biệt với anh yêu dấu, còn Ê-lê-a-sa thì già từ người cha tôn kính của mình. A-rôn được 123 tuổi (33:38-39).

Tuy nhiên, cái chết của A-rôn không làm gián đoạn chức vụ của thầy tế lễ, vì Ê-lê-a-sa thay thế ông. Như John Wesley thường nói: “Đức Chúa Trời chôn người làm công của Ngài, nhưng công việc của Ngài vẫn tiếp tục.” Để làm trọn Luật Pháp (*Xuất Ê-díp-tô Ký 29:29-30*), Môi-se lột trang phục thánh từ A-rôn, anh mình, mặc vào cho Ê-lê-a-sa. Có thể ông cũng xức dầu cho nữa. Khi Môi-se và Ê-lê-a-sa trở về trại quân không có A-rôn, và dân chúng thấy Ê-lê-a-sa mặc áo của thầy tế lễ cả, thì biết cuộc đời của A-rôn đã kết thúc. Họ khóc than A-rôn suốt ba mươi ngày.

Ê-lê-a-sa là con trai thứ ba của A-rôn (*Dân Số Ký 3:2*); hai người đầu là Na-đáp và A-bi-hu, bị Chúa giết chết vì

đã làm ô uế đền tạm bằng lửa lạ (*Lê-vi Ký* 10). Trước khi trở thành thầy tế lễ cả, ông cai quản hết thầy người Lê-vi lo chăm sóc đền tạm (*Dân Số Ký* 3:32; 4:16). Ông phụ tá Môi-se kiểm tra dân số của thế hệ mới (26:1-3) cũng như bổ nhiệm Giô-suê tiếp nối Môi-se (27:18-23). Khi Y-sơ-ra-ên đã chinh phục xứ, Ê-lê-a-sa giúp Giô-suê chỉ định sản nghiệp cho từng chi phái (34:17; *Giô-suê* 14:1; 19:15).

Môi-se trải qua hai cái tang trong gia đình, hai lần đối đầu với lời chỉ trích trong trại quân, và một lần thất bại tại Ca-đê; thế nhưng ông vẫn cầm gậy lên và trở lại với công việc. Sự phục vụ Cơ Đốc đắc thắng, giống như đời sống Cơ Đốc đắc thắng, là một loạt khởi đầu mới. Cho dù chúng ta có phạm lỗi lầm nào cũng đừng bỏ cuộc.

Chú thích

¹ Bản KJV và NIV cả hai đều dùng động từ “gắn bó” để mô tả liên hệ giữa người Lê-vi với thầy tế lễ (c.2, 4). “Lê-vi” có nghĩa “gắn bó” trong Hê-bơ-ơ (*Sáng Thế Ký* 29:34).

² Chi phái Si-mê-ôn và Lê-vi mang tiếng xấu là hay nóng giận và hung bạo do cách họ đối xử với người Si-chem (*Sáng Thế Ký* 34), cho nên Gia-cốp nói tiên tri rằng họ sẽ bị tản lạc trong Y-sơ-ra-ên (*Sáng Thế Ký* 49:5-7). Si-mê-ôn nhập chung với Giu-đa (*Giô-suê* 19:1, 9) còn người Lê-vi thì ở rải rác trong bốn mươi tám địa điểm khắp xứ. Tuy nhiên, điều này cũng giúp nhiều người có cơ hội học Luật Pháp Đức Chúa Trời từ láng giềng Lê-vi của mình.

³ Xin xem giải nghĩa *II Cô-rinh-tô*, *Be Encouraged* (Chariot Victor) của tôi, liên quan đến phần chú giải các chương này về “grace giving.”

⁴ Áp-ra-ham thất bại trong điểm mạnh của ông, đó là đức tin. Điểm mạnh của Đa-vít là sự liêm chính, và ông đã thất bại ngay tại đó; điểm mạnh của Phi-e-rơ là sự

can đảm, thế nhưng ông đã gục ngã trước câu hỏi của một cô gái. Sa-tan biết cách biến điểm mạnh thành điểm yếu, nhưng Chúa có thể biến yếu thành mạnh.

⁵ Câu chuyện này phải cảnh giác chúng ta chớ xây dựng thần học mình trên sự kiện thay vì trên lời Kinh Thánh. Chính sự kiện Đức Chúa Trời đáp ứng một nhu cầu hay ban phước cho một chức vụ không hẳn là chúng có cho thấy những người trong cuộc nhất thiết đã vâng phục Chúa trong cách họ phục vụ.

⁶ Tuy nhiên, Môi-se đã tìm đường vào được trong xứ khi ông cùng với Ê-li đến gặp Chúa Giê-xu vinh hiển trên núi Hóa Hình (*Ma-thi-ơ* 17:1-8).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG BẢY

Dân Số Ký 18-20

1. Tại sao chức thầy tế lễ là quà tặng của Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên?

2. Nêu những điểm chung và riêng trong sự phân biệt thầy tế lễ/ người Lê-vi với trưởng lão/chấp sự.

3. Thầy tế lễ và người Lê-vi được chăm sóc như thế nào? Chúng ta phải và có thể chăm sóc cấp lãnh đạo Hội Thánh, cả người lãnh lương và không lãnh lương của mình bằng cách nào?

4. Bạn nghĩ Cơ Đốc nhân có trách nhiệm gì trong lãnh vực dâng hiến?

5. Bạn hiểu thế nào về sự thay đổi từ lời dạy của Cựu Ước về “sạch” và “không sạch” sang lời dạy của Phao-lô trong Tân Ước, bảo rằng “chẳng có vật gì tự nó vốn là dơ dáy”? (Rô-ma 14:14)

6. Dân Đức Chúa Trời ngày nay phải tẩy sạch mình theo cách nào?

7. Câu chuyện Môi-se lấy nước từ tảng đá có thể khích lệ bạn ra sao trong những lúc khó khăn?

8. Môi-se bị Chúa kỷ luật vì bất tuân. Làm thế nào để chúng ta biết vào một thời điểm nào đó, chúng ta bị Chúa kỷ luật?

9. Tại sao Môi-se quyết định rằng Y-sơ-ra-ên sẽ không đi ngang qua Ê-đôm mà lại đi theo con đường mới?

10. Tại sao những khởi đầu mới là chuyện bình thường đem lại kết quả cho công tác phục vụ Cơ Đốc?

CHIẾN THẮNG VÀ THẤT BẠI

Dân Số Ký 21

Nhiều người ngoại đạo cứ tưởng rằng nếp sống Cơ Đốc rất buồn tẻ. Làm sao mà bước đi với Đức Chúa Trời lại có thể buồn tẻ được khi Cha chúng ta trên trời sắp xếp những kinh nghiệm của cuộc sống vì lợi ích của chúng ta và vì sự vinh hiển của Ngài? Đối với tín hữu Cơ Đốc, cuộc sống là trường học (*Thi Thiên* 90:12) trong đó chúng ta học biết thêm về Đức Chúa Trời cùng Lời Ngài, cũng như học biết thêm về chính mình và về mức độ mình cần tăng trưởng. Cuộc sống cũng trở thành một vận động trường hoặc bãi chiến trường (*Hê-bơ-rơ* 12; *II Ti-mô-thê* 2:1-5) nơi chúng ta phải thực tập đức tin và trau dồi các cơ bắp thuộc linh cho mạnh mẽ để chạy cuộc đua và đánh trận.

Chân lý này được minh họa thật rõ trong *Dân Số Ký* 21, một chương trong đó nói rõ sự chăm sóc cùng kỷ luật của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài.

1. Quyền Năng của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 21:1-3

¹Khi vua A-rát, người Ca-na-an, ở nơi Nam phương, hay rằng Y-sơ-ra-ên theo đường do thám đi đến, bèn hãm đánh Y-sơ-ra-ên, và bắt mấy người cầm tù. ²Y-sơ-ra-ên bèn hứa nguyện cùng Đức Giê-hô-va rằng: Nếu Chúa phó dân này vào tay tôi, tất tôi sẽ diệt các thành của nó. ³Đức Giê-hô-va nhậm lời dân Y-sơ-ra-ên và phó dân Ca-na-an cho. Người ta diệt hết dân đó và các thành của nó, đặt tên chỗ này là Họt-ma.

Sau khi than khóc A-rôn xong, người Do Thái lại trở về ngay với cuộc hành trình và chiến trận. A-rát là một tỉnh Ca-na-an cách Hép-rôn hai mươi dặm về phía nam. Thế hệ mới của Y-sơ-ra-ên lần đầu tiên đụng độ với người Ca-na-an. Quân đội Do Thái sẽ phải bỏ ra ít nhất bảy năm để chinh phục các nước trong Đất Hứa, vì vậy Đức Chúa Trời cho họ có dịp tập tành chiến trận trên đường tiến về A-tha-rim.¹

Tin đồn Y-sơ-ra-ên từ Ai Cập tiến về Ca-đê loan đi rất nhanh. Trấn thủ các thành tự trị trong đất quyết kháng cự lại dân Y-sơ-ra-ên. Dường như Y-sơ-ra-ên không chuẩn bị cho cuộc tấn công đầu tiên này nên một số trong họ đã bị bắt làm tù binh, nhưng cấp lãnh đạo cầu cứu Đức Giê-hô-va ngay tức khắc. Họ thể tiêu diệt hoàn toàn người Ca-na-an cùng các thành họ, nếu Đức Giê-hô-va ban cho họ chiến thắng.

“Tiêu diệt hoàn toàn” hàm ý dâng hoàn toàn một điều gì đó cho Chúa (*Lê-vi Ký* 27:28-29; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7:2-6), xóa sạch dân chúng cùng các thành của họ và trao hết mọi chiến lợi phẩm cho Đức Chúa Trời. Đây là điều Y-sơ-ra-ên sẽ làm tại Giê-ri-cô (*Giô-suê* 6:17-21) và vì A-can phạm tội lấy cắp tài vật của Đức Chúa Trời nên bị giết chết (*Giô-suê* 7).² Nền văn hóa Ca-na-an gian ác không tả xiết, nhất là các tập quán tôn giáo của họ, và Đức Chúa Trời muốn loại trừ các nước này khỏi mặt đất.

Đức Chúa Trời cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng quân thù và dân chúng đã giữ lời hứa. Họ tiêu diệt A-rát cùng các thành khác liên quan với nó, rồi đặt tên mới cho vùng này: Hô-t-ma nghĩa là “sự tiêu diệt.” Cuộc xung đột này hoàn toàn tương phản với cảnh bại trận của Y-sơ-ra-ên ba mươi tám năm về trước, khi họ cố gắng chiến đấu với kẻ thù mà không được Đức Chúa Trời ban phước (*Dân Số Ký* 14:39-45). Khi Giô-suê chia phần sản nghiệp cho các chi phái tại Ca-na-an, ông đã dành vùng này cho Giu-đa (*Giô-suê* 15:30) và Si-mê-ôn (19:1, 4).

2. Ân Sủng của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 21:4-9

⁴Đoạn, dân Y-sơ-ra-ên đi từ núi Hô-rơ về hướng Biển Đỏ, đi vòng theo xứ Ê-đôm; giữa đường dân chúng ngã lòng. ⁵Vậy, dân chúng nói nghịch cùng Đức Chúa Trời và Môi-se mà rằng: Làm sao người khiến chúng tôi lên khỏi xứ Ê-díp-tô để chết trong đồng vắng? Vì đây không có bánh, cũng không có nước, và linh hồn chúng tôi đã ghe gớm thứ đồ ăn đạm bạc này. ⁶Đức Giê-hô-va sai con rắn lửa đến trong dân chúng, cắn dân đó đến đổi người Y-sơ-ra-ên chết rất nhiều. ⁷Dân chúng bèn đến cùng Môi-se mà nói rằng: Chúng tôi có phạm tội, vì đã nói nghịch Đức Giê-hô-va và người. Hãy cầu xin Đức Giê-hô-va, để Ngài khiến rắn lìa xa chúng tôi. Môi-se cầu khẩn cho dân chúng. ⁸Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy làm lấy một con rắn lửa, rồi treo nó trên một cây sào. Nếu ai bị cắn và nhìn nó, thì sẽ được sống. ⁹Vậy, Môi-se làm một con rắn bằng đồng, rồi treo lên một cây sào; nếu người nào đã bị rắn cắn mà nhìn con rắn bằng đồng, thì được sống.

Chiến thắng đầu tiên này khích lệ người Y-sơ-ra-ên, nhưng sau chiến thắng còn phải cố gắng nhiều thêm nữa. Can đảm trong chiến trận phải được tiếp nối bằng sự kiên trì trong cuộc đua. Vì người Ê-đôm không cho Y-sơ-ra-ên quyền đi qua xứ họ, nên Môi-se phải dẫn dân chúng đi đường phía đông Ê-đôm rồi phía bắc, qua vùng đất hiểm trở. Chẳng mấy chốc, hành trình khó khăn khiến dân chúng mất kiên nhẫn và họ lại bắt đầu lầm bầm. Đúng là thắng trận thì dễ nhưng giữ được vinh quang là điều khó!

Tội lỗi (Dân Số Ký 21:5). Giận dữ, mất kiên nhẫn, Y-sơ-ra-ên cay nghiệt chống đối Chúa và chống đối Môi-se. Trong cả thái độ lẫn lời nói, họ đã thử Chúa (*I Cô-rinh-tô 10:9*), và đó là việc làm nguy hiểm. Cũng vẫn là lầm bầm xưa cũ: Môi-se đem họ ra khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc, chẳng có gì để ăn ngoại trừ ma-na. Trong những khó khăn của hành trình hằng ngày, họ đã quên lời Đức Chúa Trời hứa là họ sẽ vào Đất Hứa và nhận xứ

làm quẻ hương (*Dân Số Ký* 15:1). Ma-na được gửi xuống từ trời mỗi sáng ngay sau cuộc Xuất Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 16:1-22), vì thế suốt bốn mươi năm, Đức Chúa Trời vẫn nuôi dân Ngài bằng chất dinh dưỡng họ cần. Ma-na là “thức ăn của thiên sứ” (*Thi Thiên* 78:25), nhưng dân Chúa đã quá quen với phước lành đến nỗi lại ghét món đó và gọi là “bánh vô dụng.” (Xem *Dân Số Ký* 11:4-6.)

Theo *Giăng* 6, ma-na không chỉ là thực phẩm hằng ngày cho Y-sơ-ra-ên: đó còn là hình bóng về Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời, “Bánh Sự Sống” (c.32-40). Ma-na chỉ dành cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Chúa Giê-xu đến để làm Cứu Chúa cho cả thế gian. Ma-na duy trì sự sống, nhưng Chúa Giê-xu Christ thì ban sự sống. Khi người Do Thái khinh chê ma-na, họ thực sự khước từ Con Đức Chúa Trời. Một lần nữa, Đức Chúa Trời thử nghiệm dân Ngài, và họ không qua nổi cơn thử thách (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 8:15-16).

Lời Đức Chúa Trời là “bánh từ trời” mà dân Đức Chúa Trời phải nuôi mình mỗi ngày nếu muốn thành công trong cuộc hành hương của mình (*Ma-thi-ơ* 4:4). Cách chúng ta đối xử với Lời Ngài lúc bắt đầu mỗi ngày cho thấy chúng ta có đầu phục Ngài và muốn vâng lời Ngài hay không. Bước vào một ngày mới mà trước tiên không ăn ma-na thiên thượng tức là rước lấy thất vọng và thất bại.

Hình phạt (*Dân Số Ký* 21:6). Trong quá khứ, khi Y-sơ-ra-ên phạm tội, vinh quang của Chúa thường chiếu ra và theo sau là hình phạt. Nhưng lần này, chẳng có cảnh cáo. Hình phạt đến ngay khi Chúa sai rắn độc đến giữa dân Ngài. Họ đã khước từ món quà sự sống cùng sức khỏe từ trời, cho nên Đức Chúa Trời gửi khổ đau cùng sự chết từ đất tới cho họ, và nhiều người đã chết.

Chữ “lửa” dịch từ chữ *saraph* trong Hê-bơ-rơ, nghĩa là “thieu đốt” và cũng ám chỉ các thiên thần (*sê-ra-phin*) phục vụ trước ngai thánh của Đức Chúa Trời (*Ê-sai* 6:2, 6). “Lửa” không mô tả dáng vẻ của rắn mà là sự viêm

nhiễm cùng đau đớn do nọc rắn. Những người bị rắn cắn chết rất nhanh và dường như cái chết của họ cũng rất đau đớn. Tiền công của tội lỗi vẫn là sự chết.

Xưng tội và kêu cầu (Dân Số Ký 21:7). Y-sơ-ra-ên đã lầm bầm và phản loạn nhiều lần rồi, và một lần trước đây, có nhìn nhận: “Chúng tôi đã phạm tội” (14:40). Lần này, lời xưng “Chúng tôi đã phạm tội” của họ có vẻ thành thật.³ Trong quá khứ, Môi-se đã từng sắp mình trước mặt Chúa, cầu thay cho dân chúng, nhưng bây giờ họ xin ông cầu nguyện cho họ. Liệu điều này có nghĩa là thế hệ mới có tấm lòng nhạy bén hơn đối với Chúa không? Chúng ta hy vọng như vậy.

Sự giải cứu (Dân Số Ký 21:8-9). Môi-se có cầu nguyện cho dân chúng nhưng Chúa không đáp lời như mong đợi. Thay vì loại ngay mấy con rắn và chữa lành những kẻ bị rắn cắn, thì Đức Chúa Trời bảo Môi-se làm một con rắn bằng đồng, rồi treo lên cây trụ để mọi người nhìn thấy. Nếu những ai bị rắn cắn nhìn lên con rắn này thì sẽ được lành ngay.

Chúa dùng con rắn bằng đồng để tiêu biểu sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá sau này (*Giăng* 3:14). Những ví sánh giữa con rắn bằng đồng trong thời Môi-se với thập tự giá của Đấng Christ giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa của ân sủng Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi. Mọi người đều đã bị lây nhiễm tội lỗi và một ngày kia sẽ phải chết và đối diện sự phán xét (*Hê-bơ-rơ* 9:27), nhưng nếu họ lấy đức tin nhìn lên Đấng Christ, thì Ngài sẽ cứu họ và ban cho họ sự sống đời đời. Nhìn lên con rắn bằng đồng, sẽ cứu con người khỏi sự chết thuộc thể, nhưng nhìn lên Đấng Christ, sẽ cứu chúng ta khỏi sự chết đời đời.

Nhưng tại sao Môi-se lại phải tạo hình *một con rắn*, là vật đã khiến con người phải chết? Vì trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã trở thành tội lỗi thế cho chúng ta (*II Cô-rinh-tô* 5:21; *Rô-ma* 8:3; *Ga-la-ti* 3:13; *I Phi-e-rơ* 2:22-24). Môi-se không giấu con rắn bằng đồng; ông treo nó lên

cây trụ và dựng cây trụ nơi mà mọi người có thể nhìn thấy được! Vì vậy, Chúa chúng ta chịu đóng đinh cách công khai, bên ngoài Giê-ru-sa-lem, và những ai nghe Phúc Âm đều có thể “nhìn xem Ngài” và được cứu. “Vì hễ ai kêu cầu danh Chúa, thì sẽ được cứu” (Rô-ma 10:13).

Môi-se không cắm cây trụ bên trong đền tạm hoặc trong hành lang đền tạm, vì chẳng ai được cứu nhờ giữ Luật Pháp cả. Con rắn bị treo lên là phương thuốc trị liệu duy nhất trong trại quân, giống như Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa duy nhất của tội nhân trong thế gian (Công Vụ Các Sứ Đồ 4:12; Giăng 14:6). Chẳng ai có thể nhìn con rắn bằng đồng thế cho ai được cả; mỗi tội nhân đang chết mất phải tự mình nhìn xem. Sự cứu rỗi do Đấng Christ ban tặng cho từng cá nhân, và mỗi chúng ta phải lấy đức tin nhìn xem Đấng Christ. Cho dù có cố gắng đến đâu, thì chẳng một người Do Thái nào đang chết mất có thể tự cứu lấy mình được. Chỉ có sự cứu rỗi duy nhất do Đức Chúa Trời đã ban cho cách nhân từ, mà nếu bạn khước từ, thì bạn chết mất thôi.

Tội lỗi và sự chết len lỏi vào đời này qua cái nhìn (Sáng Thế Ký 3:16), và giải phóng duy nhất khỏi tội lỗi cùng sự chết đời đời cũng là qua cái nhìn nhưng cái nhìn của đức tin: “Hãy nhìn xem ta, thì được cứu, hỡi các người ở đầu cùng đất” (Ê-sai 45:22). Nhìn có nghĩa là thực hành đức tin, và cách duy nhất để được cứu là nhờ đức tin (Ê-phê-sô 2:8-19). Một người Do Thái đang hư mất có thể phản đối: “Đó là phương thuốc điên rồ,” nhưng nó vẫn hiệu nghiệm (I Cô-rinh-tô 1:18-25). Hoặc người Y-sơ-ra-ên đang chết mất có thể nói: “Như vậy thì quá đơn giản,” nhưng phương thuốc vẫn hiệu nghiệm.

Hãy tưởng tượng nỗi vui trong trại quân Y-sơ-ra-ên khi tin đồn vang ra là có sẵn thuốc chữa cho mọi người! Những người duy nhất không thể thoát chết chính là những người vì một lý do nào đó, không lấy đức tin nhìn xem, hoặc những người không biết rằng đã có sẵn một phương thuốc. Điều thật quan trọng ấy là chúng ta phải

loan tin mừng rằng “Chúa Giê-xu Christ đã đến thế gian để cứu vớt tội nhân” (I Ti-mô-thê 1:15).

3. Sự Toàn Thiện của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 21:10-20

¹⁰Kể đó, dân Y-sơ-ra-ên đi và đóng trại tại Ô-bốt. ¹¹Đoạn, đi từ Ô-bốt và đóng trại tại Y-giê-A-ba-rim, tại đồng vắng, đối ngang Mô-áp về hướng mặt trời mọc. ¹²Họ đi từ đó đóng trại tại đèo Xê-rết. ¹³Rồi từ đó đi và đóng trại phía bên kia Ật-nôn, ở trong đồng vắng, vừa ra bờ cõi dân A-mô-rít; vì Ật-nôn là giáp ranh của dân Mô-áp và dân A-mô-rít. ¹⁴Bởi cớ đó, trong sách chiến trận của Đức Giê-hô-va có nói rằng:...Va-hép ở tại Su-pha, và trùng Ật-nôn, ¹⁵cùng những triền trùng chạy xuống phía A-rơ, và đụng ranh Mô-áp..

¹⁶Từ đó dân Y-sơ-ra-ên đến Bê-re, ấy đó là cái giếng mà Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy nhóm hiệp dân chúng, ta sẽ cho chúng nó nước. ¹⁷Y-sơ-ra-ên bèn hát bài này:

Hỡi giếng, hãy tuôn lên! Hãy ca hát cho nó!

¹⁸Giếng mà các vua chúa đã khai,

Các tước vị của dân chúng đã đào

Với phủ việt cùng cây gậy mình!

¹⁹Kể đó, từ đồng vắng dân Y-sơ-ra-ên đến Ma-tha-na; rồi từ Ma-tha-na đến Na-ha-li-ên; từ Na-ha-li-ên đến Ba-mốt; ²⁰và từ Ba-mốt đến trùng ở trong bờ cõi Mô-áp, tại chót núi Phích-ga, là nơi người ta nhìn thấy đồng bằng của sa mạc.

Rời bãi chiến trường, Y-sơ-ra-ên tiếp tục bắc tiến, vượt sông Xê-rết và đóng trại tại đó. Tiếp theo, họ qua sông Ật-nôn và tiến gần xứ của dân A-mô-rít, đi trong xứ giữa dân Mô-áp với dân A-mô-rít. Trong *Dân Số Ký 22-24*, chúng ta sẽ lại gặp người Mô-áp và thấy cách họ lừa Y-sơ-ra-ên bất tuân Đức Chúa Trời.

Mấy câu 21:14-15 mô tả toàn vùng, trích từ một tài liệu xưa tựa đề *Sách Chiến Trận của Đức Giê-hô-va*. Cuốn sách bị thất lạc này dường như là bản toát yếu về những chuyến đi cùng chiến trận của Y-sơ-ra-ên.⁴ Trích dẫn ở đây nhằm mô tả địa dư của vùng Y-sơ-ra-ên bằng

qua vào lúc đó. Đây không phải là vùng đất thuận lợi, nhưng Chúa ban cho dân Ngài sức lực để vượt qua.

Khi tới Bê-re (“cái giếng”), Chúa thấy trước nhu cầu của dân Ngài và hứa cho họ nước uống. (Xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:1-7; *Dân Số Ký* 20:2-13; 21:6). “Chúng ta sẽ ăn gì?” và “Chúng ta sẽ uống gì?” là những mối bận tâm chính của dân chúng (*Ma-thi-ơ* 6:24-34), và cũng là mối bận tâm của con người ngày nay. Nhưng lần này, dân chúng không lầm bầm. Thay vì vậy, họ hát một bài! Theo như tài liệu để lại, thì đây là lần đầu tiên chúng ta thấy Y-sơ-ra-ên ca hát kể từ khi Đức Chúa Trời giải cứu họ khỏi Ai Cập bốn mươi năm trước (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 15).

“Bài Ca Giếng Nước” (*Dân Số Ký* 21:16-18) ca ngợi Đức Giê-hô-va cung cấp nước cho dân chúng trong hoang mạc. Không chắc là cấp lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đã thực sự đào giếng bằng gậy của họ, vì trong vùng hoang mạc toàn cát, hẳn họ cần dụng cụ thích hợp hơn. Vì là bài ca, cho nên chúng ta phải hiểu đây là lối diễn đạt của thi ca. Điều thực sự diễn ra ấy là Đức Chúa Trời chỉ cho Môi-se thấy nơi có nước, rồi toàn thể bậc lãnh đạo cầm gậy họ xuống đất nơi đó, rồi giếng được đào lên và nước phun ra.

Dân Chúa vui mừng vì Đức Chúa Trời cho họ nhu yếu của cuộc sống, và họ thấy vui khi ca ngợi Ngài về sự toàn thiện của Ngài. Nước là món quý giá nơi hoang mạc, và người Do Thái xem đây là phép lạ Chúa ban, không dám xài phí nước, giữ nước sạch sẽ. Khi con người không biết đến Đấng Tạo Hóa thì con người không còn xem mình là quản gia có bổn phận gìn giữ tài sản của Ngài mà xoay ra xài phí vung vãi. Một ngày kia, Đức Chúa Trời sẽ tiêu diệt những kẻ hủy phá trái đất (*Khải Thị* 11:18).

Hãy dừng lại và lưu ý những hình bóng về Chúa Giê-xu Christ của chúng ta trong câu chuyện vừa kể. Chúng ta đã thấy Ngài trong ma-na như là Bánh của Sự Sống (*Giăng* 6), và bây giờ, trong giếng nước, Ngài là Đấng ban nước sống (7:37-39). Trong Kinh Thánh, nước uống

là hình bóng về Thánh Linh Đức Chúa Trời, trong khi nước rửa là hình bóng về Lời Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 5:26-27). Nhưng trước khi sai Thánh Linh Ngài xuống, thì Chúa Giê-xu phải chết trên thập tự giá (*Giăng* 7:39), đưa chúng ta đến với con rắn bị treo lên trong *Dân Số Ký* 21:4-9 và *Giăng* 3:14. Ma-na nhấn mạnh sự nhập thể của Ngài,⁵ con rắn chỉ về sự đóng đinh Ngài, và nước biểu hiệu sự thắng thiên cùng sự tuôn đổ Thánh Linh của Ngài.

4. Chiến Thắng của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 21:21-35

²¹Vả, Y-sơ-ra-ên sai sứ giả đến Si-hôn, vua dân A-mô-rít, đặng nói rằng: ²²Xin cho phép chúng tôi đi ngang qua xứ vua, chúng tôi sẽ không xây vào đồng ruộng, hay là vào vườn nho, và chúng tôi cũng sẽ không uống nước các giếng, cứ đi đường cái của vua cho đến chừng nào qua khỏi bờ cõi vua. ²³Nhưng Si-hôn không cho phép Y-sơ-ra-ên đi ngang qua bờ cõi mình, bèn hiệp hết dân mình đi ra đón Y-sơ-ra-ên về hướng đồng vắng; người đến Gia-hát, chiến trận cùng Y-sơ-ra-ên. ²⁴Song Y-sơ-ra-ên dùng lưới gươm đánh bại người, và chiếm xứ người từ Ật-nôn đến Gia-bốc, đến dân Am-môn; vì bờ cõi dân Am-môn bền vững.

²⁵Y-sơ-ra-ên chiếm hết các thành này, và ở trong các thành thành dân A-mô-rít, là ở tại Hết-bôn và trong các thành địa hạt. ²⁶Vì Hết-bôn là thành của Si-hôn, vua dân A-mô-rít, là vua đã giao chiến cùng vua trước của Mô-áp, chiếm lấy khắp hết xứ người đến Ật-nôn. ²⁷Bởi cớ đó, những nhà văn sĩ nói rằng:

Hãy đến Hết-bôn!

Thành Si-hôn phải xây cất và lập vững!

²⁸Vì có một đám lửa bởi thành Hết-bôn,

Một ngọn lửa bởi thành Si-hôn mà ra;

Nó thiêu đốt A-rơ của Mô-áp,

Các chúa của nơi cao Ật-nôn.

²⁹Hỡi Mô-áp, khốn thay cho người!

Hỡi dân Kê-móc, người đã diệt mất!

Người đã nộp con trai mình làm kẻ trốn tránh,

Và con gái mình làm phu tù cho Si-hôn, vua A-mô-rít.

³⁰Chúng ta đã bắn tên nhằm chúng nó.

Hết-bôn đã bị hủy diệt cho đến Đì-bôn.

Chúng ta đã làm tàn hại đến Nô-phách.

Lửa đã lan đến Mê-đê-ba.

³¹Vậy, Y-sơ-ra-ên ở trong xứ dân A-mô-rít. ³²Môi-se sai đi do thám Gia-ê-xe, chiếm các thành bốn hạt và đuổi dân A-mô-rít ở tại đó.

³³Đoạn, dân Y-sơ-ra-ên trở lại đi lên về hướng Ba-san. Ốc, vua Ba-san, và cả dân người đi ra đón đặng chiến trận tại Ết-rê-i.

³⁴Nhưng Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Đừng sợ người, vì ta đã phó người, luôn dân chúng và xứ người vào tay người; người khá làm cho người như đã làm cho Si-hôn, vua dân A-mô-rít ở tại Hết-bôn. ³⁵Vậy, dân Y-sơ-ra-ên đánh bại Ốc, các con trai người và cả dân người, cho đến chừng không còn người nào ở lại; dân Y-sơ-ra-ên chiếm lấy xứ người vậy.

Trước khi tới đồng bằng Mô-áp, người Y-sơ-ra-ên đánh hai trận quan trọng và nhờ Chúa giúp, họ đã chiến thắng cả hai.

Thắng dân A-mô-rít (Dân Số Ký 21:21-32). Tiếp tục cuộc hành trình, người Do Thái đến xứ của dân A-mô-rít. Dân này là con cháu của Cham, con trai Nô-ê, qua con trai Ca-na-an (*Sáng Thế Ký 10:6-15*). Không nên lầm lẫn với dân Am-môn. Đức Chúa Trời cấm Y-sơ-ra-ên đối đầu với dân Am-môn (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 2:18-19*) vì dân này có liên hệ với người Do Thái qua Lót, cháu của Áp-ra-ham (*Sáng Thế Ký 19:30-38*).

Có một thời người A-mô-rít cai trị những vùng rộng lớn tại Mê-sô-bô-ta-mi và Sy-ri nhưng trong thời Môi-se, lãnh thổ của họ nhỏ hơn rất nhiều. Người A-mô-rít ở bờ phía tây của Biển Chết, phía bắc của dân Ê-đôm, giữa sông Ật-nôn với sông Gia-bốc. Dưới mắt Đức Chúa Trời, họ là dân tộc gian ác, chín mùi cho án phạt (15:16), và Môi-se biết rằng Chúa đã hứa cho Y-sơ-ra-ên chiến thắng dân xấu xa này (*Xuất Ê-díp-tô Ký 23:23*). Tuy nhiên, trước tiên Môi-se dùng ngoại giao, như đã từng làm với người Ê-đôm (*Dân Số Ký 20:14-22*), bảo đảm với Si-hôn, vua Hết-bôn, rằng Y-sơ-ra-ên đến trong tinh thần hòa

binh và sẽ không gây rắc rối (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:26-37).

Chúa muốn Y-sơ-ra-ên sở hữu vùng đất phía đông Giô-đanh, nên Ngài cho phép Si-hôn tấn công Y-sơ-ra-ên. Thủ đô của Si-hôn ở tại Hết-bôn, nhưng ông cùng với quân đội của mình tiến về nam, tới Gia-ha, khoảng hai mươi dặm phía bắc sông Ạt-nôn, và thách thức Y-sơ-ra-ên tại đó. Dân Đức Chúa Trời thắng trận và chiếm hữu xứ từ Ạt-nôn tới sông Gia-bốc. Trước khi Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, lãnh thổ phía đông sông Giô-đanh được giao cho Ru-bên, Gát, và Ma-na-se (*Dân Số Ký* 32).

Trong *Dân Số Ký* 21:27-30, Môi-se trích một "bài ca chiến trận" A-mô-rít và áp dụng cho dân Y-sơ-ra-ên. Lúc đầu, bài ca này ăn mừng chiến thắng lớn của A-mô-rít khi Si-hôn đánh bại Mô-áp và chiếm các thành cùng bắt giữ dân của họ. Nhưng bây giờ chính Si-hôn và người A-mô-rít là kẻ thua trận. Si-hôn đánh bại Kê-mốt, thần của dân Mô-áp; nhưng Giê-hô-va lại đánh bại các thần của dân A-mô-rít! Sáu dòng đầu của bài ca (c.27-28) mô tả Si-hôn thắng Mô-áp, hai dòng cuối (c.30) mô tả Y-sơ-ra-ên thắng Si-hôn.⁶

Khi viết *Dân Số Ký*, Môi-se được Chúa Thánh Linh hướng dẫn ghi lại bài ca này và áp dụng cho Y-sơ-ra-ên. Tiên tri Giê-rê-mi trích một phần bài ca này trong lời tiên tri của mình nói về án phạt của Mô-áp (*Giê-rê-mi* 48:45-46). Liệu như thế có ngụ ý rằng dân Đức Chúa Trời ngày nay có thể mượn những "bài ca thể tục" và dùng chúng để thờ phượng Đức Chúa Trời không? Không, bởi lẽ Y-sơ-ra-ên dùng "bài ca mừng nhức" này nơi chiến trường, chứ không phải trong đền thánh. Môi-se viết lịch sử, chứ không viết về nghi thức tế lễ, còn Giê-rê-mi thì viết lời tiên tri.⁷ Những người viết lời ca Cơ Đốc đã vay mượn giọng điệu thể tục,⁸ như thế là nguy hiểm vì vay mượn lời thể tục để ca ngợi và thờ phượng Đức Chúa Trời.

Chiến thắng Ba-san (*Dân Số Ký* 21:33-35). Sau một

cuộc hành quân “quét sạch” quanh Gia-xe, Y-sơ-ra-ên chú ý đến Ba-san, một vùng rất phì nhiêu phía đông Biển Ga-li-lê và phía nam núi Hết-môn. Trong thời Áp-ra-ham, một dân tộc mang tên Rê-pha-im sống tại đó (*Sáng Thế Ký* 14:5). Óc, vua của Ba-san, đối đầu Y-sơ-ra-ên tại Ết-rê-i, một tỉnh cách khoảng năm mươi dặm đông bắc Gia-xe, nhưng Chúa bảo đảm với Môi-se rằng Y-sơ-ra-ên sẽ thắng trận, và đúng như vậy.

Theo *Giô-suê* 2:10, tin thắng trận này đồn tới Giê-ri-cô, dân cư tại đó hết sức lo sợ. E-xơ-ra nhắc đến chiến thắng này trong lời cầu nguyện của ông (*Nê-hê-mi* 9:22) và các tác giả *Thi Thiên* cũng nhiều lần nhắc đến (*Thi Thiên* 135:11; 136:19-20). Thủ đô của Óc đặt tại Ách-ta-rốt (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 1:4). Xứ Óc có hơn sáu mươi thành (*Giô-suê* 13:30), tất cả đều bị Y-sơ-ra-ên chiếm và tiêu diệt, chẳng để ai sống sót (*Dân Số Ký* 21:35; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 3:1-11).

Trong cuộc chinh phục Ca-na-an, Y-sơ-ra-ên làm theo cách thức mô tả trong *Dân Số Ký* 21:32-35. Giô-suê gửi thám tử đi ra nắm vững tình hình xứ. Sau đó, ông cầu nguyện thỉnh ý Đức Chúa Trời trước khi tấn công. Có hai lần Giô-suê xuất quân mà không cầu nguyện; cả hai lần ông bị bại trận (*Giô-suê* 7 và 9).

Toàn vùng phía đông sông Giô-đanh lúc ấy ở trong tay người Y-sơ-ra-ên và được giao cho các chi phái Ru-bên, Gát, và Ma-na-se (*Dân Số Ký* 21:32; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 29:7-8). Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên vẫn phải đối đầu với người Mô-áp vốn có một chiến lược tinh vi nên hạ được 24.000 người Do Thái.

Chú thích

¹ Chúng ta có vấn đề về phiên dịch ở đây. Bản KJV viết: “Y-sơ-ra-ên đi theo đường các thám tử,” tức là con đường mà mười hai thám tử đã đi bốn mươi năm về trước (*Dân Số Ký* 13). Bản NIV và NASB chuyển tự từ Hê-bơ-

rơ là “Atharim,” cho đó là tên một thành.

² Lời thề này không chỉ áp dụng cho A-rát mà còn cho tất cả các thành trong Ca-na-an. Người Do Thái được lệnh phải hoàn toàn tiêu diệt nền văn hóa Ca-na-an xấu xa (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 23:20-33; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7), và họ bắt đầu với A-rát, hứa với Chúa là sẽ tuân phục ý chỉ Ngài. Chúng ta không cần phải thề hứa để nhận được sự cứu giúp của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta phải làm theo ý muốn Đức Chúa Trời theo cách của Đức Chúa Trời nếu muốn nhận được phước hạnh của Ngài. Về việc Y-sơ-ra-ên tiêu diệt quân thù, xem *Giô-suê* 10:16-43.

³ Lời xưng “Chúng tôi đã phạm tội” của họ ghi trong *Dân Số Ký* 14:40 không thể thành thật vì họ vẫn đang chống nghịch Đức Chúa Trời và cố gắng làm theo ý riêng. Khẳng định của họ chỉ ngụ ý: “Vây là chúng tôi đã sai, nhưng chúng tôi có thể sửa lại.” Nếu đã thật sự tan vỡ trước mặt Đức Chúa Trời, thì hẳn họ không rời trại quân để chiến đấu tìm đường vào Ca-na-an.

⁴ Hai sách khác không còn tồn tại là sách của Gia-sa (*Giô-suê* 10:13; *II Sa-mu-ên* 1:18) và Sử Ký của các Vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (*I Các Vua* 14:19, 29).

⁵ Trong bài giảng nơi nhà hội của Chúa chúng ta ở *Giăng* 6, hãy lưu ý Ngài nói bao nhiêu lần về bánh “từ trời” và về việc Ngài từ trời xuống (c.32-33, 38, 50-51, 58). Người Do Thái sống sót vì lời tuyên bố này (c.41-42).

⁶ Trong thời Giép-thê làm quan xét, người Am-môn cho rằng Y-sơ-ra-ên chiếm hữu xứ bất hợp pháp, và họ muốn lấy lại. Nhưng Giép-thê biết lịch sử của dân tộc mình và nhắc họ nhớ thực tế là như thế nào (*Các Quan Xét* 11:1-28).

⁷ Phần kỹ thuật bao gồm nhiều bài văn khác nhau, kể cả những đối gạt của Sa-tan lẫn của con người. Phao-lô trích từ những tác giả ngoại giáo (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:28; *I Cô-rinh-tô* 15:33; *Tít* 1:12), nhưng điều này không có nghĩa là các tác giả này được Đức Chúa Trời tế tri khi họ viết. Nó chỉ hàm ý Thánh Linh hướng dẫn Lu-

ca khi ông viết sách *Công Vụ Các Sứ Đồ* để cho điều ông ghi lại chính là điều Đức Chúa Trời muốn và do đó, có thể tin cậy được.

⁸ Vài thánh ca được hát theo giai điệu Croatia do Franz Joseph Haydn soạn lại rồi đổi thành bài ca ái quốc của Đức, gồm các bài "Glorious Things of Thee Are Spoken," "Praise the Lord, Ye Heavens Adore Him," và "We Are Living, We Are Dwelling." Giai điệu của bài "Joyful, Joyful We Adore Thee" vay mượn từ Ninth Symphony của Beethoven. Bài ca Giáng sinh "What Child Is This" là bài ca theo điệu "Greensleeves," một giai điệu xưa của Anh.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG TÁM

Dân Số Ký 21

1. Bạn sẽ trả lời thế nào cho ý kiến bảo rằng Cơ Đốc giáo nhàm chán?

2. “Hoàn toàn tiêu diệt” một thành hay một dân tộc có nghĩa là gì? Tại sao hình phạt này được chấp thuận, và thậm chí còn được lệnh phải triệt để thi hành?

3. Tín hữu có thể được giúp “đi mà không mòn mỏi” bằng cách nào?

4. Trong cảnh khó khăn, người Y-sơ-ra-ên đã quên lời hứa cùng “hình ảnh lớn” của Đức Chúa Trời. Khi bạn gặp chướng ngại, bạn có thể làm gì để nhớ lại lời hứa cùng “hình ảnh lớn” của Đức Chúa Trời?

5. Ma-na là hình bóng về Chúa Giê-xu Christ và Lời Đức Chúa Trời trên phương diện nào?

6. Nhìn lên con rắn bằng đồng thì bệnh nhân được lành. Chúa Giê-xu dùng sự kiện này như thế nào để giúp chúng ta hiểu về ân sủng của Đức Chúa Trời? Trong số những người bị rắn lửa cắn, ai không thể được giải cứu khỏi tử thần?

7. Người Y-sơ-ra-ên biết ơn Đức Chúa Trời về giếng nước Ngài cung ứng. Tại sao họ biết ơn đến như vậy khi có được nước? Ngày nay bạn đặc biệt biết ơn về điều gì?

8. Bạn nhìn thấy kế hoạch của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra sao, trong vụ Si-hôn tấn công Y-sơ-ra-ên?

9. Wiersbe cảnh cáo việc vay mượn “lời lẽ thế tục” để ca ngợi và thờ phượng Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa gì? Tại sao có thể mượn giọng điệu mà không được mượn lời?

10. Trình tự cuộc chinh phục của Y-sơ-ra-ên trong xứ Ca-na-an như thế nào? Khi nào bạn có thể dùng cùng khuôn mẫu này?

PHẦN CHUYỂN TIẾP

Dân Số Ký 22-25 có thuật chuyện một nhà bói khoa tên là Ba-la-am. Chúng ta sẽ theo bố cục dưới đây. Chương 9 khảo sát *Dân Số Ký 22:1-23:26*, và chương 10 khảo sát *Dân Số Ký 23:27-25:18*.

1. Ba-la-am và ý muốn Đức Chúa Trời (22:1-35)

- (1) Yêu cầu của vua - (22:1-20)
- (2) Sự chống cự của con lừa - (22:21-30)
- (3) Sự bày tỏ của thiên sứ - (22:31-35)

2. Ba-la-am và sứ điệp của Đức Chúa Trời (22:36-24:25)

- (1) Sấm truyền thứ nhất - (22:26-23:12)
một dân tộc được biệt riêng
- (2) Sấm truyền thứ hai - (23:13-26)
một dân tộc chiến thắng
- (3) Sấm truyền thứ ba - (23:27-24:14)
một dân tộc thịnh vượng
- (4) Sấm truyền thứ tư - (24:15-19)
một dân tộc cao quý
- (5) Ba sấm truyền kết thúc - (24:20-25)

3. Ba-la-am và dân Đức Chúa Trời (25:1-18)

- (1) Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên - (25:1-9)
- (2) Sự can đảm của Phi-nê-a - (25:10-15)
- (3) Hình phạt Ma-đi-an - (25:16-18)

4. Ba-la-am và Hội Thánh ngày nay

- (1) Con đường của Ba-la-am - (II Phi-e-rơ 2:15)

- (2) Sai lầm của Ba-la-am - (*Giu-đe* 11)
- (3) Giáo lý của Ba-la-am - (*Khải Thị* 2:14)

Trước khi nghiên cứu chi tiết ta nên đọc *Dân Số Ký* 22-25 liền một mạch để nắm được ý nghĩa tổng thể. Cũng hãy lưu ý ba câu tham khảo Tân Ước quan trọng trong Phần 4 của bố cục, cũng như các câu tham khảo Cựu Ước sau đây: *Dân Số Ký* 31:8; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:3-4; 23:3-6; *Giô-suê* 13:22; 24:9-10; *Nê-hê-mi* 13:1-3.

CÁC CHỦ QUYỀN CÙNG THẾ LỰC PHẦN I

Dân Số Ký 22:1-23:26

Trong đêm Vượt Qua, dân Y-sơ-ra-ên hành quân ra khỏi Ai Cập như những chiến binh đắc thắng, và Đức Chúa Trời đã chôn đội quân Ai Cập rượt theo họ, dưới đáy Biển Đỏ. Ngoại trừ những người Ca-na-an bị Y-sơ-ra-ên hấp tấp tấn công ngoài ý chỉ của Đức Chúa Trời (14:39-45), còn mọi kẻ thù đối đầu với Y-sơ-ra-ên đều bị đánh bại: A-ma-léc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16), vua của A-rát (*Dân Số Ký* 21:1-3), dân A-mô-rít (c.21-25) cùng các lực lượng của Óc, vua Ba-san (c.33-35).

Nhưng khi Y-sơ-ra-ên tới đồng bằng Mô-áp, họ đối diện một loại kẻ thù khác, ẩn núp trên những đỉnh núi và có thể triệu tập các lực lượng hung ác giúp đỡ mình. Đóng trại cách bình an trong thung lũng, người Y-sơ-ra-ên không hề biết Ba-la-am đang tìm cách rửa sả mình để cho người Mô-áp và Ma-đi-an tiến đánh. Chuyện này nhắc chúng ta về lời Phao-lô cảnh cáo trong *Ê-phê-sô* 6:12: “Vì chúng ta đánh trận chẳng phải cùng thịt và huyết, mà là cùng những chủ quyền, cùng thế lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ trên các nơi cao [trên trời] vậy.”

Sa-tan thường đến như sư tử ngấu nghiến (*I Phi-e-rô* 5:8), nhưng nếu làm như vậy không được, thì nó sẽ lại phục kích như con rắn lừa dối (*II Cô-rinh-tô* 11:3). Hội Thánh ngày nay chiến đấu với một kẻ thù mạnh mẽ, có cả một đạo binh gồm các thần dữ có tổ chức hằm hoi nhằm chống đối dân Đức Chúa Trời cùng công việc của

Đức Chúa Trời (*Ê-phê-sô* 6:10-20).¹ Đức Giê-hô-va đã bảo vệ Y-sơ-ra-ên khỏi sự tấn công của chính những “chủ quyền cùng thế lực” này khi họ đóng trại trong đồng bằng Mô-áp.

Trong nghiên cứu này, chúng ta sẽ xem hai trong bốn khía cạnh sống và cư xử của con người gian ác này, và xem những khía cạnh đó liên quan như thế nào với Đức Chúa Trời và với dân Y-sơ-ra-ên.

1. Ba-la-am và Ý Muốn Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 22:1-35

¹Đoạn, dân Y-sơ-ra-ên đi, đến đóng trại trong đồng bằng Mô-áp, bên kia sông Giô-danh, đối diện Giê-ri-cô. ²Ba-lác, con trai Xếp-bô, thấy hết mọi điều Y-sơ-ra-ên đã làm cho dân A-mô-rít. ³Mô-áp lấy làm sợ sệt lắm và kinh khủng trước mặt dân Y-sơ-ra-ên, vì dân đó rất đông. ⁴Vậy, Mô-áp nói cùng các trưởng lão Ma-di-an rằng: Bây giờ, đoàn dân đông này sẽ nuốt hết thầy chung quanh ta, khác nào con bò ăn cỏ trong đồng vậy.

Đương lúc đó, Ba-lác, con trai Xếp-bô, làm vua Mô-áp. ⁵Người sai sứ giả đến cùng Ba-la-am, con trai Bê-ô, ở Phê-thô-rơ, tại trên mé sông, trong xứ của con cái dân mình, đặng gọi người mà nói rằng: Đây một dân đã ra khỏi xứ Ê-díp-tô, phủ khắp mặt đất, và đóng lại đối ngang ta. ⁶Vậy, ta xin người hãy đến bây giờ, rửa sả dân này cho ta, vì nó mạnh hơn ta. Có lẽ ta sẽ đánh bại dân này và đuổi nó khỏi xứ được; vì ta biết rằng kẻ nào người chúc phước cho, thì được phước; còn kẻ nào người rửa sả, thì bị rửa sả.

⁷Vậy, các trưởng lão Mô-áp đi cùng các trưởng lão Ma-di-an, trong tay có lễ vật cho thầy bói, đến cùng Ba-la-am mà thuật lại những lời của Ba-lác. ⁸Người đáp rằng: hãy ở lại đây đêm nay thì ta sẽ trả lời theo như lời Đức Giê-hô-va sẽ phán cùng ta. Các trưởng lão Mô-áp ở lại nhà Ba-la-am.

⁹Vả, Đức Chúa Trời đến cùng Ba-la-am và phán rằng: Những người người có trong nhà là ai? ¹⁰Ba-la-am thưa cùng Đức Chúa Trời rằng: Ba-lác, con trai Xếp-bô, vua Mô-áp, đã sai đến tôi đặng nói rằng: ¹¹Này, một dân đã ra khỏi xứ Ê-díp-tô, phủ khắp mặt đất; hãy đến bây giờ, rửa sả dân đó cho ta: có lẽ ta sẽ đánh bại dân này và đuổi nó được. ¹²Đức Chúa Trời phán cùng Ba-la-

am rằng: Người chớ đi với chúng nó, chớ rửa sả dân này, vì dân này được ban phước. ¹³Sớm mai Ba-la-am dậy, nói cùng các sứ thần của Ba-lác rằng: Hãy trở về xứ các ngươi, vì Đức Giê-hô-va không cho ta đi cùng các ngươi. ¹⁴Vậy, các sứ thần Mô-áp dậy trở về Ba-lác mà tâu rằng: Ba-la-am từ chối đến cùng chúng tôi.

¹⁵Ba-lác lại sai nhiều sứ thần hơn và tôn trọng hơn những người trước, ¹⁶đến cùng Ba-la-am mà rằng: Ba-lác, con trai Xếp-bô, có nói như vậy: Ta xin ngươi, chớ có chi ngăn cản ngươi đến cùng ta, ¹⁷vì ta sẽ tôn ngươi rất vinh hiển, và làm theo mọi điều ngươi sẽ nói cùng ta. Ta xin ngươi hãy đến rửa sả dân này. ¹⁸Ba-la-am đáp cùng các sứ thần của Ba-lác rằng: Dầu Ba-lác sẽ cho ta nhà người đầy vàng và bạc, ta cũng chẳng được vượt qua mạng của Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ta, đặt làm một việc hoặc nhỏ hay lớn. ¹⁹Song ta xin các ngươi cũng ở lại đêm nay, đợi ta biết Đức Giê-hô-va sẽ phán điều chi cùng ta nữa. ²⁰Trong lúc ban đêm, Đức Chúa Trời giáng đến Ba-la-am mà phán rằng: Nếu các ngươi ấy đến đợi gọi ngươi, hãy đứng dậy đi với chúng nó; nhưng chỉ hãy làm theo lời ta sẽ phán. ²¹Vậy, sớm mai, Ba-la-am dậy thắp lửa cái mình và đi với các sứ thần Mô-áp.

²²Nhưng cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời nổi phùng lên, vì người ra đi; thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường đợi cản người. Vả, người đã cỡi lừa cái mình, và có hai đứa đầy tớ đi theo. ²³Lừa cái thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trên đường có cây gươm trần nơi tay, bèn rẽ đường đi vào trong ruộng; Ba-la-am đánh nó để dẫn nó vào đường lại. ²⁴Nhưng thiên sứ của Đức Giê-hô-va đứng trong đường nhỏ của vườn nho có vách bên này và bên kia. ²⁵Lừa thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va thì nép vào vách và ép chân Ba-la-am; người đánh nó. ²⁶Thiên sứ của Đức Giê-hô-va đi tới xa hơn, đứng trong một ngả rất hẹp không chỗ nào trở qua bên hữu hay là bên tả; ²⁷lừa thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va bèn nằm quỵ dưới Ba-la-am. Nhưng Ba-la-am nổi giận, đánh lừa bằng một cây gậy. ²⁸Bấy giờ, Đức Giê-hô-va mở miệng lừa ra, nó nói cùng Ba-la-am rằng: Tôi có làm chi cho ngươi, mà người đã đánh tôi ba lần? ²⁹Ba-la-am đáp cùng lừa cái rằng: Ấy là tại mầy khinh nhạo ta. Chớ chi ta có cây gươm trong tay, ta đã giết mầy rồi! ³⁰Lừa nói cùng Ba-la-am rằng: Tôi há chẳng phải là lừa của người mà người đã cỡi luôn đến ngày nay sao? Tôi há có thói làm như vậy cùng người chăng? Người đáp: Không.

³¹Đức Giê-hô-va bèn mở mắt Ba-la-am ra, thấy thiên sứ của Đức

Giê-hô-va đứng trong đường tay cầm một cây gươm. Người cúi đầu và sắp mặt xuống đất. ³²Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói: Sao ngươi đã đánh lừa cái ngươi ba lần? Này, ta đi ra đặng cản ngươi, vì ta thấy ngươi đi theo một con đường dẫn mình đến nơi hư nát. ³³Vả, con lừa cái có thấy ta, đi tẽ trước mặt ta ba lần, nếu nó không đi tẽ trước mặt ta, chắc ta đã giết ngươi rồi và để nó sống. ³⁴Ba-la-am bèn thưa cùng thiên sứ của Đức Giê-hô-va rằng: Tôi có phạm tội, vì chẳng biết người đã đứng trong đường đặng cản tôi, bây giờ, nếu người không bằng lòng tôi đi, tôi sẽ trở về. ³⁵Thiên sứ của Đức Giê-hô-va nói cùng Ba-la-am rằng: Hãy đi cùng các người đó, nhưng ngươi chỉ hãy nói điều chi ta sẽ phán dặn ngươi. Ba-la-am bèn đi cùng các sứ thần của Ba-lác.

Vai diễn chính trong màn kịch này là một thầy bói bí hiểm² tên là Ba-la-am, thuộc dân ngoại, sống tại Phê-thô-rơ gần sông Ô-phơ-rát (c.5; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 23:4). Ông nổi tiếng là một nhà bói toán giỏi (biết được các bí ẩn sẽ xảy đến trong tương lai) và niệm thần chú (dùng sức mạnh của ma thuật để chúc lành hoặc rửa sả), và sẵn sàng giúp đỡ người khác để lấy công.

Yêu cầu của vua (*Dân Số Ký* 22:1-21). Người Mô-áp và Ma-đi-an rất sợ hãi khi nhìn thấy trại quân tầm cỡ đồ sộ của Y-sơ-ra-ên (“phủ khắp mặt đất,” c.5) và nghe báo cáo về những chiến thắng quân sự của Y-sơ-ra-ên trên các nước láng giềng (“khác nào con bò ăn cỏ trong đồng,” c.4). Ba-lác, vua Mô-áp, không biết Đức Chúa Trời đã bảo Y-sơ-ra-ên đừng tấn công Mô-áp (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:9) vì người Mô-áp có bà con với người Do Thái, vốn là con cháu của Lót là cháu Ấp-ra-ham (*Sáng Thế Ký* 19:26-37).

Mô-áp và Ma-đi-an thấy không thể lấy gươm giáo mà địch lại Y-sơ-ra-ên nên cầu xin sự tiếp sức của ma vương. Ba-la-am nổi tiếng khắp nơi là một nhà phù thủy rất cao tay, nên Ba-lác đã không ngại đường xá xa xôi³ và chịu hao tốn nhiều vàng bạc để mời ông.

Ba-lác dựa vào hai điều để buộc Ba-la-am tới giúp mình: dùng một phái đoàn gồm những trưởng lão quan

trọng từ cả Ma-đi-an lẫn Mô-áp, cùng của cải rất quý giá để mua chuộc Ba-la-am. Ba-la-am rất ham tiền (*II Phi-e-rơ 2:15*). Dù đã hai lần từ chối lời mời của Ba-lác, nhưng Ba-la-am lừa lọc xoay sở quanh ý muốn Đức Chúa Trời đã được công bố, để có thể đi Mô-áp lấy của báu do Ba-lác dâng cho.

Thời đó, người ta tin rằng mỗi nước có một vị thần riêng, và Ba-la-am biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Vì thế, ông đi tìm kiếm ý muốn Chúa về lời mời của Ba-lác.⁴ Chính Đức Chúa Trời đã đến với Ba-la-am, chứ không phải Ba-la-am đến với Đức Chúa Trời, và Chúa không cho phép ông nhận lời Ba-lác. Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn Ngài rất rõ: “Người chó đi với chúng nó. Chó rửa sả dân này, vì dân này được ban phước” (*Dân Số Ký 22:12*). Ba-la-am biết rằng không có Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên bên cạnh mình, ông sẽ thất bại, cho nên ông nói với đoàn đại biểu là sẽ không đi với họ. *Tuy nhiên, ông không cho họ biết lý do: Y-sơ-ra-ên không thể bị rửa sả, vì Đức Chúa Trời đã ban phước cho họ.* Nếu ông nói điều này cho đoàn đại biểu biết, thì mất đi một món tiền to và mấy người này cũng không bao giờ trở lại Phê-thô-rơ.

Không nản lòng trong sự theo đuổi chiến thắng Y-sơ-ra-ên, Ba-lác gửi tới Ba-la-am một đoàn đại biểu đông hơn, với hứa hẹn trả cho Ba-la-am bất cứ giá nào ông yêu cầu. Vì biết ý chỉ Đức Chúa Trời trong vấn đề này, lẽ ra Ba-la-am phải từ chối, nhưng ông thấy bói ham tiền này vẫn hy vọng tìm ra cách nào đó để tránh né ý muốn Đức Chúa Trời. Ngoài miệng, ông nói tuân lệnh Chúa, nhưng trong lòng thì ham tiền và hy vọng Đức Chúa Trời sẽ đổi ý.

Đức Chúa Trời đến với Ba-la-am và bảo ông cùng đi với đoàn đại biểu *chỉ khi nào họ đến gọi ông vào sáng hôm sau* (c.20).⁵ Chúa lưu ý Ba-la-am: “Chỉ làm theo điều ta bảo người.” Nhưng sáng hôm sau, Ba-la-am không chờ mấy người đó đến; ông tự thắng lừa, đi đến nơi đóng trại

của đoàn đại biểu, quyết tâm làm theo ý riêng. Quyết tâm này, cùng với sự tham lam trong lòng Ba-la-am, khiến Chúa nổi giận. Ba-la-am hành động giống như con ngựa và con la (*Thi Thiên 32:9*): ông nông nổi chạy trước Chúa và đồng thời lại ương ngạnh không chịu tuân phục chỉ thị rõ ràng của Đức Chúa Trời. Ông biết rằng Y-sơ-ra-ên được ban phước, nhưng vẫn hy vọng mình có thể rửa sạch Do Thái để kiếm chác tài sản cùng tước vị vua đã hứa. Ông ta là con người giả hình và hai lòng.

Kháng cự của con lừa (Dân Số Ký 22:22-30). Đức Chúa Trời nổi giận với Ba-la-am vì ông này xem thường ý muốn Ngài và để cho lòng ham tiền điều khiển mình. Ta thường cho thú vật là ngu dốt nhưng trong trường hợp này, loài vật lại khôn hơn chủ cùng hai đầy tớ! Nó nhìn thấy thiên sứ của Đức Giê-hô-va cầm gươm và cản đường; và nhờ tránh qua một bên, nó đã cứu mạng Ba-la-am. Ba lần nó đổi hướng và ba lần bị chủ nó đánh đập. Ba-la-am mất khôn vì giận; và nếu có khí giới, chắc hẳn ông đã giết con vật trung thành rồi. Phi-e-rơ gọi đó là “sự điên cuồng của người tiên tri” (*II Phi-e-rơ 2:16*).

Tại sao Ba-la-am không kinh ngạc khi con vật nói với mình “bằng tiếng người”? (c.16). Chắc chắn đây không phải là chuyện thường ngày, ngay cả đối với một người thầy bói chuyên nghiệp. Sa-tan nói qua con rắn khi lừa dối Ê-va (*Sáng Thế Ký 3:1* trở đi; *II Cô-rinh-tô 11:3*), và có thể là trong quá khứ, quỷ sứ của Sa-tan cũng có nói với Ba-la-am qua loài vật. Nếu Đức Chúa Trời phải dùng loài vật vô tri để truyền đạt ý của Ngài, tức là con người ở mức thấp quá.

Bày tỏ của thiên sứ (Dân Số Ký 22:31-35). Đức Chúa Trời đã mở miệng con lừa, Ngài cũng đã mở mắt Ba-la-am để ông ta thấy được thiên sứ đáng sợ đang đứng giữa đường, tay cầm gươm. Cuối cùng Ba-la-am đã làm điều phải, sắp mặt xuống trước thiên sứ, đáng cho ông biết là chính con vật đã cứu mạng ông. Thiên sứ cảnh cáo Ba-la-am là ông đang liều lĩnh cầm đầu trên con đường sai

lầm, chỉ có thể dẫn tới hủy diệt, và đề nghị Ba-la-am nên quay về nhà.

Câu “Tôi đã phạm tội” của ông không phải là chứng cứ của sự ăn năn thật. Pha-ra-ôn (*Xuất Ê-díp-tô* Ký 9:27, vua Sau-lơ (*I Sa-mu-ên* 15:24, 30; 26:21), và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt (*Ma-thi-ơ* 2:4) tất cả đều thú tội nhưng không ăn năn. Nói lời đạo đức mà lòng cứ tiếp tục phạm tội thì có ích gì? Đa-vít (*II Sa-mu-ên* 12:13; *Thi Thiên* 54:4; *II Sa-mu-ên* 24:10, 17; *I Sử Ký* 21:8, 17) hoặc con trai hoang đàng mới là những người biết xưng tội.

Đức Chúa Trời để cho Ba-la-am tiếp tục hành trình, nhưng Ngài lưu ý ông chỉ nói những sứ điệp Ngài đã ban cho ông thôi. Lần đầu tiên, Ba-la-am nhận biết trong cuộc phiêu lưu này, không chỉ có việc rửa sả một dân tộc và kiếm tiền mà thôi. Đức Chúa Trời đã dùng con lừa để khiển trách chủ nó, cũng vậy Ngài dùng Ba-la-am để bày tỏ những chân lý trọng đại về Y-sơ-ra-ên và về Đấng Mết-si-a đã hứa cho Y-sơ-ra-ên.⁶

2. Ba-la-am và Sứ Điệp của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 22:36-24:25

³⁶Khi Ba-lác hay rằng Ba-la-am đến, bèn đi ra tới thành Mô-áp ở gần khe Ật-nôn, tức là ở tận bờ cõi của xứ, mà nghinh tiếp người. ³⁷Ba-lác nói cùng Ba-la-am rằng: Ta há chẳng sai sứ với người sao? Sao người không đến ta? Ta há không tôn vinh hiển cho người được sao? ³⁸Ba-la-am đáp cùng Ba-lác rằng: Nay tôi đã đến cùng vua, bây giờ tôi há có thể nói ra lời gì chẳng? Tôi sẽ nói điều chi Đức Chúa Trời đặt trong miệng tôi vậy.

³⁹Ba-la-am đi cùng Ba-lác, đến Ki-ri-át-Hút-sốt. ⁴⁰Ba-lác giết những bò và chiên, sai dâng cho Ba-la-am và các sứ thần đã đi với người. ⁴¹Khi đến sáng mai, Ba-lác đem Ba-la-am lên Ba-mốt-Ba-anh, là nơi người thấy đầu cùng trại quân Y-sơ-ra-ên.

23

Ba-la-am dâng của lễ, và mặc dầu Ba-lác, chúc phước dân Y-sơ-ra-ên hai lần

¹Ba-la-am nói cùng Ba-lác rằng: Hãy cất tại đây cho tôi bảy cái bàn thờ, cùng sắm sẵn cho tôi bảy con bò đực và bảy con chiên

đực. ²Ba-lác làm như Ba-la-am đã nói; hai người dâng một con bò đực và một con chiên đực trên mỗi bàn thờ. ³Đoạn, Ba-la-am nói cùng Ba-lác rằng: Vua hãy đứng gần cửa lễ thiêu của vua, tôi sẽ đi; có lẽ Đức Giê-hô-va sẽ hiện ra cùng tôi chẳng, tôi sẽ thuật lại cùng vua điều chi Ngài cho tôi thấy. Người đi lên một nơi cao trống trải. ⁴Đức Chúa Trời hiện ra cùng Ba-la-am, và Ba-la-am thưa cùng Ngài rằng: Tôi có lập bảy cái bàn thờ, và trên mỗi bàn thờ tôi có dâng một con bò đực và một con chiên đực. ⁵Đức Giê-hô-va để lời trong miệng Ba-la-am và phán rằng: Hãy trở về cùng Ba-lác và nói như vậy. ⁶Ba-la-am bèn trở về cùng Ba-lác; này, người và các sứ thần Mô-áp đứng gần cửa lễ thiêu của vua.

⁷Ba-la-am bèn nói lời ca mình mà rằng:

Ba-lác, vua Mô-áp, sai vời tôi từ A-ram,

Từ những núi Đông phương, và nói:

– Hãy đến rửa sả Gia-cốp cho ta!

Hãy đến, giận mắng Y-sơ-ra-ên! –

⁸Kẻ mà Đức Chúa Trời không rửa sả, tôi sẽ rửa sả làm sao?

Kẻ mà Đức Chúa Trời không giận mắng tôi sẽ giận mắng làm sao?

⁹Vì từ đỉnh các núi, tôi thấy người,

Từ đầu cao gò đồng, tôi nhìn người:

Kìa, là một dân ở riêng ra,

Sẽ không nhập số các nước.

¹⁰Ai đếm được bụi cát của Gia-cốp,

Ai tu bộ được phần tư của Y-sơ-ra-ên?

Người công chánh thác thể nào, tôi nguyện thác thể ấy;

Cuối cùng người nghĩa làm sao, tôi nguyện cuối cùng tôi làm vậy!

¹¹Bấy giờ, Ba-lác nói cùng Ba-la-am rằng: Người đã làm chi với ta? Ta thỉnh người để rửa sả những thù nghịch ta, kìa người lại chúc phước cho!

¹²Người đáp rằng: Tôi há không nên cẩn thận nói điều Đức Giê-hô-va đặt vào miệng tôi sao? ¹³Ba-lác bèn nói:

Vậy, hãy đến cùng ta trong một chỗ khác, là nơi người sẽ thấy dân này, vì người chỉ đã thấy ở đầu cùng nó, chớ không thấy hết; ở đó hãy rửa sả nó cho ta. ¹⁴Vậy, người dẫn Ba-la-am đến đồng Xô-phim, trên chót núi Phích-ga, lập bảy cái bàn thờ, và trên

mỗi cái dâng một con bò đực và một con chiên đực. ¹⁵Ba-la-am bèn nói cùng Ba-lác rằng: Hãy đứng đây gần cửa lễ thiêu của vua, còn tôi sẽ đi lại đó, đón Đức Giê-hô-va.

¹⁶Đức Giê-hô-va hiện ra cùng Ba-la-am, để những lời trong miệng người, mà rằng: Hãy trở về cùng Ba-lác và nói như vậy.

¹⁷Ba-la-am trở về cùng Ba-lác; người và các sứ thần Mô-áp đứng gần của lễ thiêu của vua. Ba-lác hỏi: Đức Giê-hô-va có phán chi?

¹⁸Ba-la-am bèn nói lời ca mình mà rằng:

Hỡi Ba-lác, hãy đứng dậy và nghe!

Hỡi con trai Xếp-bô, hãy lắng tai!

¹⁹Đức Chúa Trời chẳng phải là người để nói dối,

Cũng chẳng phải là con loài người đặng hối cải.

Điều Ngài đã nói, Ngài há sẽ chẳng làm ư?

Điều Ngài đã phán, Ngài há sẽ chẳng làm ứng nghiệm sao?

²⁰Này, tôi đã lãnh mạng chúc phước;

Ngài đã ban phước, tôi chẳng cãi đâu.

²¹Ngài chẳng xem tội ác nơi Gia-cốp, Và không thấy tà vạy trong Y-sơ-ra-ên;

Giê-hô-va, Đức Chúa Trời người, ở cùng người,

Trong Y-sơ-ra-ên có tiếng reo mừng của vua.

²²Ấy là Đức Chúa Trời đã rút dân đó ra khỏi xứ Ê-díp-tô;

Chúng có sức mạnh như bò rừng vạy.

²³Không có phù chú nơi Gia-cốp,

Cũng chẳng có bói khoa trong Y-sơ-ra-ên,

Vì đến kỳ định, sẽ nói về Gia-cốp và Y-sơ-ra-ên rằng:

Việc Đức Chúa Trời làm lạ là dường nào!

²⁴Kìa, một thứ dân hưng lên như sư tử cái,

Và vùng lên khác nào sư tử đực;

Chỉ khi nào đã xé được mỗi mối nằm xuống,

Và uống huyết những kẻ bị thương.

²⁵Bấy giờ, Ba-lác nói cùng Ba-la-am rằng: Chớ rửa sả họ, nhưng cũng đừng chúc phước cho nữa. ²⁶Ba-la-am đáp cùng Ba-lác rằng:

Tôi há chẳng có nói: Tôi phải làm mọi điều Đức Giê-hô-va sẽ phán dặn sao? ²⁷Ba-lác lại nói cùng Ba-la-am rằng: Vậy, hãy lại,

ta dẫn người đến một chỗ khác; có lẽ Đức Chúa Trời sẽ ưng cho người rửa sả dân này tại đó chẳng. ²⁸Ba-lác bèn dẫn Ba-la-am

đến chót núi Phê-ô, đối ngang đồng vắng. ²⁹Ba-la-am nói cùng

Ba-lác rằng: Tại đây, hãy lập cho tôi bảy cái bàn thờ, và sắm sẵn bảy con bò đực và bảy con chiên đực. ³⁰Vậy, Ba-lác làm theo

như Ba-la-am đã nói; trên mỗi bàn thờ, người dâng một con bò đực và một con chiên đực.

24

Ba-la-am lại chúc phước cho Y-sơ-ra-ên nữa

¹Ba-la-am thấy rõ Đức Giê-hô-va ưng ban phước cho Y-sơ-ra-ên, thì không cậy đến phù chú như những lần khác; nhưng người

xây mặt về hướng đông vắng, ²nhường mặt lên thấy Y-sơ-ra-ên
đóng trại từng chi phái, và Thần Đức Chúa Trời cảm động người,
³bèn nói lời ca mình mà rằng:

Lời ca của Ba-la-am, con trai Bê-ô,

Lời ca của người có mắt mở ra,

⁴Lời ca của người nghe lời Đức Chúa Trời,

Xem sự hiện thấy của Đấng Toàn Năng,

Sắp mình xuống và mắt mở ra:

⁵Hỡi Gia-cốp! Trại ngươi tốt dường bao!

Hỡi Y-sơ-ra-ên! Nhà tạm ngươi đẹp biết mấy!

⁶Nó trướng ra như trướng núi,

Khác nào cánh vườn ở nơi mé sông,

Tợ cây trầm hương mà Đức Giê-hô-va đã trồng,

Tỉ như cây hương nam ở nơi mé nước.

⁷Nước chảy tràn ngoài thùng chứa,

Hột giống của người nhuần tưới dư dật,

Vua người sẽ trở cao hơn A-gát,

Nước người được cao lên.

⁸Đức Chúa Trời đã dẫn người ra khỏi xứ Ê-díp-tô,

Người có sức mạnh như bò rừng,

Sẽ nuốt các nước, tức kẻ thù nghịch mình,

Bẻ gãy xương chúng nó, đánh chúng nó bằng mũi tên mình.

⁹Người sụm xuống, nằm như sư tử đục khác nào sư tử cái:

Ai dễ khiến ngồi lên?

Phước cho kẻ nào chúc phước người,

Rủa sả kẻ nào rủa sả người.

Ba-lác đuổi Ba-la-am

¹⁰ Bấy giờ, Ba-lác nổi giận cùng Ba-la-am, vỗ tay mà nói cùng Ba-la-am rằng: Ta đã thỉnh người dâng rủa sả kẻ thù nghịch ta; này, người lại chúc phước cho chúng nó đã ba lần rồi! ¹¹Vậy, bây giờ, khá chạy trở về xứ ngươi! Ta đã nói ta sẽ tôn ngươi vinh hiển, nhưng này, Đức Giê-hô-va đã cản ngươi nhận lãnh. ¹²Ba-la-am đáp cùng Ba-lác rằng: Tôi há chẳng có nói cùng các sứ giả vua đã sai đến tôi rằng. ¹³Dẫu Ba-lác cho tôi nhà người đầy bạc và vàng, tôi cũng chẳng được vượt qua mạng Đức Giê-hô-va để làm tự ý điều phải hay là điều quấy; tôi phải nói điều chi Đức Giê-hô-va sẽ phán! ¹⁴Này, bây giờ, tôi trở lại cùng dân tôi, hãy lại, tôi sẽ cáo cho vua biết điều dân này ngày sau cùng sẽ làm cho dân vua.

Ba-la-am lại nói tiên tri về sự vinh hiển của Y-sơ-ra-ên

¹⁵Người bèn nói lời ca mình mà rằng:

Lời ca của Ba-la-am, con trai của Bê-ô,

Lời ca của người có mắt mở ra;

¹⁶Lời ca của người nghe lời Đức Chúa Trời,

Biết sự tri thức của Đấng Chí Cao,

Xem sự hiện thấy của Đấng Toàn Năng,

Sắp mình xuống mà mắt tự mở ra:

¹⁷Tôi thấy Người, nhưng chẳng phải bây giờ;

Tôi xem Người, nhưng chẳng phải ở gần;

Một ngôi sao hiện ra từ Gia-cốp,

Một cây phủ việt trỗi lên từ Y-sơ-ra-ên;

Người sẽ đâm lũng Mô-áp từ đầu này tới đầu kia,

Hủy diệt dân hay dấy giặc này.

¹⁸Người sẽ được Ê-đôm làm cơ nghiệp;

Sẽ được Sê-i-rơ, là kẻ thù nghịch mình, làm sản nghiệp.

Y-sơ-ra-ên sẽ tỏ ra sự cường thịnh mình.

¹⁹Đấng ra từ Gia-cốp sẽ cầm quyền,

Người sẽ diệt những dân sót của thành.

²⁰Ba-la-am cũng thấy A-ma-léc, bèn nói lời ca mình rằng:

A-ma-léc đứng đầu các nước;

Nhưng sau cùng người sẽ bị diệt vong.

²¹Kể đó, Ba-la-am thấy người Kê-nít, bèn nói lời ca mình rằng:

Chỗ ở người là bền vững,

Ở người đóng trong hòn đá.

²²Nhưng Ca-in sẽ bị hư nát,

Cho đến khi A-su-rơ bắt dẫn tù người.

²³Người còn nói lời ca mình rằng:

Ôi! Khi Đức Chúa Trời đã làm các điều này, ai sẽ còn sống?

²⁴Nhưng sẽ có những tàu từ gành Kít-tim đến,

Hà khắc A-su, hà khắc Hê-be.

Rồi chính người cũng sẽ bị tuyệt diệt.

²⁵Đoạn, Ba-la-am đứng dậy đi về bốn xứ. Ba-lác cũng lên đường.

Vua mà phải vội vã chạy ra đón Ba-la-am, một người chẳng có chức vị gì, cho thấy Ba-lác nôn nóng tấn công Y-sơ-ra-ên là dường nào. Tại sao Ba-la-am đến trễ? Quà biếu của Ba-lác há chẳng hậu hĩ sao? Tiên tri này há chẳng nhận biết tình hình đang nghiêm trọng sao? Ba-

la-am không tự biện hộ hoặc giải thích hành động của mình, nhưng ông có nói rõ rằng ông chỉ có thể tuyên bố lời của Đức Chúa Trời đã ban cho mình mà thôi. Vua dâng của lễ cho thần Ba-anh của mình và có lẽ cũng trao cho Ba-la-am một ít bộ lông của thú dâng để dùng bói toán.

Sấm truyền thứ nhất (Dân Số Ký 22:39-23:12). Sáng hôm sau, Ba-lác đưa Ba-la-am tới Ba-mốt Ba-anh (“những nơi cao của Ba-anh”), từ đó họ có thể thấy trại quân Y-sơ-ra-ên và dâng thêm của lễ cho Ba-anh. Ba-la-am dùng những của lễ này làm một phần trong phép phù thủy và bói toán của mình (24:1) và chỉ ngồi chờ sứ điệp đã hứa của Đức Chúa Trời. Trong ân sủng cùng sự toàn thiện của Ngài, Đức Chúa Trời dùng con người xấu xa này và chịu đựng sự cố tình dối gạt của ông ta vì Ngài có một sứ điệp đặc biệt để rao báo về dân Y-sơ-ra-ên của Ngài.

Sứ điệp của Đức Chúa Trời trao cho Ba-la-am nói lên được vài nét chân lý cơ bản về dân Y-sơ-ra-ên. Trước hết, Đức Chúa Trời đã đặc biệt ban phước cho dân Y-sơ-ra-ên, không để Y-sơ-ra-ên bị rửa sạch (23:7-8). Đây là một phần của giao ước Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (*Sáng Thế Ký* 12:1-3) và đã được thực hiện xuyên suốt lịch sử của họ. Đức Chúa Trời đã đoán xét từng bậc cai trị cùng dân tộc đã từng gây khổ đau cho dân Ngài, như Ai Cập, A-sy-ri, Ba-by-lôn, và Quốc xã Đức.

Không quốc gia nào được Đức Chúa Trời ban phước như Y-sơ-ra-ên, không chỉ phước hạnh vật chất cùng sự bảo vệ thiên thượng, mà chủ yếu là phước hạnh thuộc linh, để chia sẻ cho toàn thế gian. Phao-lô liệt kê một số trong *Rô-ma* 9:1-5. Y-sơ-ra-ên cống hiến cho thế gian tri thức về Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, Lời thành văn của Đức Chúa Trời, cùng Chúa Giê-xu Christ, Cứu Chúa của thế gian.

Chân lý cơ bản thứ hai của Ba-la-am là người Do Thái được Đức Chúa Trời tuyển chọn và do đó, là một nước

tách rời khỏi mọi nước khác (*Dân Số Ký* 23:9). Chúa đã thông báo điều này cho Y-sơ-ra-ên tại núi Si-nai (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 19:5-6), và những Luật Pháp Ngài ban cho họ tại Si-nai giúp họ sống như một dân tộc đặc biệt. Trong thông điệp từ biệt Y-sơ-ra-ên, Môi-se cũng nhấn mạnh tính đặc biệt của Y-sơ-ra-ên như là dân của Đức Chúa Trời (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:20; 14:2, 21; 26:18-19; 32:8-9; 32:8-9; 33:3, 28-29) và nhắc nhở họ rằng Đức Chúa Trời đã chọn họ vì cớ Ngài yêu họ (*Dân Số Ký* 7:6-8). Xem thêm *Lê-vi Ký* 20:26; *I Các Vua* 8:52-53; *A-mốt* 3:2; và *Ê-sai* 43:21.

Cám dỗ lớn nhất đối với Y-sơ-ra-ên là muốn giống như các nước khác, và đây là lý do họ bị suy sụp và tù đầy. Thay vì vui mừng về đặc điểm của mình là dân của Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, họ lại bắt chước sống và thờ phượng như các dân láng giềng nên bị Đức Chúa Trời sửa trị. Thay vì để Đức Chúa Trời cai trị, họ đòi có vua “giống như mọi nước” khác (*I Sa-mu-ên* 8:5). Vì vậy mà họ phải chịu hết khó khăn này đến khó khăn khác.

Đáng buồn là nhiều người trong Hội Thánh ngày nay lầm tưởng rằng giống như thế gian là cách để đến cùng thế gian. Họ quên rằng Hội Thánh là dân của Đức Chúa Trời, một dân rất đặc biệt, được cứu bởi ân sủng. Thay vì duy trì sự cách biệt (*II Cô-rinh-tô* 6:14-7:1) họ cố vũ hòa đồng (*I Giăng* 2:15-17; *Rô-ma* 12:2), đến một lúc ta thấy khó phân biệt dân Đức Chúa Trời với người đời. Campbell Morgan nhắc chúng ta: “Hội Thánh làm được tối đa cho thế gian khi Hội Thánh giống thế gian ở mức tối thiểu.”

Điều thứ ba khiến Ba-la-am kinh ngạc là sự rộng lớn của trại quân Y-sơ-ra-ên, dù rằng ông chỉ nhìn thấy có một phần nhỏ của trại (*Dân Số Ký* 22:41). Ông dùng từ “bụi đất” nhắc chúng ta nhớ những lời hứa của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham cùng con cháu ông rằng họ gia tăng và trở nên đông như bụi đất (*Sáng Thế Ký* 13:16; 28:14). Các nước đến rồi đi, nhưng dù gặp nhiều thử thách, dân

Y-sơ-ra-ên chưa hề bị tiêu diệt. Ngược lại, họ đã gia tăng và ngày nay có mặt trên khắp thế giới.

Ba-la-am được gửi đến để rửa sả Y-sơ-ra-ên, thế nhưng ông lại kết thúc sấm truyền của mình với tuyên bố rằng mình muốn được *giống như* Y-sơ-ra-ên! “Cuối cùng người làm sao, tôi nguyện cuối cùng tôi làm vậy” (*Dân Số Ký* 23:10). Nhưng bạn không chết cái chết của người công chính trừ khi bạn sống cuộc đời của người công chính, và đó là điều mà Ba-la-am không chuẩn bị. Vì ham tiền ông sẽ làm bất cứ điều gì để được tiền. Ba-la-am đã chết cùng với kẻ ác khi Y-sơ-ra-ên đánh bại người Ma-di-an (31:8), và kết cuộc đời ông là hình phạt đời đời.

Khi Ba-lác than phiền về lời sấm truyền, Ba-la-am chỉ có một câu trả lời: những lời đó đến từ Đức Chúa Trời. Ba-la-am có thể phịa ra lời rửa sả và đánh lừa Ba-lác, nhưng Đức Giê-hô-va không cho ông làm như thế, vì những sấm truyền này một ngày kia sẽ là một phần trong Lời Thánh của Đức Chúa Trời.

Sấm truyền thứ hai (*Dân Số Ký* 23:13-26). Để khuyến khích Ba-la-am rửa sả Y-sơ-ra-ên, Ba-lác đưa Ba-la-am lên đỉnh núi Phích-ga, để dâng tế lễ cho các thần của họ (23:13-14; xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 34:1-4). Việc Ba-la-am dự phần trong các nghi thức bùa chú ngoại giáo này phơi bày sự gian ác trong lòng ông. Ông nói ra lời Đức Chúa Trời và khao khát cái chết công chính mà không nghĩ rằng mình đã dùng bùa chú cùng giao tiếp với Sa-tan (*Dân Số Ký* 24:1). Ông là con người hai lòng với ham muốn chính là kiếm càng nhiều tiền càng tốt bằng các xảo thuật của mình.

Sấm truyền đầu tiên mô tả Y-sơ-ra-ên là một *tuyển dân* do tình yêu của Đức Chúa Trời, còn sấm truyền thứ hai giới thiệu họ như một *dân tộc chiến thắng* do sự thành tín của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không nói dối, cho nên mọi lời hứa cùng giao ước của Ngài đều chắc chắn; Ngài không thay đổi, thuộc tính Ngài bất di dịch. Ngài làm trọn điều đã hứa; chẳng ai có thể chi phối hoặc

điều khiển Ngài được.⁷ Đức Chúa Trời ở với dân Y-sơ-ra-ên và trị vì như là Vua của họ.

Đức Chúa Trời là Đấng cho họ chiến thắng, bắt đầu với cuộc xuất Ai Cập. Cả nước giống như con bò mạnh sức và như sư tử cái với sư tử đực trong quyết tâm bắt mồi. Vì vậy, không một phép phù thủy nào có thể thành công được trong việc chống nghịch dân Đức Chúa Trời, vì Ngài đang hành động trong họ và qua họ. “Ôi, việc Đức Chúa Trời làm lạ lòng dường bao!” (23:23).

Khi Đức Chúa Trời nhìn xem Y-sơ-ra-ên, Ngài không thấy bất công hoặc tội ác, và vì vậy, không có lý do để đoán phạt họ. Họ là “một nước thầy tế lễ và là một dân tộc thánh” (19:6), cho dù Ngài phải sửa phạt họ vì vô tín và bất tuân. Tín hữu ngày nay là tuyển dân của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 1:4), được giấu trong Đấng Christ (Cô-lô-se 3:3), được mặc sự công bình của Ngài (II Cô-rinh-tô 5:17, 21) và đồng ngồi với Ngài trong các nơi trên trời (Ê-phê-sô 2:4-6). Vì có chúng ta ở “trong Đấng Christ,” nên Đức Chúa Trời nhìn chúng ta như dân đặc biệt của chính Ngài (I Phi-e-rơ 2:5, 9-10), và Ngài theo đó mà đối xử với chúng ta.

Một lần nữa, Đức Chúa Trời biến rửa sả thành phước hạnh!

Trận chiến của dân Đức Chúa Trời ngày nay không phải là chống lại thịt và huyết trên đất mà là với quân đội của Sa-tan trong các miền trên trời (Ê-phê-sô 6:10 trở đi), và chúng ta không thể thắng bằng sức riêng của mình. Trước hết chúng ta phải xem mình là dân của Đức Chúa Trời, được mua bằng huyết của Đấng Christ, được Thánh Linh ngự trị, và “muôn phần hơn kẻ chiến thắng” nhờ Đấng Christ (Rô-ma 8:37). Vật che chở chúng ta là “toàn bộ khí giới của Đức Chúa Trời,” vũ khí chính của chúng ta là Lời Đức Chúa Trời cùng sự cầu nguyện (Ê-phê-sô 6:13-20; Công Vụ Các Sứ Đồ 6:4).

Chừng nào Y-sơ-ra-ên còn bước đi với Đức Chúa Trời và tuân phục ý chỉ Ngài, thì họ là một dân tộc bất bại và

Đức Chúa Trời làm những điều kỳ diệu lớn lao cho họ. “Và sự thắng hơn thế gian - ấy là đức tin của chúng ta” (I Giăng 5:4).

Chú thích

¹ Đáng buồn là “chiến trận thuộc linh” đã bị một số người biếm họa và chê là “đuổi theo quỷ.” Cũng đáng buồn nữa là một số người có ý tốt, tin có “chiến trận thuộc linh, đã triển khai một thần học không nhất quán với lời dạy của Thánh Kinh. Muốn hiểu rõ Thánh Kinh, xin xem *The Bondage Breaker* và *Released from Bondage* của Neil T. Anderson (Here's Life), 3 *Crucial Questions about Spiritual Warfare* của Clinton E. Arnold (Baker), *The Adversary* và *Overcoming the Adversary* của Mark I. Bubeck (Moody), *Powers of Evil* của Sydney H. T. Page (Baker), *Spiritual Warfare* của Timothy Warner (Crossway), và *The Strategy of Satan* của Warren W. Wiersbe (Tyndale).

² Trong bản KJV, từ Hê-bơ-rơ được dịch là “sự bói toán” (22:7; 23:23) và “thầy bói” (Giô-suê 13:22) ám chỉ Ba-la-am, cũng mô tả những việc làm huyền hoặc của phù thủy Ên-đô-rơ (I Sa-mu-ên 28:8) cùng việc làm của các tiên tri giả (Giê-rê-mi 14:14; II Các Vua 17:17; Ê-xê-chi-ên 13:6, 23). Ba-la-am không phải là tiên tri theo nghĩa Thánh Kinh, dù rằng Đức Chúa Trời có dùng ông để nói ra những sấm truyền thực sự về Y-sơ-ra-ên (Dân Số Ký 23:2). Nếu Đức Chúa Trời có thể phán qua con lừa của Ba-la-am (22:22-30), và truyền đạt chân lý của Ngài cho Pha-ra-ôn (Sáng Thế Ký 41:15 trở đi), cho A-bi-mê-léc (Sáng Thế Ký 20, và cho Nê-bu-cát-nết-sa (Đa-ni-ên 4), thì chắc chắn Ngài cũng có thể phán với và qua Ba-la-am. Phi-e-rơ gọi Ba-la-am là tiên tri trong II Phi-e-rơ 2:15, nhưng mạch văn cho thấy ông ta là “tiên tri giả.”

³ Vì Ba-la-am ở Phê-thô-rơ (22:5), cho nên những người này phải vượt qua Ô-phơ-rát mới gặp ông, một khoảng

cách có lẽ 350 dặm.

⁴ Việc Ba-la-am gọi Giê-hô-va là “Giê-hô-va Đức Chúa Trời tôi” (22:18) không hề là dấu hiệu cho thấy ông thành thật tin vào Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Qua Thánh Linh (24:2), Đức Chúa Trời cho Ba-la-am những sứ điệp Ngài muốn ông công bố, nhưng thậm chí điều này cũng không phải là chứng cứ của đức tin cứu rỗi. Ba-la-am nói Lời Đức Chúa Trời (22:8; 18, 20, 35, 38; 23:5, 16; 24:4, 16), nhưng không có đức tin cứu rỗi nơi Đức Chúa Trời của Lời Ngài. Xem *Giăng* 11:34-53 về điểm tương đồng ở đây.

⁵ Bản KJV dịch câu 20: “Nếu mấy người đó đến gọi ngươi,” và bản ASV (1901) dịch: “Nếu mấy người đó phải tới để gọi ngươi, thì hãy chờ dậy, đi với họ.” Bản dịch của Jewish Publication Society cũng giống như vậy.

⁶ Ít ra có chín lần Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng điều Ba-la-am nói chính là “Lời của Đức Giê-hô-va” (22:8, 18, 20, 35, 38; 23:5, 16; 24:4, 16; và xem 23:12 và 26). Sự kiện chính con người xảo quyệt và tham lam vẫn không ngăn cản Thánh Linh (24:2) dùng tâm trí cùng miệng lưỡi của người để truyền đạt chân lý do cảm hứng. Kinh nghiệm đặc biệt đó lẽ ra phải khiến ông ta quì gối ăn năn, nhưng ông vẫn cứ đeo đuổi tội lỗi.

⁷ Mục tiêu của ngoại giáo là điều khiển các thần và buộc họ làm điều mà kẻ thờ phượng muốn, đánh bại kẻ thù hoặc xin một vụ gặt dồi dào. Trong khi mặc cả với thần mình, các dân ngoại giáo đi tới cực đoan, thậm chí hy sinh luôn con cái mình nữa. Loại “thờ phượng” này bị ngăn cấm trong Y-sơ-ra-ên, vì Giê-hô-va hoàn toàn khác với các thần ngoại giáo.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG CHÍN

Dân Số Ký 22:1-23:26

1. Hội Thánh ngày nay chiến đấu chống lại điều gì? Tại sao chúng ta không thấy kẻ thù thật sự của mình?

2. Lời nói của Ba-la-am trong *Dân Số Ký 22:18* nghe thật cao trọng. Bạn cho lời đó chân thành hay chỉ là giả tạo? Làm thế nào chúng ta có thể biết người nào thành thật?

3. Vì Chúa đã cho phép Ba-la-am cùng đi với mấy người đó rồi, sao Ngài lại nổi giận khi Ba-la-am đi?

4. Nếu Đức Chúa Trời dùng Ba-la-am nói ra lời Đức Chúa Trời, thì chúng ta có thể thấy Đức Chúa Trời dùng loại người nào để hoàn thành ý muốn Ngài?

5. Sứ điệp của Đức Chúa Trời bày tỏ sự thật nào về dân Y-sơ-ra-ên?

6. Sự “bất chước” thế gian đóng vai trò nào, nếu có, trong việc chúng ta bước ra để tiếp xúc với họ?

7. Dân Đức Chúa Trời phải biệt riêng khỏi thế gian trên những phương diện nào? Bạn thực hiện điều này ra sao trong cuộc sống mình?

8. Tại sao sự ham tiền mang tính hủy phá đến như vậy?

9. Theo bạn, tại sao Đức Chúa Trời không cho phép Ba-la-am nói lời tiên tri giả, dù rằng Ngài có cho phép tiên tri giả trong những trường hợp khác?

10. Hai sấm truyền đầu của Ba-la-am mô tả điều gì?

CÁC CHỦ QUYỀN CÙNG THẾ LỰC PHẦN II

Dân Số Ký 23:27-25:18

2. Ba-la-am và Sử Điệp của Đức Chúa Trời (tiếp)

Dân Số Ký 23:27-24:25

²⁷Ba-lác lại nói cùng Ba-la-am rằng: Vậy, hãy lại, ta dẫn người đến một chỗ khác; có lẽ Đức Chúa Trời sẽ ưng cho người rửa sả dân này tại đó chăng. ²⁸Ba-lác bèn dẫn Ba-la-am đến chót núi Phê-ô, đối ngang đồng vắng. ²⁹Ba-la-am nói cùng Ba-lác rằng: Tại đây, hãy lập cho tôi bảy cái bàn thờ, và sắm sẵn bảy con bò đực và bảy con chiên đực. ³⁰Vậy, Ba-lác làm theo như Ba-la-am đã nói; trên mỗi bàn thờ, người dâng một con bò đực và một con chiên đực.

24

Ba-la-am lại chúc phước cho Y-sơ-ra-ên nữa

¹Ba-la-am thấy rõ Đức Giê-hô-va ưng ban phước cho Y-sơ-ra-ên, thì không cậy đến phù chú như những lần khác; nhưng người xây mặt về hướng đồng vắng, ²nhường mắt lên thấy Y-sơ-ra-ên đóng trại từng chi phái, và Thần Đức Chúa Trời cảm động người, ³bèn nói lời ca mình mà rằng:

Lời ca của Ba-la-am, con trai Bê-ô,

Lời ca của người có mắt mở ra,

⁴Lời ca của người nghe lời Đức Chúa Trời,

Xem sự hiện thấy của Đấng Toàn Năng,

Sắp mình xuống và mắt mở ra:

⁵Hỡi Gia-cốp! Trại người tốt dưỡng bao!

Hỡi Y-sơ-ra-ên! Nhà tạm người đẹp biết mấy!

⁶Nó trương ra như trũng núi,

Khác nào cánh vườn ở nơi mé sông,

Tợ cây trầm hương mà Đức Giê-hô-va đã trồng,

Tỉ như cây hương nam ở nơi mé nước.

⁷Nước chảy tràn ngoài thùng chứa,
Hết giống của người nhuần tưới dư dật,
Vua người sẽ trở cao hơn A-gát,
Nước người được cao lên.

⁸Đức Chúa Trời đã dẫn người ra khỏi xứ Ê-díp-tô,
Người có sức mạnh như bò rừng,
Sẽ nuốt các nước, tức kẻ thù nghịch mình,
Bẻ gãy xương chúng nó, đánh chúng nó bằng mũi tên mình.

⁹Người sụm xuống, nằm như sư tử đục khác nào sư tử cái:
Ai dễ khiến ngồi lên?

Phước cho kẻ nào chúc phước người,
Rửa sả kẻ nào rửa sả người.

Ba-lác đuổi Ba-la-am

¹⁰Bấy giờ, Ba-lác nổi giận cùng Ba-la-am, vỗ tay mà nói cùng Ba-la-am rằng: Ta đã thỉnh người dâng rửa sả kẻ thù nghịch ta; này, người lại chúc phước cho chúng nó đã ba lần rồi! ¹¹Vậy, bây giờ, khá chạy trở về xứ người! Ta đã nói ta sẽ tôn người vinh hiển, nhưng này, Đức Giê-hô-va đã cản người nhận lãnh. ¹²Ba-la-am đáp cùng Ba-lác rằng: Tôi há chẳng có nói cùng các sứ giả vua đã sai đến tôi rằng. ¹³Dẫu Ba-lác cho tôi nhà người đầy bạc và vàng, tôi cũng chẳng được vượt qua mạng Đức Giê-hô-va để làm tự ý điều phải hay là điều quấy; tôi phải nói điều chi Đức Giê-hô-va sẽ phán! ¹⁴Này, bây giờ, tôi trở lại cùng dân tôi, hãy lại, tôi sẽ cáo cho vua biết điều dân này ngày sau cùng sẽ làm cho dân sự vua.

Ba-la-am lại nói tiên tri về sự vinh hiển của Y-sơ-ra-ên

¹⁵Người bèn nói lời ca mình mà rằng:
Lời ca của Ba-la-am, con trai của Bê-ô,

Lời ca của người có mắt mở ra;

¹⁶Lời ca của người nghe lời Đức Chúa Trời,

Biết sự tri thức của Đấng Chí Cao,

Xem sự hiện thấy của Đấng Toàn Năng,

Sắp mình xuống mà mắt tự mở ra:

¹⁷Tôi thấy Người, nhưng chẳng phải bây giờ;

Tôi xem Người, nhưng chẳng phải ở gần;

Một ngôi sao hiện ra từ Gia-cốp,

Một cây phủ viêt trời lên từ Y-sơ-ra-ên;

Người sẽ đâm lũng Mô-áp từ đầu này tới đầu kia,

Hủy diệt dân hay dấy giặc này.

¹⁸Người sẽ được Ê-đôm làm cơ nghiệp;

Sẽ được Sê-i-rơ, là kẻ thù nghịch mình, làm sản nghiệp.

Y-sơ-ra-ên sẽ tỏ ra sự cường thịnh mình.

¹⁹Đáng ra từ Gia-cốp sẽ cầm quyền,

Người sẽ diệt những dân sót của thành.

²⁰Ba-la-am cũng thấy A-ma-léc, bèn nói lời ca mình rằng:

A-ma-léc đứng đầu các nước;

Nhưng sau cùng người sẽ bị diệt vong.

²¹Kể đó, Ba-la-am thấy người Kê-nít, bèn nói lời ca mình rằng:

Chỗ ở người là bền vững,

Ổ người đóng trong hòn đá.

²²Nhưng Ca-in sẽ bị hư nát,

Cho đến khi A-su-rơ bắt dẫn tù người.

²³Người còn nói lời ca mình rằng:

Ôi! Khi Đức Chúa Trời đã làm các điều này, ai sẽ còn sống?

²⁴Nhưng sẽ có những tàu từ gành Kít-tim đến,

Hà khắc A-su, hà khắc Hê-be.

Rồi chính người cũng sẽ bị tuyệt diệt.

²⁵Đoạn, Ba-la-am đứng dậy đi về bốn xứ. Ba-lác cũng lên đường.

Ba-lác đem Ba-la-am lên đỉnh Phê-ô, ngọn núi của thần Ba-anh ngoại giáo (25:3, 5; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:3; *Thi Thiên* 106:28-29; *Ô-sê* 9:10). Bàn thờ được dựng lên và con thú được dâng, nhưng lần này Ba-la-am không dùng phép phù thủy. Ngược lại, ông nhìn ra trại quân Y-sơ-ra-ên và Thần của Đức Chúa Trời giáng trên ông, ban cho ông sấm truyền thứ ba.

Sấm truyền thứ ba (Dân Số Ký 23:27-24:14). Sấm truyền nói nhiều về sự thỏa lòng của dân Đức Chúa Trời ngay trong xứ của họ. Cuộc chinh phục Ca-na-an đã xong (24:8-9), kẻ thù họ đã bị đánh bại, và Y-sơ-ra-ên vui hưởng sự cung ứng dồi dào của Đức Chúa Trời trong "xứ đượm sữa và mật." Đất Hứa là một thiên đàng ngập tràn nước, một nhu cầu quan trọng ở phương Đông, và các nơi ở của Y-sơ-ra-ên giống như hoa và cây xinh đẹp trong vườn. Toàn xứ đẹp đẽ và phì nhiêu nhờ phước hạnh của Đức Giê-hô-va.

Trong sấm truyền trước, Ba-la-am nhìn thấy Đức Chúa

Trời như là Vua của Y-sơ-ra-ên (23:21), bây giờ ông thấy cả nước được cai trị bởi vua riêng của họ, lớn hơn A-gát (24:7). Vì tên A-gát xuất hiện nhiều thế kỷ sau (*I Sa-mu-ên* 15:9), cho nên có thể đó là tên chính thức của cấp cai trị A-ma-léc, như “Pha-ra-ôn” ở Ai Cập và “A-bi-mê-léc” ở Ghê-ra (*Sáng Thế Ký* 20; 26). Khi Y-sơ-ra-ên đang trên đường tới Si-nai, dân A-ma-léc tấn công họ nhưng bị đánh bại nhờ lời cầu nguyện của Môi-se cùng binh lính của Giô-suê; thế là người A-ma-léc trở thành kẻ thù không đội trời chung với người Do Thái (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16).

Vua Do Thái nào được ám chỉ trong lời tiên tri này? Chắc chắn không phải là vua Sau-lơ, người đã không diệt được dân A-ma-léc và đã chết trong tủ nhục. Có thể đó là Đa-vít, nhưng có lý hơn cả là chỉ về Chúa Giê-xu Christ, Đấng “cao hơn vua chúa trên đất” (*Thi Thiên* 89:27).

Ba-la-am lập lại hình ảnh con bò và con sư tử (*Dân Số Ký* 24:8-9; xem 23:22, 24), và kết thúc sấm truyền của mình với lời trích từ giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (24:9; *Sáng Thế Ký* 12:3; 27:29). Ba-lác nghe không vừa ý, nhất là lời đe dọa sẽ bị rửa sả nếu ông rửa sả Y-sơ-ra-ên. Ông đuổi Ba-la-am về, và vì cố Ba-la-am không làm đúng việc được yêu cầu, nên không được trả công. Do Ba-la-am nghe lời Đức Giê-hô-va và chỉ nói Lời Ngài, nên Vua Ba-lác kết luận rằng Đức Giê-hô-va đã tước lấy phần thưởng của Ba-la-am!

Ba-la-am đồng ý quay về, nhưng phải chờ ông nói xong sấm truyền thứ tư. Ba-la-am lưu lại với Ba-lác lâu đủ để lập kế mở tiệc dụ dỗ, dẫn tới việc làm ô uế và đánh bại Y-sơ-ra-ên. Ông không thể rửa sả Y-sơ-ra-ên nhưng có thể cám dỗ họ thỏa hiệp.

Sấm truyền thứ tư (*Dân Số Ký* 24:15-19). Lời mở đầu tương tự như của sấm truyền thứ ba (c.3-4) nhấn mạnh rằng điều Ba-la-am thấy và nghe là đến từ Đức Giê-hô-va. Có một sức lực lạ lùng khiến cho Ba-la-am sắp mình

xuống đất. Dù nhận biết có sự tể trị của Đức Chúa Trời nhưng Ba-la-am vẫn cứng lòng. Thì ra kẻ vô tín có thể biết Chúa rất rõ, nhưng vẫn cứ bác bỏ chân lý (*Ma-thi-ơ* 7:15-23).¹

Khải tượng thật ngắn ngủi và rõ ràng; nó tập trung vào sự giáng thế của Đấng Mết-si-a của Y-sơ-ra-ên cùng những cuộc chinh phục của Ngài “trong ngày sau cùng” (*Dân Số Ký* 24:14). Những hình ảnh về ngôi sao và cây trượng nói về vương quyền cùng sự trị vì của Đấng Mết-si-a (*Sáng Thế Ký* 49:10; *Khải Thị* 22:16), và “Đấng ra từ Gia-cốp sẽ cầm quyền” chắc chắn ám chỉ Đấng Mết-si-a (*Dân Số Ký* 24:19; *Thi Thiên* 72:8; *Xa-cha-ri* 9:10; *Khải Thị* 1:6). Tuy một phần của Khải tượng này có thể đã ứng nghiệm qua những cuộc chinh phục của Đa-vít, nhưng phải đợi đến Chúa Giê-xu, Con vua Đa-vít mới ứng nghiệm hoàn toàn khi Ngài trở lại để chinh phục kẻ thù và thiết lập nước Ngài trên đất (*Khải Thị* 19:11-20:6).

Nhưng Ba-la-am vẫn chưa hết nhiệm vụ. Khi đứng trên đỉnh Phê-ô, ông thấy Khải tượng liên quan đến các nước và dự báo số phận của họ. A-ma-léc (*Dân Số Ký* 24:20) là nước đầu tiên tấn công Y-sơ-ra-ên sau cuộc xuất Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16), nhưng cuối cùng bị đánh bại và xóa sạch bởi Đa-vít (*I Sa-mu-ên* 27:8-9; *II Sa-mu-ên* 8:11-12). *Người Kê-nít* (*Dân Số Ký* 24:21-22) là dân du mục sống giữa vòng người Ma-đi-an.² Họ sống trên vùng núi, nhưng vẫn bị dân A-sy-ri (A-suê-ru) bắt làm phu tù. Số phận của các nước ở trong tay Đức Chúa Trời (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 17:24-28), và chẳng nước nào hoặc cá nhân nào tồn tại mà không nhờ lòng thương xót của Ngài (*Dân Số Ký* 24:23).

Những tiên đoán trong câu 25 khó giải thích, nhưng như Tiến sĩ Roland B. Allen có nói: “Nước này sẽ dấy lên hất cẳng nước khác, để rồi lại phải đối diện với ngày tàn của chính mình. Ngược lại, phước hạnh liên tục tiềm ẩn trong dân Y-sơ-ra-ên cùng lời hứa chắc chắn về chiến thắng sau cùng....”³ Điều đáng chú ý là Đức Chúa Trời lại

ban khải tượng này cho một thầy bói ngoại giáo tham lam thay vì cho một tiên tri Do Thái trung thành. Nhưng Ngài là tối thượng trong mọi đường lối Ngài, và đường lối Ngài cao hơn đường lối chúng ta (*Ê-sai* 55:8-11).

3. Ba-la-am và Dân của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 25:1-18

¹Dân Y-sơ-ra-ên ở tại Si-tim, khởi thông dân cùng những con gái Mô-áp. ²Con gái mời dân sự ăn sinh lễ cúng các thần mình; dân chúng ăn và quì lạy trước các thần chúng nó. ³Y-sơ-ra-ên cúng thờ thần Ba-anh-Phê-ô; cơn giận của Đức Giê-hô-va bèn nổi lên cùng Y-sơ-ra-ên. ⁴Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy bắt các đầu trưởng của dân chúng, và treo lên trước mặt Đức Giê-hô-va, đối cùng mặt trời, để cơn giận của Đức Giê-hô-va xây khỏi Y-sơ-ra-ên. ⁵Vậy, Môi-se nói cùng các quan án Y-sơ-ra-ên rằng: mỗi người trong các người phải giết những kẻ nào thuộc về bọn cúng thờ Ba-anh-Phê-ô.

⁶Này, một người trong dân Y-sơ-ra-ên dẫn một người nữ Ma-đi-an đến giữa anh em mình, hiện trước mặt Môi-se và cả hội dân Y-sơ-ra-ên, đương khi hội chúng khóc tại cửa hội mạc. ⁷Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, thấy tế lễ, thấy sự này, bèn đứng dậy giữa hội chúng, cầm một cây giáo, ⁸đi theo người Y-sơ-ra-ên vào trong trại đâm ngang dạ dưới của người Y-sơ-ra-ên và người nữ; tại vạ giữa dân Y-sơ-ra-ên bèn ngừng lại. ⁹Vả, có hai mươi bốn ngàn người chết về tai vạ này.

¹⁰Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ¹¹Phi-nê-a, con trai Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, thấy tế lễ, đã xây dân Y-sơ-ra-ên khỏi cơn giận ta, vì lòng kỳ tà ta thúc giục lòng người; vậy, ta không có diệt dân Y-sơ-ra-ên trong cơn kỳ tà của ta. ¹²Bởi cố đó, hãy cáo cùng người rằng: Ta ưng cho người sự giao ước bình yên ta; ¹³ấy về phần người và dòng dõi người sẽ là sự giao ước về một chức tế lễ đời đời, bởi vì người có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời mình, và có chuộc tội cho dân Y-sơ-ra-ên.

¹⁴Vả, người Y-sơ-ra-ên bị giết chung với người nữ Ma-đi-an, tên là Xim-ri con trai Sa-lu, quan trưởng của một tông tộc người Si-mê-ôn. ¹⁵Tên người nữ Ma-đi-an bị giết là Cốt-bi, con gái Xu-rơ, đầu trưởng của một tông tộc Ma-đi-an.

¹⁶Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ¹⁷Hãy khuấy rối

người Ma-di-an và hãm đánh chúng nó; ¹⁸ vì chúng nó đã lấy mưu chước mình mà khuấy rối các người, dỗ dành các người về việc cúng thờ Phê-ô, và trong việc của Cốt-bi, con gái quan trưởng Ma-di-an, là chị chúng nó đã bị giết trong ngày tai vạ, vì cố việc cúng thờ Phê-ô.

“Đoạn, Ba-la-am đứng dậy đi về bốn xứ” (24:25). Đừng theo nghĩa đen của câu này mà hiểu là ông về Phê-ô ngay, vì Ba-la-am ở trong số những người bị giết khi Y-sơ-ra-ên tàn sát người Ma-di-an (31:8). “Bốn xứ” có thể là nơi Ba-la-am lưu lại trong khi viếng thăm Ba-lác.

Tội lỗi của Y-sơ-ra-ên (Dân Số Ký 25:1-5). Ba-la-am không thể rửa sạch Y-sơ-ra-ên, nhưng ông biết cách làm cho họ ô uế và dụ dỗ họ phạm tội lớn đến nỗi Đức Giê-hô-va sẽ hình phạt họ. Ba-la-am gợi ý Ba-lác (31:16) bảo người Mô-áp (25:1) với người Ma-di-an (c.6) tổ chức một yến tiệc tôn giáo để tôn vinh Ba-anh, rồi mời người Do Thái cùng tham dự. Dĩ nhiên, đám tiệc sẽ bao gồm sự thờ thần tượng cùng hành động vô đạo đức ghê tởm, vốn là sự vi phạm trắng trợn giao ước giữa Y-sơ-ra-ên với Đức Giê-hô-va. Mô-áp có bà con với Y-sơ-ra-ên qua Lót là cháu Áp-ra-ham, còn người Ma-di-an thì lại là đồng minh với Mô-áp, cho nên người Do Thái thấy có lý do để nhận lời mời. Ba-la-am không trực tiếp khuyến khích Y-sơ-ra-ên đi theo Sa-tan được, nhưng ông lại thành công trong việc quyến rũ họ mê lụy theo xác thịt tại Ba-anh Phê-ô.

Đây là lần đầu tiên được ghi lại trong Kinh Thánh về việc Y-sơ-ra-ên thờ Ba-anh, nhưng chắc chắn không phải là lần cuối. Ba-anh là thần chính trong các thần Ca-na-an. Dân chúng vùng này cho rằng Ba-anh có quyền ban mưa móc cùng mùa màng. Cho tới lúc rời xứ sang Ba-by-lôn, người Y-sơ-ra-ên là một dân sống bằng nông nghiệp; hễ khi nào có hạn hán, họ thường quay sang cầu cứu Ba-anh thay vì hướng về Đức Giê-hô-va. Trong lễ cầu đảo này, có chuyện người xin lễ hành dâm với các kỵ nữ và kỵ nam trong đền thờ Ba-anh. Mà thờ thần tượng lần

suy đồi đạo đức đều bị Luật Pháp Đức Chúa Trời ngăn cấm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 20:1-5, 14).

Dân Do Thái phải nhớ lại giao ước của họ với Đức Chúa Trời chứ! Họ phải nhớ lại chuyện con bò vàng để tránh tội thờ thần tượng chứ. Y-sơ-ra-ên là một dân đặc biệt, “nước thầy tế lễ” của Đức Chúa Trời, không được trà trộn với người Mô-áp lẫn Ma-đi-an ngoại bang để rồi nhiễm tục thờ thần hư không.

Đức Giê-hô-va sai bệnh dịch giết chết dân chúng, cho nên Mô-i-se đã hành động. Theo lệnh Đức Chúa Trời, ông truyền cho quan xét trong mỗi chi phái giết những người đã đưa Y-sơ-ra-ên vào tội kinh khiếp này, rồi phơi thây họ để cảnh cáo dân chúng còn lại. Một hình phạt đặc biệt chặn đứng bệnh dịch và cứu cả nước còn lại.

Lòng can đảm của Phi-nê-a (Dân Số Ký 25:6-15). Xim-ri, một quan trưởng trong chi phái Si-mê-ôn (c.14), không chỉ tham dự yến tiệc thờ thần tượng mà còn đưa một phụ nữ Ca-na-an tên là Cốt-bi (c.15) về trại quân Y-sơ-ra-ên và công khai dẫn nàng vào lều mình ngay trước mắt Mô-i-se cùng những người Y-sơ-ra-ên đang than khóc tại cửa đền tạm.⁴ Đây là tội cậy quyền trợ tráo không thể tha thứ được. Xim-ri là một quan trưởng trong Y-sơ-ra-ên còn Cốt-bi là con gái của một quan trưởng, cho nên họ nghĩ rằng địa vị xã hội của mình cho mình đặc quyền phạm tội.

Cháu nội A-rôn là Phi-nê-a rời buổi cầu nguyện, theo sau hai người này, giết chết cả hai trong lều với một nhát giáo đâm. Việc làm này chặn đứng cơn bệnh dịch. Dù vậy thì cũng đã có đến 24.000 người đã bỏ mạng. (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:3-4).⁵ Giống như Áp-ra-ham khi dâng Y-sác (*Sáng Thế Ký* 22; *Gia-cơ* 2:21-24), Phê-ni-a chứng tỏ đức tin mình bằng việc làm, và được “kể là công bình cho người” (*Thi Thiên* 106:28-31).

Do nhiệt tâm của mình đối với Chúa, Phê-ni-a nhận được phần thưởng là chúc thầy tế lễ trọn đời và còn truyền cho con cháu. Phê-ni-a hành động mà không cầu

mong được thưởng. Ông hành động do nhiệt tâm đối với Đức Chúa Trời cùng thẩm quyền của Luật Pháp Ngài. Phê-ni-a cùng đi với Môi-se khi Y-sơ-ra-ên tấn công người Ma-đi-an (*Dân Số Ký* 31:5-6), vì vậy ông không sợ chiến trận. Ông cũng chịu trách nhiệm về những người canh cửa đền tạm và được Chúa hiện diện với mình trong chức vụ (*I Sử Ký* 9:20). Canh giữ đền thánh của Đức Chúa Trời là trách nhiệm nặng nề, nhưng Phê-ni-a có đủ xác tín cùng can đảm để làm tròn nhiệm vụ.

Hình phạt Ma-đi-an (*Dân Số Ký* 25:16-18). Đức Chúa Trời tuyên bố rằng người Ma-đi-an phải bị xem như kẻ thù của Y-sơ-ra-ên và phải bị giết chết. Chuyện kể việc Môi-se thi hành lệnh này là trong 31:1-24. Như chúng ta đã lưu ý, Ba-la-am, là kẻ chủ mưu yếm tiện, bị giết cùng lúc đó.

Những người chỉ trích Chúa và Kinh Thánh về những vụ tàn sát các nước không hiểu rằng Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn đối với các nước gian ác này suốt nhiều thế kỷ (*Sáng Thế Ký* 15:16) và đã cho họ nhiều cơ hội để ăn năn. Ngài đã bày tỏ chính mình Ngài cho họ trong thiên nhiên (*Rô-ma* 1:18 trở đi; *Thi Thiên* 19), và họ đã nghe về hình phạt đối với Ai Cập (*Giô-suê* 2:8-14). Những tập quán tôn giáo của họ thật bẩn thỉu ghê tởm, và cách duy nhất Đức Chúa Trời có thể cất bỏ khối ung thư này là xóa sạch toàn bộ nền văn minh đó. Y-sơ-ra-ên có một công tác quan trọng để thực hiện cho Chúa. Sự hiện diện của những dân tộc gian ác này chỉ là sự cám dỗ người Do Thái phạm tội thôi.

4. Ba-la-am và Hội Thánh Ngày Nay

Là dân của Đức Chúa Trời ngày nay, chúng ta không được cho rằng những câu chuyện Cựu Ước là lịch sử quá khứ và chỉ là những chuyện vui cho chúng ta đọc mà thôi. Cho tới khi Tân Ước được viết ra, thì Kinh Thánh duy nhất mà Hội Thánh thế kỷ đầu tiên có được, chính là

Cựu Ước. Những sự kiện này trong lịch sử Do Thái nhằm cảnh cáo chúng ta chớ bất tuân Chúa (*I Cô-rinh-tô* 10:1-13) cũng như khích lệ gây dựng đức tin (*Hê-bơ-rơ* 11) cùng hy vọng trong chúng ta (*Rô-ma* 15:4).

Ba-la-am được ba tác giả khác nhau trong Tân Ước đề cập: Phi-e-rơ (*II Phi-e-rơ* 2:15-16, *Giù-đe* (c.11), và Giảng (*Khải Thị* 2:14).

“*Con đường của Ba-la-am*” (*II Phi-e-rơ* 2:15-16). Chương thứ hai của *II Phi-e-rơ* tập trung vào nguy cơ giáo sư giả lên vào Hội Thánh và dẫn dân Chúa đi lạc. Phi-e-rơ bảo rằng Đức Chúa Trời sẽ xét xử những kẻ lừa dối này (c.3), nhưng ông cũng cảnh cáo tín hữu phải biết biện biệt kẻ e bị giáo lý sai lạc mê hoặc. Các giáo sư giả này giống như Ba-la-am ở chỗ họ biết con đường đúng nhưng lại không đi theo, họ tham lam, và dẫn người khác vào chốn suy đồi (c.14). Khi đọc chương này, bạn sẽ thấy phơi bày những đặc điểm của Ba-la-am.

“Ba-la-am là thầy bói và tiên tri giả. Động cơ của ông ta là làm tiền và lợi dụng cơ hội, không phải để phục vụ Đức Chúa Trời cùng dân Ngài, mà là để thỏa mãn thèm khát giàu sang của mình. Nói cách khác, ông ta là một tên tay sai cho tiền bạc. Ông ta dùng “tôn giáo” chỉ để làm tiền và để che giấu những thèm khát tội lỗi của mình. Ông ta cũng dùng “tôn giáo” để lôi cuốn người khác phạm tội.

Ba-la-am biết rằng Đức Chúa Trời không muốn mình đi chung với đám người phục vụ vua Ba-lác. Ông diễn dịch sai ý muốn của Đức Chúa Trời khi đi Mô-áp. Mục sư F.W. Robertson nói: “Ông ta đến với Đức Chúa Trời để thi thố ý đồ của mình, chứ không phải để cầu hỏi ý Chúa.”⁶ Ba-la-am âm mưu nhiều công việc kín giấu mà chẳng giấu được đối với Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã dùng “con vật câm” để khiển trách Ba-la-am và tìm cách đưa ông trở lại đường ngay, nhưng lòng Ba-la-am không hề thay đổi. Đáng ra ông phải sợ mà thay đổi ý định khi thấy thiên sứ, thế nhưng ông vẫn

không thuận phục và tin tưởng. Ba-lác đã hứa cho ông nhiều của cải và ông quyết sẽ không để mất mỗi lợi này.

Khi nào thì chúng ta đi trên “con đường của Ba-la-am”? Khi chúng ta cố tình phản nghịch ý đã được bày tỏ của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta có những động cơ ích kỷ và chỉ hành động khi có lợi riêng. Khi chúng ta khiến người khác phạm tội để mình trục lợi. Phao-lô có thể nghĩ tới Ba-la-am khi ông viết *I Ti-mô-thê* 6:9-10. “Tôn giáo” là “ngành kinh doanh lớn” ngày nay và thật dễ cho các nhà truyền đạo, nhạc sĩ, quản trị, văn sĩ, cùng những người khác trong tập thể phục vụ Cơ Đốc lo nghĩ đến tiền bạc, tiếng tăm nhiều hơn là tới những giá trị thuộc linh và đặc tính Cơ Đốc.

“*Sai lầm của Ba-la-am*” (*Giu-đe* 11). Thư *Giu-đe* viết để cảnh cáo Hội Thánh về giáo sư giả (c.3-4). Thư *Giu-đe* là tiếng vọng của điều Phi-e-rơ viết trong *II Phi-e-rơ* 2. Điều này cho chúng ta thấy mối nguy nghiêm trọng ra sao, và trách nhiệm chúng ta là phải phát hiện và đánh bại những giáo sư giả ngấm ngấm này. Đáng buồn là nhiều người tự xưng là tín hữu lại ít quan tâm tới giáo lý Thánh Kinh và dễ bị làm mờ cho những ảnh hưởng tà giáo. Sự thật là nhiều thành viên của những tà giáo đã một thời là thuộc viên của những Hội Thánh đúng đắn. Những người tà giáo không tìm cách chinh phục linh hồn hư mất, vì họ không có sứ điệp cứu rỗi cho kẻ hư mất. Họ chỉ nhằm vào những tín hữu ngây ngô dễ bị lung lạc (c.18-19).

Sai lầm của Ba-la-am không phải là nghĩ rằng mình bất tuân Đức Chúa Trời mà vẫn tránh được tội, nhưng còn là nghĩ rằng những kẻ bị mình lôi cuốn phạm tội cũng sẽ được bình an nữa. Giáo sư giả trong thời Phi-e-rơ và Giu-đe quyến rũ những người thiếu hiểu biết và tìm cách đưa họ vào tội lỗi (c.10, 13, 18; *Giu-đe* 4, 8, 18-19), lúc nào cũng che giấu mọi thứ bằng áo khoác “tôn giáo.” Nếu điều xấu xa nhất là sự băng hoại của điều tốt nhất, thì những giáo sư giả này đúng là những tội nhân lớn

nhất, vì họ dùng niềm tin Cơ Đốc như áo khoác ngoài những việc làm gian ác của mình.

Dĩ nhiên, “phần thưởng” là động cơ phía sau điều họ làm (c.11), và phần thưởng họ nhắm đến là tiền bạc, quyền lực trên người khác, danh tiếng, và lạc thú cá nhân. Giu-đa Ích-ca-ri-ốt dùng chức vụ để tìm lợi lộc cá nhân (*Giăng* 12:6) để rồi kết thúc bằng sự tự sát.

“*Chủ trương của Ba-la-am*” (*Khải Thị* 2:14). Ba-la-am lôi cuốn Y-sơ-ra-ên tham dự yến tiệc thờ thần tượng tại Ba-anh Phê-ô và phạm tội đồi bại với người Ma-đi-an (*Dân Số Ký* 25). Thế gian sẽ bảo: “Khi ở La Mã, hãy làm như người La Mã. Đừng làm kẻ theo chủ nghĩa biệt lập ‘thánh thiện hơn người.’ Hãy làm người láng giềng tốt. Bạn đang sống trong một xã hội đa nguyên, vì thế, hãy học tôn trọng cách người khác tin và sống.” Nhưng đối với Đức Chúa Trời, tội Y-sơ-ra-ên là đầu hàng tội lỗi và vi phạm giao ước đã lập tại Si-nai.

Vấn đề tại Bết-găm là giáo sư giả đã lên vào Hội Thánh, lôi cuốn người ta tham dự yến tiệc trong các đền thờ thần tượng.⁷ Như tại Ba-anh Phê-ô, họ kết hợp thờ thần tượng với tà dâm, nhưng các giáo sư giả không cho như thế là phạm tội: Họ dạy rằng ân sủng của Đức Chúa Trời cho con người tự do hành động, nhưng Giu-đe gọi đó là “biến ân sủng Đức Chúa Trời thành việc tà ác” (*Giu-đe* 4; và xem *Rô-ma* 6:1 trở đi).

Người Do Thái là tuyển dân của Đức Chúa Trời, được biệt riêng khỏi các dân khác để phục vụ và tôn cao Ngài. Họ không được thờ các thần của láng giềng hoặc dự phần trong các lễ hội ngoại giáo. Khi vào Đất Hứa, họ phải triệt hạ các đền thờ cùng bàn thờ ngoại giáo và tiêu hủy thần tượng (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 7; *Giô-suê* 23), kéo e Y-sơ-ra-ên sẽ bị cám dỗ từ bỏ Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống mà bắt chước các láng giềng ngoại bang chẳng. Đáng buồn là chính điều đó đã xảy ra sau cái chết của Giô-suê (*Các Quan Xét* 2:10-3:6).

Chủ ý của Ba-la-am là sự dối gạt bảo rằng người được

cứu có phép sống như người chưa được cứu, rằng ân sủng Đức Chúa Trời cho chúng ta quyền bất tuân Luật Pháp Đức Chúa Trời. Xuyên suốt Cựu Ước, việc Y-sơ-ra-ên thỏa hiệp với sự thờ thần tượng bị cho là “ngoại tình” và “chơi trò điểm đi,” vì cả nước đã “kết hôn” với Đức Giê-hô-va tại Si-nai rồi. (Xem *Giê-rê-mi* 2:19-20; 3:1-11; *Ê-xê-chi-ên* 16; 23; và *Ô-sê* 1-2.) Cùng hình ảnh “hôn nhân” này được áp dụng cho Đấng Christ và Hội Thánh thời Tân Ước (*II Cô-rinh-tô* 11:1-4; *Ê-phê-sô* 5:22-33; *Gia-cơ* 4:4; *Khải Thị* 19:6-9). Người tín hữu thỏa hiệp với tội lỗi giống như người chồng hoặc vợ phạm tội ngoại tình.

Bất kỳ tín lý nào dễ dãi chấp nhận tội lỗi cũng đều là giáo lý sai lạc, vì Lời Đức Chúa Trời ban cho chúng ta để giúp chúng ta sống thánh khiết (*I Ti-mô-thê* 6:3-4; *Tít* 1:1). Phao-lô nhấn mạnh nhu cầu trong Hội Thánh cần “đạo lành” (*I Ti-mô-thê* 1:10; *II Ti-mô-thê* 4:3; *Tít* 1:9; 2:1).⁸ Ông ví sánh giáo lý sai lạc với khối u ung thư (*II Ti-mô-thê* 2:17).

Khi giết Ba-la-am, Y-sơ-ra-ên vẫn không giết chết được những lời dối gạt ông đã thốt ra trên trần gian, những dối gạt vẫn còn ảnh hưởng người Do Thái sau khi họ đã chinh phục Ca-na-an (*Giô-suê* 22:15-18). Những lời dối gạt này ảnh hưởng từng cá nhân tín hữu cùng Hội Thánh ngày nay và chứng ung thư thỏa hiệp đang làm suy yếu lời chứng của chúng ta và làm hao mòn sức mạnh thuộc linh của chúng ta (*II Cô-rinh-tô* 6:14-7:1).

Chúng ta phải chú ý lời cảnh cáo của E.W. Robertson: “Hỡi anh em, hãy coi chừng. Hãy canh chừng một người có thể vẫn tiếp tục nói những lời cao đẹp, những chân lý chính thống nhưng lại mục nát trong lòng.”⁹

“Hãy giữ tấm lòng của con hơn hết, vì các nguồn sự sống đều do nơi nó mà ra” (*Châm Ngôn* 4:23).

Chú thích

¹ Trong câu 16, Ba-la-am dùng ba danh xưng khác

nhau cho Đức Chúa Trời: El, Elyon (Chí Cao), và Shaddai (Toàn Năng). Ông này hiểu biết Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên trong trí, nhưng lòng thì không nghĩ đến Ngài.

² Bố vợ của Môi-se thuộc dân Kê-nít (*Giu-đe* 1:16) lẫn Ma-đi-an (*Dân Số Ký* 10:29).

³ “Numbers” trong *The Expositor’s Bible Commentary*, Frank E. Gaebelin, General Editor (Grand Rapids: Zondervan, 1990), 913.

⁴ Một số nhà bình luận cho rằng họ đã làm điều xấu ngay trước cửa đền tạm, hoặc ngay cả trong khuôn viên đền tạm. Họ đã làm điều này trước mặt Ba-anh trong trại quân Ma-đi-an, thì sao lại không làm được trước mặt Giê-hô-va trong trại quân Y-sơ-ra-ên? Tuy nhiên, cụm từ “vào trong trại” ở câu 8 ngụ ý lều của Xim-ri chứ không phải chính đền tạm.

⁵ *I Cô-rinh-tô* 10:8 nói 23.000 người chết, vì thế dường như có mâu thuẫn. Có vài cách giải đáp. Câu 7 gợi ý rằng ám chỉ trong câu 8 không phải là tội tại Ba-anh Phê-ô mà là tại Si-nai khi người Do Thái thờ con bò vàng. Chúng ta không được biết qua *Xuất Ê-díp-tô Ký* 32, có bao nhiêu người chết vì con bò vàng, nhưng Phao-lô có cho chúng ta biết qua *I Cô-rinh-tô* 10:8. Khả năng thứ hai là chỉ có 23.000 người chết do bệnh dịch Chúa gửi tới, nhưng một ngàn kia là do các quan xét giết (*Dân Số Ký* 25:5).

⁶ F.W. Robertson, *Sermons: Fourth Series* (London: Kegan, Paul, Trench, Trubner; 1900), 39.

⁷ Hội nghị Giê-ru-sa-lem đã cố gắng giải quyết vấn đề này (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 15:19-29), và Phao-lô có đề cập trong *I Cô-rinh-tô* 8-10. Thịt rẻ tiền nhất được bán trong các đền thờ ngoại giáo, thu hút nhiều người đến hội họp và ăn uống tại đó, Cơ Đốc nhân cũng bị lôi cuốn theo.

⁸ Từ Hy văn dịch là “lành mạnh” tương đương với từ Anh ngữ “hygiene” [vệ sinh]. Hygeia là nữ thần sức khỏe của Hy Lạp.

⁹ Robertson, 50.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG MƯỜI

Dân Số Ký 23:27-25:18

1. Sấm truyền thứ ba của Ba-la-am nhấn mạnh điều gì?
2. Làm sao Ba-la-am có được kinh nghiệm mạnh mẽ như thế về Chúa mà vẫn không có đức tin cứu rỗi? Chúng ta học được gì từ điều này?
3. Người tín hữu có thể rút ra được niềm an ủi nào từ *Dân Số Ký* 24:23: "Ôi, khi Đức Chúa Trời đã làm các điều này, ai sẽ còn sống"?
4. Đức Chúa Trời không cho phép Ba-la-am rửa sả Y-sơ-ra-ên. Nhưng sau khi Ba-la-am chúc phước cho họ, ông đã làm gì? Ba-la-am có gì hấp dẫn được Y-sơ-ra-ên để khiến họ vấp ngã?
5. Người Y-sơ-ra-ên mong chờ điều gì từ Ba-anh? Tại sao họ phải biết rõ hơn?
6. Trong *II Phi-e-rơ* 2, so với Ba-la-am, giáo sư giả nguy hiểm như thế nào?
7. Bằng cách nào Đức Chúa Trời có thể thực hiện kế hoạch của Ngài khi dân chúng bác bỏ quyền cai trị của Ngài trên đời sống họ?
8. Khi nào chúng ta đi trong "đường của Ba-la-am"? Sai lầm thâm trầm của Ba-la-am là gì?
9. Người Y-sơ-ra-ên phạm tội gì tại Ba-anh Phê-ô? Làm sao họ có thể biện minh cho "giáo lý này của Ba-la-am"?
10. Chúng ta phải cẩn thận như thế nào để tránh tình trạng sùng đạo nhưng "lòng thì mục nát"?

MỘT KHỞI ĐẦU MỚI

Dân Số Ký 26-29; 36

Chuyển tiếp giữa chương 25 và 26 nhắc chúng ta nhớ lại đoạn chuyển tiếp giữa chương 14 và 15, vì trong cả hai chuyển tiếp, Chúa đều chuyển từ án phạt tới thương xót, từ hình phạt tới lời hứa. Tại Ca-đe Bạt-nê-a và tại Ba-anh Phê-ô, Y-sơ-ra-ên đã phạm tội trọng nên Đức Chúa Trời sửa phạt. Nhưng Ngài đã tha thứ sự bất tuân của họ và cho họ một khởi đầu mới. E-xơ-ra, thầy thông giáo nói lên lẽ thật này trong lời cầu nguyện xưng tội của mình như sau: “Hỡi Đức Chúa Trời của chúng tôi ôi, thật Chúa chẳng có phạt chúng tôi cho đáng như tội chúng tôi” (*E-xơ-ra* 9:13); Đa-vít cũng cảm nhận như vậy khi ông viết: “Ngài không đả chúng tôi theo như tội lỗi chúng tôi, cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi” (*Thi Thiên* 103:10).

Trong khi Y-sơ-ra-ên nán lại ở đồng bằng Mô-áp, Môi-se hoàn thành bốn công tác quan trọng để chuẩn bị Y-sơ-ra-ên cho tương lai.

1. Điểm Bình

Dân Số Ký 26:1-51

¹Xây sau tai vạ này, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se và Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn, thầy tế lễ, mà rằng: ²Hãy dựng sổ cả hội chúng Y-sơ-ra-ên, từ hai mươi tuổi sắp lên, tùy theo tông tộc của họ, tức là hết thấy người trong Y-sơ-ra-ên đi ra trận được. ³Vậy, Môi-se và Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, nói cùng dân Y-sơ-ra-ên trong đồng Mô-áp gần sông Giô-đanh đối ngang Giê-ri-cô, mà rằng: ⁴Hãy tu bộ dân sự từ hai mươi tuổi sắp lên, như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên, mà đã ra khỏi xứ Ê-díp-

tô.

⁵Ru-bên, con trưởng nam của Y-sơ-ra-ên. Con trai Ru-bên là Hê-nóc; do nơi người sinh ra họ Hê-nóc; do nơi Pha-lu sinh họ Pha-lu; ⁶do nơi Hết-rôn sinh ra họ Hết-rôn; do nơi Cật-mi sinh ra họ Cật-mi. ⁷Đó là các họ của Ru-bên, và những tên người mà người ta tu bộ, cộng được bốn mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi. ⁸Con trai Pha-lu là Ê-li-áp. ⁹Các con trai của Ê-li-áp là Nê-mu-ên, Đa-than, và A-bi-ram. Ấy là Đa-than và A-bi-ram này, trưởng của hội chúng dấy loạn cùng Môi-se và A-rôn, tại phe đảng Cô-rê, khi họ dấy loạn cùng Đức Giê-hô-va. ¹⁰Ấy, khi đất hả miệng ra nuốt hai người và Cô-rê cùng những kẻ đã hiệp đảng chết luôn, lúc lửa thiêu nuốt hai trăm rưỡi người; họ làm gương như vậy. ¹¹Nhưng các con trai Cô-rê không chết.

¹²Các con trai Si-mê-ôn, tùy theo họ hàng mình: do nơi Nê-mu-ên sinh ra họ Nê-mu-ên; do nơi Gia-min sinh ra họ Gia-min; do nơi Gia-kin sinh ra họ Gia-kin; ¹³do nơi Xê-rách sinh ra họ Xê-rách; do nơi Sau-lơ sinh ra họ Sau-lơ. ¹⁴Đó là các họ của Si-mê-ôn: số là hai mươi hai ngàn hai trăm người.

¹⁵Các con trai của Gát, tùy theo họ hàng mình: do nơi Xê-phôn sinh ra họ Xê-phôn; do nơi Ha-ghi sinh ra họ Ha-ghi; do nơi Su-ni sinh ra họ Su-ni; ¹⁶do nơi Ốc-ni sinh ra họ Ốc-ni; do nơi Ê-ri sinh ra họ Ê-ri; ¹⁷do nơi A-rốt sinh ra họ A-rốt; do nơi A-rê-li sinh ra họ A-rê-li. ¹⁸Đó là các họ của những con trai Gát, tùy theo tu bộ: số là bốn mươi ngàn năm trăm người.

¹⁹Các con trai Giu-đa: Ê-rơ và Ô-nan; nhưng Ê-rơ và Ô-nan đã qua đời tại xứ Ca-na-an. ²⁰Các con trai Giu-đa, tùy theo họ hàng mình: do nơi Sê-la sinh ra họ Sê-la; do nơi Phê-rết sinh ra họ Phê-rết; do nơi Xê-rách sinh ra họ Xê-rách. ²¹Các con trai của Pha-rết: do nơi Hết-rôn sinh ra họ Hết-rôn; do nơi Ha-mun sinh ra họ Ha-mun. ²²Đó là các họ của Giu-đa, tùy theo tu bộ: số là bảy mươi sáu ngàn năm trăm người.

²³Các con trai Y-sa-ca, tùy theo họ hàng mình: do nơi Thô-la sinh ra họ Thô-la; do nơi Phu-va sinh ra họ Phu-va; ²⁴do nơi Gia-súp sinh ra họ Gia-súp; do nơi Sim-rôn sinh ra họ Sim-rôn. ²⁵Đó là các họ Y-sa-ca, tùy theo tu bộ: số là sáu mươi bốn ngàn ba trăm người.

²⁶Các con trai Sa-bu-lôn, tùy theo họ hàng mình: do nơi Sê-rết sinh ra họ Sê-rết; do nơi Ê-lôn sinh ra họ Ê-lôn; do nơi Gia-lê-ên sinh ra họ Gia-lê-ên. ²⁷Đó là các họ của Sa-bu-lôn tùy theo tu bộ: số là sáu mươi ngàn năm trăm người.

²⁸Các con trai Giô-sép, tùy theo họ hàng mình: là Ma-na-se và Ép-ra-im.

²⁹Các con trai Ma-na-se: do nơi Ma-ki sinh ra họ Ma-ki. Ma-ki sinh Ga-la-át: do nơi Ga-la-át sinh ra họ Ga-la-át. ³⁰Này là các con trai Ga-la-át: do nơi Giê-xe sinh ra họ Giê-xe; do nơi Hê-léc sinh ra họ Hê-léc; ³¹do nơi Ách-ri-ên sinh ra họ Ách-ri-ên; do nơi Si-chem sinh ra họ Si-chem; ³²do nơi Sê-mi-đa sinh ra họ Sê-mi-đa; do nơi Hê-phe sinh ra họ Hê-phe. ³³Vả, Xê-lô-phát, con trai Hê-phe, không có con trai, nhưng có con gái. Tên các con gái Xê-lô-phát là Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Minh-ca, và Thiết-sa. ³⁴Đó là các họ của Ma-na-se, tùy theo tu bộ: số là năm mươi hai ngàn bảy trăm người.

³⁵Này là các con trai Ép-ra-im: tùy theo họ hàng mình: do nơi Su-thê-lách sinh ra họ Su-thê-lách; do nơi Bê-ke sinh ra họ Bê-ke; do nơi Tha-chan sinh ra họ Tha-chan. ³⁶Này là con trai của Su-thê-lách: do nơi Ê-ran sinh ra họ Ê-ran. ³⁷Đó là họ của các con trai Ép-ra-im, tùy theo tu bộ: số là ba mươi hai ngàn năm trăm người. Ấy là các con trai Giô-sép, tùy theo họ hàng mình vậy.

³⁸Các con trai Bê-ni-min, tùy theo họ hàng mình: do nơi Bê-la sinh ra họ Bê-la; do nơi Ách-bên sinh ra họ Ách-bên; do nơi A-chi-ram sinh ra họ A-chi-ram; ³⁹do nơi Sê-phu-pham sinh ra họ Sê-phu-pham; do nơi Hu-pham sinh ra họ Hu-pham. ⁴⁰Các con trai Bê-la là A-rết và Na-a-man; do nơi A-rết sinh ra họ A-rết; do nơi Na-a-man sinh ra họ Na-a-man. ⁴¹Đó là các con trai Bê-ni-min, tùy theo họ hàng và tùy theo tu bộ: số là bốn mươi lăm ngàn sáu trăm người.

⁴²Này là các con trai của Đan, tùy theo họ hàng mình: do nơi Su-cham sinh ra họ Su-cham. Đó là họ của Đan; ⁴³họ Su-cham, tùy theo tu bộ: số là sáu mươi bốn ngàn bốn trăm người.

⁴⁴Các con trai A-se, tùy theo họ hàng mình: do nơi Di-ma sinh ra họ Di-ma; do nơi Dích-vi sinh ra họ Dích-vi; do nơi Bê-ri-a sinh ra họ Bê-ri-a. ⁴⁵Các con trai Bê-ri-a: do nơi Hê-be sinh ra họ Hê-be; do nơi Manh-ki-ên sinh ra họ Manh-ki-ên. ⁴⁶Tên của con gái A-se là Sê-rách. ⁴⁷Đó là những họ của các con trai A-se, tùy theo tu bộ: số là năm mươi ba ngàn bốn trăm người.

⁴⁸Các con trai Nép-ta-li, tùy theo họ hàng mình: do nơi Giát-sê-ên sinh ra họ Giát-sê-ên; do nơi Gu-ni sinh ra họ Gu-ni; ⁴⁹do nơi Dít-se sinh ra họ Dít-se; do nơi Si-lem sinh ra họ Si-lem. ⁵⁰Đó là các họ của Nép-ta-li, tùy theo họ hàng và tu bộ mình: số là

bốn mươi lăm ngàn bốn trăm người.

⁵¹Đó là những người trong dân Y-sơ-ra-ên mà người ta tu bộ lại: số là sáu trăm một ngàn bảy trăm ba mươi người.

Vào lúc Y-sơ-ra-ên bước vào thung lũng Xê-rét (21:12), thế hệ già đã chết hết (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:14-15), ngoại trừ Môi-se, Ca-lép, và Giô-suê (*Dân Số Ký* 26:63-65); chẳng bao lâu, Môi-se cũng qua đời. Y-sơ-ra-ên đang tạo một khởi đầu mới, nhờ sự thành tín cùng thương xót của Đức Chúa Trời. Đã tới lúc phải kiểm tra dân số của thế hệ mới và bắt đầu hướng tới tương lai.

Môi-se nhắm hai mục đích khi ông kiểm tra dân số lần thứ hai.¹ Giống như lần kiểm tra dân số đầu tiên, Môi-se cần biết có sẵn bao nhiêu đàn ông, từ hai mươi tuổi sắp lên, có thể phục vụ trong quân đội. Mục đích thứ hai của kiểm tra dân số là để biết mỗi chi phái sẽ cần bao nhiêu đất, khi Y-sơ-ra-ên định cư tại Ca-na-an và nhận sản nghiệp mình (26:52-56). Chia phần sản nghiệp cho từng chi phái sẽ là nhiệm vụ của Giô-suê, của thầy tế lễ cả Ê-lê-a-sa, và của mười quan trưởng đại diện cho các chi phái định cư bên phía tây sông Giô-đanh (34:16-29).

Lần kiểm tra dân số đầu tiên cho thấy tổng cộng có 603.550 binh lính sẵn sàng chiến đấu (1:45-46), trong khi lần kiểm tra thứ hai có tổng cộng 601.730 (26:51), hơi giảm sút. Đức Chúa Trời đã gia tăng dân Ngài suốt những năm họ khổ sở tại Ai Cập (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 1:7, 12) ra sao, thì Ngài cũng khiến họ đông đúc thêm lên trong những năm đi trong hoang mạc như vậy. Chúa vẫn thành tín giữ lời hứa giao ước của Ngài (*Sáng Thế Ký* 12:2; 15:5; 22:17).

Số binh lính sẵn sàng phục vụ giảm thiểu trong chi phái Gát, Si-mê-ôn, và Ru-bên, chi phái Si-mê-ôn giảm nhiều nhất, từ 59.300 còn 22.200. Ba chi phái này đóng trại chung với nhau ở phía nam đền tạm và có thể đã ảnh hưởng xấu lẫn nhau. Đa-than và A-bi-ram thuộc chi phái

Ru-bên, dự phần trong vụ bạo loạn của Cô-rê trong đó gần 15.000 người bị chết (*Dân Số Ký* 26:9-11; 16:55, 49). Có lẽ nhiều người nổi loạn xuất phát từ chi phái đó. Lại nữa, Xim-ri, kẻ ngạo mạn phạm tội trong vấn đề Ba-anh Phê-ô (25:6-15), là một quan trưởng trong chi phái Si-mê-ôn. Gương xấu của người có thể đã ảnh hưởng các đàn ông khác trong chi phái Si-mê-ôn cũng tham gia thờ thần tượng và tà dâm, nên bị tiêu diệt vì những tội đó.

Giu-đa, Y-sa-ca, và Sa-bu-lôn, đóng trại phía đông đền tạm, tất cả đều cho thấy có gia tăng đáng kể. Điều lạ là Ép-ra-im mất 8.000 người trong khi chi phái anh em Ma-na-se tăng 20.000.

Đức Chúa Trời có thể sai thiên sứ xóa sạch Ca-na-an ngay tức khắc, nhưng Ngài vẫn khoan dung uốn nắn từng ngày. Đức Chúa Trời kiên nhẫn đối với dân Ngài, và chúng ta, được biết Ngài, được Ngài sử dụng trong công việc của Ngài là đặc ân lớn.

2. Chuẩn Bị Cho Sản Nghiệp

Dân Số Ký 26:52-27:11; 36

⁵²Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ⁵³Phải tùy theo số các danh mà chia xứ ra cho những người này làm sản nghiệp; ⁵⁴chi phái nào số dân đông thì người phải cho một sản nghiệp lớn hơn, chi phái nào số dân ít, thì phải cho một sản nghiệp nhỏ hơn, tức là phải cho mỗi chi phái sản nghiệp mình cân phân cùng số tu bộ. ⁵⁵Nhưng phải bắt thăm mà chia xứ ra; dân Y-sơ-ra-ên sẽ lãnh phần sản nghiệp mình theo tên của các chi phái tổ tông. ⁵⁶Phải tùy sự bắt thăm mà chia sản nghiệp ra cho mỗi chi phái, hoặc số dân đông hay ít.

⁵⁷Này là người Lê-vi mà người ta tu bộ lại, tùy theo họ hàng mình: do nơi Ghệt-sôn sinh ra họ Ghệt-sôn; do nơi Kê-hát sinh ra họ Kê-hát; do nơi Mê-ra-ri sinh ra họ Mê-ra-ri. ⁵⁸Này là các họ Lê-vi: họ Líp-ni, họ Hếp-rôn, họ Mách-li, họ Mu-si, họ Cô-rê. Vả, Kê-hát sinh Am-ram. ⁵⁹Tên vợ Am-ram là Giô-kê-bết, con gái của Lê-vi sinh trong xứ Ê-díp-tô; nàng sinh cho Am-ram, A-rôn, Môi-se, và chị của hai người là Mi-ri-am. ⁶⁰Còn A-rôn sinh Na-đáp và A-bi-hu, Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma. ⁶¹Nhưng Na-đáp và

A-bi-hu chết trong khi dâng một thứ lửa lạ trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁶²Những nam đinh mà người ta tu bộ từ một tháng sắp lên, cộng được hai mươi ba ngàn; vì người Lê-vi không được kể vào số tu bộ của dân Y-sơ-ra-ên, bởi người Lê-vi không được phần sản nghiệp giữa dân Y-sơ-ra-ên.

⁶³Đó là sự tu bộ mà Môi-se và Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, làm về dân Y-sơ-ra-ên trong đồng bằng Mô-áp gần Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô. ⁶⁴Trong các người này không có một ai thuộc về bọn mà Môi-se và A-rôn, thầy tế lễ, đã kiểm soát khi hai người tu bộ dân Y-sơ-ra-ên tại đồng vắng Si-na-i. ⁶⁵Vì Đức Giê-hô-va có phán về bọn đó rằng: Chúng nó hẳn sẽ chết trong đồng vắng! Vậy, chẳng còn lại một tên, trừ ra Ca-lép, con trai Giê-phu-nê, và Giô-suê, con trai Nun.

27

Luật pháp về sản nghiệp

¹Các con gái của Xê-lô-phát, là con trai Hê-phe, cháu của Ga-la-át, chất của Ma-ki, chít của Ma-na-se, thuộc về họ hàng Ma-na-se, là con trai của Giô-sép, đến gần; đây là tên của các con gái người: Mách-la, Nô-a, Hốt-la Minh-ca, và Thiệt-sa. ²Các con gái đó đến ra mặt Môi-se, Ê-lê-a-sa thầy tế lễ, các quan trưởng, và cả hội chúng tại cửa hội mạc, mà nói rằng: ³Cha chúng tôi đã chết trong đồng vắng; người chẳng phải về phe đảng của kẻ hiệp lại nghịch cùng Đức Giê-hô-va, tức là phe đảng Cô-rê; nhưng người chết vì tội lỗi mình, và không có con trai. ⁴Cớ sao danh cha chúng tôi bị trừ ra khỏi giữa họ người, bởi không có con trai? Hãy cho chúng tôi một phần sản nghiệp giữa anh em của cha chúng tôi.

⁵Môi-se bèn đem cơ sự của các con gái ấy đến trước mặt Đức Giê-hô-va. ⁶Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ⁷Các con gái Xê-lô-phát nói có lý; người phải cho chúng nó một phần sản nghiệp giữa anh em của cha chúng nó, tức là phải giao cho chúng nó sản nghiệp của cha chúng nó. ⁸Người cũng phải nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Khi một người nào chết không có con trai, thì các người phải giao sản nghiệp của người lại cho con gái người. ⁹Nhược bằng không có con gái, thì phải giao sản nghiệp cho anh em người. ¹⁰Vì bằng người không có anh em, thì phải giao sản nghiệp cho chú bác người. ¹¹Nếu không có chú bác, thì phải giao sản nghiệp người cho bà con gần hơn hết; và người ấy sẽ được lấy làm của. Ấy sẽ là một luật lệ để định cho dân Y-sơ-ra-ên, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

36

Cấm con gái nào hưởng sản nghiệp lấy chồng ngoài chi phái mình

¹Vả, những trưởng tộc Ga-la-át, là con trai Ma-ki, cháu Ma-na-se, trong dòng con cháu Giô-sép, đến gần và nói trước mặt Môi-se cùng trước mặt các tổng trưởng của những chi phái Y-sơ-ra-ên, ²mà rằng: Đức Giê-hô-va có phần cùng chúa tôi bất thăm chia xứ cho dân Y-sơ-ra-ên làm sản nghiệp, và chúa tôi có lãnh mạng Đức Giê-hô-va giao sản nghiệp của Xê-lô-phát, anh chúng tôi, cho các con gái người. ³Nếu các con gái kết hôn với một trong những con trai về các chi phái khác của dân Y-sơ-ra-ên, sản nghiệp chúng nó sẽ truất khỏi sản nghiệp của tổ phụ chúng tôi mà thêm vào sản nghiệp của chi phái nào chúng nó sẽ thuộc về; như vậy phần đó phải truất khỏi sản nghiệp đã bất thăm về chúng tôi. ⁴Khi đến năm hân hỉ cho dân Y-sơ-ra-ên, sản nghiệp chúng nó sẽ thêm vào sản nghiệp của chi phái nào chúng nó sẽ thuộc về; như vậy, sản nghiệp chúng nó sẽ truất khỏi sản nghiệp của chi phái tổ phụ chúng tôi.

⁵Môi-se bèn truyền các lệnh này của Đức Giê-hô-va cho dân Y-sơ-ra-ên mà rằng: Chi phái con cháu Giô-sép nói có lý. ⁶Này là điều Đức Giê-hô-va có phán về phần các con gái Xê-lô-phát: Chúng nó muốn kết thân với ai thì muốn, nhưng chỉ hãy kết thân với một trong những nhà của chi phái tổ phụ mình. ⁷Như vậy, trong dân Y-sơ-ra-ên, một sản nghiệp nào chẳng được từ chi phái này đem qua chi phái khác, vì mỗi người trong dân Y-sơ-ra-ên sẽ ở đeo theo sản nghiệp về chi phái tổ phụ mình. ⁸Phàm người con gái nào được một phần sản nghiệp trong một của các chi phái Y-sơ-ra-ên, thì phải kết thân cùng một người của một nhà nào về chi phái tổ phụ mình, hầu cho mỗi người trong dân Y-sơ-ra-ên hưởng phần sản nghiệp của tổ phụ mình. ⁹Vậy, một phần sản nghiệp nào chẳng được từ chi phái này đem qua chi phái kia; nhưng mỗi chi phái Y-sơ-ra-ên sẽ giữ sản nghiệp mình vậy.

¹⁰Các con gái Xê-lô-phát làm như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ¹¹Mách-la, Thiệt-sa, Hốt-la, Minh-ca, và Nô-a, các con gái của Xê-lô-phát, đều kết thân cùng các con trai của cậu mình.

¹²Chúng nó kết thân trong những nhà của con cháu Ma-na-se, là con trai Giô-sép, và phần sản nghiệp họ còn lại trong chi phái tổ phụ mình.

¹³Đó là các mạng lệnh và luật lệ mà Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-

se truyền cho dân Y-sơ-ra-ên, tại trong đồng bằng Mô-áp, gần sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô.

Y-sơ-ra-ên vẫn chưa vượt sông vào Đất Hứa, nhưng bởi đức tin, Môi-se đã chuẩn bị cho các chi phái nhận lấy xứ. (Từ “thừa hưởng” hoặc “sản nghiệp” được dùng mười hai lần trong phần này.) Ngoại trừ phải thi hành mạng lệnh Đức Chúa Trời bảo xóa sạch dân Ma-đi-an (25:16-18; 31:1-11), Y-sơ-ra-ên khỏi phải đánh trận nào cho tới khi đến Giê-ri-cô. Tuy không được vào xứ, nhưng Môi-se đã dùng những tuần cuối đời mình để chuẩn bị cho thế hệ mới vào Ca-na-an mà nhận lấy xứ Đức Chúa Trời đã hứa ban cho.

Sản nghiệp của chi phái (Dân Số Ký 26:52-56). Một khi xứ đã chinh phục xong và Đức Chúa Trời đã cho dân Ngài an nghỉ, thì Giô-suê, Ê-lê-a-sa, cùng mười đại diện các chi phái (34:16-29) sẽ rút thăm để quyết định phần đất của mỗi chi phái (Giô-suê 14-19). Dĩ nhiên, số đất chia cho mỗi chi phái ít hay nhiều tùy theo nhân số của chi phái ấy. Theo ký lục trong sách Giô-suê, một số chi phái vui vẻ nhận sản nghiệp mình, một số thì than phiền về đất được chia quá ít hay quá xấu, còn số khác thì đi ra chiếm thêm lãnh thổ. “Theo như đức tin các người, phải được thành vậy” (Ma-thi-ơ 9:29).²

Sản nghiệp của Lê-vi (Dân Số Ký 26:57-62). Từ cuộc kiểm tra dân số lần đầu tới lần thứ hai, con số người Lê-vi gia tăng chút đỉnh từ 22.000 (3:39) lên 23.000 (27:62). Người Lê-vi không được giao cho đất để sở hữu riêng mà phải rải rác khắp nước trong bốn mươi tám thành được chỉ định (35:1-5; Giô-suê 21). Có ít nhất ba lý do cho thủ tục này.

Trước hết, việc rải rác người Lê-vi là làm ứng nghiệm lời tiên tri của Gia-cốp trên giường hấp hối, nói rằng con cháu Lê-vi sẽ bị phân tán khắp xứ (Sáng Thế Ký 49:1-7). Lê-vi và Si-mê-ôn đã đối xử tàn bạo với người Si-chem (Sáng Thế Ký 34), và Gia-cốp cảm thấy an lòng hơn, nếu

các con trai của Lê-vi sống thật cách xa nhau.

Thứ hai, nhờ rải rác khắp xứ, người Lê-vi có cơ hội tốt hơn để dạy Luật Pháp cho nhiều người hơn và tạo ảnh hưởng trung thành với Chúa. Cha mẹ buộc phải dạy Lời Đức Chúa Trời cho con cái (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:1-10; 6:6-15), nhưng trách nhiệm của thầy tế lễ và người Lê-vi là phải dạy cho dân chúng ý nghĩa của Luật Pháp Đức Chúa Trời cùng phước hạnh của sự tuân giữ luật pháp (*Lê-vi Ký* 10:11; *II Sử Ký* 15:3; 17:7; *Ma-la-chi* 2:4-7).

Lý do thứ ba người Lê-vi không được chia đất là vì Đức Chúa Trời chính là sản nghiệp của họ (*Dân Số Ký* 26:62). Họ được đặc ân phục vụ Đức Chúa Trời bằng cách phụ giúp thầy tế lễ, và họ cùng chia sẻ của lễ cùng phần mười do dân chúng dâng cho Chúa (18:20; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 10:9; 12:12; 14:27-29; 18:1-2; *Giô-suê* 13:14, 33). Người Lê-vi phải hoàn toàn tận hiến chính mình để phục vụ Chúa cùng dân Ngài và sống bằng đức tin, tiếp nhận nhu yếu của mình từ tay Đức Chúa Trời qua dân Ngài.

Vấn đề thừa kế trong gia đình (*Dân Số Ký* 27:1-11). Vì xứ thuộc về Đức Giê-hô-va (*Lê-vi Ký* 25:23-28), cho nên người Do Thái không thể phân chia hoặc vứt bỏ theo ý mình muốn. Duy trì sản nghiệp từ thế hệ này sang thế hệ khác là điều quan trọng đối với mỗi gia đình và đối với các chi phái.³

Giống như các nước khác trong thời đó, Y-sơ-ra-ên là một xã hội phụ hệ, cha để tài sản lại cho con trai. Con trưởng nam được hai phần ba gia tài còn các con trai khác thì chia nhau trong số một phần ba còn lại (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 21:15-17). Nếu không có con trai, thì để đất lại cho người bà con nam gần nhất, chứ không để cho con gái. Khi con gái lấy chồng, thì nhận được của hồi môn từ cha và sẽ rời gia đình cha mẹ. Của hồi môn chính là sản nghiệp của nàng.

Năm con gái của Xê-lô-phát, thuộc chi phái Ma-na-se, cho rằng luật này về sản nghiệp là bất công nên yêu cầu

Môi-se, Ê-lê-a-sa, các quan trưởng chi phái, cùng toàn thể hội chúng xem xét để thay đổi. Tại sao tên cha họ lại phải bị xóa trong Y-sơ-ra-ên? Gia đình ông bị phạt vì ông không có con trai thì quá vô lý!

Là người khôn ngoan, Môi-se trình vấn đề với Chúa, giống như ông đã từng làm trong vấn đề kẻ lộng ngôn (*Lê-vi Ký* 24:10-16) và người vi phạm ngày Sa-bát (*Dân Số Ký* 15:32-36). Đức Giê-hô-va đồng ý với năm phụ nữ này và ra lệnh người cha nào không có con trai thì có thể để tài sản lại cho con gái. Nếu không có con trai lẫn con gái, thì có thể chuyển đất cho người bà con nam gần nhất.

Quyết định cho phép con gái hưởng gia tài giải quyết được một vấn đề nhưng lại tạo một vấn đề khác (*Dân Số Ký* 36). Nếu con gái đã hưởng đất của cha, rồi kết hôn sang một chi phái khác, tức là lấy đất của chi phái mình sáp nhập với tài sản của chồng. Đến Năm Hân Hi (*Lê-vi Ký* 25:8-24), đất không được trả lại cho gia tộc nguyên thủy, và như vậy là tước mất tài sản của chi phái mình.

Môi-se hẳn đã trình lại vấn đề với Chúa, vì ông có trả lời rằng "theo lời Đức Giê-hô-va" (*Dân Số Ký* 27:5). Giải pháp là buộc con gái đã nhận sản nghiệp phải kết hôn với nam giới thuộc cùng chi phái. Thủ tục đơn giản này cho phép con gái kết hôn, nhưng đồng thời cũng giữ được tài sản của gia tộc trong chi phái nguyên thủy. Năm chị em đã tuân thủ lệnh này và mỗi người kết hôn với người anh em họ của mình.

Những qui luật như vậy không cần thiết cho xã hội ngày nay, nhưng rất quan trọng đối với dân Đức Chúa Trời ngày xưa. Đức Chúa Trời sở hữu xứ và cho phép dân Ngài sử dụng chừng nào họ còn vâng phục Ngài. Khi người Do Thái quay sang các thần tượng và làm ô nhiễm xứ, thì Đức Chúa Trời cho phép các nước khác xâm lăng và tước đoạt sản vật (xem sách *Các Quan Xét*). Khi tội lỗi Y-sơ-ra-ên đến độ quá quắc đến nỗi Đức Chúa Trời không thể chịu đựng được nữa, thì Ngài tống khứ người

Do Thái khỏi xứ và lưu đày họ sang Ba-by-lôn. Có vậy họ mới biết quý trọng tài sản Chúa đã ban cho mình.

Đối với người Do Thái tại Ca-na-an, việc chiếm hữu xứ là nền tảng để xây dựng gia đình, kiếm sinh kế, và được sống an toàn. Các tiên tri thường tố giác những kẻ giàu thu gom tài sản lớn bằng cách ăn cắp đất của người nghèo (*Ê-sai* 5:8-10; *Mi-chê* 2:1-3; *Ha-ba-cúc* 2:9-12). Cuộc sống lý tưởng đối với người Do Thái thời Cựu Ước là được làm chủ đất đai của mình và có thể ngồi dưới cây vả, vui vẻ hưởng đời sống gia đình cùng thành quả công sức lao động của mình (*I Các Vua* 4:25; *Mi-chê* 4:4).

3. Lãnh Tự Mới

Dân Số Ký 27:12-23

¹²Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy lên trên núi A-ba-rim này và nhìn xem xứ mà ta đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên.

¹³Người sẽ nhìn xem xứ đó, rồi người cũng sẽ được về cùng tổ phụ, như A-rôn, anh người, đã được về vậy; ¹⁴bởi vì, tại đồng vắng Xin, các người có bội nghịch mạng lệnh ta, trong lúc hội chúng cãi cò, và vì trước mặt chúng nó, các người không tôn ta nên thánh về việc nước. Ấy là nước về sự cãi cò tại Ca-đê, trong đồng vắng Xin.

¹⁵Môi-se thưa cùng Đức Giê-hô-va rằng: ¹⁶Lạy Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của thần linh mọi xác thịt, xin Ngài lập trên hội chúng một người ¹⁷để vào ra trước mặt chúng nó, khiến chúng nó ra vào, hầu cho hội chúng của Đức Giê-hô-va chớ như con chiên không người chăn.

¹⁸Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: Hãy chọn lấy Giô-suê con trai của Nun, người có Thần cảm động; phải đặt tay trên mình người; ¹⁹rồi đem người ra mắt Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, và cả hội chúng truyền lệnh cho người trước mặt họ, ²⁰và trao phần vinh hiển người lại cho người, hầu cho hội chúng Y-sơ-ra-ên nghe người. ²¹Người phải ra mắt Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, rồi người sẽ vì Giô-suê cầu hỏi sự xét đoán của u-rim trước mặt Đức Giê-hô-va; theo lệnh Ê-lê-a-sa, người và cả hội chúng Y-sơ-ra-ên sẽ đi ra và đi vào.

²²Vậy, Môi-se làm y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn mình, chọn

lấy Giô-suê để trước mặt Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, và trước mặt cả hội chúng, ²³ đặt tay trên mình người, và truyền lệnh cho, y như Đức Giê-hô-va đã cậy Môi-se phán dặn vậy.

Tuy vẫn khỏe mạnh, nhưng Môi-se nay đã 120 tuổi (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 31:12; 34:7) và đã tới lúc ông phải rút lui. Ông đã trung thành lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên suốt bốn mươi năm (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 7:23, 30; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 7:7), mang gánh nặng cho họ, sẽ chia chiến thắng với họ, và dạy họ biết Luật Pháp của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời và Môi-se tương giao với nhau như bạn hữu, và Chúa không giấu dầy tỏ Ngài bất cứ điều gì.

Môi-se và xứ (Dân Số Ký 27:12-14). Vì Môi-se và A-rôn không tôn cao Chúa tại Mê-ri-ba, nên họ không được phép vào Đất Hứa cùng với thế hệ mới (20:2-13). Môi-se nhiều lần xin Đức Chúa Trời cho mình vào xứ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:23-29),⁴ nhưng Chúa vẫn nghiêm khắc với ông. Môi-se kiêu căng và nóng giận tại Mê-ri-ba nên phải phạt. Không phải Luật Pháp (Môi-se) cho chúng ta sản nghiệp thuộc linh, mà là chính Chúa Giê-xu (*Giô-suê; Hê-bơ-rơ* 4:8; và văn mạch).⁵

Sau khi Môi-se giảng các sứ điệp được ghi lại trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký*, ông được phép lên núi Nê-bô (Phích-ga), trong dãy núi A-ba-rim, và thấy xứ mà Y-sơ-ra-ên sẽ thừa hưởng (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 32:48-52; 34:1-4). Nhiều thế kỷ sau, Môi-se và Ê-li đứng trong vinh quang trên núi Hóa Hình trong khi họ nói chuyện với Chúa Giê-xu về cái chết sắp tới của Ngài trên thập tự giá (*Ma-thi-ơ* 17:1-8); vì vậy, cuối cùng ông cũng vào được Đất Hứa.

Môi-se và Giô-suê (Dân Số Ký 27:15-23). Nhiều lần trong chức vụ đăng đẳng của mình, Môi-se đã chứng tỏ là nhà lãnh đạo chân chính qua việc ông quan tâm tới dân Chúa hơn là tới bản thân mình. Hai lần Đức Chúa Trời đề nghị tiêu diệt người Do Thái và lập một nước mới, thì ông đã cầu thay cho dân Chúa khi hình phạt của

Ngài sắp giáng trên họ. Ông đã từng bị hiểu lầm, bị chỉ trích, và suýt bị ném đá, nhưng vẫn là người chần trạch thành với dân mình.

Tuy sắp lìa đời, Môi-se vẫn không nghĩ về chính mình mà nghĩ về tương lai của dân tộc. Mỗi bận tâm lớn của ông là mong Đức Chúa Trời cung ứng một lãnh tụ thuộc linh cho dân Chúa, vì họ là chiên (*Dân Số Ký* 27:17; xem *Thi Thiên* 74:1; 79:13; 95:7; 100:3; *II Sa-mu-ên* 24:7), và chiên thì phải có người chăn (*I Các Vua* 22:17; *Xa-cha-ri* 10:2; *Ma-thi-ơ* 9:36; *Mác* 6:34).

Chắc chắn chẳng có gì ngạc nhiên khi thấy Giô-suê là người được Đức Chúa Trời chọn để thay thế Môi-se, vì Giô-suê đã từng làm việc gần gũi với Môi-se kể từ khi cả nước rời Ai Cập. Ông đã lãnh đạo quân đội Do Thái đánh bại dân A-ma-léc (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 17:8-16), và ông phục vụ như là tôi tớ của Môi-se (24:13; 33:11; *Dân Số Ký* 11:28), ngay cả cùng lên Si-nai với Môi-se khi Đức Chúa Trời ban Luật Pháp (c.13: 32:17). Là một trong mười hai thám tử, ông đồng thanh với Ca-lép khuyến khích dân chúng vào xứ (*Dân Số Ký* 14:6-9). Ông được đầy dẫy Thần Đức Chúa Trời (27:18; *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 34:9) và đã học tập kỹ luật trong những khắc khe của thời nô lệ Ai Cập cùng hành trình qua hoang mạc. Trên mọi phương diện, ông là người toàn hảo để kế vị Môi-se.

Môi-se được kêu gọi và sai phái vào vùng hoang mạc Ma-đi-an cần cỗi (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 3), nhưng Giô-suê thì được Môi-se và thầy tế lễ cả Ê-lê-a-sa công khai bổ nhiệm. Môi-se đặt tay lên người kế tục mình và ban cho người thẩm quyền mà Đức Chúa Trời đã ban cho mình, còn Ê-lê-a-sa thì dùng U-rim và Thu-nim để giúp Giô-suê xác định ý muốn Đức Chúa Trời (28:30). Trong những tuần lễ sau đó, Môi-se từ từ giao thêm trách nhiệm cho Giô-suê để dân chúng học tôn trọng và tuân phục ông như là lãnh tụ được Đức Chúa Trời tuyển chọn.⁶ Một phần trong diễn từ bổ nhiệm của Môi-se được ghi trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 31:1-8. Đức Chúa Trời khích lệ

Giô-suê nhiều hơn nữa trong *Giô-suê* 1:1-9.

Suốt những năm cùng phục vụ với Môi-se, Giô-suê học được một số nguyên tắc sống và phục vụ thuộc linh có giá trị, những nguyên tắc ấy vẫn còn áp dụng ngày nay. Khi đọc sách *Giô-suê*, ta thấy ông lo cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời cùng hạnh phúc của dân Chúa, và ông tận trọng tuân phục lệnh truyền của Đức Chúa Trời. Hai lần Giô-suê không tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời nên cả nước bị thất bại nhục nhã (*Giô-suê* 7 và 9), nhưng ông cũng đáng khen, biết tin cậy cho Đức Chúa Trời để Ngài khiến những lỗi lầm của ông tới thành công sau cùng.

Dưới quyền lãnh đạo của Giô-suê, cả nước cùng đứng lên đánh bại các nước ngoại giáo tại Ca-na-an và sau đó lập ra nước Y-sơ-ra-ên. Trước khi qua đời, ông triệu tập cấp lãnh đạo cùng dân chúng, rồi hướng dẫn họ dâng hiến chính mình và gia đình mình cho Chúa, khẳng định với họ rằng: "Còn ta và nhà ta sẽ phục sự Đức Giê-hô-va" (24:15).

Một trong những trách nhiệm của cấp lãnh đạo Cơ Đốc là phải lo cho thế hệ kế tiếp được trang bị để thực hiện công tác (*II Ti-mô-thê* 2:2). Mỗi Hội Thánh địa phương phải nhớ rằng nếu thế hệ kế tiếp mà lơ là thì Hội Thánh bị tiêu vong ngay. Nếu chúng ta không dạy dỗ, đào tạo cấp lãnh đạo mới, thì sẽ hủy hoại tương lai của gia đình, Hội Thánh cùng cả dân tộc mình.

4. Về Sự Thờ Phụng Chúa

Dân Số Ký 28:1-29:40

¹Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy truyền lệnh này cho dân Y-sơ-ra-ên mà rằng: Các ngươi phải lo dâng cho ta trong kỳ định lễ vật và vật thực của ta, cùng các của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho ta.

³Vậy, ngươi phải nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Đây là của lễ dùng lửa đốt mà các ngươi sẽ dâng cho Đức Giê-hô-va: Mỗi ngày, hai con chiên con đực giáp năm, không tì vết, làm của lễ thiêu hằng hiến. ⁴Ngươi phải dâng con này vào buổi sớm mai và con

kia vào buổi chiều tối; ⁶ còn về của lễ chay, thì phải dâng một phần mười ê-pha bột lọc nhồi với một phần tư hin dầu ô-li-ve ép. ⁷Ấy là của lễ thiêu hằng hiến đã lập tại núi Si-na-i, là một của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va. ⁸lễ quán sẽ bằng một phần tư hin rượu cho mỗi một chiên con. Người phải dâng lễ quán bằng rượu cho Đức Giê-hô-va trong nơi thánh.

⁹Người phải dâng chiên con kia vào buổi chiều tối, và làm một của lễ chay và một lễ quán như buổi sớm mai; ấy là một của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va.

¹⁰Ngày sa-bát, người phải dâng hai chiên con đực giáp năm, không tì vết, và hai phần mười ê-pha bột lọc nhồi dầu làm của lễ chay với lễ quán cập theo. ¹¹Ấy là của lễ thiêu về mỗi ngày sa-bát, ngoại trừ của lễ thiêu hằng hiến và lễ quán cập theo.

¹²Mỗi đầu tháng, các người phải dâng cho Đức Giê-hô-va hai con bò đực tơ, một con chiên đực, và bảy chiên con đực giáp năm, không tì vết, làm của lễ thiêu, ¹³ba phần mười ê-pha bột lọc nhồi dầu dùng làm của lễ chay về mỗi con bò đực; hai phần mười ê-pha bột lọc nhồi dầu dùng làm của lễ chay về con chiên đực; ¹⁴một phần mười ê-pha bột lọc nhồi dầu dùng làm của lễ chay về mỗi con chiên con. Ấy là một của lễ thiêu có mùi thơm, tức một của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va. ¹⁵Lễ quán sẽ bằng phân nửa hin rượu nho về mỗi con bò đực, một phần ba hin về con chiên đực, và một phần tư hin về mỗi con chiên con. Ấy là của lễ thiêu về các đầu tháng trong năm. ¹⁶Ngoại trừ của lễ thiêu hằng hiến và lễ quán cập theo, cũng phải dâng cho Đức Giê-hô-va một con dê đực làm của lễ chuộc tội.

¹⁷Ngày mười bốn tháng giêng, phải giữ lễ Vượt qua cho Đức Giê-hô-va. ¹⁸Qua ngày mười lăm sẽ là ngày lễ; phải ăn bánh không men trong bảy ngày. ¹⁹Ngày thứ nhứt các người sẽ có sự hội hiệp thánh: chớ nên làm một công việc xác thịt nào. ²⁰Các người phải dâng cho Đức Giê-hô-va hai con bò đực tơ, một con chiên đực và bảy chiên con đực giáp năm, đều không tì vết, làm của lễ thiêu.

²¹Của lễ chay sẽ bằng bột lọc nhồi dầu; các người phải dâng ba phần mười ê-pha về một con bò đực, hai phần mười ê-pha về con chiên đực, ²²và một phần mười ê-pha về mỗi chiên con, ²³luôn một con dê đực làm của lễ chuộc tội, dâng làm lễ chuộc tội cho các người. ²⁴Các người phải dâng các lễ vật này, ngoài của lễ thiêu buổi sớm mai, là một của lễ thiêu hằng hiến. ²⁵Mỗi bữa trong bảy ngày, các người phải dâng những lễ vật ngần ấy, như vật thực về của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-

hồ-và. Người ta phải dâng lễ vật đó ngoài của lễ thiêu hằng hiến và lễ quán cập theo. ²⁵Ngày thứ bảy các người sẽ có sự hội hiệp thánh, chớ nên làm một công việc xác thịt nào.

²⁶Trong kỳ lễ của các tuần, nhằm ngày hoa quả đầu mùa, khi các người dâng cho Đức Giê-hô-va của lễ chay mới, thì phải có sự hội hiệp thánh; chớ nên làm một công việc xác thịt nào. ²⁷Các người sẽ dùng hai con bò đực tơ, một con chiên đực, và bảy chiên con đực giáp năm, dâng làm của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va; ²⁸của lễ chay sẽ bằng bột lọc nhồi dầu, ba phần mười ê-pha về mỗi con bò đực, hai phần mười ê-pha về con chiên đực, ²⁹một phần mười ê-pha về mỗi con chiên con; ³⁰cũng phải dâng một con dê đực, để làm lễ chuộc tội cho mình. ³¹Ngoài của lễ thiêu hằng hiến và của lễ chay cập theo, các người cũng phải dâng mấy lễ vật đó, không tì vít, và thêm những lễ quán cập theo.

29

Kỳ định về sự dâng các của lễ (tiếp theo)

¹Ngày mồng một tháng bảy, các người sẽ có sự nhóm hiệp thánh; chớ nên làm một công việc xác thịt nào; về phần các người, ấy sẽ là một ngày người ta thối kèn vậy. ²Các người phải dùng một con bò đực tơ, một con chiên đực, và bảy chiên con đực giáp năm, không tì vít, dâng làm của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va, ³luôn với của lễ chay bằng bột lọc nhồi dầu, ba phần mười ê-pha về con bò đực, hai phần mười ê-pha về con chiên đực, ⁴một phần mười ê-pha về mỗi con chiên con; ⁵và dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, để làm lễ chuộc tội cho các người; ⁶các người phải dâng những lễ vật này ngoài của lễ thiêu đầu tháng, và của lễ chay cập theo, của lễ thiêu hằng hiến, và của lễ chay với lễ quán cập theo, tùy theo những lệ đã định về mấy của lễ đó, mà làm của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va.

⁷Ngày mồng mười tháng bảy này, các người sẽ có sự nhóm hiệp thánh, phải ép linh hồn mình, chớ nên làm một công việc xác thịt nào. ⁸Các người phải dâng một con bò đực tơ, một con chiên đực, và bảy chiên con đực giáp năm, không tì vít, làm của lễ thiêu có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va: ⁹của lễ chay sẽ bằng bột lọc nhồi dầu, ba phần mười ê-pha về con bò đực, hai phần mười ê-pha về con chiên đực, ¹⁰một phần mười ê-pha về mỗi con chiên con. ¹¹Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ chuộc tội mà người ta dâng trong ngày chuộc tội,

của lễ thiêu hằng hiến, và của lễ chay với lễ quán cập theo.

¹²Ngày rằm tháng bảy, các người sẽ có sự nhóm hiệp thánh. Chớ nên làm một công việc xác thịt nào, nhưng các người phải giữ một lễ cho Đức Giê-hô-va trong bảy ngày. ¹³Các người phải dùng mười ba con bò đực tơ, hai con chiên đực, và mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, dâng làm của lễ thiêu, tức là của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va: ¹⁴của lễ chay cập theo sẽ bằng bột lọc nhồi dầu, ba phần mười ê-pha về mỗi con bò đực, hai phần mười ê-pha về mỗi con chiên đực, ¹⁵và một phần mười ê-pha về mỗi con chiên con. ¹⁶Các người cũng phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, và của lễ chay với lễ quán cập theo.

¹⁷Ngày thứ hai, các người phải dâng mười hai con bò đực tơ, hai con chiên đực, mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, ¹⁸với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực, và chiên con, cứ theo số như lệ đã định. ¹⁹Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến cùng lễ quán cập theo.

²⁰Ngày thứ ba, các người phải dâng mười một con bò đực, hai con chiên đực, mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, ²¹với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực và chiên con, cứ theo số như lệ đã định. ²²Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, cùng của lễ chay và lễ quán cập theo.

²³Ngày thứ tư, các người phải dâng mười con bò đực, hai con chiên đực, mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, ²⁴với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực, và chiên con, cứ theo số như lệ đã định. ²⁵Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, cùng của lễ chay và lễ quán cập theo.

²⁶Ngày thứ năm, các người phải dâng chín con bò đực, hai con chiên đực, mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, ²⁷với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực, và chiên con, cứ theo số như lệ đã định. ²⁸Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, cùng của lễ chay và lễ quán cập theo.

²⁹Ngày thứ sáu, các người phải dâng tám con bò đực, hai con chiên đực, mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, ³⁰với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực, và chiên con cứ theo số như lệ đã định. ³¹Các người phải dâng một con dê

đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, cùng của lễ chay và lễ quán cặp theo.

³²Ngày thứ bảy, các người phải dâng bảy con bò đực, hai con chiên đực, mười bốn chiên con đực giáp năm, không tì vết, ³³với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực, và chiên con, cứ theo số như lệ đã định. ³⁴Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, cùng của lễ chay và lễ quán cặp theo.

³⁵Ngày thứ tám, các người phải có sự nhóm hiệp trọng thể; chớ nên làm một công việc xác thịt nào; ³⁶phải dùng một con bò đực, một con chiên đực, và bảy chiên con đực giáp năm, không tì vết, dâng làm của lễ thiêu, tức là của lễ dùng lửa dâng lên có mùi thơm cho Đức Giê-hô-va, ³⁷với của lễ chay và các lễ quán về những bò đực, chiên đực, và chiên con, cứ theo số như lệ đã định.

³⁸Các người phải dâng một con dê đực làm của lễ chuộc tội, ngoài của lễ thiêu hằng hiến, cùng của lễ chay và lễ quán cặp theo.

³⁹Đó là những lễ vật mà các người phải dâng cho Đức Giê-hô-va trong những ngày lễ trọng thể mình, dâng làm của lễ thiêu, của lễ chay, lễ quán, và làm của lễ thù ân, ngoài những của lễ hứa nguyện, và những của lễ lạc ý của các người.

Ngay từ khởi điểm của đời sống quốc gia, bí quyết thành công của Y-sơ-ra-ên là mối liên hệ với Chúa, nổi bật là đức tin cùng sự vâng phục. Người Do Thái là dân tộc giao ước của Đức Chúa Trời, được Ngài chọn để thực hiện ý muốn Ngài và cuối cùng, đem Đấng Cứu Chuộc vào thế gian. Một khi Y-sơ-ra-ên đã ổn định trong xứ rồi, họ phải thận trọng làm theo mệnh lệnh Chúa thật kỹ, vì họ thờ phượng Giê-hô-va Đức Chúa Trời Toàn Năng. Các nước ngoại giáo chung quanh họ có thể nghĩ ra những cách thờ phượng của riêng mình, nhưng Y-sơ-ra-ên thì phải dâng của lễ đúng mức, đúng lúc và đúng cách, nếu không, Chúa không ban phước (*Giô-suê* 4:22).

Một số chỉ thị đưa ra ở đây đã từng được ban ra tại Sinai; cũng có các chỉ thị rất mới mẻ. Sự thờ phượng căn cứ những ngày đặc biệt được liệt kê trong *Lê-vi Ký* 23, bắt đầu với ngày Sa-bát hằng tuần và kết thúc với Lễ Lều Tạm hằng năm.⁷ Cụm từ “mùi thơm” được dùng bảy lần

trong hai chương này (*Dân Số Ký* 28:2, 6, 8, 13; 29:2, 6, 8). Mỗi của lễ có một mục đích khác nhau cần phải thực hiện, nhưng mục tiêu tối hậu vẫn là làm đẹp lòng Chúa. Đức Chúa Trời tìm kiếm những kẻ thờ phượng chân thật (*Giăng* 4:23) và ưa thích sự thờ phượng của dân chúng yêu mến Ngài.

Của lễ hằng ngày (*Dân Số Ký* 28:1-10). Mỗi sáng và chiều tối, thầy tế lễ phải dâng một chiên con làm của lễ thiêu. Chỉ thị mới là, vào các ngày Sa-bát, họ phải dâng hai chiên con mỗi sáng và chiều tối. (Xem *Xuất Ê-díp-tô Ký* 29:38-43 và *Lê-vi Ký* 1) Của lễ thiêu làm hình bóng về sự cung hiến toàn vẹn cho Chúa, và chúng ta phải bắt đầu cũng như kết thúc mỗi ngày bằng cách dâng hoàn toàn chính mình cho Chúa (*Rô-ma* 12:1-2). Đời sống Cơ Đốc là “của lễ thiêu liên tục,” ngoại trừ một điều, chúng ta là những của lễ sống chứ không phải của lễ chết.

Của lễ hằng tháng (*Dân Số Ký* 28:11-15). Đây là chỉ thị mới đối với thầy tế lễ. Dân Do Thái theo âm lịch (*Lê-vi Ký* 23). Kỳ “trăng mới” được cả nước ăn mừng vui vẻ (*Dân Số Ký* 10:10; *Thi Thiên* 81:1-3) cũng như trong từng gia đình (*I Sa-mu-ên* 20:5, 18, 24). Vào ngày đầu mỗi tháng, cùng với của lễ thiêu liên tục hằng ngày, thầy tế lễ phải dâng thêm một của lễ thiêu gồm hai bò đực tơ, một chiên đực, và bảy chiên con đực giáp năm, cùng với của lễ chay và lễ quán đưng qui cách. Một con dê đực cũng được dâng làm của lễ chuộc tội. Y-sơ-ra-ên phải làm một khởi đầu mới mỗi tháng.

Của lễ cho lễ tôn giáo hằng năm (*Dân Số Ký* 28:16-29:40). Năm sự kiện hằng năm khác nhau được kể ở đây, bắt đầu với lễ Vượt Qua. Lễ Ngũ Tuần được cử hành sau lễ Vượt Qua bảy tuần (ngũ tuần có nghĩa là “ngày thứ năm mươi” trong tiếng Hy Lạp), và còn được gọi là “Kỳ Lễ Bảy Tuần.” Tháng thứ bảy của năm Do Thái mở đầu với Lễ Thối Kèn (29:1-6; *Lê-vi Ký* 23:23-25), dấu hiệu khởi đầu cho năm dân tộc Do Thái (Rosh Hashana). Vào ngày thứ mười tháng đó, Y-sơ-ra-ên ăn mừng Ngày Lễ

Chuộc Tội (*Dân Số Ký* 29:7-11; *Lê-vi Ký* 16; 23:26-32). Năm ngày sau, Lễ Lều Tạm bắt đầu và kéo dài một tuần. Đó là thời gian ăn mừng mùa gặt vui vẻ, người Do Thái sống trong lều để tưởng nhớ thời gian người Do Thái sống trong hoang mạc. Đối với từng sự kiện đặc biệt này, thầy tế lễ được chỉ thị phải dâng những của lễ thích hợp. Đối với tín hữu ngày nay, những sự kiện đặc biệt hằng năm này nói về Đấng Christ và điều Ngài đã làm cho chúng ta.

Lễ Vượt Qua (*Dân Số Ký* 28:16-25; *Xuất Ê-díp-tô Ký* 12). Lễ này ăn mừng cuộc xuất Ai Cập của Y-sơ-ra-ên và cũng đánh dấu khởi điểm năm tôn giáo của cả nước (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 12, và lưu ý c.2). Ngày mười bốn tháng này, mỗi gia trưởng đem một chiên con đến để giết và sau đó quay lên rồi ăn, nhưng vào ngày mười lăm, thầy tế lễ phải dâng trên bàn thờ những của lễ giống như của lễ dâng vào kỳ trăng mới: của lễ thiêu gồm hai bò đực tơ, một chiên đực, và bảy chiên con đực, cùng với một dê đực làm lễ chuộc tội. Những của lễ được lặp lại hằng ngày trong suốt một tuần, là thời gian người Do Thái ăn mừng Lễ Bánh Không Men và loại trừ hết mọi dấu vết men khỏi nhà mình.

Đối với tín hữu Cơ Đốc, lễ Vượt Qua nói về sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá vì tội của thế gian (*Giăng* 1:29; *I Cô-rinh-tô* 5:7-8; *I Phi-e-rơ* 1:18-21; *Khải Thị* 5:5-6). Men là hình ảnh của tội lỗi, và dân được chuộc của Đức Chúa Trời phải loại trừ tội lỗi khỏi đời sống mình để làm một dân tộc thánh (*I Cô-rinh-tô* 5:1-8; *Ga-la-ti* 5:7-9; *Ma-thi-ơ* 16:6; *Mác* 8:15; *Lu-ca* 12:1).

Lễ Ngũ Tuần (*Dân Số Ký* 28:26-30; *Lê-vi Ký* 23:15-22) được cử hành sau lễ Vượt Qua năm mươi ngày, tính từ Lễ Hoa Quả Đầu Mùa, tức là sau ngày Sa-bát tiếp theo lễ Vượt Qua.⁸ Thầy tế lễ dâng của lễ giống các của lễ cho kỳ trăng mới và lễ Vượt Qua. Cơ Đốc nhân ăn mừng lễ Ngũ Tuần là ngày Thánh Linh được hứa, giáng xuống và làm báp-têm cho tín hữu gia nhập thân của Đấng Christ

và cho họ đầy quyền năng để thi hành chức vụ (*Công Vụ Các Sứ Đồ* 1:1-5; 2:1-4). Lễ Ngũ Tuần là sinh nhật của Hội Thánh.

Lễ Thối Kèn (*Dân Số Ký* 29:1-6; *Lê-vi Ký* 23:23-25). Kèn thổi vào ngày đầu của tháng thứ bảy báo hiệu khởi đầu năm mới của Y-sơ-ra-ên. Trong ngày đó, người Do Thái không được làm việc, và thầy tế lễ phải dâng của lễ thiêu gồm một con bò, một con chiên đực, và bảy chiên con đực, cùng một của lễ chuộc tội gồm một con dê đực.

Theo *Dân Số Ký* 10, kèn có thể thổi vì nhiều lý do: triệu tập dân chúng (c.2), báo động (c.5), hoặc thông báo chiến trận (c.9). Ngày nay, người Do Thái là một dân tộc bị lưu lạc (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 28; *Lê-vi Ký* 26), nhưng một ngày kia, kèn sẽ thổi để gọi họ về xứ và chuẩn bị họ cho ngày tái lâm của Đấng Mết-si-a (*Ê-sai* 27:12-13; *Ma-thi-ơ* 24:29, 31). Tiếng kèn mà Cơ Đốc nhân mong chờ sẽ loan báo sự trở lại của Cứu Chúa để tiếp rước Hội Thánh Ngài (*I Tê-sa-lô-ni-ca* 4:13-18).

Ngày Lễ Chuộc Tội (*Dân Số Ký* 29:7-11; *Lê-vi Ký* 16; 23:26-32). Đây là ngày trọng đại và thánh khiết nhất của Y-sơ-ra-ên. Dân Chúa kiêng ăn và nghỉ mọi công việc. Thầy tế lễ dâng của lễ giống như các của lễ dâng vào ngày đầu tháng, nhưng *chính bản thân* người cũng làm theo nghi thức đề ra trong *Lê-vi Ký* 16. Đây là ngày duy nhất trong năm mà thầy tế lễ cả được phép đi qua bức màn để vào nơi chí thánh, nhưng phải mang theo hương đang cháy cùng với huyết con sinh. Nghi thức ngày lễ Chuộc Tội tiêu biểu cho công việc của Chúa Giê-xu Christ khi Ngài chết trên thập tự giá vì tội chúng ta.

Lễ Lều Tạm (*Dân Số Ký* 29:12-39; *Lê-vi Ký* 23:33-43). Lễ hội mùa gặt vui vẻ này bắt đầu sau ngày lễ Chuộc Tội năm ngày và kéo dài một tuần. Trong tuần đó, thầy tế lễ dâng trên 200 của lễ, bao gồm của lễ thiêu hằng ngày (2 chiên con) gấp đôi ngày Sa-bát. Lễ này trông chờ thời điểm Đức Chúa Trời làm trọn lời hứa về nước Ngài đã hứa với Y-sơ-ra-ên và cả nước sẽ vui vẻ trong xứ phi

nhieu xinh tươi của mình.

Tín hữu ngày nay có thể học được ít nhất ba bài thực tế từ những của lễ này.

Trước hết, tất cả đều được thực hiện trong Chúa Giê-xu Christ (*Hê-bơ-rơ* 10:1-18). Huyết con thú không bao giờ có thể cất tội lỗi đi được (c.1-4), nhưng huyết Đấng Christ tẩy sạch mọi tội lỗi chúng ta (*I Giăng* 1:7; *Ê-phê-sô* 1:7; *Khải Thị* 1:5). Những của lễ này phải được lập lại theo lịch đều đặn; nhưng sinh tế của Chúa Giê-xu Christ tại Gô-gô-tha đã hoàn tất sự cứu rỗi đời đời một lần là đủ. (*Hê-bơ-rơ* 9:24-28; 10:11-14).

Thứ hai, cả nước không thể sinh hoạt nếu không có thầy tế lễ chủ trì. Thầy tế lễ đại diện cho dân Chúa trước mặt Đức Chúa Trời và dâng những của lễ Ngài đòi hỏi. Ngày nay, Chúa Giê-xu Christ là thầy tế lễ cả trên thiên đàng của tín hữu (4:14-16) và “hàng sống để cầu thay cho chúng ta” (7:25). Của lễ của Ngài tại Gô-gô-tha là chung cuộc, và hiện nay Ngài là thầy tế lễ cả, trạng sư (*I Giăng* 2:1-3), và là Đấng Trung Bảo của chúng ta ở trên trời (*I Ti-mô-thê* 2:5; *Hê-bơ-rơ* 8:6; 12:24).

Thứ ba, những của lễ này rất đắt giá. Ngoài những của lễ do dân chúng mang đến để thờ phượng cá nhân, cùng với số lớn chiên con bị giết trong lễ Vượt Qua, hàng năm thầy tế lễ còn phải dâng 113 bò đực, 32 chiên đực, và 1.086 chiên con nữa! Nếu dân Đức Chúa Trời dưới thời Luật Pháp có thể làm được như vậy, thì chúng ta là những kẻ đã hưởng được ân sủng Đức Chúa Trời, hẳn phải làm nhiều hơn thế mới hợp lễ!

Chúng ta phải biết ơn hệ thống tế lễ ngày xưa đã được làm trọn trong Chúa Giê-xu Christ, và chúng ta có đặc ân bước vào sự hiện diện với Đức Chúa Trời bất cứ lúc nào qua đường mới và sống này (10:19-25). Là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể mang đến cho Ngài những của lễ thuộc linh (*I Phi-e-rơ* 2:5, 9): thân thể chúng ta (*Rô-ma* 12:1-2), những người chúng ta chinh phục cho Đấng Christ (15:16), tiền bạc cùng quà tặng vật

chất (*Phi-líp* 4:18), sự thờ phượng và ngợi khen (*Hê-bơ-rơ* 13:15), những việc lành (c.16), tấm lòng tan vỡ (*Thi Thiên* 51:17), cùng lời cầu nguyện đầy tin tưởng (14:1-2).

Chúng ta hãy bắt chước Đa-vít, chớ dâng cho Chúa những lễ vật vô giá trị (*II Sa-mu-ên* 24:24; xem *Ma-lachi* 1:6-11).

Chú thích

¹ Lần kiểm tra dân số đầu tiên chỉ liệt kê các chi phái cùng nhân số tổng quát, nhưng lần kiểm tra thứ hai ghi chi tiết các bộ tộc cùng gia tộc. Vì lần kiểm tra thứ hai sẽ giúp Giô-suê và Ê-lê-a-sa phân chia sản nghiệp cho từng chi phái, nên cần đến các chi tiết này.

² Để nghiên cứu sách *Giô-suê*, xin xem sách *Be Strong* (Hãy Mạnh Mẽ) của tôi (Chariot Victor).

³ Điều này giải thích vì sao Na-bốt từ chối bán đất mình cho vua A-háp (*I Các Vua* 21). Xem *Lê-vi Ký* 25:23 và *Dân Số Ký* 36:7. Dời hoặc xóa đường ranh giới là một vi phạm nghiêm trọng trong Y-sơ-ra-ên (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 19:14; 27:17; *Châm Ngôn* 22:28; 23:10).

⁴ Thì của động từ trong *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 4:23 cho thấy Môi-se nhiều lần xin Đức Chúa Trời cho phép ông vào Ca-na-an.

⁵ Một số thánh ca ca tụng Ca-na-an nhưng Ca-na-an vẫn không phải là hình ảnh của thiên đàng. Ca-na-an tiêu biểu sản nghiệp chúng ta hiện có trong Chúa Giê-xu Christ, khi chúng ta vâng theo Lời Ngài và lấy đức tin nhận lấy những lời hứa của Ngài. Đức Chúa Trời có một sản nghiệp đặc biệt cho mỗi con cái Ngài, và chúng ta phải tin cậy Ngài và tuân phục ý muốn Ngài. Đây là một trong những chủ đề chính của sách *Hê-bơ-rơ*.

⁶ Đức Chúa Trời bảo Môi-se chỉ định người kế vị, nhưng không có ký lục nào nói Đức Chúa Trời cũng truyền lệnh như vậy cho Giô-suê trước khi ông qua đời. Một số đã chỉ trích Giô-suê điều này, nhưng liệu Giô-suê

có thể chỉ định loại lãnh tụ nào, khi mà không được lệnh truyền của Chúa? Giô-suê có để lại một thể hệ trưởng lão biết phục vụ Đức Giê-hô-va, nhưng thế hệ kế tiếp đã từ bỏ Đức Chúa Trời (*Các Quan Xét* 2:7-11). Mô-i-se là người ban luật pháp, xây dựng một nước lớn từ một tập hợp nô lệ, nhưng còn Giô-suê là vị tướng lãnh hướng dẫn cả nước chinh phục xứ và nhận lấy sản nghiệp. Sau khi chinh phục Ca-na-an, mười hai chi phái được vững lập trong những vùng đất do Đức Chúa Trời chỉ định, mỗi chi phái có quan trưởng và quan xét riêng, và đền tạm cùng chức thầy tế lễ đã ổn định. Dân Chúa biết Đức Chúa Trời là Vua của họ, và họ có Luật Pháp của Ngài để hướng dẫn mình. Sự sụp đổ được mô tả trong sách *Các Quan Xét* không xảy ra vì có thiếu cấp lãnh đạo trong các chi phái mà vì có dân Chúa từ bỏ Đức Chúa Trời, Vua của họ, để quay sang các thần giả của láng giềng họ. Đây là thất bại thuộc linh, chứ không mang tính tổ chức hoặc chính trị. Dân Chúa đã không tuân giữ *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 6:1-15.

⁷ Xem sách *Be Holy (Lê-vi Ký - Hãy Nền Thánh)* của tôi về việc áp dụng các lễ này trong đời sống Cơ Đốc ngày nay (Chariot Victor).

⁸ Lễ Hoa Quả Đầu Mùa được cử hành vào ngay sau ngày Sa-bát tiếp theo lễ Vượt Qua, tức là luôn luôn vào ngày đầu tuần (*Lê-vi Ký* 23:9-14). Lễ này nói với Hội Thánh ngày nay về sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ vào ngày đầu tuần (*I Cô-rinh-tô* 15:20-24), tức ngày của Chúa. Vào ngày đó, thầy tế lễ Do Thái cắt một gié ngũ cốc từ mùa gặt lúa mì, đem dâng cho Đức Chúa Trời, ngụ ý hoa quả ngày mùa thuộc về Ngài. Khi Đấng Christ từ kẻ chết sống lại vào Chúa Nhật đầu tiên, Ngài cũng bảo đảm sự sống lại của chúng ta nữa (*Rô-ma* 8:18-23; *Giăng* 12:23-33).

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Dân Số Ký 26-29; 36

1. Môi-se đã làm tròn bốn trách nhiệm quan trọng nào trong việc chuẩn bị cho Y-sơ-ra-ên chinh phục trong tương lai?

2. Các chi phái phản ứng thế nào trước sản nghiệp được chia cho họ? Bạn có rút ra được những điểm tương đồng giữa việc này với cách tín hữu có thể phản ứng trước những hoàn cảnh Đức Chúa Trời đặt để họ?

3. Môi-se đáp ứng ra sao khi năm con gái của Xê-lô-phát tới đề cập vấn đề sản nghiệp chưa từng có trước đây? Chúng ta thấy gì về quan điểm của Đức Chúa Trời đối với phụ nữ trong việc thay đổi chính sách ở đây?

4. Những kinh nghiệm cùng phẩm tính nào trong Giô-suê khiến ông được ưu tiên chọn để kế vị Môi-se?

5. Hai thành tố nào quyết định sự thành công của Y-sơ-ra-ên?

6. Làm của lễ sống nghĩa là gì? Chúng ta có thể đem đến những của lễ thuộc linh nào cho Đức Chúa Trời?

7. Điều gì xảy ra trong lễ Ngũ Tuần? Điều này mang lại thay đổi nào?

8. Thánh lễ Chuộc Tội mô tả điều gì? Lễ Lều Tạm hướng tới điều gì?

9. Tín hữu có thể học ba bài học nào từ những câu chuyện về của lễ?

10. Bằng cách nào, Chúa Giê-xu Christ là thầy tế lễ cả của chúng ta?

CHUẨN BỊ CHINH PHỤC

Dân Số Ký 30-35

Suốt bốn mươi năm, dân du mục Y-sơ-ra-ên di chuyển từ nơi này sang nơi khác, hướng về Đất Hứa. Họ cần được chuẩn bị kỹ càng để nhận lấy Đất Hứa. Những chương cuối của *Dân Số Ký* cùng với sách *Phục Truyền Luật Lệ Ký* ghi lại những chỉ thị của Chúa qua Môi-se, được ban ra để chuẩn bị dân Chúa trước một nhiệm vụ mới đầy thách thức. Để trở thành một dân thánh đem vinh quang cho Đức Chúa Trời, dân Y-sơ-ra-ên phải chấp nhận và áp dụng những nguyên tắc căn bản được Môi-se trình bày rõ ràng, và những nguyên tắc này vẫn còn cần thiết đối với chúng ta ngày nay.

1. Thánh Khiết trong Lời Nói

Dân Số Ký 30:1-16

¹Môi-se nói cùng dân Y-sơ-ra-ên mọi điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn người.

²Môi-se cũng nói cùng những quan trưởng của các chi phái Y-sơ-ra-ên rằng: Đây là điều mà Đức Giê-hô-va đã phán: ³Khi một người nào có hứa nguyện cùng Đức Giê-hô-va, hoặc phát thề buộc lấy lòng mình phải giữ một sự gì, thì chớ nên thất tín. Mọi lời ra khỏi miệng người, người phải làm theo.

⁴Khi một người nữ, trong buổi còn thơ ấu, ở nhà cha mình, có hứa nguyện cùng Đức Giê-hô-va, và buộc lấy lòng mình phải giữ một điều chi, ⁵nếu người cha đã biết lời hứa nguyện nàng, và sự buộc lòng nàng tự chịu lấy, mà đối với nàng vẫn làm thính, thì nàng phải làm y lời hứa nguyện, và giữ mọi sự buộc lòng mình mà nàng tự chịu lấy. ⁶Còn nhược bằng ngày nào cha nàng biết mà cấm đi, thì nàng sẽ không mắc lời hứa nguyện mình hay là

các sự buộc lòng giữ mà nàng đã tự chịu lấy; Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho nàng, vì cha nàng cấm nàng vậy.

⁷Nếu người nữ ấy đã kết hôn, hoặc vì hứa nguyện, hoặc vì lời chỉ lối ra khỏi môi mà nàng đã chịu lấy một sự buộc mình, — ⁸nhược bằng ngày nào chồng nàng hay mà đối cùng nàng vẫn làm thình, thì nàng phải làm y lời hứa nguyện, và giữ những sự buộc lòng mình mà nàng tự chịu lấy. ⁹Còn nếu ngày nào chồng đã biết, cấm nàng đi, hủy lời hứa nguyện mà nàng mắc đó và lời gì lối ra khỏi môi, mà vì cơ đó nàng đã buộc lấy mình, thì Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho nàng.

¹⁰Lời hứa nguyện của một người đàn bà góa hoặc một người đàn bà bị để, mọi điều chi người đã buộc mình, thì phải giữ lấy.

¹¹Nếu một người đàn bà đã hứa nguyện trong nhà chồng mình, hoặc phát thề buộc lấy lòng mình phải giữ một sự gì, ¹²và nếu chồng đã hay, vẫn làm thình cùng nàng, không cấm, thì nàng phải làm y lời hứa nguyện và giữ mọi sự buộc lòng mà nàng đã tự chịu lấy. ¹³Nhưng nhược bằng ngày nào chồng nàng hay biết, hủy đi, thì mọi lời đã ra khỏi môi về những sự hứa nguyện, và về sự buộc lòng mình sẽ bị hủy đi; chồng nàng đã hủy các lời đó, thì Đức Giê-hô-va sẽ tha tội cho nàng. ¹⁴Chồng nàng có thể ưng hay hủy mọi sự hứa nguyện, và mọi lời thề mà nàng sẽ buộc mình đặng ép linh hồn mình. ¹⁵Nhược bằng chồng vẫn làm thình cùng nàng ngày nay qua ngày mai, như vậy chồng ưng các sự hứa nguyện của nàng; chồng ưng, vì không nói chỉ ngày mà người đã hay biết. ¹⁶Còn nếu chồng hủy các sự hứa nguyện một ít lâu sau khi đã hay biết, thì chồng sẽ mang sự hình phạt về tội lỗi của vợ mình.

Trong *Lê-vi Ký* 27, Môi-se nói về lời nguyện khi cung hiến người và của cho Chúa, ở đây ông nói đến những lời thề khi bị hoàn cảnh bắt buộc chi phối. Chương này nêu rõ rằng gia đình là nền tảng của quốc gia, rằng trong gia đình phải có tôn ti trật tự. Có thể xã hội mới vững vàng.

Đã thề nguyện thì phải giữ lời. Khi ta thề nguyện là thề nguyện với Chúa. Khi con người quên rằng Đức Chúa Trời nghe điều mình nói, thì họ bị cám dỗ lừa gạt, và lời dối gạt khiến cho xã hội xấu xa. (Xem *Phục Truyền Luật Lệ Ký* 23:21; *Thi Thiên* 76:11; *Ê-xê-chi-ên* 5:1-7.)

Khi đã hứa với Đức Chúa Trời, thì nam giới phải giữ lời và không ai được hủy bỏ lời đó, nhưng còn nữ giới thì sao? Môi-se đề cập lời thề hứa của phụ nữ độc thân trong gia đình (*Dân Số Ký* 30:3-8), phụ nữ trước đây đã có chồng (c.9), và phụ nữ hiện đang có chồng (c.10-15). Nguyên tắc cơ bản là nếu người ở dưới quyền cha hoặc chồng mình, thì lời thề phải được cha hoặc chồng chấp thuận hoặc ngăn cản.

Phụ nữ độc thân trong gia đình (Dân Số Ký 30:3-8). Nếu người cha nghe lời thề và chẳng nói gì, thì lời thề đó có giá trị và người phụ nữ phải làm trọn. Sự im lặng cũng có giá trị. Trong trường hợp này, im lặng có nghĩa là đồng ý. Nhưng nếu người cha không tán thành lời thề hứa, thì lời thề đó không giá trị. Nếu sau này người phụ nữ đó đính hôn và vị hôn phu của nàng biết lời thề đó mà chẳng nói gì, thì lời thề có giá trị, ngay cả sau khi họ kết hôn nữa, nhưng nếu chàng không chấp thuận, thì lời thề bị hủy dù cha nàng đã chấp thuận.

Góa phụ và người ly hôn (Dân Số Ký 30:9). Chúa giả định là những phụ nữ này đã có kinh nghiệm và trưởng thành và có thể quyết định cách khôn ngoan, tuy tuổi tác cùng kinh nghiệm không hẳn lúc nào cũng bảo đảm sự khôn ngoan. Nếu họ hứa nguyện với Chúa, thì những lời hứa này phải được làm trọn. Môi-se không giải thích điều gì sẽ xảy ra nếu họ tái hôn. Vì không có dự liệu điều kiện nào có thể thay đổi lời hứa này, nên chúng ta có thể cho rằng lời thề trong trường hợp này không thể bị hủy bỏ ngay cả bởi chồng mới của họ.

Phụ nữ có chồng (Dân Số Ký 30:10-16). Nếu chồng nghe lời thề mà chẳng nói gì, thì lời thề có giá trị, vì im lặng là biểu đồng tình. Nếu người chồng bất đồng với lời thề và ngăn cản, thì lời thề bị hủy bỏ. Tuy nhiên, nếu chồng đổi ý sau khi đã đồng tình, thì chồng phải trả phạt đền vì đã khiến nàng phải bỏ lời thề thiêng liêng. Lúc ấy phải mang của lễ chuộc tội đến cho Chúa (*Lê-vi Ký* 5:4).

Kèm theo qui luật này, có vài chân lý quan trọng, đặc biệt nhất là giá trị của lời nói. Hứa tức là tự buộc mình với Chúa. Nền tảng của xã hội ngày nay đang bị xói mòn do những lời thất hứa, dù đó là một hợp đồng hay lời thề trong hôn nhân, hứa hẹn chính trị, hay những lời chứng trước tòa. Chúng ta mong Chúa giữ lời hứa của Ngài, còn Ngài thì mong chúng ta giữ lời hứa của mình. Tính trung thực là hồ gấn giữ cho xã hội được chắc chắn.

Chân lý thứ hai là tôn ti trật tự trong xã hội và trong gia đình. Dù mọi người đều được tạo dựng bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời và Pháp Luật, nhưng vẫn phải có tôn ti trật tự (*Ê-phê-sô* 5:18-6:9). Phụ nữ độc thân trong nhà cha phải tuân phục cha mình, còn người có chồng thì vâng phục chồng. Trước khi thề hứa, phụ nữ độc thân phải hỏi ý kiến cha, còn vợ thì hỏi ý kiến chồng, và người phụ nữ đã đính hôn thì hỏi ý vị hôn phu. Quyền hạn đi liền với trách nhiệm, hối hả cam kết thiếu khôn ngoan tức là rước lấy hình phạt có thể là đắt giá. Xem *Châm Ngôn* 20:25 và *Truyền Đạo* 5:1-6.

2. Chiến Thắng của Đức Tin

Dân Số Ký 31:1-54

¹Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ²Hãy báo thù dân Ma-đi-an cho dân Y-sơ-ra-ên; rồi ngươi sẽ được về cùng tổ phụ. ³Vậy, Môi-se truyền cho dân chúng rằng: Trong các ngươi hãy sắm sửa binh khí mà ra trận hãm đánh dân Ma-đi-an đặng báo thù dân đó cho Đức Giê-hô-va. ⁴Về mỗi chi phái Y-sơ-ra-ên, các ngươi phải sai một ngàn lính ra trận.

⁵Vậy, trong dân Y-sơ-ra-ên người ta cứ mỗi chi phái chọn một ngàn lính, là mười hai ngàn người sắm sửa binh khí đặng ra trận. ⁶Môi-se sai mười hai ngàn người đó ra trận, tức là sai một ngàn người về mỗi chi phái, với Phi-nê-a, con trai của Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, đem đi theo mình những khí giới thánh cùng kèn có tiếng vang. ⁷Vậy, chúng giao chiến cùng dân Ma-đi-an, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se, và giết hết thầy nam đỉnh.

⁸Trong các người bị giết chúng cũng giết năm vua Ma-đi-an, là:

Ê-vi, Rê-kem, Xu-rơ, Hu-rơ, và Rê-ba; cũng lấy gươm giết Ba-la-am, con trai của Bê-ô. ⁹Dân Y-sơ-ra-ên bắt đàn bà và con nít Ma-di-an dẫn theo, cướp hết thầy súc vật, bầy chiên và của cải họ, ¹⁰đốt hết những thành, nhà ở, và hương thôn chúng nó, ¹¹cũng lấy đem theo hết thầy của đoạt được, bất kỳ người hay vật. ¹²Chúng dẫn những kẻ bị bắt và những của đoạt được đến cho Môi-se, cho Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, và cho hội dân Y-sơ-ra-ên đương đóng trại tại đồng bằng Mô-áp, gần sông Giô-danh, đối ngang Giê-ri-cô.

¹³Bấy giờ, Môi-se, Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, và hết thầy hội trưởng đi ra đón rước chúng binh ngoài trại quân. ¹⁴Môi-se nổi giận cùng các quân trưởng, tức là quan tướng một ngàn quân và quan tướng một trăm quân đi đánh giặc này trở về. ¹⁵Môi-se nói cùng họ rằng: Các ngươi để hết thầy người nữ còn sống sao? ¹⁶Kìa, ấy là chúng nó theo mưu kế của Ba-la-am mà dụ dỗ dân Y-sơ-ra-ên cúng thờ Phê-ô, và phạm một tội trọng cùng Đức Giê-hô-va; và tội đó xui cho hội chúng của Đức Giê-hô-va bị tai vạ. ¹⁷Vậy bây giờ, hãy giết hết thầy nam đinh trong bọn con trẻ, và giết người nữ nào đã kết bạn cùng một người nam; ¹⁸nhưng hãy để sống cho các người hết thầy con gái chưa hề kết bạn cùng người nam. ¹⁹Còn về phần các người, hãy đóng trại ngoài trại quân trong bảy ngày. Ai có giết một người và có đặng đến một xác chết, thì ai đó cùng kẻ bị bắt, phải dọn cho mình được sạch ngày thứ ba và ngày thứ bảy. ²⁰Cũng phải làm cho sạch hết thầy áo xống, mọi vật bằng da, mọi vật bằng lông dê, và mọi đồ đạc bằng cây.

²¹Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, nói cùng những lính đi trận về, mà rằng: Đây là điều luật pháp dạy mà Đức Giê-hô-va đã truyền cho Môi-se: ²²vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc, chì, ²³tức là mọi vật đưa vào lửa được, thì các người phải đưa ngang qua lửa đặng luyện nó; nhưng người ta cũng phải dùng nước tẩy uế mà làm cho nó được sạch nữa. Còn mọi vật chi không đưa qua lửa được, thì phải ngâm nó trong nước. ²⁴Ngày thứ bảy các người phải giặt áo xống mình, thì sẽ được sạch; đoạn mới được vào trại quân.

²⁵Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ²⁶Người, Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, và các quan trưởng của những tông tộc, hãy dựng số về của giặc mà người ta đã đoạt được, nào người, nào vật, ²⁷rồi chia của đó cho các người đã ra trận và cho cả hội chúng. ²⁸Trong phần thuộc về quân binh đã ra trận, hoặc người, hoặc bò, hoặc lừa hay chiên, người phải cứ thâu một phần trong năm trăm mà đóng thuế cho Đức Giê-hô-va, ²⁹tức phải thâu thuế đó trong phần

nửa thuộc về quân binh và giao cho Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, làm lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va.³⁰ Còn trong phân nửa kia thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, hoặc người, hoặc bò, hoặc lừa hay chiên, tức các súc vật, người phải cứ mỗi năm chục mà để riêng ra một, và giao cho người Lê-vi có chức phận coi sóc đền tạm của Đức Giê-hô-va.

³¹Môi-se và Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, làm y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se. ³²Vả, của giặc còn lại mà quân binh cướp lấy được là sáu trăm bảy mươi lăm ngàn con chiên cái; ³³bảy mươi hai ngàn con bò, ³⁴sáu mươi mốt ngàn con lừa đực. ³⁵Người nữ chưa kết bạn cùng người nam nào, hết thấy được ba mươi hai ngàn người. ³⁶Phân nửa thuộc về kẻ đã đi trận, là ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm con chiên cái, ³⁷đóng thuế cho Đức Giê-hô-va là sáu trăm bảy mươi lăm con; ³⁸ba mươi sáu ngàn con bò, đóng thuế cho Đức Giê-hô-va là bảy mươi hai con; ³⁹ba ngàn năm trăm con lừa đực, và đóng thuế cho Đức Giê-hô-va sáu mươi mốt con; ⁴⁰mười sáu ngàn người, và đóng thuế cho Đức Giê-hô-va là ba mươi hai người. ⁴¹Môi-se giao cho Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, của thuế làm lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

⁴²Phân nửa kia thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, tức là phân nửa mà Môi-se chia ra với phân nửa của quân binh đã đi trận, — ⁴³phân nửa này thuộc về hội chúng, số là ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm con chiên cái, ⁴⁴ba mươi sáu ngàn con bò, ⁴⁵ba mươi ngàn năm trăm con lừa, ⁴⁶và mười sáu ngàn người. ⁴⁷Trong phân nửa này thuộc về dân Y-sơ-ra-ên, Môi-se cứ mỗi năm chục thì để riêng ra một, bất luận người hay vật, và giao cho người Lê-vi có chức phận coi sóc đền tạm của Đức Giê-hô-va, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn mình.

⁴⁸Những quan tướng, tức là quan tướng một ngàn quân và quan tướng một trăm quân, đến gần Môi-se ⁴⁹mà rằng: Những kẻ tôi tớ ông đã dựng sổ chiến sĩ, là người ở dưới quyền chúng tôi, và không thiếu một tên. ⁵⁰Mỗi người trong chúng tôi có đem đến đồ bằng vàng mình đã được, hoặc dây chuyền, hoặc vòng, hoặc cá rá, hoặc hoa tai, hoặc kiềng, làm lễ vật dâng cho Đức Giê-hô-va dâng chuộc tội cho mình trước mặt Ngài. ⁵¹Môi-se và Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, bèn nhận lãnh vàng, và hết thấy đồ trang sức làm công kỹ. ⁵²Hết thấy vàng về lễ vật mà những quan tướng một ngàn quân và quan tướng một trăm quân dâng cho Đức Giê-hô-va, cộng là mười sáu ngàn bảy trăm năm mươi siếc-lơ. ⁵³Vả, mỗi người trong quân binh đều có cướp lấy vật cho mình. ⁵⁴Vậy, Môi-

se và Ê-lê-a-sa, thấy tế lễ, nhận lãnh vàng của quan tướng ngàn quân và trăm quân, rồi đem vào hội mạc làm kỷ niệm về dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Đức Giê-hô-va.

Tuy dân Y-sơ-ra-ên sai lầm khi vương vís với người Ma-đi-an tại Ba-anh, nhưng Ma-đi-an cũng sai lầm khi nghe theo lời Ba-la-am và tìm cách tiêu diệt Y-sơ-ra-ên. Những ai rửa sả Y-sơ-ra-ên, sẽ bị Đức Chúa Trời rửa sả lại (*Sáng Thế Ký* 12:1-3). Đã đến lúc Ma-đi-an bị Chúa trừng phạt (25:16-18).¹ Trận chiến này sẽ là cuộc “tổng diễn tập” cho những trận chiến mà Y-sơ-ra-ên sẽ đánh trong xứ Ca-na-an. Nhưng đây là trận chiến cuối của Mô-i-se; rồi ông sẽ gặp “kẻ thù cuối cùng” đó là cái chết (*I Cô-rinh-tô* 15:26).

Trận chiến (Dân Số Ký 31:1-10). Trận chiến này là một phần của cuộc “thánh chiến” mà Đức Giê-hô-va đã tuyên bố chống lại Ma-đi-an vì Ma-đi-an đã dẫn Y-sơ-ra-ên vào tội lỗi. Chắc chắn Y-sơ-ra-ên chịu trách nhiệm vì đã bất tuân Đức Chúa Trời và dẫn thân vào tội thờ hình tượng và vô đạo đức, và bị Đức Chúa Trời hình phạt, nhưng Ma-đi-an là kẻ vi phạm chủ chốt, và những vi phạm như vậy phải bị trừng phạt (*Ma-thi-ơ* 18:7). Hội Thánh không được lệnh nào từ Đức Chúa Trời bảo phải dẫn thân vào “thánh chiến” (*Giăng* 18:10-11, 36) vì kẻ thù của chúng ta không phải bằng thịt và máu (*Ê-phê-sô* 6:10 trở đi) và khí giới của chúng ta mang tính thuộc linh (*II Cô-rinh-tô* 10:1-6). Gươm Thánh Linh là gươm duy nhất chúng ta dùng để đẩy mạnh duyên cớ của Đấng Christ (*Ê-phê-sô* 6:17-18).

Ở đây chúng ta thấy một loạt các trận chiến mà Y-sơ-ra-ên phải kinh qua tại Ca-na-an. Y-sơ-ra-ên nhận chỉ thị từ Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài đi trước họ và ban chiến thắng cho. Chúng ta cho rằng Giô-suê lãnh đạo quân đội, nhưng Phi-nê-a, con trai thầy tế lễ cả, cũng có mặt ở đó cùng với các thầy tế lễ khiêng hòm giao ước và thổi kèn (*Dân Số Ký* 10:1-10). Chính Phi-nê-a đã tỏ ra

vô cùng can trường và tận tụy với Đức Chúa Trời khi tội lỗi của Ba-anh Phê-ô xâm nhập vào trại quân Y-sơ-ra-ên (25:7-15).

Đó là một chiến thắng lớn từ Đức Giê-hô-va, vì mọi người nam Ma-đi-an đều bị giết nhưng không một binh lính Do Thái nào tử trận (31:7, 48-49). Nhiều lãnh tụ phe địch bị giết chết trong trận chiến, và sau trận chiến Giô-suê giết hết năm vua Ma-đi-an còn lại, kể cả Xu-rơ, cha của Cốt-bi, và người phụ nữ cùng phạm tội với Xim-ri trong trại quân Y-sơ-ra-ên (25:14-15). Ba-la-am, chủ mưu vụ quyến dụ lớn tại Ba-anh Phê-ô, cũng bị giết (31:8, 16). Y-sơ-ra-ên đốt các thành và chiếm lãnh thổ Ma-đi-an, về sau giao cho chi phái Ru-bên (Giô-suê 13:15-23).

Thanh tẩy (Dân Số Ký 31:12-24). Bất tuân mạng lệnh Đức Chúa Trời, binh lính đã không tận diệt hết người Ma-đi-an nhưng bắt phụ nữ cùng trẻ em về làm phu tù. Điều này khiến Môi-se nổi giận, vì sự hiện diện của phụ nữ Ma-đi-an trong trại quân chỉ tạo thêm cơ hội cho tội lỗi vốn suýt tiêu diệt Y-sơ-ra-ên. Cả nước đã thắng trận nhưng bây giờ lại gặp nguy cơ đánh mất vinh quang, một lỗi lầm mà dân Đức Chúa Trời đã từng phạm nhiều lần xuyên suốt bao thế kỷ.

Môi-se truyền lệnh giết sạch trẻ em trai cùng người nữ nào không phải là trinh nữ. Trinh nữ còn lại có thể bắt làm đầy tớ cho nam giới.² Vì binh lính đã bị ô uế trong chiến trận do đụng vào xác chết, nên họ phải giữ luật về sự tẩy sạch (19:11-13), và Môi-se áp dụng cùng luật này cho tù nhân nữ mà bây giờ bị buộc phải làm theo luật Do Thái. Lượng tài sản thật lớn lấy từ Ma-đi-an mang về cũng phải được thanh tẩy, hoặc bằng lửa hoặc bằng nước dùng thanh tẩy, và phải mất một tuần mới xong việc thanh tẩy này.

Trong thời bình cũng như thời chiến, điều quan trọng đối với Y-sơ-ra-ên là phải duy trì mối liên hệ thánh khiết với Chúa. Họ phải phân biệt giữa sạch với không sạch, và không được phép thỏa hiệp. Thời gian thanh tẩy kéo

dài một tuần nhắc cho 12.000 binh lính cùng dân chúng trong trại quân nhớ rằng các nước mà họ sẽ đối diện trong Ca-na-an thật là nguy hiểm, không chỉ vì chúng là kẻ thù mà còn vì đó là những tội nhân ô uế có thể cám dỗ họ và làm cho họ bị ô uế nữa. Môi-se đề phòng một thất bại khác giống như Ba-anh Phê-ô.

Chiến lợi phẩm (Dân Số Ký 31:25-47). Người và thú mà Y-sơ-ra-ên lấy làm chiến lợi phẩm, được phân chia theo ba cách: binh lính lấy một nửa, dân chúng trong trại quân lấy một nửa, rồi cả binh lính lẫn dân chúng đều dâng theo tỉ lệ phần trăm cho Chúa. Dù sao, thì cũng là chính Chúa ban cho họ chiến thắng. Binh lính được lĩnh đem dâng người hoặc thú, cứ 500 lấy một, tổng cộng được 840; còn dân chúng cũng dâng người hoặc thú, nhưng 50 lấy một, tổng cộng được 8.400. Những thú và người này được giao cho thầy tế lễ cả Ê-lê-a-sa dùng trong chức vụ đền tạm. Phụ nữ thì được giao cho công tác giúp các thầy tế lễ và người Lê-vi (*Xuất Ê-díp-tô Ký 38:8; I Sa-mu-ên 2:22*), mà chúng ta tin rằng qua họ, phụ nữ học biết và vâng phục Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống của Y-sơ-ra-ên.

Lễ dâng đặc biệt (Dân Số Ký 31:48-51). Vì chỉ có 12.000 người tấn công Ma-đi-an (c. 5), cho nên có thể tối đa là đã có 132 viên chức đến gặp Môi-se dâng lễ đặc biệt cho Chúa. Tuy nhiên, có thể là một số chỉ huy 100 binh lính đã điều khiển một số người đông hơn một sư đoàn. Khi các viên chức đếm số người của mình sau trận chiến, họ thấy chẳng mất một binh lính Y-sơ-ra-ên nào cả! Chỉ Chúa mới có thể làm được phép lạ đó, và các viên chức đều bày tỏ lòng biết ơn đối với Ngài. Họ mang một của lễ đặc biệt vào đền thánh của Đức Chúa Trời lấy từ chiến lợi phẩm chính họ đã nhận được. Dâng cho Đức Chúa Trời vì bốn phận là một việc, nhưng dâng vì chúng ta yêu Ngài và quý trọng điều Ngài đã làm cho chúng ta thì hoàn toàn là một việc khác.

Khi các viên chức đề cập việc "chuộc tội" cho họ trước

mặt Chúa (c.50), họ không nghĩ rằng vàng họ dâng hiến có thể cứu linh hồn họ (*Thi Thiên* 49:6-9; *I Phi-e-rơ* 1:18-19). Theo *Xuất Ê-díp-tô Ký* 30:11-16, mỗi lần có kiểm tra dân số trong Y-sơ-ra-ên, thì mỗi người nam từ hai mươi tuổi sắp lên phải dâng nửa siếc-lơ bạc làm của lễ cho Chúa. Đây được xem là “tiền chuộc tội” và trước kia được dùng làm lỗ trụ cho khung đền tạm (*Xuất Ê-díp-tô Ký* 38:21-28). Nhận biết tính mạng mình đã được bảo vệ do lòng nhân từ, nên 12.000 binh lính muốn dâng thêm “tiền chuộc tội” để cảm tạ Chúa. Thay vì đem dâng bạc, họ đã đem hơn 400 cân vàng và Môi-se cùng Ê-lê-a-sa đã tiếp nhận đưa vào đền thánh.

3. Dân Chúa Trung Tín với Nhau

Dân Số Ký 32:1-42

¹Vả, con cháu Ru-bên cùng con cháu Gát có bầy súc vật rất nhiều; thấy xứ Gia-ê-xe và xứ Ga-la-át là đất tiện hiệp nuôi bầy súc vật: ²Bèn đến thưa cùng Môi-se, Ê-lê-a-sa, thấy tế lễ, và các hội trưởng mà rằng: ³A-ta-rốt, Di-bôn, Gia-ê-xe, Nim-ra, Hết-bôn, Ê-lê-a-lê, Sê-bam, Nê-bô, và Bê-ôn, ⁴xứ mà Đức Giê-hô-va đã đánh bại trước mặt hội chúng Y-sơ-ra-ên, là một xứ tiện hiệp nuôi bầy súc vật, và các tôi tớ ông có bầy súc vật. ⁵Lại tiếp rằng: Nếu chúng tôi được ơn trước mặt ông, chớ chi ban xứ này cho kẻ tôi tớ ông làm sản nghiệp, xin đừng biểu chúng tôi đi ngang qua sông Giô-đanh.

⁶Nhưng Môi-se đáp cùng con cháu Gát và con cháu Ru-bên rằng: Anh em các người há sẽ đi trận, còn các người ở lại đây sao?

⁷Sao các người xui dân Y-sơ-ra-ên trở lòng, không khứng đi qua xứ mà Đức Giê-hô-va đã cho? ⁸Ấy, tổ phụ các người cũng làm như vậy khi ở từ Ca-đe-Ba-nê-a, ta sai họ đi do thám xứ. ⁹Vì tổ phụ các người lên đến đèo Ếch-côn, thấy xứ, rồi xui dân Y-sơ-ra-ên trở lòng, không khứng vào xứ mà Đức Giê-hô-va đã ban cho.

¹⁰Trong ngày đó, cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va phừng lên và Ngài thề rằng: ¹¹Những người đi lên khỏi xứ Ê-díp-tô, từ hai mươi tuổi sắp lên, sẽ chẳng hề thấy xứ mà ta đã thề ban cho Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, vì các người đó không theo ta cách trung thành, ¹²trừ ra Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê, là người

Kê-nít, và Giô-suê, con trai của Nun: hai người đó đã theo Đức Giê-hô-va cách trung thành. ¹³Ấy vậy, cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi phùng phùng cùng dân Y-sơ-ra-ên, Ngài làm cho dân đó đi lưu lạc trong đồng vắng bốn mươi năm, cho đến chừng nào cả dòng dõi đã làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va bị tiêu diệt hết. ¹⁴Này các người dậy lên thế cho tổ phụ mình, là dòng dõi tội nhân, đáng gia thêm sức thịnh nộ của Đức Giê-hô-va cùng Y-sơ-ra-ên nữa. ¹⁵Vì nhược bằng các người đi tể Ngài ra, thì Ngài sẽ cứ để dân này ở trong đồng vắng, và các người làm cho dân chết sạch hết vậy.

¹⁶Nhưng các người đó đến gần Môi-se mà rằng: Tại đây, chúng tôi sẽ dựng chuồng cho súc vật và thành cho con trẻ chúng tôi; ¹⁷rồi chúng tôi cầm binh khí lập tức đi trước dân Y-sơ-ra-ên cho đến chừng nào đưa dân ấy vào cõi đã phân định cho họ. Còn con trẻ chúng tôi phải ở trong thành kiên cố, vì cơ dân bốn xứ. ¹⁸Chúng tôi không trở về nhà chúng tôi trước khi mọi người trong dân Y-sơ-ra-ên chưa lãnh được sản nghiệp mình. ¹⁹Chúng tôi sẽ chẳng được chi với dân Y-sơ-ra-ên về bên kia sông Giô-danh hay là xa hơn, vì chúng tôi được sản nghiệp mình ở bên này sông Giô-danh, về phía đông.

²⁰Môi-se đáp cùng các người rằng: Nếu các người làm điều đó, nếu cầm binh khí đi chiến trận trước mặt Đức Giê-hô-va, ²¹nếu mọi người cầm binh khí đi ngang qua sông Giô-danh trước mặt Đức Giê-hô-va, cho đến khi nào đuổi quân nghịch chạy khỏi trước mặt Ngài, ²²và nếu chỉ trở về sau khi xứ đã phục trước mặt Đức Giê-hô-va, — thì đối cùng Đức Giê-hô-va và Y-sơ-ra-ên, các người sẽ không bị trách móc chi, và đất này sẽ làm sản nghiệp cho các người trước mặt Đức Giê-hô-va. ²³Còn nếu không làm như vậy, này các người sẽ phạm tội cùng Đức Giê-hô-va, và phải biết rằng tội chắc sẽ đổ lại trên các người. ²⁴Vậy, hãy cất thành cho con trẻ mình, cùng dựng chuồng cho bầy súc vật và làm điều các người đã nói.

²⁵Con cháu Gát và con cháu Ru-ben bèn nói cùng Môi-se rằng: Các tôi tớ ông sẽ làm điều mà chúa tôi phán dặn. ²⁶Con trẻ, vợ, bầy chiên, và hết thầy súc vật chúng tôi sẽ ở đây trong những thành xứ Ga-la-át; ²⁷còn hết thầy tôi tớ ông sẽ cầm binh khí, đi ngang qua trước mặt Đức Giê-hô-va, như chúa tôi đã phán dặn.

²⁸Vậy, Môi-se về phần các người đó truyền lệnh cho Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, cho Giô-suê, con trai Nun, và cho các quan trưởng của

những chi phái dân Y-sơ-ra-ên,²⁹ mà rằng: Nếu con cháu Gát và con cháu Ru-bên cầm binh khí đi ngang qua sông Giô-đanh với các người đặng chiến trận trước mặt Đức Giê-hô-va, và nếu xứ phục các người, thì các người phải ban cho họ xứ Ga-la-át làm sản nghiệp.³⁰ Nhưng nếu họ không cầm binh khí mà đi ngang qua với các người, thì họ sẽ có sản nghiệp giữa các người trong xứ Ca-na-an.

³¹Con cháu Gát và con cháu Ru-bên thưa rằng: Chúng tôi sẽ làm điều chi mà Đức Giê-hô-va đã phán cùng kẻ tôi tớ ông. ³²Chúng tôi sẽ cầm binh khí đi qua trong xứ Ca-na-an trước mặt Đức Giê-hô-va; nhưng chúng tôi sẽ lãnh sản nghiệp mình về phía bên này sông Giô-đanh.

³³Ấy vậy, Môi-se ban cho con cháu Gát, con cháu Ru-bên, và phân nửa chi phái Ma-na-se, là con trai của Giô-sép, nước của Si-hôn, vua dân A-mô-rít, và nước của Ốc, vua xứ Ba-san, tức là ban xứ với những thành nó và các thành địa hạt ở chung quanh.

³⁴Con cháu Gát bèn xây cất Di-bôn, A-ta-rốt, A-rô-e, ³⁵At-rốt-Sô-phan, Gia-ê-xe, Giô-bê-ha, ³⁶Bết-Nim-ra, và Bết-Ha-ran là những thành kiên cố. Cũng dựng chuồng cho bầy súc vật nữa. ³⁷Con cháu Ru-bên xây cất Hết-bôn, Ê-lê-a-lê, Ki-ri-a-ta-im, ³⁸Nê-bô, Ba-anh-Mê-ôn, tên các thành này bị đổi, - và Síp-ma; rồi đặt tên cho các thành nào mình xây cất. ³⁹Con cháu Ma-ki, là con trai Ma-na-se, đi vào chiếm xứ Ga-la-át và đuổi người A-mô-rít ở trong đó ra. ⁴⁰Vậy, Môi-se ban xứ Ga-la-át cho Ma-ki, là con trai Ma-na-se, và người ở tại đó. ⁴¹Giai-rơ, là con trai Ma-na-se, đi chiếm các thôn dân A-mô-rít, đặt tên là thôn Giai-rơ. ⁴²Nô-bách đi lấy thành Kê-nát với các thành địa-hạt, đặt tên là Nô-bách theo chánh danh mình.

Một cộng đồng hoặc dân tộc thành công không chỉ tùy thuộc vào việc giữ lời và tin cậy Đức Chúa Trời để được chiến thắng mà còn tùy thuộc vào lòng trung tín với nhau nữa. Tình cảm này giống như "lòng ái quốc", miễn là ái quốc một cách sáng suốt chứ không như người thờ thần tượng yêu thần tượng.³

Lời yêu cầu (Dân Số Ký 32:1-5). Các chi phái Ru-bên và Gát làm nghề chăn nuôi và xin được phép định cư phía đông Giô-đanh nơi đất đặc biệt thích hợp để chăn thả bầy chiên đàn bò. Phân nửa chi phái Ma-na-se sau

này nhập chung với họ (c.33; *Giô-suê* 13:8 trở đi). Chúa đã giao toàn xứ đó vào tay dân Ngài (*Dân Số Ký* 21), họ chỉ việc đến chiếm đóng và sinh sống mà thôi. Thật vậy, những chi phái này bị ngăn cách với cả nước còn lại bởi sông Giô-đanh, nhưng họ không bận tâm lắm về việc này.

Phản ứng của Môi-se (Dân Số Ký 32:6-15). Nhà ban luật pháp lớn là Môi-se có thể đã phản ứng vội vã (*Châm Ngôn* 18:13), vì ý nghĩ đầu tiên của ông là những chi phái này đang rời xa ý Chúa. Dĩ nhiên, lời yêu cầu "Xin đừng bắt chúng tôi vượt sông Giô-đanh" (*Dân Số Ký* 32:5) khiến Môi-se nghĩ rằng họ chỉ muốn định cư tại chỗ.

Lòng Môi-se lúc nào cũng nghĩ đến cả nước cùng với sứ mạng nặng nề là chinh phục và chiếm lấy Đất Hứa. Đối với Môi-se, bất cứ chi phái nào rút lui khỏi chiến đấu và không làm vai trò của mình để chinh phục xứ cũng đều là phạm tội nặng. Giống như mười thám tử đã làm cho cả nước nản lòng tại Ca-đe Bạt-nê-a và phí mất ba mươi tám năm, hai chi phái này cũng có thể khiến Y-sơ-ra-ên nản lòng bằng cách bỏ cuộc khi sắp sửa thành công. Hơn thế nữa, thái độ ương hèn của họ có thể khiến Chúa nổi giận, và Ngài có thể giáng hình phạt như đã từng làm trước đây khi dân Chúa phạm tội. Tệ hơn nữa, chỉ cần Ngài bỏ rơi cả nước là họ sẽ chết hết trong hoang mạc.

Biện hộ của các chi phái (Dân Số Ký 32:16-19). Chắc hẳn Ru-bên và Gát không vui khi bị gọi là "dòng dõi tội nhân" (c.14), nhưng chính họ đã có lỗi khi trình bày yêu cầu của mình cách vô ý như thế. Bây giờ họ giải thích kỹ càng với Môi-se rằng họ muốn và sẵn sàng vào xứ và chiến đấu bên cạnh anh em mình cho tới khi chinh phục xong Ca-na-an. Chỉ sau khi các chi phái khác nhận xong sản nghiệp thì hai chi phái (và phân nửa Ma-na-se sau này) mới trở lại vùng đất Bên Kia Giô-đanh để định cư. Tuy nhiên, trước hết họ muốn xây các thành kiên cố, để bảo vệ vợ con họ, cùng bầy gia súc của mình. Sau đó, họ sẽ gia nhập với các chi phái kia để vượt sông và đối đầu

với quân thù.

Cam kết (Dân Số Ký 32:20-42). Môi-se nhắc lại lời hứa của họ với người Gát và Ru-bên và thêm lời cảnh cáo. Nếu họ không giữ lời hứa, họ sẽ phạm tội với Chúa, và tội của họ sẽ theo đuổi họ! Cụm từ “Phải biết rằng tội chắc sẽ đổ lại trên các ngươi” (c.23) thường được dùng trong lời kêu gọi truyền giảng, nhưng dụng ý chính của câu này là răn đe dân Đức Chúa Trời. Tội của họ chính là không giữ lời thề hứa và không muốn giúp anh chị em mình trong công tác Đức Chúa Trời kêu gọi họ làm.

Môi-se chết trước khi cả dân tộc ông vượt sông. Ông biết vậy nên gọi Ê-lê-a-sa, Giô-suê, cùng các trưởng chi phái giao trách nhiệm cho họ là nhắc nhở các chi phái Bên Kia Giô-đanh giữ lời cam kết và vượt sông để đánh các nước trong Ca-na-an. Vùng đất họ xin thì sẽ được, nhưng họ sẽ mất đi, nếu không giữ lời hứa.

Cả nước lưu lại đủ thời gian cho hai chi phái rưỡi tiến vào phần đất, đánh bại kẻ thù còn lại, và ổn định cuộc sống cho gia đình cùng bầy gia súc. Nhưng chúng ta không thể không tự hỏi là mấy chi phái Bên Kia Giô-đanh có xử sự khôn ngoan không. Họ ở bên ngoài đất hứa và cách biệt với cả nước còn lại. Họ chỉ hành động vì tư lợi: vùng đất tốt cho bầy chiên và gia súc. Giống như Lót, họ bước đi bằng mắt thấy chứ không bởi đức tin (*Sáng Thế Ký 13:10-11*). Mấy chi phái này đã giữ lời hứa, nhưng dù vậy, vị trí của họ Bên Kia Giô-đanh tạo ra một số vấn đề (*Giô-suê 22*).

Theo *Hê-bơ-rơ* 4, việc tiến vào Đất Hứa tiêu biểu cho nhiều cách hiểu khác nhau của tín hữu ngày nay về Đức Chúa Trời. Một số người giống như thế hệ già của người Do Thái đã chết trong sa mạc không vào được xứ. Những người khác thì giống như mười thám tử viếng thăm xứ, nhìn thấy của cải mà không vào. Các chi phái Bên Kia Giô-đanh đã vào xứ nhưng không lưu lại. Họ thích sống ngoài biên giới và nuôi gia súc. Đức Chúa Trời muốn dân Ngài giống như thế hệ mới, biết tin cậy Đức Chúa Trời,

bước vào xứ, chiến thắng, và vui hưởng phước hạnh.

4. Sự Tể Trị của Đức Chúa Trời

Dân Số Ký 33:1-49

¹Này là các nơi đóng trại của dân Y-sơ-ra-ên khi họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô tùy theo các đội ngũ, có Môi-se và A-rôn quản lý. ²Môi-se vâng mạng Đức Giê-hô-va chép sự hành trình của dân chúng, tùy theo các nơi đóng trại. Vậy, này là các nơi đóng trại tùy theo sự hành trình của họ.

³Ngày rằm tháng giêng, tức ngày sau lễ Vượt Qua, dân Y-sơ-ra-ên ra đi từ Ram-se, cách dạn dĩ, có mắt của hết thấy người Ê-díp-tô thấy. ⁴Người Ê-díp-tô chôn những kẻ mà Đức Giê-hô-va đã hành hại giữa bọn mình, tức là hết thấy con đầu lòng: Đức Giê-hô-va đã đoán xét các thần chúng nó.

⁵Dân Y-sơ-ra-ên đi từ Ram-se đến đóng trại tại Su-cốt; ⁶rồi đi từ Su-cốt đến đóng trại tại Ê-tam, ở cuối đồng vắng. ⁷Kế đó, đi từ Ê-tam vòng về hướng Phi-Ha-hi-rốt, đối ngang cùng Ba-anh-Sê-phôn, và đóng trại trước Mít-đôn. ⁸Dân Y-sơ-ra-ên bỏ Phi-Ha-hi-rốt, đi qua giữa biển về hướng đồng vắng, đi ba ngày đường ngang đồng vắng Ê-tam, rồi đóng trại tại Ma-ra.

⁹Đoạn, đi từ Ma-ra đến Ê-lim; và, tại Ê-lim có mười hai cái suối và bảy chục cây chà là, bèn đóng trại tại đó. ¹⁰Dân chúng đi từ Ê-lim và đóng trại gần Biển Đỏ. ¹¹Đoạn, đi từ Biển Đỏ và đóng trại tại đồng vắng Sin. ¹²Đi từ đồng vắng Sin và đóng trại tại Đáp-ca. ¹³Đi từ Đáp-ca và đóng trại tại A-lúc. ¹⁴Đi từ A-lúc và đóng trại tại Rê-phi-đim, là nơi không có nước cho dân chúng uống.

¹⁵Dân Y-sơ-ra-ên đi từ Rê-phi-đim và đóng trại trong đồng vắng Si-na-i. ¹⁶Kế đó, đi từ đồng vắng Si-na-i và đóng trại tại Kíp-rốt-Ha-tha-va. ¹⁷Đi từ Kíp-rốt-Ha-tha-va và đóng trại tại Hát-sê-rốt.

¹⁸Đoạn, đi từ Hát-sê-rốt và đóng trại tại Rít-ma. ¹⁹Đi từ Rít-ma và đóng trại tại Ri-môn-Phê-rết. ²⁰Đi từ Ri-môn-Phê-rết và đóng trại tại Líp-na. ²¹Đi từ Líp-na và đóng trại tại Ri-sa. ²²Kế đó, đi từ Ri-sa và đóng trại tại Kê-hê-la-tha. ²³Đi từ Kê-hê-la-tha đóng trại tại núi Sê-phe. ²⁴Đi từ núi Sê-phe và đóng trại tại Ha-ra-đa. ²⁵Đi từ Ha-ra-đa và đóng trại tại Mác-hê-lốt. ²⁶Đoạn, đi từ Mác-hê-lốt và đóng trại tại Ta-hát. ²⁷Đi từ Ta-hát và đóng trại tại Ta-rách. ²⁸Đi từ Ta-rách và đóng trại tại Mít-ga. ²⁹Đi từ Mít-ga và đóng trại tại Hách-mô-na. ³⁰Đi từ Hách-mô-na và đóng

trại tại Mô-sê-rốt. ³¹Đi từ Mô-sê-rốt và đóng trại tại Bê-ne-Gia-can. ³²Đi từ Bê-ne-Gia-can và đóng trại tại Hô-Ghi-gát. ³³Đi từ Hô-Ghi-gát và đóng trại tại Dốt-ba-tha. ³⁴Đi từ Dốt-ba-tha và đóng trại tại Áp-rô-na. ³⁵Đoạn, đi từ Áp-rô-na và đóng trại tại Ê-xi-ôn-Ghê-be. ³⁶Đi từ Ê-xi-ôn-Ghê-be và đóng trại tại đồng vắng Xin, nghĩa là tại Ca-đe. ³⁷Kể đó, đi từ Ca-đe và đóng trại tại núi Hô-rơ, ở chót đầu xứ Ê-đôm.

³⁸A-rôn, thầy tế lễ, theo mạng Đức Giê-hô-va lên trên núi Hô-rơ, rồi qua đời tại đó, nhằm ngày mồng một tháng năm, năm thứ bốn mươi sau khi dân Y-sơ-ra-ên đã ra khỏi xứ Ê-díp-tô. ³⁹Khi A-rôn qua đời trên núi Hô-rơ, người đã được một trăm hai mươi ba tuổi.

⁴⁰Bấy giờ, vua A-rát, là người Ca-na-an, ở miền nam xứ Ca-na-an, hay rằng dân Y-sơ-ra-ên đến. ⁴¹Dân Y-sơ-ra-ên đi từ núi Hô-rơ và đóng trại tại Xa-mô-na. ⁴²Đi từ Xa-mô-na và đóng trại tại Phu-nôn. ⁴³Đi từ Phu-nôn và đóng trại tại Ô-bốt. ⁴⁴Kể đó, đi từ Ô-bốt và đóng trại tại Y-giê-A-ba-rim, trên bờ-cõi Mô-áp. ⁴⁵Đi từ Y-giê-A-ba-rim và đóng trại tại Đi-bôn-Gát. ⁴⁶Đi từ Đi-bôn-Gát và đóng trại tại Anh-môn-Đíp-la-tha-im. ⁴⁷Kể ấy, đi từ Anh-môn-Đíp-la-tha-im và đóng trại tại núi A-ba-rim trước Nê-bô. ⁴⁸Đi từ núi A-ba-rim và đóng trại tại đồng bằng Mô-áp gần sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô. ⁴⁹Dân Y-sơ-ra-ên đóng trại gần sông Giô-đanh, từ Bết-Giê-si-mốt chí A-bên-Si-tim trong đồng Mô-áp.

Đức Giê-hô-va truyền lệnh cho Mô-i-se liệt kê những nơi Y-sơ-ra-ên đóng trại suốt hành trình trong hoang mạc của họ. Bốn mươi chỗ được kể ra, bắt đầu từ Ram-se tại Ai Cập (c.3) và cuối cùng là đồng bằng Mô-áp, đối ngang Giê-ri-cô (c.49). Cuộc vượt thoát Ai Cập của Y-sơ-ra-ên được ghi trong các câu 3-4. Hành trình qua Biển Đỏ được ghi trong câu 5-8. Các câu 9-15 thuật lại bước đường Y-sơ-ra-ên từ Ma-ra tới núi Si-nai, còn câu 16-36 từ Si-nai tới Ca-đe, nơi mà do lòng vô tín, Y-sơ-ra-ên đã không vào được Đất Hứa. Ba mươi tám năm lang thang của họ rơi vào giữa câu 36 với 37 rồi không được nhắc đến nữa. Việc đi từ Ca-đe tới đồng bằng Mô-áp được ghi trong câu 37-49.

Chương này không chỉ là bảng liệt kê các nơi Y-sơ-ra-ên đã dùng chân mà còn là lời chứng về quyền tể trị của Đức Chúa Trời trong cách đối xử với dân Ngài. Đức Chúa Trời không chỉ viết ra lịch sử; Ngài lập kế hoạch cho lịch sử và lo cho kế hoạch đó được thực hiện. “Mưu của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời, ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (*Thi Thiên* 33:11). Khi Y-sơ-ra-ên không tự đặt mình dưới sự tể trị của Đức Chúa Trời, thì lúc ấy Ngài áp đặt quyền tể trị trên Y-sơ-ra-ên. Y-sơ-ra-ên mất phước, vì chương trình của Đức Chúa Trời vẫn phải hoàn thành đúng theo ý chỉ của Ngài.

Chẳng có khó khăn nào quá lớn đối với Đức Chúa Trời. Ngài đã rẽ Biển Đỏ cho dân Ngài đi qua, rồi sau đó Ngài khép lại đình chết đạo quân Ai Cập đang đuổi theo. Khi dân Ngài lâm nguy, Đức Chúa Trời cho họ chiến thắng quân thù. Khi họ khát, Ngài cung ứng nước, và mỗi sớm mai, Ngài mưa ma-na xuống để nuôi họ.

Trong hành trình này, thế hệ già chết hết và thế hệ mới nhận trách nhiệm. Mi-ri-am chết tại Ca-đê (*Dân Số* Ký 20:1) một phụ nữ khác phải hướng dẫn ca đoàn. A-rôn chết trên núi Hô-rơ (c.23-29) con trai người trở thành thầy tế lễ cả. Trước lúc Môi-se qua đời, ông chỉ định Giô-suê làm người kế vị. Trong tất cả các chương này, Đức Chúa Trời vẫn không thay đổi và không hề lìa bỏ dân Ngài. “Lạy Chúa, từ đời này qua đời kia, Chúa là nơi ở của chúng tôi” (*Thi Thiên* 90:1).

Quyền tể trị của Đức Chúa Trời không lấn át cá tính hoặc trách nhiệm của con người. Đức Chúa Trời cao cả vẫn cho chúng ta tự do lựa chọn mà mục đích của Ngài thì không bao giờ được thay đổi. Ngài thật là Đức Chúa Trời quyền năng biết bao! Chẳng trách Phao-lô viết: “Sự phán xét của Ngài nào ai thấu được, đường nẻo của Ngài nào ai hiểu được” (*Rô-ma* 11:33).

5. Sự Chắc Chắn về Sản Nghiệp

Dân Số Ký 33:50-35:34

⁵⁰Đức Giê-hô-va phán cùng Mô-i-se trong đồng Mô-áp gần sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô, mà rằng: ⁵¹Hãy truyền cùng dân Y-sơ-ra-ên mà rằng: Khi nào các người đã đi ngang qua sông Giô-đanh đặt vào xứ Ca-na-an rồi, ⁵²thì phải đuổi hết thầy dân của xứ khỏi trước mặt các người, phá-hủy hết thầy hình tượng chạm và hình đúc, cùng đập đổ các nơi cao của chúng nó. ⁵³Các người sẽ lãnh xứ làm sản nghiệp và ở tại đó; vì ta đã ban xứ cho các người đặt làm sản nghiệp. ⁵⁴Phải bắt thăm chia xứ ra tùy theo họ hàng các người. Hễ ai số đông, các người phải cho một sản nghiệp lớn hơn; còn hễ ai số ít, thì phải cho một sản nghiệp nhỏ hơn. Mỗi người sẽ nhận lãnh phần mình bắt thăm được; phải cứ những chi phái tổ phụ các người mà chia xứ ra. ⁵⁵Còn nếu các người không đuổi dân của xứ khỏi trước mặt mình, thì những kẻ nào trong bọn họ mà các người còn chứa lại, sẽ như gai trong con mắt, và như chông nơi hông các người, chúng nó sẽ theo bắt giết các người tại trong xứ các người ở; ⁵⁶rồi xảy đến ta sẽ hành hại các người khác nào ta đã toan hành hại chúng nó vậy.

34

Giới hạn xứ Ca-na-an và tên các quan trưởng của mỗi chi phái đứng chia xứ

¹Đức Giê-hô-va lại phán cùng Mô-i-se rằng: ²Hãy truyền điều này cho dân Y-sơ-ra-ên mà rằng: Các người sẽ vào xứ Ca-na-an đặt lãnh xứ làm sản nghiệp, tức là xứ Ca-na-an khắp bốn bề: ³Miền nam sẽ thuộc về các người, từ đồng vắng Xin chạy dài theo Ê-đôm. Ấy vậy, giới hạn của các người về phía nam sẽ chạy từ đầu Biển Mặn về bên hướng đông. ⁴Giới hạn này chạy vòng phía nam của núi A-c-ráp-bim, đi ngang về hướng Xin và giáp phía nam Ca-đe-Ba-nê-a; đoạn chạy qua Hát-sa-Át-đa, và đi ngang hướng Át-môn. ⁵Từ Át-môn giới hạn chạy vòng về lối suối Ê-díp-tô và giáp biển.

⁶Còn về giới hạn phía tây thì các người sẽ có biển lớn dùng làm hạn, ấy sẽ là giới hạn về phía tây.

⁷Này là giới hạn của các người về phía bắc: Từ biển lớn, các người sẽ chấm núi Hô-rơ làm hạn; ⁸từ núi Hô-rơ, các người sẽ chấm tại đầu Ha-mát làm hạn; rồi giới hạn sẽ giáp tại Xê-đát.

⁹Giới hạn sẽ chạy về hướng Xíp-rôn và ăn cuối Hát-sa-Ê-nan, đó

là giới hạn của các người về phía bắc.

¹⁰Phía đông các người sẽ chấm ranh mình từ Hát-sa-Ê-nan tới Sê-pham; ¹¹rồi chạy từ Sê-pham xuống đến Ríp-la về hướng đông của A-in; đoạn chạy xuống và giáp gành biển Ki-nê-rét về phía đông. ¹²Rốt lại, giới hạn sẽ chạy xuống về phía sông Giô-đanh và giáp Biển Mặn. Đó là xứ các người sẽ có, cùng các giới hạn nó xung quanh vậy.

¹³Môi-se bèn truyền lệnh này cho dân Y-sơ-ra-ên mà rằng: Ấy đó là xứ các người sẽ bắt thăm chia ra mà Đức Giê-hô-va đã phán dặn cho chín chi phái và phân nửa của một chi phái. ¹⁴Vì chi phái con cháu Ru-bên, tùy theo tông tộc mình, và chi phái con cháu Gát, tùy theo tông tộc mình, cùng phân nửa chi phái Ma-na-se đã lãnh phần sản nghiệp mình rồi. ¹⁵Hai chi phái và nửa chi phái này đã nhận lãnh sản nghiệp mình ở phía bên kia sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô về hướng đông, tức về phía mặt trời mọc.

¹⁶Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se rằng: ¹⁷Đây là tên những người sẽ đứng chia xứ: Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, và Giô-suê, con trai Nun. ¹⁸Các người cũng phải cứ mỗi chi phái chọn một quan trưởng đứng chia xứ ra.

¹⁹Đây là tên các người đó: Về chi phái Giu-đa, Ca-lép, con trai Giê-phu-nê; ²⁰về chi phái con-cháu Si-mê-ôn, Sê-mu-ên, con trai A-mi-hút; ²¹về chi phái Bên-gia-min, Ê-li-đát, con trai Kít-lon; ²²về chi phái con-cháu Đan, một quan trưởng tên là Bu-ki, con trai Giốc-li; ²³về con cháu Giô-sép: về chi phái con cháu Ma-na-se, một quan trưởng tên là Ha-ni-ên, con trai Ê-phát; ²⁴và về chi phái con cháu Ép-ra-im, một quan trưởng tên là Kê-mu-ên, con trai Síp-tan; ²⁵về chi phái con cháu Sa-bu-lôn, một quan trưởng tên là Ê-lít-sa-phan, con trai Phác-nát; ²⁶về chi phái con cháu Y-sa-ca, một quan trưởng tên là Pha-ti-ên, con trai A-xan; ²⁷về chi phái con cháu A-se, một quan trưởng tên là A-hi-hút, con trai Se-lu-mi; ²⁸và về chi phái con cháu Nép-ta-li, một quan trưởng tên là Phê-đa-ên, con trai A-mi-hút. ²⁹Đó là những người mà Đức Giê-hô-va phán biểu đứng chia sản nghiệp cho dân Y-sơ-ra-ên trong xứ Ca-na-an.

35

Các thành của người Lê-vi, và thành ẩn nấu. – Kể báo thù huyết.

¹Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se trong đồng Mô-áp, gần sông Giô-đanh, đối ngang Giê-ri-cô, mà rằng: ²Hãy biểu dân Y-sơ-ra-

ên do trong phần sản nghiệp mình đã có, nhường những thành cho người Lê-vi đặt ở; cho luôn một miếng đất ở chung quanh các thành đó. ³Người Lê-vi sẽ có những thành đặt ở; còn đất chung quanh các thành này sẽ dùng cho súc vật, cho sản vật, và cho hết thảy thú vật của họ. ⁴Đất chung quanh thành mà các người nhường cho người Lê-vi sẽ là một ngàn thước chu vi, kể từ vách thành và ở ngoài. ⁵Vậy các người phải đo, phía ngoài thành về hướng đông hai ngàn thước về hướng nam hai ngàn thước, về hướng tây hai ngàn thước, và về hướng bắc hai ngàn thước; cái thành sẽ ở chính giữa. Đó sẽ là đất của những thành người Lê-vi.

⁶Trong số thành các người sẽ nhường cho người Lê-vi, sẽ có sáu cái thành ẩn nấu mà các người phải chỉ cho, để kẻ sát nhân trốn tránh tại đó; ngoài sáu thành đó, các người phải nhường cho người Lê-vi bốn mươi hai cái thành. ⁷Hết thảy thành các người sẽ nhường cho người Lê-vi luôn với đất, số là bốn mươi tám cái.

⁸Về những thành do trong sản nghiệp của dân Y-sơ-ra-ên mà các người sẽ nhường cho người Lê-vi phải lấy bớt nhiều hơn của chi phái có nhiều, và lấy bớt ít hơn của chi phái có ít; mỗi chi phái nhường cho người Lê-vi những thành cân phân theo sản nghiệp của mình sẽ được.

⁹Đoạn, Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng: ¹⁰Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Khi nào các người đã đi qua sông Giô-đanh đặt vào xứ Ca-na-an, ¹¹thì phải lựa những thành dùng làm thành ẩn nấu cho mình, là nơi kẻ sát nhân, vì vô ý đánh chết ai, chạy ẩn nấu mình được. ¹²Những thành đó sẽ dùng làm thành ẩn nấu để trốn khỏi kẻ báo thù huyết, hầu cho kẻ sát nhân không chết cho đến chừng nào ứng hầu trước mặt hội chúng đặt chịu xét đoán. ¹³Vậy, trong những thành các người nhường cho, sẽ có sáu thành ẩn nấu cho các người. ¹⁴Các người phải chỉ ba thành phía bên kia sông Giô-đanh và lập ba thành khác trong xứ Ca-na-an; ấy sẽ là những thành ẩn nấu. ¹⁵Sáu thành này sẽ dùng làm chỗ ẩn nấu cho dân Y-sơ-ra-ên, luôn cho khách ngoại bang và kẻ nào kiêu ngạo ở trong dân đó, để ai vì vô ý đánh chết một người có thể chạy ẩn mình tại đó.

¹⁶Nhưng nếu người ấy đánh bằng đồ sắt, và người bị đánh chết đi, ấy là một kẻ sát nhân; kẻ sát nhân hẳn phải bị xử tử. ¹⁷Nếu người đánh bằng một cục đá cầm nơi tay có thể làm chết, và người bị đánh chết đi, ấy là một kẻ sát nhân; kẻ sát nhân hẳn phải bị xử tử. ¹⁸Cũng vậy, nếu người đánh bằng đồ cây cầm nơi

tay có thể làm chết, và người bị đánh chết đi, ấy là một kẻ sát nhân; kẻ sát nhân hẳn phải bị xử tử. ¹⁹Ấy là kẻ báo thù huyết sẽ làm cho kẻ sát nhân phải chết; khi nào kẻ báo thù huyết gặp kẻ sát nhân thì phải làm cho nó chết đi. ²⁰Nếu một người nào vì lòng ganh ghét xô lẫn một người khác, hay là cố ý liệng vật chi trên mình nó, và vì cố đó nó bị chết; ²¹hoặc vì sự thù đánh bằng bàn tay, và vì cố đó nó bị chết, thì người nào đánh đó hẳn phải bị xử tử. Ấy là một kẻ sát nhân; người báo thù huyết khi nào gặp kẻ sát nhân phải làm cho nó chết đi.

²²Nếu vì tình cờ, vẫn hòa thuận nhau, mà người có lẫn xô, hoặc liệng vật chi trên mình người kia, ²³hoặc nếu không phải thù nghịch chẳng có ý làm hại, lại không thấy mà làm rớt một cục đá trên mình người kia, có thể làm chết được, và nếu người chết đi, ²⁴thì cứ theo luật lệ này, hội chúng phải xử đoán cho kẻ đã đánh và kẻ báo thù huyết: ²⁵hội chúng sẽ giải cứu kẻ sát nhân khỏi tay người báo thù huyết, và biểu người trở về thành ẩn náu, là nơi người đã chạy ẩn mình; và người phải ở đó cho đến chừng nào thấy tế lễ thượng phẩm đã được xúc dầu thánh qua đời.

²⁶Nhưng nếu kẻ sát nhân đi ra ngoài giới hạn của thành ẩn náu, là nơi người đã chạy ẩn mình, ²⁷và nếu kẻ báo thù huyết gặp, giết người ở ngoài giới hạn thành ẩn náu, thì kẻ báo thù huyết sẽ không mắc tội sát nhân. ²⁸Vì kẻ sát nhân phải ở trong thành ẩn náu cho đến chừng nào thấy tế lễ thượng phẩm qua đời; nhưng sau khi thấy tế lễ thượng phẩm qua đời, kẻ sát nhân sẽ được trở về trong sản nghiệp mình.

²⁹Bất luận các người ở nơi nào, điều này phải dùng làm một luật lệ xét đoán cho các người trải qua các đời.

³⁰Nếu ai giết một người nào, người ta sẽ cứ theo lời khai của những người chứng mà giết kẻ sát nhân; nhưng một người chứng không đủ cơ đặng giết ai.

³¹Các người chớ lãnh tiền chuộc mạng của một người sát nhân đã có tội và đáng chết, vì nó hẳn phải bị xử tử. ³²các người đừng lãnh tiền chuộc kẻ đã chạy ẩn mình trong thành ẩn náu, hầu cho nó trở về ở trong xứ sau khi thấy tế lễ qua đời. ³³Các người chớ làm ô uế xứ mà các người sẽ ở; vì huyết làm ô uế xứ. Nhược bằng có kẻ làm đổ huyết ra trong xứ, nếu không làm đổ huyết nó lại, thì không thể chuộc tội cho xứ được. ³⁴Vậy, các người chớ làm ô uế xứ, là nơi các người sẽ ở, và chánh giữa đó là nơi ta sẽ ngự; vì ta là Đức Giê-hô-va ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên.

Xứ Ca-na-an được đề cập mười sáu lần trong chương này. Phần này cũng nhấn mạnh việc Y-sơ-ra-ên bước vào xứ để nhận lấy sản nghiệp đã hứa ban. Chúa muốn dân chúng biết rằng ba mươi tám năm trì hoãn không thay đổi được kế hoạch của Ngài hoặc hủy bỏ lời hứa của Ngài. Phần này mở ra với lời phán của Đức Giê-hô-va: “Khi nào các người đã vượt qua Giô-đanh vào xứ Ca-na-an rồi.” (33:51) Lời đó thật khích lệ họ biết bao!

Cư dân trong xứ (Dân Số Ký 33:50-56). Đức Chúa Trời muốn cuộc xâm chiếm của Y-sơ-ra-ên vào Ca-na-an là một cuộc chinh phục toàn vẹn. Y-sơ-ra-ên phải đánh đuổi và tước đoạt tài sản của cư dân, phá hủy bàn thờ, hình tượng, cùng đền thờ, rồi sau đó chia xứ cho các chi phái. Mạng lệnh chẳng có gì là mới, vì Chúa đã cho họ biết điều này tại Si-nai rồi (*Xuất Ê-díp-tô Ký 23:20-33; 34:10-17*). Về sau Môi-se lặp lại trong thông điệp từ già của ông cho cả nước (*Phục Truyền Luật Lệ Ký 7; 12:1-3*).

Phải tuyệt diệt các nước này vì những lý do nào? Một là vì đây chính là án phạt của Đức Chúa Trời do sự gian ác của họ (*Sáng Thế Ký 15:15-16; Lê-vi Ký 18:24-28*). Vì sao họ trở thành xấu xa đến như vậy và kết quả ra sao đã được mô tả trong *Rô-ma 1:17-32*. Đức Chúa Trời đã nhin nhục với họ suốt nhiều thế kỷ, bây giờ đã tới lúc án phạt phải giáng xuống.

Lý do thứ hai là để mở đường cho các chi phái Y-sơ-ra-ên nhận lấy sản nghiệp (*Dân Số Ký 33:54*). Giống như nhà thầu phải triệt hạ các nhà cũ và dọn dẹp mặt bằng để xây nhà mới, Đức Chúa Trời cũng phải xóa sạch những xã hội ngoại giáo tại Ca-na-an để dân Ngài xây dựng một nước biết làm rạng danh Đức Chúa Trời. Đất hứa sẽ là nơi để Đức Chúa Trời phô diễn quyền năng, tuôn đổ phước hạnh, rao báo chân lý Ngài, và một ngày kia, sai Con Ngài chết thế tội lỗi cho thế gian.

Lý do thứ ba phải tuyệt diệt các nước ngoại giáo là để loại trừ sự cám dỗ khỏi dân Y-sơ-ra-ên vốn dễ thờ thần tượng (c.55-56). Suốt hành trình trong hoang mạc, người

Do Thái tỏ ra thích ăn những món của Ai Cập, và tại Ba-anh Phê-ô, họ đã ngã theo sự thờ phượng Ba-anh. Nếu các nơi thờ ngoại giáo vẫn còn để nguyên thì chẳng bao lâu Y-sơ-ra-ên sẽ từ bỏ Chúa mà thờ thần tượng. Đáng buồn là Y-sơ-ra-ên không tuân phục mạng lệnh Đức Chúa Trời để rồi chạy theo tập quán của dân ngoại còn rơi rớt trong xứ. (*Giu-đe* 2:6-15).

Biên giới của xứ (Dân Số Ký 34:1-15). Thời xưa, không có những nhóm khảo sát dùng dụng cụ khoa học để xác định ranh giới đất đai. Đức Giê-hô-va bắt đầu với biên giới nam Ca-na-an (c.3-5), rồi di chuyển sang ranh giới phía tây là Địa Trung Hải (c.6). Kế tiếp là biên giới phía bắc (c.7-9), biên giới phía đông (c.10-13), và phần của các chi phái Bên Kia Giô-đanh (c.14-15).

Đức Giê-hô-va ban cho dân Ngài một xứ rộng lớn và tốt tươi, nhưng họ đã không đánh bại kẻ thù và không nhận lấy xứ bằng đức tin (*Giô-suê* 15:63; 16:10; 17:11-13; *Giu-đe* 1:21-35).⁴ Biên giới phía đông của họ chưa tới Địa Trung Hải, vì dân Phi-li-tin vẫn còn giữ phần lãnh thổ này; còn phía bắc thì họ cũng chưa lên tới Ha-mát. Bởi phía đông Giô-đanh, khi bạn du lịch từ biên giới của Ma-na-se lên phía bắc, thì sẽ gặp những ổ kháng cự trong các thành mà Y-sơ-ra-ên đã không chinh phục và không tiêu diệt. Tiên đoán của Môi-se đã thành sự thật: người Ca-na-an trở thành gai trong mắt và chông bên hông họ và đẩy một số người Do Thái vào tội lỗi (*Dân Số Ký* 33:55).

Trước khi xét đoán Y-sơ-ra-ên xưa, chúng ta nghĩ gì về Hội Thánh ngày nay? Chúng ta có lấy đức tin để nhận đủ mọi điều chúng ta có trong Đấng Christ không? Có còn những tàn tích nào trong đời sống, kéo chúng ta xa Chúa không? “Vậy chúng ta phải gắng sức hầu cho không có một người nào trong chúng ta theo gương kẻ chẳng tin” (*Hê-bơ-rơ* 4:11).

Việc chia xứ (Dân Số Ký 34:16-29). Đầu *Dân Số Ký*, Môi-se có một ban gồm mười hai trưởng chi phái phụ

giúp ông kiểm tra dân số (1:5-16), bây giờ ông chỉ định một ban gồm mười trưởng chi phái để giúp Giô-suê và Ê-lê-a-sa chia xứ cho các chi phái sống phía đông Giô-đanh (Giô-suê 14:1-19:51).

Các thành trong xứ (Dân Số Ký 35:1-34). Sau khi chinh phục Ca-na-an, người Do Thái đổi tên của nhiều thành, và cũng lập bốn mươi tám thành cho người Lê-vi ở, với sáu thành ẩn náu (c.1-8). Như chúng ta đã thấy, người Lê-vi được rải khắp Y-sơ-ra-ên để có thể phục vụ dân chúng và dạy Luật Pháp Đức Chúa Trời cho dân (Giô-suê 21). Họ cũng được chia cho những vùng đồng cỏ kế bên các thành để nuôi bầy chiên và gia súc.

Sáu thành ẩn náu là Kedesh, Si-chem, và Hép-rôn bên bờ tây Giô-đanh, và Golen, Ra-mốt, với Bezer bên bờ phía đông. Nếu nhìn vào bản đồ Y-sơ-ra-ên xưa, bạn sẽ thấy các thành này được phân phối đều đặn để bất cứ ai cần nơi trú ẩn cũng dễ dàng chạy tới được.

Nước Y-sơ-ra-ên có một quân đội, nhưng chẳng có một cơ quan nào giống như cảnh sát ngày nay của chúng ta cả. Nếu có ai bị sát hại, thì các thành viên trong gia đình cùng bộ tộc lo chuyện trừng phạt kẻ sát nhân. Tuy nhiên, nếu có ai tình cờ giết người nào, thì đó là trường hợp ngộ sát, chứ không phải mưu sát nên không phải đền tội chết.

Người đó có thể trốn vào một trong những thành ẩn náu rồi trình bày trường hợp mình với các trưởng lão cùng với nhân chứng. Nếu họ cho là người này phạm tội cố sát, thì sẽ giao người cho gia đình nạn nhân cùng giới hữu trách để trừng phạt. Nếu họ kết luận người vô tội, thì cho phép người ở lại trong thành ẩn náu do họ bảo vệ cho tới khi thấy tế lễ cả qua đời. Lúc đó, người sẽ được thả cho về nhà. Người không được phép trả tiền chuộc để được tự do sớm hơn (c.32).

Nếu người đó có tội, thì bị ném đá tới chết. Cố sát là tội phạm tử hình trong Y-sơ-ra-ên mà không được quyền trả tiền chuộc (c.32.) Máu của những nạn nhân vô tội gây

ô nhiễm xứ, mà xứ thuộc về Chúa (c.33-34; xem *Sáng Thế Ký* 4:10; 9:5). Cách duy nhất có thể làm sạch xứ là cái chết của kẻ cố sát.

Tội nhân mắc tội ngày nay có thể chạy trốn bằng đức tin trong Chúa Giê-xu Christ và tìm được nơi ẩn náu tránh án phạt của Đức Chúa Trời (*Hê-bơ-rơ* 6:18). Vì Chúa Giê-xu là Thầy Tế lễ Thượng phẩm hằng sống, cho nên sự cứu rỗi muôn đời được bảo đảm; vì “Ngài luôn hằng sống để cầu thay cho họ” (7:25). Ngài gánh hình phạt của tội nhân, cho nên chẳng còn có sự đoán phạt nào nữa (*Rô-ma* 8:1).

Chú thích

¹ Mô-áp cũng can dự trong việc quyến rũ tại Ba-anh Phê-ô (25:1), nhưng vì người Mô-áp là bà con với người Do Thái, nên Đức Chúa Trời tha mạng họ (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 2:8-9). Với cùng lý do, Đức Chúa Trời cũng sẽ không cho Y-sơ-ra-ên đánh lúu với người Am-môn.

² Khi đã lập nước xong, thì một luật khác được áp dụng trong cách đối xử với tù binh bắt được trong những chiến thắng trên các thành bên ngoài xứ Ca-na-an (*Phục Truyền Luật Lệ Ký* 20:1-21:14). Tuy nhiên, vụ xung đột với Ma-đi-an không phải là một trận chiến bình thường; đó là hình phạt của Đức Chúa Trời đối với Ma-đi-an vì đã tìm cách làm suy yếu và tiêu diệt tuyển dân của Ngài. Ngài muốn người Ma-đi-an bị tuyệt chủng để họ không thể gây ô nhiễm cho xứ hoặc cám dỗ dân Ngài phạm tội nữa.

³ Đây là ngụ ý của Samuel Johnson khi ông nói: “Lòng ái quốc là nơi trú ẩn cuối cùng của đồ vô lại.” George Bernard Shaw cũng đồng ý khi ông viết: “Lòng ái quốc là niềm xác tín rằng xứ sở này tốt hơn mọi xứ sở khác bởi lẽ bạn được sinh ra nơi đây.” Yêu nước mà không thấy khiếm khuyết của nước mình, không hề cầu nguyện, và không tìm cách cải tiến cũng giống như thờ thần

tượng và rất nguy hiểm.

⁴Trong đời các vua Đa-vít và Sa-lô-môn, ranh giới của xứ gần sát với biên giới Đức Chúa Trời đã định cho họ. Những cuộc chinh phục của Đa-vít về phía bắc lên tận Ô-phơ-rát, phía nam thì tới sông Ai Cập, còn biên giới phía đông và phía tây thì được mở rộng.

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Dân Số Ký 30-35

1. Hứa nguyện và tuyên thệ khác nhau như thế nào? Nguyên tắc cơ bản trong lời hứa nguyện của người nam là gì? Của người nữ là gì?

2. Tại sao lời nói có sức mạnh? Tại sao nói thật và giữ lời là thiết yếu?

3. Có thể có “thánh chiến” ngày nay không? Tại sao có hoặc tại sao không?

4. Lý do của tuần lễ thanh tẩy sau khi đánh bại Ma-di-an là gì?

5. Do lòng biết ơn đặc biệt đối với Chúa, bạn có thể dâng loại của lễ nào?

6. Tại sao hai chi phái rưỡi quyết tâm định cư bên ngoài Đất Hứa? Tại sao đó không phải là những lý do chính đáng?

7. Bạn thấy những chứng cứ nào về quyền tể trị của Đức Chúa Trời từ lúc xuất Ai Cập cho tới khởi đầu cuộc chinh phục trong Đất Hứa?

8. Quyền tể trị của Đức Chúa Trời đi đôi với trách nhiệm cá nhân như thế nào?

9. Tại sao các dân cư ngụ trong Đất Hứa cần phải bị tận diệt?

10. Các thành ẩn náu được cung ứng cho dân Y-sơ-ra-ên. Nơi trú ẩn nào được cung ứng cho tín hữu ngày nay?

TRƯỜNG HỌC CỦA HOANG MẠC

Tóm Tắt và Ôn Lại

Học giả Do Thái Martin Buber có lần viết: “Đời là hội ngộ.” Một câu nói ngắn, nhưng càng nghiền ngẫm, càng thấy thấm thía.

Cuộc đời thường gặp những hoàn cảnh mới, mà thường là những hoàn cảnh bất ngờ khó khăn. Sống là gặp những người mới và triển khai những mối quan hệ mới; là gặp những ý kiến mới mà một số rất trái ý ta. Chúng ta cũng thường gặp con người của chính mình một cách bất đắc dĩ vì mỗi lần gặp gỡ như thế, ta chỉ thấy cái xấu xa của ta thôi. Nhưng trên hết, sống là gặp gỡ Đức Chúa Trời, vì Ngài luôn có ở đó, bảo vệ chúng ta, muốn dạy dỗ, và luôn luôn tìm cách giúp chúng ta trưởng thành hơn.

Sống là gặp gỡ, và gặp gỡ thì phải học hỏi và có học hỏi mới tăng trưởng. Chúng ta hãy ôn lại một số bài học khi cùng đồng hành với Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên, những con người giống hệt như bạn và tôi.

1. Chúng Ta Học về Cuộc Sống

Những ẩn dụ về cuộc sống thì nhiều, và mỗi ẩn dụ dạy chúng ta một điều quan trọng. Đôi lúc cuộc sống giống như một trận chiến và đôi khi thì giống cuộc đua, nhưng lúc nào cũng dạy chúng ta phải tỉnh táo và cảnh giác đối với điều Đức Chúa Trời muốn dạy bảo mình. Đối với Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên, cuộc sống là một hành trình rất đặc biệt từ nô lệ tới tự do, từ trẻ con tới trưởng thành, từ ích kỷ tới phục vụ, từ nghỉ yên quá khứ tới mong chờ tương lai.

Trên quan điểm của Đức Chúa Trời, chỉ có ba địa điểm trong hành trình này. Ai Cập, chốn nô lệ có vẻ như an toàn; Ca-na-an, chỗ sản nghiệp Đức Chúa Trời muốn dành điều tốt nhất của Ngài cho chúng ta; hoang mạc, chỗ của vô tín, kỷ luật, và thiếu những điều tốt đẹp mà Đức Chúa Trời dự tính ban cho chúng ta. Chân lý này được giải thích tỉ mỉ trong *Hê-bơ-rơ* 1-5.

Cuộc sống Cơ Đốc bắt đầu với sự giải phóng khỏi Ai Cập (nô lệ) nhờ ân sủng cùng quyền năng Đức Chúa Trời. Chúng ta kinh nghiệm điều này khi tin cậy Chúa Giê-xu Christ, Chiên Con của Đức Chúa Trời, và phó thác đời mình cho Ngài. Nhưng yếu tính của nếp sống Cơ Đốc là bước vào sản nghiệp thuộc linh của bạn càng nhanh càng tốt. Khi bạn tới được Ca-đê Bạt-nê-a trong cuộc đời, và mọi tín hữu đều tới đó, hãy tin cậy Lời Ngài và bước vào sản nghiệp bằng đức tin. Đừng lo những tên khổng lồ, kẻ thù, những thành có tường kiên cố, hoặc yếu đuối cùng sự không ra chi của chính mình. Hãy đồng thanh với Ca-lép và Giô-suê: "Đức Giê-hô-va ở cùng chúng ta, chớ sợ chúng nó" (*Dân Số Ký* 14:9). "Về phần chúng ta là kẻ đã tin, thì vào sự yên nghỉ" (*Hê-bơ-rơ* 4:1).

Trước khi Y-sơ-ra-ên tới Ca-đê Bạt-nê-a, Đức Chúa Trời đưa họ qua nhiều thử thách nơi hoang mạc để có những kinh nghiệm quý báu cho việc tăng trưởng (*Gia-cơ* 1:2-8; *I Phi-e-rơ* 1:3-9). Nhưng Chúa không muốn chúng ta ở mãi trong hoang mạc. Khi đã nhận sản nghiệp của mình trong Đấng Christ rồi, chúng ta còn phải học thêm nhiều nữa. Chúa biết những thử thách chúng ta cần, khi nào chúng ta cần, và chúng ta cần trong bao lâu; Ngài luôn dạy những ai sẵn lòng học hỏi.

Trên hết, trong hành trình cuộc sống, chúng ta phải bước theo Chúa khi Ngài đi trước chúng ta, và chúng ta không được nhìn lui hoặc mơ tưởng đời sống cũ ở Ai Cập. "Khá nếm thử xem Đức Giê-hô-va tốt lành dường bao; phước cho người nào nương nấu mình nơi Ngài!" (*Thi Thiên* 34:8, *NKJV*).

2. Học Biết Đức Chúa Trời

Có ba lỗi người Y-sơ-ra-ên tái phạm nhiều lần: (1) nhìn lui và trông vọng Ai Cập; (2) nhìn quanh và than phiền về hoàn cảnh của mình; và (3) nhìn vào chính mình để rồi nuôi dưỡng lòng tham mỗi lúc một tăng dần. Đáng ra họ phải nhìn lên Đức Chúa Trời Toàn Năng và tin cậy Ngài giúp đỡ mình. Chúng ta không bao giờ học được điều mình cần biết là giao phó mọi sự cho Đức Chúa Trời.

Ý định Đức Chúa Trời là chúng ta phải trau dồi đức độ và càng trở nên giống Chúa Giê-xu Christ hơn. Đó là lý do khiến Ngài sắp xếp mọi kinh nghiệm sống và khiến chúng hành động vì lợi ích của chúng ta và vì vinh hiển của Ngài (*Rô-ma* 8:27-29). Chúng ta không thể tăng trưởng trong ân sủng trừ khi chúng ta tăng trưởng trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời như được bày tỏ trong Chúa Giê-xu Christ (*II Phi-e-rơ* 3:18).

Chúng ta học về Đức Chúa Trời bằng cách nào? Chúng ta học về Đức Chúa Trời từ Lời Ngài, bằng sự suy gẫm lẫn sự thờ phượng chung. Chúng ta cũng học về Đức Chúa Trời qua kinh nghiệm cá nhân của riêng mình cũng như của người khác chia sẻ với chúng ta điều Ngài đã làm cho họ. Trong những chốn khó khăn của cuộc sống, Thánh Linh giúp chúng ta nhớ lại và áp dụng những lẽ thật trong Lời Ngài. Nhờ đó chúng ta được khôn ngoan để hiểu hoàn cảnh đúng hơn và có đức tin để tin vào những lời hứa chúng ta cần để vượt qua khó khăn.

Suốt hành trình trong hoang mạc, Y-sơ-ra-ên đã học biết Đức Chúa Trời yêu họ và chăm sóc họ, nhưng họ không luôn luôn tin như vậy mà cứ quanh quẩn với những câu hỏi: "Chúng ta sẽ ăn gì? Chúng ta sẽ uống gì?" (*Ma-thi-ơ* 6:25-34), lẽ ra khi họ phải nói với nhau: "Chúa là Đấng chăn chúng ta. Chúng ta sẽ chẳng thiếu thốn gì."

Y-sơ-ra-ên cũng học biết rằng Đức Chúa Trời kiên nhẫn đối với họ, nhưng không cho phép họ thành công trong việc phạm tội. Ngài sẵn sàng tha thứ khi họ kêu

xin Ngài, nhưng họ chẳng biết ăn năn xưng tội, đợi đến khi bị sửa phạt mới kêu van. “Vì Đức Giê-hô-va yêu thương ai thì trách phạt nấy, như một người cha đối cùng con trai yêu dấu của mình vậy” (*Châm Ngôn* 3:12; xem *Hê-bơ-rơ* 12:1-11). Chúng ta sẽ tránh được biết bao đớn đau nếu chỉ cần biết thuận phục ý muốn của Cha yêu thương Thiên thượng của mình!

Trong hành trình cuộc đời, chúng ta học biết rằng Chúa là Đức Chúa Trời của những khởi đầu mới. Như Tiến sĩ V. Raymond Eedman thường nhắc sinh viên tại Wheaton College: “Bỏ cuộc lúc nào cũng là quá sớm.” Đáng buồn là người Y-sơ-ra-ên nghi ngờ và bất tuân Đức Chúa Trời quá nhiều lần, nhưng điều khích lệ là Đức Chúa Trời đã cho họ một khởi đầu mới và khích lệ họ tiếp tục tiến tới sản nghiệp. Cả một thế hệ đã phải chết trước khi cả nước bước vào Đất Hứa, nhưng họ chết do tự ý phản loạn. Trong ân sủng, Đức Chúa Trời đã tha thứ họ; trong cách lãnh đạo riêng, Ngài để cho họ lãnh hậu quả của tội lỗi họ. Bạn không thể mặc cả với ý muốn Đức Chúa Trời được, hoặc bạn tuân phục, hoặc làm ngơ, hoặc chống cự.

Một trong những thử nghiệm sự trưởng thành thuộc linh là điều mà Phao-lô gọi là sự “thêm lên trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời” (*Cô-lô-se* 1:10). Không chỉ là hiểu biết Kinh Thánh hoặc thần học Cơ Đốc, mà là hiểu biết về chính Đức Chúa Trời, về bản tính Ngài, cách Ngài hành động, và cách chúng ta có thể làm vui lòng Ngài. Môi-se tăng trưởng trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời, nhưng Y-sơ-ra-ên lại không học được bài học này. “Ngài bày tỏ cho Môi-se đường lối Ngài, và cho con cháu Y-sơ-ra-ên các công việc Ngài” (*Thi Thiên* 103:7). Người Do Thái thấy điều Đức Chúa Trời làm, nhưng còn Môi-se thì hiểu tại sao Đức Chúa Trời làm điều đó. Đó là điểm khác biệt.

3. Chúng Ta Học Biết về Chính Mình

Khi nghiên cứu sách *Dân Số Ký* để chuẩn bị viết sách này, tôi thường tự hỏi: “Sao họ lại xử sự như thế nhỉ? Họ không biết mình đang làm gì sao?” Sau đó, tôi dừng lại và xưng tội: Lạy Chúa, chính con cũng làm y như vậy. Xin tha thứ cho con.” Con người vẫn là con người, dù là đang bước chậm rãi qua hoang mạc xưa hay là đang lái xe vút nhanh trên xa lộ tốc hành hiện đại. “Vì Ngài biết tình trạng của chúng tôi; Ngài nhớ lại rằng chúng tôi là cát bụi” (*Thi Thiên* 103:14).

Socrates nói rằng một đời sống thiếu xét mình thì không đáng sống, nhưng hầu hết mọi người đều không thích đối diện sự thật về chính mình. Giống như thủy tổ của chúng ta, chúng ta chạy trốn biện hộ và đổ lỗi cho người khác. Ít ai cầu nguyện ngay thật như Đa-vít trong *Thi Thiên* 51.

Một trong những bài học đầu tiên chúng ta học được về chính mình từ kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên là tất cả chúng ta đều mang bản chất sa ngã vốn dễ chống lại ý muốn Đức Chúa Trời, và chúng ta càng sớm thú nhận điều này thì càng dễ cho chúng ta theo đuổi cuộc hành trình. Phi-e-rơ nhìn nhận rằng ông là con người tội lỗi (*Lu-ca* 5:8), còn Phao-lô thì xưng nhận: “Tôi biết rằng... chẳng có điều gì tốt ở trong tôi đâu” (*Rô-ma* 7:18). Chúa chúng ta cảnh cáo: “Tâm thần thì muốn, nhưng xác thịt thì yếu đuối” (*Ma-thi-ơ* 26:41).

Một bài học khác, chúng ta học được về chính mình là chúng ta không thích có thay đổi trong đời sống mình cùng với nỗi khó chịu thường kèm theo. Dân Y-sơ-ra-ên khi thì bị khát đến cháy cổ, khi thì bị kẻ thù tấn công; khi thì như rắn mất đầu suốt bốn mươi ngày, chẳng biết chuyện gì xảy ra cho lãnh tụ của mình. Tất cả chúng ta đều muốn đời là một miền tiện nghi bao la, nơi chúng ta được che chở khỏi phải thay đổi, trong khi quên rằng sự đổi thay do Đức Chúa Trời ấn định có thể được dùng để

uốn nắn cá tính chúng ta và giúp chúng ta lớn lên.

Nếu có một bài học mà người Do Thái thường xuyên không chịu học, thì đó là làm bầm với chỉ trích là những tội bị Đức Chúa Trời hình phạt. Khi làm bầm với Đức Chúa Trời về số phận mình trong cuộc đời, chúng ta không chỉ phạm tội vô ơn, mà còn tỏ ra kiêu căng (chúng ta cho rằng mình biết nhiều hơn Đức Chúa Trời, và tại sao chuyện này lại xảy ra cho mình!), vô tín (chúng ta không thực sự tin cậy Ngài), và nóng nảy. Nếu biết học tập tin cậy Đức Chúa Trời, ca ngợi Ngài về sự nhân từ Ngài, và chờ đợi Ngài làm trọn ý muốn Ngài, thì chúng ta sẽ tăng trưởng nhanh hơn nhiều và bớt phải nếm trải nhiều điều khốn khổ.

Một bài học cuối từ kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên là: tuổi tác không bảo đảm sự trưởng thành. Có thể già mà không tăng trưởng. Khi cả nước thất bại tại Ca-đe Bạt-nê-a, thì lỗi lầm không do người trẻ mà do người già. Để chứng minh, Đức Chúa Trời từ bỏ thế hệ già (hai mươi tuổi trở lên), cho đủ thời gian để họ qua đi, rồi sau đó, làm một khởi đầu mới với thế hệ trẻ.

Hội Thánh cần cả những thánh đồ già lẫn trẻ, thế hệ nào cũng có thể đóng góp, và tất cả chúng ta đều có thể học hỏi lẫn nhau (*Tít 2:1-8*). Nhưng Môi-se khôn ngoan huấn luyện Giô-suê làm người kế vị, còn Phao-lô khôn ngoan trang bị Ti-mô-thê để tiếp nối mình tại Ê-phê-sô.

4. Chúng Ta Học về Đức Tin

Cuộc sống là một hành trình bằng đức tin, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới biết được từ đầu đến cuối. Thật ra, mọi người đều sống nhờ tin vào một ai đó hoặc một điều gì đó. Khác biệt giữa Cơ Đốc nhân với người ngoại chính là đối tượng của niềm tin đó. Cơ Đốc nhân đặt niềm tin nơi Đức Chúa Trời cùng Lời Ngài, trong khi người ngoại tin nơi chính mình, nơi kinh nghiệm riêng, cùng khả năng, tiền bạc, và có lẽ là bạn bè của mình. Nhưng Y-sơ-ra-ên

có thói quen xấu là bước đi bằng mắt thấy, không bởi đức tin, chính vì không tin cậy Đức Chúa Trời mà cả nước đã gặp lắm rắc rối.

Vừa được Chúa giải cứu khỏi Ai Cập, dân chúng lại phải dừng chân bên Biển Đỏ, run rẩy vì sợ hãi, muốn quay về. Tại sao vậy? Vì họ không thực sự tin rằng Đức Chúa Trời là Đấng từng cứu chuộc họ, có thể hoàn tất công tác và lo liệu mọi chuyện cho họ. Nhưng khi Đức Chúa Trời bắt đầu một công việc, thì Ngài làm cho trọn (*Phi-líp 1:6*).

Đức tin không phải là tin bất chấp chứng cứ; như vậy là mê tín. Đức tin là tuân phục Đức Chúa Trời bất chấp điều chúng ta thấy hoặc nghe, hoặc cảm nhận hoặc cho dù có gì xảy ra. Người Do Thái đã có đủ mọi chứng cứ cần thiết tỏ ra Đức Chúa Trời quan tâm tới họ và có quyền năng giải cứu họ, bảo vệ họ, và đưa họ vào Đất Hứa. Tai họa giáng xuống Ai Cập là chứng cứ về quyền năng Đức Chúa Trời, vậy sao cả nước lại không tin cậy Ngài?

Đã lâu, tôi có nghe Mục sư Vance Havner giảng về *Hê-bơ-rơ 11*, lòng tôi được khích lệ trong những lúc khó khăn. Sau đây là bố cục của ông:

Đức tin chọn điều bất diệt (*Hê-bơ-rơ 11:24-26*)

Đức tin thấy điều vô hình (*Hê-bơ-rơ 11:27*)

Đức tin làm điều bất khả thi (*Hê-bơ-rơ 11:28-29*)

Một khi đã chọn theo Chúa và sống cho những giá trị trường cửu, thì ta thấy được cái vô hình và làm được việc bất khả thi, cho dù hoàn cảnh chung quanh chúng ta có ra sao.

Đức tin phải được nuôi dưỡng nếu muốn lớn mạnh. Kinh Thánh chính là phương tiện để nuôi dưỡng đức tin, vì “đức tin đến bởi điều người ta nghe, và người ta nghe nhờ có lời Đức Chúa Trời” (*Rô-ma 10:17*). Khi Môi-se giảng Lời Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên không thực sự nghe hoặc không kết hợp với niềm tin, cho nên đức tin họ không tăng trưởng (*Hê-bơ-rơ 4:1-2*). Đức tin giống như cơ

bấp của cánh tay: Nếu không luyện tập, chúng sẽ teo dần. Mỗi thử thách của đời là một cơ hội để bám lấy lời hứa của Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài.

5. Chúng Ta Học Biết Tầm Quan Trọng của Người Tín Hữu

Dân Số Ký là sách “đếm.” Hai lần Môi-se đếm số nam giới có thể phục vụ trong quân đội, và ông cũng đếm số người Lê-vi. Có người còn đếm cả số người chết trong các tai vạ khác nhau do Đức Chúa Trời giáng xuống để kỷ luật họ. Những người Do Thái thời xưa hẳn phải kinh ngạc thấy ngày nay cũng có nhiều thứ để đếm, mà phần lớn được đếm trong lặng lẽ, bởi những dụng cụ điện tử.

Đức Chúa Trời muốn mọi con dân Ngài là loại người Ngài có thể tin cậy. Chúa có thể tin cậy Môi-se và A-rôn dẫn dân Ngài đi trong ý muốn Ngài, dù rằng mỗi người có vài lần đã khiến Ngài thất vọng. Giô-suê và Ca-lép là những người Đức Chúa Trời có thể tin cậy, và Ê-lê-a-sa với con trai là Phi-nê-a cũng vậy. Bất cứ ai cũng có thể là một con số thống kê trong tập hồ sơ, nhưng cần phải có đức tin và can đảm thì mới thành loại người mà Chúa có thể tin cậy.

Chúng ta được quyền lựa chọn. Chúng ta có thể nhập bọn với đa số vô tín và đánh mất điều tốt đẹp nhất của Đức Chúa Trời, làm bầm suốt quãng đường đời, hoặc chúng ta có thể đứng chung với thiểu số, dám tin Đức Chúa Trời và làm theo mạng lệnh Ngài. Chúng ta có thể bị cực khổ hay gian truân. Chúng ta có thể nhìn lui và ao ước được sống no đủ phần thuộc thể hoặc nhìn tới phía trước với hy vọng trưởng thành phần thuộc linh. Chúng ta có thể lang thang trong hoang mạc vô tín, ích kỷ, và bất tuân hoặc bước vào Đất Hứa với những trận chiến cùng thử thách, tin cậy Đức Chúa Trời sẽ cho mình chiến thắng.

“Ngài chọn cơ nghiệp cho chúng tôi” (*Thi Thiên 47:4*).

Chúng ta có sẽ chọn nhận lấy sản nghiệp của mình để rồi tôn vinh hiển Đức Chúa Trời không? Chúng ta có thuộc vào hàng những người góp công chinh phục Đất Hứa không?

CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG MƯỜI BA

Tóm Tắt và Ôn Lại

1. Wiersbe nói điều gì là “yếu tính của nếp sống Cơ Đốc”? Điều đó có nghĩa gì?
2. Y-sơ-ra-ên liên tục phạm những lỗi nào?
3. Tại sao Đức Chúa Trời cho phép thử thách đến với đời sống chúng ta? Đức Chúa Trời muốn cho chúng ta điều gì?
4. Y-sơ-ra-ên học được gì về Đức Chúa Trời suốt hành trình của họ trong hoang mạc?
5. “Chúa là Đức Chúa Trời của những khởi đầu mới” có ý nghĩa gì đối với bạn?
6. Một thử nghiệm của sự tăng trưởng thuộc linh là cái Phao-lô gọi là “thêm lên trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời” (Cô-lô-se 1:10). Chúng ta có thể đánh giá sự tăng trưởng của mình trong lãnh vực này bằng cách nào?
7. Chúng ta học được gì về chính mình từ kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên như đã ghi lại trong sách *Dân Số Ký*?
8. Để trưởng thành đúng mức, cần phải kết hợp điều gì với tuổi tác?
9. Niềm tin của Cơ Đốc nhân với niềm tin của người ngoại khác nhau thế nào? Niềm tin là gì? Niềm tin được nuôi dưỡng bằng cách nào?
10. Chúa có thể tin cậy loại người nào? Khi quyết định cách sống cuộc đời của mình, chúng ta phải có một số lựa chọn nào?

Dân Số Ký

ĐỪNG LANG THANG VÔ ĐỊNH. HÃY MẠNH DẠN TIẾN THẮNG VÀO CON ĐƯỜNG CHÚA ĐÃ CHỈ ĐỊNH.

Đời sống quá ngắn ngủi. Lang thang vô định sẽ uống phí cuộc đời. Đừng cố gắng theo đuổi ý riêng rồi thất bại. Hãy mạnh dạn tiến lên nắm lấy cơ nghiệp Chúa ban.

Đây là thời điểm để Bạn thừa với Chúa.

"Con xin trung tín đi theo đường lối Ngài".

Đức Chúa Trời cần những người đáng tin cậy. Ngài đòi hỏi Bạn:

- Trông cậy vào sự tể trị và quan phòng của Ngài mỗi ngày.
- Nắm biết tình yêu cùng kỷ luật của Ngài
- Dùng đức tin để đánh trận tốt lành và chiến thắng.
- Tiến đến tương lai, không dùng chân nhìn lại quá khứ tiêu cực.

Sách *Dân Số Ký*, giúp Bạn học được giá trị của sự tự do thật là Chúa Cứu Thế Giê-xu, Đấng đã chuộc Bạn ra khỏi cảnh nô lệ tối tăm đưa vào sự tự do sáng láng. Tác giả giúp Bạn khám phá tiêu chuẩn chọn lựa người phục vụ được Đức Chúa Trời chấp nhận, là người biết nắm lấy lời Ngài hứa, hoàn thành ý muốn và trách nhiệm Ngài giao để hưởng được cơ nghiệp.

Xin đừng lang thang vô định, Hãy tin cậy và giao phó nơi sự hướng dẫn diệu kỳ của Chúa, Bạn sẽ nhận được cơ nghiệp và phước hạnh quý báu nhất.

❑ Có thêm phần câu hỏi nghiên cứu và thảo luận sau mỗi chương trong tập sách này

Warren W. Wiersbe

Tiến sĩ Warren W. Wiersbe là giáo sư Kinh Thánh nổi tiếng trên các làn sóng phát thanh. Ông từng làm mục sư tại Hội Thánh Moody Church, Chicago và giáo sư về môn giảng luận tại Chung viện Grand Rapids Baptist Seminary. Ông đã viết trên 100 cuốn sách, trong đó bộ Giải Nghĩa Kinh Thánh này - BE SERIES - đã ấn hành trên 4 triệu bản.



văn phẩm nguồn sống

Vietnam Ministries, Inc.

P.O. Box 4568, Anaheim, CA 92803

(714) 758-VPNS 758-8767

Fax: (714) 535-3943